VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

CHỮ QUỐC NGỮ: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TRONG SỐ NÀY

NGUYỄN VY KHANH • BẠCH XUÂN PHÉ & NG V TRÁI • NGUYỄN MINH THIẾT • CHỬ THỤY NGUYÊN • NGUYỄN VĂN SÂM • NGUYỄN KIẾN THIẾT • TRẦN VIỆT HẢI • HOÀNG XUÂN SƠN • CHỬ VƯƠNG MIỆN • NGÔ NGUYÊN NGHIÊM • LÂM BÁO ĐỨNG • ĐỨC PHỔ • TRẦN VẠN TÍCH • HUỲNH LIỄU NGẠN • NGUYỄN LƯƠNG BA • NGUYỄN MINH NỮU • SA CHI LÊ • TÂM THƯỜNG ĐỊNH • NGUYỄN ĐỨC TÙNG • TRẦN DANH THÚY • TRẦN HẠ VI • PHAN HẠ DU • TUỆ TÂM • HOÀI PHONG • Ý NHI • KHALY CHÂM • LÊ VĂN HIẾU • TUYÊN LINH NGUYỄN VĂN THỌ • MÃ LAM • TRỊNH BỬU HOÀI • NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN • VIÊN DUNG • MINH NGUYÊN • LÊ HỮU MINH TOÀN • SCOTT S NGUYỄN • NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM • CHU GIANG PHONG • HUỲNH VIỆT TỪ • NGUYỄN TRÍ • TÔN NỮ MỸ HẠNH •

THÁNG 8 NĂM 2022 • SỐ 19

VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG / SỐ (1 NĂM 6 SỐ) Năm thứ V

Điều hành: HÀ NGUYÊN DU

Phụ tá: Vương Thư Sinh (VHT)
Thư ký & Bản thảo : Bạch Xuân Phẻ
Kỹ thuật NXB Phạm Hồng Thái

ISSN 2690 - 4276

Thư từ, bài vở, ngân phiếu xin gởi về:
(Văn Học Mới - Literature Magazine)

To: HA NGUYEN

10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 - 5821

vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
https://tapchivanhocmoi.com

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH

Toronto:**NguyễnVyKhanh**<nguyenvykhanh@yahoo.com>
Vancouver BC:**Nguyễn Đức Tùng**<bachnguyen@shaw.ca>
Phan Ni Tấn <phannitan@yahoo.ca>
USA:Georgia: **Đức Phổ**<dducpho@gmail.com>
Nguyễn Thị Thảo An<thaoan2009@gmail.com>
Massachusetts: **Lâm Chương** <lamchuong495@gmail.com>
Louisiana: **NgT Hồng Hải**<nhattannguyen575@yahoo.com>
Dallas: **Nguyễn Lương Ba**< bal@nguyen.us>
Houston: **Nguyễn Minh Triết**<lntt_2000@yahoo.com>
San Jose: **Phạm Hồng Thái**<thaihpham@gmail.com>
Paris:**Trang Thanh Truc<trangthanhtrucparis@yahoo.fr>**
Germany **Trần Văn Tích**

Số ghi danh Quốc Hội Hoa kỳ: ISSN 2690 - 4276

mục lục

VĂN HỌC MỚI SỐ 19

VĂN HỌC MỚI **7** thư tòa soạn
NGUYỄN VY KHANH **9** thơ hà nguyên du (anh biết, em yêu dấu)
BẠCH XUÂN PHẺ & NV THÁI **20** dịch/ed bài nvk viết về thơ hnd
NGUYỄN MINH TRIẾT **34** chữ quốc ngữ: quá trình hình thành ...
CHU THỤY NGUYÊN **64** hồn mây trắng/đôi bàn tay vừa chạm
NGUYỄN VĂN SÂM **67** tuồng Từ Thắng - Hồi nhì
NGUYỄN KIẾN THIẾT **85** góp ý với mc nguyễn ngọc ngạn ...
TRẦN VIỆT HẢI **91** Toàn Phong Ng Xuân Vinh trong góc nhìn vh...
HOÀNG XUÂN SƠN **109** mùa hè bận áo/ san hô/lửa kiếm/ ...
CHU VƯƠNG MIỆN ...**112** nhv trần đỉnh/ns cung tiến/nvhoài z duy
NGÔ NGUYÊN NGHIỄM **114** trần kiêu bạt, dù người là ai xin hãy ...
LÂM HẢO DŨNG **122** tnhững người lính của thời tôi sống
ĐỨC PHỔ **125** tâm tình gởi bạn/rượu chung tình ...
TRẦN VĂN TÍCH **127** colomba ...
HUỲNH LIỄU NGẠN **135** biển gọi ngày mai
NGUYỄN LƯƠNG BA **138** những lá thư tân hình thức
NGUYỄN MINH NỮU **140** hà nội thứ tư ...
SA CHI LỆ **154** đam mê/mong manh ...
TÂM THƯỜNG ĐỊNH **156** mong ước và hy vọng.../ tri ân & đảnh lễ
NGUYỄN ĐỨC TÙNG **162** người thầy học cũ
TRẦN DANH THÙY **168** cung tiến và ba khúc ca semi classic ...
TRẦN HẠ VI **172** thủy tinh đáng thương
PHAN HẠ DU **174** gởi người yêu dấu
TUỆ TÂM **176** ngộ ...
HOÀI PHONG **178** cát bụi cuộc đời - (tân cổ giao duyên)
Ý NHI **182** thơ lê chiều giang, gõ một nhịp đời
KHALY CHÀM **186** rất thật trong.../ cà phê sáng / tôi trong giấc mơ
LÊ VĂN HIẾU **188** tôi thả tôi vào mộng mị nàng /hương muộn/yêu..

TUYỀN LINH NG VĂN THƠ **190** Vai Trò Của Người Soạn Ca Khúc
MÃ LAM **195** đà lạt em về
TRỊNH BỬU HOÀI **196** bạn bè tôi/ bạn xa
NG ĐÌNH PHƯỢNG UYỂN **198** chiếc khăn quàng cổ
VIÊN DUNG **201** chim về /chợt ta khách/triệt buộc/ chợt là khách...
MINH NGUYỄN **204** người lính thổi kèn ở đồn mang cá
LÊ HỮU MINH TOÁN **212** trắng mộng
SCOTT S NGUYÊN **214** Scholastique Mukasonga -rwanda (dịch)
NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM **227** duyên ...
CHU GIANG PHONG **240** viết cho sinh nhật mình
HUỲNH VIẾT TƯ **243** văn học thiếu nhi ngày nay ...
NGUYỄN TRÍ **258** Uy của dưới đáy ...
TÔN NỮ MỸ HẠNH **266** quà của nắng/chập chờn lau trắng ..

GIỚI THIỆU TẬP HỒI KÝ **268** của Ca sĩ Thanh Lan
GIỚI THIỆU KHALY CHÀM **269** với tập mê hoặc của lửa
GIỚI THIỆU tập truyện của Lê Hữu **270** quà tặng giữa mùa dịch
CHIA BUỒN với gia đình **271** nhà thơ/văn Hoài Ziang Duy
CHIA BUỒN với gia đình **272** họa sĩ Rừng /nhà thơ Dung Nham
CHIA BUỒN với gia đình **273** nhạc sỉ Cung Tiến
CHIA BUỒN với gia đình **274** GS Nguyễn Xuân Vinh/ cựu TL/KQVNCH
GIỚI THIỆU SỐ RA TC VHM **275** 12 số vhm đã phát hành
GIỚI THIỆU 4 TÁC PHẨM **276** của hnd
GIỚI THIỆU 2 PHARMACY **277** professional pharmacy
GIỚI THIỆU BÁC SĨ **278** dr Kelvin Mai
GIỚI THIỆU **279** financial doctor (văn phòng của Gina)
GIỚI THIỆU NXB / VHM **280** sách đã in & phát hành
GIỚI THIỆU CD NHẠC **281** do hnd phổ từ thơ tht
GIÁ SÁCH BÁN SÁCH **282** trên mạng toàn cầu amazon
TRẢ LỜI THƯ TÍN **284** tòa soạn văn học mới
THỂ LỆ GỞI BÀI **285** văn học mới
GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN **286** văn học mới

THƯ TÒA SOẠN
tạp chí văn học mới

Văn Học Mới số 18 đã phát hành vẫn trên con đường nỗ lực, mỗi lúc với một khám phá mới, mở ra một niềm tin yêu khôn cùng ... Và VHM số 19 từ "thừa thắng xông lên" đó khi "cái gì đến sẽ đến", đúng với cái "gu" mơ ước của người sáng tác ...

Là trong bất chợt hay tình cờ đã đến đúng với luật nhân duyên của đất trời ... Tợ như hạt giống tốt chờ sẵn bao năm, nay đến lúc gặp duyên lành cho con người ăn ở có đức độ...Đứng trên mọi chính kiến bằng đôi chân tự lực cánh sinh tự nhiên của tạo hóa gầy dựng ... Không hèn hạ cậy nhờ dùng sức tựa nơi tha nhân, làm tha hóa nhân phẩm con người!!

Kênh Youtube được mở ra, tạo sân chơi cho sự hợp rơ hay ăn khớp với công việc tạo ra tác phẩm, đó là :

- Đọc truyên, ngâm thơ ... Phỏng vấn VNS ..v..v

Chương trình lẽ ra được thực hiện trong VHM số 19 này, nhưng vì máy móc hay kỹ thuật chưa hoàn chỉnh nên sẽ bắt đầu xông pha trong VHM số 20 tới, như sự tiếp nối sau chương trình đọc truyện đầu tiên với Nhà văn Nguyễn Đình Từ Lam (nhưng công việc mở màn này phải cậy nhờ một thân hữu thực hiện.)

Điều nổi bật kỳ này do từ việc mở ra "**Kênh Hà Nguyên Du 2**" nên dễ dàng tự mình thực hiện việc đọc truyên, ngâm thơ xuyên qua tự thiết kế trang thiết bị cần thiết!!

Vì vậy, trong nội dung thư tòa soạn kỳ này. coi như một thông báo đến quí thân hữu, quí VNS ... Nếu quí vị có nhu cầu như những điều đã mở ra như trên, xin hãy liên lạc với bổn báo... Chúng tôi luôn hỗ trợ như ngay từ đầu mở ra tờ VHM này. Đã có người mở hàng xôm tụ là Nhà văn Giáo sư Nguyễn Văn Sâm (đã gởi một truyện để đọc và sẽ được đưa lên kênh youtube sẵn có,

hầu phổ biến rộng rãi, hội nhập với thời đại Media, một media có tính hai mặt vừa lợi ích thiết thực mà cũng vừa đầy tính nguy hại hơn cả mọi thứ vũ khí trên cõi trần đầy nghi ngại này!!

Thưa quí thân hữu và quí bạn đọc ...

Thế giới ngày càng lộ ra không khác chi những thảo nguyên mọc dầy đặc cỏ ... "cỏ nhân danh"!! Hẳn, chúng ta sẽ mất cả tính lạc quan, yêu đời khi nghe hay khi thấy những bất hạnh của nhân loại như trên!!

Thôi thì ... cứ mặc nhiên mà vững trụ nơi năng khiếu trời cho quí vị là "sáng tác và sáng tác" ... Hầu ngày càng tạo ra nhiều tác phẩm đóng góp cho dòng văn học ngoài mỗi nước mà chúng ta đang lưu trú, sinh sôi!!

Bất chợt nghĩ đến Văn Học Mới số 19, là số nằm trong tháng 8, thuộc mùa thu ... mùa của lá vàng rơi, rơi như tuổi già hoàng hôn bóng xế ... Hẳn, không ai tránh khỏi nỗi bàng hoàn khi mỗi ngày lên FB, đều thấy nhiều dòng phân ưu hay chia buồn những nhà thơ, nhà văn ra đi. Cảm tưởng ngày một thưa thớt những VNS còn lại, như một nỗi ám ảnh khôn nguôi của mỗi chúng ta... (Như trong VHM số 19 kỳ này, có cả 3 trang chia buồn cho người ra đi: Nhà thơ/ văn Hoài Ziang Duy, Họa sĩ Rừng, nhạc sĩ Cung Tiến ... Ôi!! và bây giờ toàn BBT/VHM vô cùng xúc động chia buồn với bà Phiến Đan (Elizabeth Xuân Vinh) và gia đình... Cầu hương linh Giáo sư /Nhà văn/Cựu Tư Lệnh Không Quân VNCH Nguyễn Xuân Vinh sớm về hưởng nhan Thánh Chúa...

Nay, xin thông báo về chủ đề của VHM số 20 sắp tới, chúng ta sẽ thực hiện một số báo "*Đặc biệt Tưởng Niệm Nhà thơ/ Nhà văn* HOÀI ZIANG DUY" ... Xin thông báo ... mong những đóng góp nhiều bài vở cho ấm lòng người ra đi, người đã một đời tận tụy với văn chương chữ nghĩa!! Chân thành cảm ơn quí thân hữu và quí bạn đọc ...

Trân trọng

Văn Học Mới

TTS : Bài viết dưới đây của Nhà Biên Khảo/Nhận Định/ Phê Bình Văn Học **Nguyễn Vy Khanh ...** Là một bài nhận định tác phẩm văn học, nhưng cũng như là một bài viết "bạt" cho tập thơ **"Anh Biết, Em Yêu Dấu"** của tôi, xuất bản năm 2001. Là tập thơ thứ hai ở hải ngoại, sau tập thơ **"Lối Khác"** ấn hành năm 1998. Một bài viết vô cùng giá trị, hoặc nói khác hơn là một tỏa sáng hay ngát hương vào đời thơ **Hà Nguyên Du** ... Nhưng mãi từ năm 2001 đến nay, bài viết này tôi chưa từng dùng vào việc gì kể cả việc trích dẫn hay đăng tải bất cứ ở đâu... Đạc biệt bài viết này đến lúc gặp may mắn là được Tiến sĩ Giáo sư Bạch Xuân Phẻ dịch ra Anh Ngữ ... Nhất là lại được thân hữu BXP là GS Ng V Thái edited (cho người Mỹ hiểu rõ hơn) ...

Vì vậy, nay tôi thiết nghĩ mình có tờ báo trong tay cớ sao mình không đăng lên mời quí thân hữu hay quí bạn đọc thưởng thức.?? Và bây giờ xin mời quí vị ... Trân trọng / **Hà Nguyên Du**

NGUYỄN VY KHANH

Thơ Hà Nguyên Du

(Anh Biết, Em Yêu Dấu)

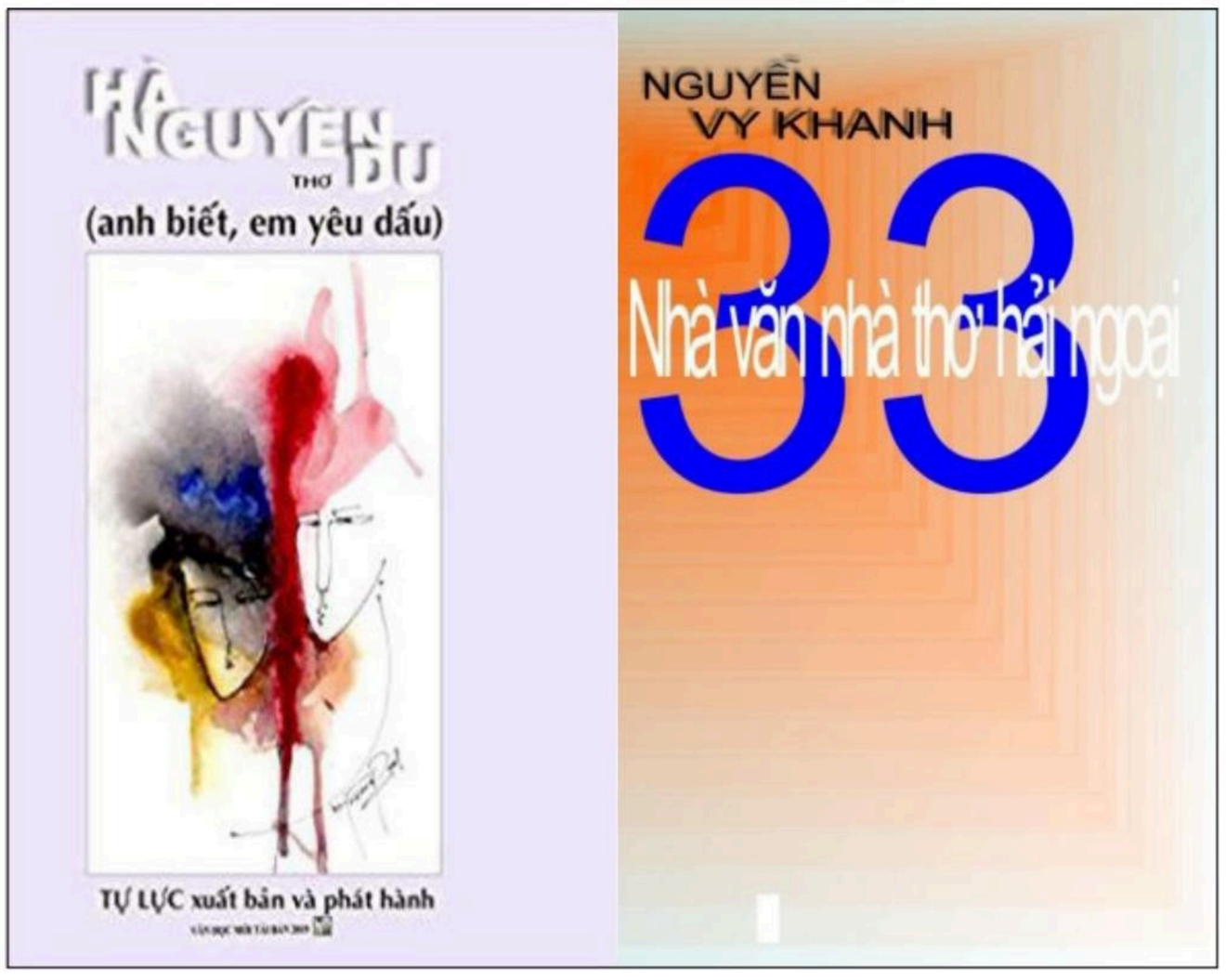

Từ khi nhân tố H.O. thêm vào cho cộng đồng người Việt hải ngoại, thi ca Việt Nam vốn ngày càng dày dặc củi rừng bỗng trổi lên những tiếng thơ con chữ của hy vọng. Hà Nguyên Du nằm trong số đó, anh rời quê hương mười năm; sau nhiều mất mát, hệ lụy, hai năm nay anh đã cho ra đời hai tập thơ, *Lối Khác* (Garden Grove CA: Tân Thư, 1998) và tập *(anh biết, em yêu dấu)* (Westminster

CA: Tự Lực, 2001) đây.

Người đi tìm thi tính, bước trên những lối lạ lẫm của Hà Nguyên Du sẽ không thất vọng. Những vần thơ cho cảm tưởng tay thợ sành rốt cùng đầy chất nghệ thuật, đầy ẩn dụ và tiềm tàng hứa hẹn. Dọc suốt tập thơ, một chất nghệ khi âm ỉ khi hiển nhiên, người thơ tỏ một tâm hồn nhạy cảm nhưng cũng cương quyết theo tình huống của phút giây, của hoàn cảnh ngoại vi chung đòi hỏi. Đây là một người thơ sống, thở để sáng tác, sống vì thi ca, sống mạnh với những tinh tế của nghệ thuật, với ý chí nỗ lực mở những con đường mới!

Hà Nguyên Du có vẻ làm khó người thưởng thức thơ với chữ dùng hiếm, bất ngờ, những cung nhạc đứt đoạn, những tình ý bỏ ngang,... nhưng cũng chính đó là nét đặc biệt của Hà Nguyên Du. Anh như cút bắt với thơ, thơ xuôi mà không xuôi, thơ mà như nói thường, phẫn nộ, đối thoại, giao tiếp.... Những vần thơ nhịp nhàng hay trắc trở , tỏ tình hay oán trách. Ở hình thức, xuống hàng, vần bằng trắc, thanh bình thượng, cách ngắt câu, chơi chữ như tự điển xếp nhầm bộ, thanh. Ở sử-dụng dấu chấm than (Thơ Xuân Nhiều Dấu Chấm Than!!), ở hình thức xếp chữ lên trang - bài Bố Cục Mới viết thành chữ B, bài Hữu Dũng có dáng chữ S,... Bào Thai Cảm Xúc chữ C mà như E hoa hay chỉ là mũi tên bào thai gây xúc cảm? Bài Hào Quang chữ hẹp dần sau khi đã rộng mở - có thể cốt bày tỏ cho người đời những tâm tình phản kháng, nhức nhối, tư duy, chán chường,... của một hồn thơ từng đã phải sống trong những hoàn cảnh không lựa chọn, xác hồn bị đọa đày, nhưng tâm hồn luôn thao thức, luôn hướng về đẹp, thật,... Những vần thơ có cái vỏ cay đắng, bạo động,... nhưng được bọc với cái ngọt ngào của mía hấp chín tới của tình người!

Thơ Hà Nguyên Du làm người đọc văn chương choáng ngợp vì nặng nề những tương phản của tình ý và của đời sống hiện thực. Thơ ở đây là tận cùng cảm xúc, cái còn lại sau những đam mê, những sống thật. “tôi sinh tôi / sinh nhiều thơ / lắm con chữ rặn / như phờ phạc ra / một bào mang nặng / trên ta / một khối u uất,...” (Tôi Sinh Tôi). Hà Nguyên Du định nghĩa thơ “như hơi thở / một sinh lý cập nhật” sau khi “không còn gì để cho / khánh tiệt” vẫn hãy “còn thơ còn thơ”(Không Còn Gì). Thơ như một *cứu rỗi* thiết thực:

“... và riêng em riêng em
dụ ngôn ta thấm mật bông quỳ
lúc đời là mùa đông ngã âm
mùa đông đóa hồng hết rộ

le the cúc héo vô thường
chút ráng em pha vòm cây cuối ngõ
núi đứng u tình sợ bóng đi qua
thơ cứu rỗi trên từng nhịp đập
như thiền sư tiếp ngộ phút giây"
(Dụ Ngôn Mùa Đông)
vì thơ có thể soi tối ám:

"... thơ huyết tự
bật đèn
soi bóng tối
phàm tha nhân
chính hệ
xác thân này!"
(Thuần Điệu).

"Biển đời dâng cuồng nộ" thành phải "để con chữ / ru hời cơn thống khổ / thương con thơ mong thoát chỗ lưu đày" (Thương Con). Thi ca trở thành ánh sáng hay hy vọng cuối: "xoáy trôn ốc / đi vào vũ trụ /quây hướng tâm / thâu đủ chuyện đời / ta là ta / của trăng vơi / của con nước cạn / của mồi hư vô / em là em / của ta thơ / của miên viễn / của bến bờ chân, như" (Chân, Như).

Cũng có khi người thơ hổ thẹn, muốn Đóng Đinh Chữ, có khi khứu giác không làm đủ bổn phận "khiến chữ thông tim / thơ phù sa đất cằn / chả đếm xỉa đến mùi lai riêng hoa" (Viết Ở Ficomp, Santa Ana). Người thơ có cái tâm sâu, nhạy cảm, với những sinh vật rất thường:

"anh biết, em yêu dấu
khi dòng sông trôi
sông cuộn mình cuốn đi muôn chất thải
nước giảm xanh
rong rêu ám màu lây vạ
sóng nẩy tâm sinh sát bọt bèo..."
(Anh Biết, Em Yêu Dấu 1)

Thơ Hà Nguyên Du có nội dung, chuyên tải tâm tình, tâm sự

hay thông điệp, kinh nghiệm để lại. Những vần khi nhẹ, thơ mộng âm hưởng:

"... chồng thư cũ với lời em ước hẹn
ôi giờ đây! con nước xoáy quay cuồng
ta thương quá, nhớ hôm là quen nọ
lúc hôn nhau, em sẽ nói xa trường..."
(Chồng Thư Cũ)

"... rừng xác xơ thu, lá dấu lối mòn
tình yêu ngày cũ
rừng lá di quân, ngày nao có kẻ...
ngọc ngà tình nồng
lộng chí phiêu bồng, ta vẫn yêu em
một lòng, một lòng..."
(...Còn Đậu Nhánh Tình)
"... hè đang đến, em nói gì với nắng?
tiếc thương không lá rụng trống cành khô?
con ve cũ còn ngân muồi nhã nhạc
em nhớ gì đóa phượng ép trong thơ?..."
(Hè Và Em)

Làm thơ, sống thơ, là "mở toang hoác, từng ngăn ký ức / tình khai nguyên, hốt tỉnh, diện hình / em ẩn náu thần kinh, thớ thịt / dẫu lặng im mà chẳng lặng thinh..." (Ẩn, Hiện Một Đời), vì thinh làm sao được khi dấu vết quê hương đầy ký ức, thịt da, Tha La xóm đạo của Hà Nguyên Du là Mary, là "ngọc".

"Mary em, ngày xưa khó quên
đang cùm gông mà em ngoan hiền!
em cho ta một trời nghị lực, một trời thơ mạch
chảy vô biên
...Mary em, người em Tha La
ngăn muôn trùng mà ta không xa
mai ta về lại tìm em, ngọc, mai ta về thăm tìm
em, hoa..."
(Em, Tha La)
Cái nền quá khứ khổ hận có thể để lại dấu vết:

“keo tử sinh
chỉ linh với Thượng đế
phố mọc lên rừng
mảnh mảnh đấu đá
mắt mắt trợn ngược
thấu tận bốn ngàn năm
oan hồn xiết rên đâu đây
thời chờ minh quân
hỗn quân”
(Hỗn Quân)

Quá vãng là tối đen Rụi Đời “trại a / trại b / a 1, b 4 / còng 8 / còng U /chủ nghĩa, chủ mưu / rụi hết đời trẻ”.

“Tôi con chim gãy cánh lúc tan bầy
tôi con ngựa què chân khi bão nổi...”
(Em Và Lối Thoát)
cho nên

“một khi ta đi khập khểnh
mà trên vai lại quằn!
với những con đường chưa đến
với bao nỗi sầu miên man
với trăm ngàn căn bệnh...
đến từ ngả oan khiên
dẫu thế nào cũng là cuộc đuổi bắt...”
(Dẫu Thế Nào)

Vì đâu mà oan khiên? Phải chăng “bốn ngàn năm hiến / bốn ngàn năm chia / ung cả hạt bí / chết cả dây bầu / bực chiếc thùng rỗng / kêu rách nhỉ / tức tay hèn / đấm vỡ mấy hệ” (Vỡ Hệ).
Nhà thơ cũng có lúc phẫn nộ, dễ hiểu, vì

“hơn nửa vòng trái đất xa xôi
ta luôn thấy gần như gan tấc
bởi nguồn cội vẫn nằm trong tim chặt
bởi tình yêu như máu thịt xương dạ.. “
(Vẫn Nhớ).

Và nhớ nhiệu Vì ở chốn nữ thần tự do tình đời thế thái vẫn là thường, mà phường tuồng thì không tìm vẫn phải nhìn thấy:

"... thúng úp voi
đao phủ giảng đạo
... phường dở hóa trang
lại sắm tuồng
ấm ớ kịch bản
mê đón gió
tợ múa rối.."
(Không Còn Gì).

"Tha hương, ta khách trú bơ phờ" (Nguyệt Lữ), đành thôi Chải Tóc Đi Em, để còn lo cho mẹ và em ở quê nhà, ai nói tha hương là nói mẹ cha mà ký ức buổi nào Dưới Nắng Xế, Ba Ngồi Sàng Gạo thế mà "nay nắng xế ai ngồi sàng gạỏ / chắc thay bóng Má ngồi mong con! / thằng con phóng lãng xa nghìn dặm / sống kiếp tha hương, nhớ mỏi mòn". Cùng cực bi quan, có khi muốn buông xuôi trần thế để lại Lời Trối ... Về Một Dự Đoán. Bởi sống có một mình ên là một kinh nghiệm nhiều khi chết người:"đoạn cầu, cầu đoạn chênh vênh / thất thơ thất thổ mình ên cõi này!" (Bước Thải). Buồn nhưng không tuyệt vọng, vì còn có những hoài vọng (Trần Tình Khúc), thao thức: "tiếng vỗ cạn bầu hay tiếng chuông?!" (TVCB).

"đất hiếm lên trúc
tìm mai đâu trong ngàn cây tạp xanh?
truyền thông điệp sương
mầm xanh thấm không qua giọt lời cổ thụ?
thơ hành trình
lãnh nhiệm phép mầu tiên dược..."
(Hé Nụ)

Thì ra thế, và đó là chủ quan của nhà thơ!

Có thể nói nét riêng của thơ Hà Nguyên Du nếu phải so sánh, là ở nhiều hình ảnh lạ, cố tình, nhiều và lạ, thân quen với nhà thơ nhưng có thể lạ với người đọc thơ. Anh như người nhiều tâm sự muốn chia xẻ, nhiều kinh qua muốn ghi lại, gửi gấm, nhiều tâm niệm muốn ghi lại kẻo mất. Em, tình yêu, là vòng nhật nguyệ", vừa luân hồi vừa thường hằng, trong cõi âm dương, như trong tâm cảm,

"đóa hoa nầy trong cõi buồn sinh, diệt
nhân gian nầy đâu thoát được tử sinh?
em chính là em là vòng nhật nguyệt
cho ta hơi thở, cho nhục cho vinh..."
(Em Là Vòng Nhật Nguyệt)

Hay khúc ly tao xưa nào đó mà Hà Nguyên Du vọng nghe thấy trong những vật của hiện thực trần trụi:

"tình còn xanh lá còn kết hoa không?
sao như ve ru trên cành ngô đồng
sao như sống xưa ròng đi ngọn nước
em mắt môi buồn khép kín chờ mong
... mình còn mơ ước còn ngóng trông nhau
mây mưa tan hoang mây lại giăng sầu
em như ăn năn khi tình lạc bước
anh sống lưu đày hát khúc ly tao ..." (Khúc Ly Tao).

Hình ảnh đẹp buồn Tình Rơi Theo Ánh Tà Huy:
«mặt trời nghiêng, mặt trời xế bóng
em nghe chăng kiếp người mau chóng?...".
Thơ hôm nay với hình ảnh quen khói thuốc bay:
"... ta nhớ người vương khói thuốc bay
nhớ héo cành xuân, nhớ trắng canh chầy
tâm ta rung mãi theo triều sóng
em hỡi! em nào đâu có hay?..."
(Nhớ Người Vương Khói Thuốc Bay)

Tiềm thức ca dao nơi những dòng thơ thời Rap:

"qua sông nhớ những nhịp cầu
qua truông còn thấm nỗi đau nghiệt đời
qua đêm càng quí mặt trời, qua nhân gian thấy
tình người nổi bênh, qua đâu mà chẳng qua em?
qua muôn thách đố qua phiền lụy vây, qua ai qua
chùm vạ lây, qua non nước khốn qua đày khắc
lao, qua sông nhớ những nhịp cầu, qua thơ qua

với tầm dâu ngặt nghèo..”
(Ca Dao Tôi)

Rõ thơ là chốn giải tỏa cuồng độ và lượng số của cuộc sống. Trong tình yêu nhục cảm tận cùng mọi ngõ ngách bản năng:

“cứ hôn anh / hỡi đôi môi thần hỏa / chạy theo đôi tay thủy triều / cứ mặc tình mặc tình / tưởng như con hổ / xé gọn nai tơ / lúc đang đói / thân em như trái chín / tuyệt mộng / anh lữ khách đường trưa / hổn hển trống bụng / chắc hẳn không sợ phạm giới luật như thầy tu! / không nhịn trong cơn đói ngất!

Cứ quấn anh đi / quấn như trăn / bằng những đường cong giết người / mùi trái cấm như xạ hương ngộp

lạc cả hồn phách / đã mở cửa sinh... / cũng chính là cửa tử!...”
(Hành Trình Điên, Mê)

Thơ sáng tạo từ con chữ, với ngôn ngữ, với một khả năng giao đối, với những tiềm ẩn, vô ngôn. Tại sao không đùa nghịch với con chữ?

“ký ức ký niệm
trí nhớ trí tri
lửa lòng lửa bỏng
tử sinh tử quỉ...” (Ký Ức)
“... quấn ta vòng lắm nuộc
?__trặc trẹo ơi chi là ...
trệch đường xe lửa chạy
trĩu trĩu cánh thê noa!” (Thê Noa)
nghe tình sao trục trặc không trơn tru tí nào!
“dụng tâm
trác những thỏi nhám
ngón đảm ngón lược
rực tia tình yêu trên vách tối ngục
át tiếng trêu ngươi
nở hoa trên nhánh cành nhân ngãi
tích phật lũy chúa
ngã không ngã”
(Ngã Không Ngã)

Nghịch con chữ như từ đó có thể tìm ra tinh túy cuộc đời, tìm ra chất tinh tuyền của sinh, tình,... Như niệm con số để tìm sinh thoát trong bài Niệm Bất Khả! Hay nhưng con dấu toán học áp dụng vào cái

tôi hay cuộc đời nhiều toan tính:

"tôi không phải là tôi khi tôi tôi chưa tới
tôi chỉ là tôi khi tôi tôi tới tôi và khi tôi
tới tới tôi là tôi tôi phải xa rời tôi để
nhập cùng với những cái tôi quanh tôi
... thành toi khi thiếu dâu ^ và hiểu rằng
dấu ^ là như một chiếc cầu nối chữ
không đơn thuần là một dấu mũ một..."
(Phải Thế Không Em?)
Và cứ thế mà đi tiếp với những con dấu ‘ ` + = , v.v.

Đặc điểm đáng kể khác của thơ Hà Nguyên Du là lối hài hòa văn tự xưa cũ-hôm nay, tử ngữ-sinh ngữ, tiếng tự điển - tiếng lóng ngoài đường,... Đây phải chăng cốt để diễn tả cái sống đây mà phần nào đã quá vãng, cái sống mòn, sống thừa, hay sống đây mà tưởng đã chết, còn đây mà đã đầy mầm suy thoái như mạ lúa sau cơn lũ dài hơn thông lệ, bởi những tàn độc phá phách của thời gian, thiên nhiên và con người ...

Hà Nguyên Du làm chủ cách sử-dụng từ, vang vọng văn ngôn nhiều khi lạ lẫm bên cạnh "bạch thoại" của những tiếng rao, nói, những tiếng gọi, chào, tỏ tình, ngây thơ có, xúc tích có,... của thường ngày:

"...chờ ai đêm hạ? nước mắt nhung huyền, lỡ trách
tơ duyên, nằm trong nghiệt ngã, lời ru ve hạ, khóc..."
(Đêm Hạ Huyền)
"lại hớt hãi với những không đâu
em vẫn tràn tròn như nhật nguyệt thực
phàm cõi ấy là tròng..."
(Lại Hớt Hãi)
"... em khuyết dần tôi viên ngọc quý
phận đá đời rong ngày dã hoang..."
(Khi Bước Tình Đi Qua).
"...nguyệt tà, dương xế, mây buông
ta, em hát mãi, khúc buồn thiên thụ.."
(Đã Rồi Một Cánh Chim Bay).

Người không quen theo phong cách Hà Nguyên Du sẽ lẫn thành "tà dương", hay như "thôi" cũng hơn một cách, một nghĩa:

"...lối ra nào ta tránh đời mai một

hoang đường thôi! thôi cách biệt nhân sinh...”

(Em Là Vòng Nhật Nguyệt).

Hoặc ba câu “nhớ mới đó / giờ xuân ly / nhớ tức tưởi ...”, xuân ly chứ không phải phân ly, mà hình như muốn nói phân ly, chắc có vậy cái nhớ mới thành thơ chăng?

Qua lối xuống hàng, chấm câu, kỷ niệm rời rã theo con chữ:

“ *tiếng ca học trò*

hướng lên mặt trời

tiếng ca tình người

tiếng yêu nào với

bước đi học trò

lá me đường thơ

mắt xanh vào đời

sáng chân trời mơ”

(Trái Tim Học Trò).

Hoặc dài như nỗi nhớ đọa đày: “em đã khóc một chiều em đã khóc, mưa ngoài kia như thẹn hạt sa mù / gió ngoài kia như dừng bước phiêu du, kìa nước mắt em là trời bão tố...” (Nhan Sắc).

Rõ là thơ tám chữ đặt cạnh nhau. Xa hơn là dài dòng kiểu Tân Hình Thức, như lời tỏ không dứt, hay muốn ngừng dứt đâu thì cứ dứt ngừng kiểu mệt nghỉ hay khỏi nghỉ theo nhạc Rap! Hãy “đọc” Hạ Nguyên, Gene Đại Dương, Anh Biết, Em Yêu Dấu 2,... thơ như một lối thở dưỡng sinh! Câu có thể 8 chữ nhưng vắt dòng bất kể; vần không ngừng ở các dấu ngừng hay xuống hàng mà vắt dòng, muốn ngừng thì ngừng trong tâm thức, giữa câu, giữa đàng!

Nhà thơ còn dùng nhiều thể loại trong cùng một bài bản, thay đổi chăng theo tình tự?

“...chờ ai đêm hạ? nước mắt nhung huyền, lỡ trách

tơ duyên, nằm trong nghiệt ngã, lời ru ve hạ, khóc

ánh trăng nguyền, thức trắng đêm đen, tàn phái

bướm hoa

hạ huyền ơi hỡi!

nắng thêu ngàn vây

héo khô cành ta

em lá rơi đầy...”

(Đêm Hạ Huyền)

Hà Nguyên Du thử nghiệm nhiều thể loại thi ca, làm mới,

khác *thơ mới, tự do hóa thơ đã tự do, và ở mỗi thể loại nhà thơ lại thử nghiệm cung cách mới, vận dụng khác con chữ, thế chữ thường dùng ,... Nhạc tính luôn hiện diện, lúc nhịp nhàng như ca dao, khi dài hơi như bà ca vọng cổ, lúc lại đầy điệu lòng thời đai ... Thơ Hà Nguyên Du phải đọc lên mới thấy cái hay, cái thú, cái thơ, cái tiềm ẩn của âm lời, chữ nghĩa! Những bài như Cho Tôi Bài Tango, Cho Em Bài Sonnet, Đêm Hạ Huyền,... phải ngân vang mới cảm được những tiềm ẩn của một nỗi lòng, của những gạch chữ, nốt chấm!*

Như Hà Nguyên Du từng tâm sự ở đầu tập thơ, sau ba mươi năm ít nhiều vui với thơ, nay anh trở lại tận tình. Và tận tình làm mới, khác. Như một tổng hợp. Với một hình thức "hội nhập" với xã hội châu Mỹ của Tân Hình Thức. Từ khi có con người, vẫn có những người luôn tìm kiếm ý nghĩa của ngôn từ, khoác cho chúng nét riêng mỗi thời. Khuynh hướng, trường phái từ đó nảy sinh! Trường phái, tìm kiếm nào rồi cũng chỉ là phương tiện của thi ca, tệ cũng là bài bản gia chánh, thêm thắt vị mới cho món thường dùng. Nhưng nét thơ và nét riêng của một nhà thơ không thể chỉ là gia chánh, mà phải vượt lên chạm đến thi tính, nguồn thơ! Ở lắng đọng, nằm ở chiều sâu, ở con chữ tình cờ gợi đến, ở ẩn dụ khéo tay!

Trong tập thơ thứ hai này của Hà Nguyên Du, phần thử nghiệm theo thi ca thời Hậu hiện-đại, thời Tân hình-thức, hypertext,... hãy còn sớm để đánh giá, nhưng người đọc khó tính không quen vẫn có thể cảm được qua một số hình ảnh, vần điệu và nội dung thơ. Ở những bài thật "mới" có thể "chấp nhận"(!), Hà Nguyên Du đã để lại cái gì khác hơn là một thể loại chủ trì hình thức. Hai hay ba phần còn lại, Hà Nguyên Du đã không làm thất vọng người sính thơ với những đặc sắc của riêng anh. Nghịch thường thay, ở những trúc trắc chữ dùng, bất ngờ hình ảnh hay nhịp trật, không đợi chờ,... lại là những nét riêng thành công, như một loại "nhạc tính", "âm điệu" rất thơ, rất Hà Nguyên Du!

Đây đó có những lời nhẹ như ca dao, đam mê như tình đầu,... *nhưng thơ Hà Nguyên Du không phải là lối mòn đã quen,* mà chính là *những con đường xa lộ đã mở, cứ mãi xuôi chảy, không ngừng, dù phải trục trặc tâm hồn, bối rối của đời hội nhập! Thi ca đối đầu với ngôn từ và thực tại!*

Nguyễn Vy Khanh
7-11-2000

NGUYỄN VY KHANH

BẠCH XUÂN PHẺ & NG V THAI *(dịch và edited)*

NGUYỄN VY KHANH
Poet Ha Nguyen Du

Since the H.O. element was added to the overseas Vietnamese community, Vietnamese poetry, which originally had been increasingly dense with firewood, suddenly emerged with words of hope. Ha Nguyen Du is among these, having left his hometown ten years ago. After many losses and complications, in the past two years, he has released two poetry collections, The Other Path (Garden Grove CA: Tan Thu, 1998) and the volume (I know, my dearest) (Westminster CA: Tu Luc, 2001).

Those who are looking for the essence of poetry, walking on Ha Nguyen Du's exotic paths, will not be disappointed. The poems that yield the impression of a connoisseur are ultimately full of art and metaphors, and are highly promising. Throughout the poem collection, with the quality of the art sometimes smoldering and obvious, the poet shows a sensitive but also resolute soul according to the situation of the moment, and the general peripheral situation that is required. This is a poet who lives and breathes to compose, lives for poetry, lives strongly with the subtleties of the art, with the will to strive to open new paths!

Ha Nguyen Du seems to make it difficult for people to enjoy poetry with rarefied, unexpected words, broken chords, and abandoned sentiments, but that's also Ha Nguyen Du's special characteristic. He appears to be playing hide and seek with his poetry, providing a rhythmic poetry that is not rhymed, poetry in natural conversational discourse, indignation, dialogue, communication... Cadenced or cacophonic poems, revealing

confessions of love or acrimony. In form, the way a new line is started, even and uneven tones, middle to high pitches, caesuras are employed, and words are played on, is like a dictionary with misaligned character sets and phonic marks; the way the exclamation mark is used (Spring Poems with Many Exclamation marks!!), the way words are placed onto the page - the "New Layout" post is written with the letter B, the poem "Huu Dung" has an S shape, "Bào Thai Cảm Xúc", with the letter C that looks like a capital E, or is it just an emotional fetal arrow? The word "Hao Quang" gradually narrows after it has been expanded - may be intended to show people the feelings of resistance, pain, thinking, and boredom, of a poet who has to live in difficult circumstances. Without choice, the body and soul are damned, but the soul is always awake, always aiming for beauty, and truth. The poems have a bitter, violent shell, but are wrapped with the sweetness of steamed sugarcane coming from human love!

Ha Nguyen Du's poetry overwhelms literary readers because of the heavy contrasts between love and real life. Poetry here is the end of emotions, what remains after passions, real lives. "I gave birth to me / to many poems / many words strained / like a haggard / a heavy cell / on me / a melancholic tumor..." ("I Born Me").

Ha Nguyen Du delineates poetry as "breathing/an updated physiology" after "having nothing left to give/being bankrupt yet still has "poetry," ("Nothing Left"), poetry as expedient salvation:

"...and for you, dearest, for you alone
the parable is soaked in the nectar of the nitobe
chrysanthemum
when life is winter reverberating self-existence
a winter when roses are no longer in full bloom
the chrysanthemum draggingly wi, impermanent
The evening glow in your hand negotiates the color of the
tree arch at the end of the alley
The mountain melancholically stands in angst about

shadows traversing
Salvation poetry on every heartbeat
like a Zen master momentarily enlightened"
("Winter Parable")

Because poetry can lighten darkness:
"... poetry is written with words of blood
turns on the light
lightening darkness
ordinary human beings
bound by rigmaroles
this existential body!"
("Tamed Rhythm")

"The sea of life rages with fury" to "let the word/lull agony/love the child to escape exile" ("Loving the Son").

Poetry becomes light or the last hope: "spiral/enters the universe/centrifugal/collects all the stories of life/ I am me / of the waning moon / of the ebbing tide / of tantalizing nothingness / you are you / of my poetry / of everlastingness / of Being" (Chân Như).

Sometimes the poet is ashamed and wants to crucify words, sometimes the sense of smell does not fulfill its function, "causing words to be deprived of heart/poetry as arid alluvial/ disregardful of particular aromas of flowers" (Written in Ficomp, Santa Ana).

The poet has a very profound, highly sensitive mind to very ordinary creatures:

"I know, my dearest
when the river flows
it rollovers carrying with it a lot of waste
water diminishing its blue
the algae punished with discoloration
The waves germinating plots to eradicate the foam..."
("I Know, My Dearest 1")

Ha Nguyen Du's poetry has content that conveys emotions, confidences or messages, and experiences left behind. The rhymes are light, with poetic sound features:

"... stack of old letters filled with your promises
But, oh now! just a maelstrom
I love you so, remembering the day we got acquainted
When we kiss, you say you'll leave school..."
("Stack of Old Letters")

"... the autumn forest barren, dead leaves covering up the path
Love of old days
Military maneuvers in the forest, one distant day, someone...
Deeply in love
Distended with adventurous longing, I still love you steadfastly, steadfastly..."
("Still Perching on the Branch of Love")

"...summer is coming, what would you say to the sunshine?
Mourn the fallen leaves emptying the dry branches?
The old cicada ripening its melody
What do you remember in the flamboyant flower petals pressed in poetry?"
("Summer And You")

Composing poetry, truly living poetry, signifies "disclosing openly each compartment of memory/primitive love, a brief trance, physical appearance/ you hide behind neurosis, behind the fibers of your flesh/ although quiet but not silent..." ("In and Out of Life"), because how can you remain silent when the vestiges of your homeland are full of remembrances, flesh and skin? Ha Nguyen Du's "Tha La Parish" is Mary, is "jade".

"Mary dearest, it's hard to forget the old days

Even in shackles, yet you are gentle!
you give me a load of energy, a load of streams of poetry
flowing boundlessly
...Mary dearest, my love from Tha La
Barricaded by tons of mountains, we are not far away
from each
I'll come back tomorrow to look for you, jade, tomorrow
I'll come back to see you
you, flower..."
("My dearest," Tha La)

The background of a painful past can leave traces:

"The fate of death and "
Is hallowed only to God
Cities growing up in forests
Overlords fighting one another
eyes rolling back
up to four thousand years
Whereabout wretched souls are groaning
It's time to wait for the benevolent ruler
tyrants"
("Tyrants")

The past is the darkness of "Life Ruined": "camp a / camp b / a 1, b 4 / handcuffs / U-shaped shackles/doctrines, conspiracy theory / young lives ruined".

"I am a bird whose wings are broken when the flock is
scattered
I, a lame horse when the storm hits..."
("You And The Way Out")
So:
"once I limp
the shoulder buckles!
In front of roads not traveled

And pangs of everlasting sadness
About hundreds of thousands of diseases...
coming from the direction of injustice
Regardless, it's a chase after all..."
("Regardless")

Why is it unjust? Is it "four thousand years of offering / four thousand years of division/squash seeds rotten/ gourd stalks withered / mad at the empty barrels/whose sounds are bursting the eardrums / angry with the cowardly hands / crushing several generations" ("Generations Crushed").

Poets are also angry at times, understandably, because:
"more than halfway around the distant earth
I always see it so close
because the roots are tightly implanted in the heart
because love is flesh and blood.."
("Still Remembering").

And I still remember a lot because, in the home of the Statue of Liberty, human interactions are normal, but buffoons even when not sought, are still seen everywhere.

"... a quart into a pint pot
preaching executioners
...bad actors fixing makeup
Are plotting farces
Unread about scripts
Enamored with jumping on the bandwagon
Like puppeteers.."
("Nothing Left").

"Exiled, I'm a listless guest" (Nguyen Lu), I have to stop "Brush Your Hair", to take care of my mother and sister back in my home country. Who says that being exiled is speaking about your parents whose recollection of someday "Under the sunset, Dad Sits Sifting Rice", but "now that the sun is setting,

who's going to sit and sift rice/ probably replacing Mommy' shadow waiting for her son! / the roving son from thousands of miles away / living in exile, missing her immensely". In a state of extreme pessimism, he sometimes wishes to leave the world with his Last Word ... About A Prophecy. Because living alone is many a time a deadly experience: "that part of the bridge, that part is tottery / lost his ground in this world!" (Superfluous Step). Sad but not hopeless, because there still are aspirations (Tran Tinh Khuc). Restless sleep: "the slapping waves of the shallow pond or the sound of bells?!" (TVCB).

"...canes grow on rare soil
How can you find yellow apricot flowers amongst the
thousands of green trees of different species?
Communications daubed in frost
Green sprouts cannot penetrate the ancient words?
journey poetry
receiving the miracle of the elixir..."
("Burgeoning Buds")

So it is, and that is the poet's subjectivity!

It can be said that the unique feature of Ha Nguyen Du's poetry, if it has to be evaluated, is in the many strange and deliberate images, familiar to the poet but maybe strange to the reader. He is like a person who has a lot of thoughts to be shared, many experiences to be recorded, to be dedicated, and many innermost thoughts to preserve lest they are lost. "You, love, are the cycle of the sun and the moon", are both reincarnation and permanence, in the realm of yin and yang, as in the feelings of the heart.

"This flower in this sad world of birth and death
Nowhere can humanity escape death and rebirth.
You are the cycle of the sun and the moon
That gives me breath, shame, and honor..."
("You are the Cycle of the sun and the Moon")

Or some swan song that Ha Nguyen Du yearns to hear in objects of naked reality:

"Does love still bear green leaves and flowers?
Why is it like cicadas crooning a lullaby on the Chinese parasol tree
Why is it like living in the past, water receding
You, with eyes and lips sadly closed, are waiting
...We still dream, still long for each other
Clouds yield devastating rains, then the clouds are stretching out melancholy
You appear to repent when love goes astray
I live in exile singing my swan song..."
(Quoc Ly Tao).

Sad beautiful pictures of the "dwindling Sun Rays" in "Dropped Love":
"...slanting sun rays, the sun is setting
Do you hear that fast pace of human life ?"
Today's poem wears the familiar image of cigarette smoke evanescing:
"...I miss the person rimmed in with evanescing cigarette smoke
the wilting spring branches, the white nights
My heart flutters with the tide
My dear! Would you ever know?..."
("Missing the Person of Evanescing Cigarette Smoke")
The subconscious folk poetry lives in the lines of the Rap period:
"Crossing the river, I miss the spans of the bridge
Crossing the moor, I'm imbibed with the pain of this grim life
Making it through the night, I appreciate the sun more, through humanity I see
Relationships are so fragile, wherever but not through you?

Through all the challenges, all the grief-stricken nuisances,
through whomever as to be jointly
bound in trouble, through the miserable country, through
exile in austere
prisons, across the river, to remember the spans of the
bridge, through poetry to arrive
at the dangerous mulberry field.."
("My Folk Poetry")

Poetry is a place to relieve the fury and intensity of life. In love, sensuality insinuates itself into the very end of all instinctual crevices:

"*keep kissing me / oh lips of fire/run after the tidal wave hands / let go of love / like a tiger / tearing apart a young dear / when hungry / your body is like a ripe fruit/ecstatic dream/I, a traveler on a sunny road/panting, empty stomach / undoubtedly not afraid to break the monastery precepts! / don't abstain from hunger pangs!*

Keep wrapping me up / wrapping me like a python / with your murderous curves / the smell of the forbidden fruit emulating pheromone

…lost soul / opening the door to birth... / also the door to death !"

("Journey of Craziness, of Trance")

Poetry is created with words, with language, with a capacity for interaction, with the subconscious, the wordless. Why not play with words?

"*...recollection remembrances*
Memory knowledge
Heart fire burning fire
Death/birth death demon..."
("Recollection")
"*...wrap me up with a rope of multiple knots*
Oh, Gosh, so twisted…
Derailed

Burdened with family responsibilities!"
("Family")

Listen to why love is so twisted, not smooth at all!
"Use heart
Smooth out the rough parts
Fingers manage with dy
sparks of love on the wall of the dark dungeon
suppressing mockery
blooming on the branches of benevolence and
righteousness
Accruing Bodhi and Charity
Self-existence Nonself"
("Self/Nonself")

Playing with words as from which one can find the essence of life, find out the pure substance of birth, love. Like speculating on numbers to find salvation in "Pondering over the Impossible"! Or the mathematical symbols applied to the ego or a life full of calculations:

"I'm not me when I've not arrived
I'm just me when I come to me and when I
come to me that is me I have to leave me to
connect with the other me's around me [tôi]
... and become "toi" [death] with the circumflex accent (^)
missing to understand that
The (^) accent is like a bridge between words
not merely a mark, a..."
("Is That Right, My Dearest?")

And so go the semantic marks ʻ, ` , +, = , etc.

Another feature worthy of noting in Ha Nguyen Du's poetry is the syncretization of ancient and modern writing, dead languages and living languages, dictionary languages, street slang, etc. Is this to express the here-and-now existence, of which parts belong to the past? A worn-out existence, an unneeded life,

or still alive, but thinking I'm already dead, still in existence but filled up with seeds to rot like rice seedlings after a longer-than-usual flood, because of the destructive cruelty of time, of nature, and people...

Ha Nguyen Du is in command of the way he uses words, echoing formal classical literary language, sometimes exotic, next to the colloquial of street cries, conversations, greetings, confessions of love, innocent at times, concise at others, of the ordinary life:

"...waiting for someone in the summer night? Velvet tears, unfairly blaming
karma, lodged in asperity, in the lullabies sung by cicadas, crying..."
("Dark Summer Night")

"Panicking again about trivialities
You're still round like a solar/lunar eclipse
And that is where the noose trap lies..."
("Panicking Again")

"...you are waning as my precious stone
the stone fate the life of algae on those wild roving days..."
("When Love Steps Pass Through")

"...the moon descending, the sun setting, the clouds dropping
I, you keep singing, the eternally sad song..."
("Already A Bird Has Flown")

People who are not familiar with Ha Nguyen Du's style will become confused between "nguyệt tà" (the moon descending) and "dương xế" (the sun setting) with "tà dương" (crepuscule) or about the word "thôi" employed in more than one way, with only one meaning:

"...which egress would help us to avoid mortality
Just (thôi) gobbledygook! Cease (thôi) to separate human lives..."
("You Are the Sun and Moon Cycle")

Or the three sentences "remembering recently/time for spring parting (xuân ly)/remembering bitterly ...", xuân ly, not phân ly (separation), but it appears to want to say separation, probably that's how remembrances become poetry.

Through paragraphing, and punctuation, memories fall apart following the words:

"...student songs
Directed towards the sun
Songs for humanity
Voice of love does not dwindle
Students' steps
tamarind leaves, the paths to poetry
blue eyes entering life brighten up the horizon of
dreams..."
("Student Heart")

Or as prolonged as a tormenting recollection: "You cried one afternoon you cried, so demure the rain outside is, facing the particles of frost/ the wind outside appears to stop her adventurous journey, Lo and behold! Your tears emulate the sky storming..." ("Beauty")

Eight-word poems are placed side by side. Farther are long-winded poems of the New Formalism style, as in un-ended confessions, or if there does exist a desire to end, just stop as if tired or why een bother stopping like in Rap music!

Let's read "Ha Nguyen," "Gene Ocean," "I Know," "My Dearest Love 2," poetry as ayurvedic breathing! Sentences can be eight words but lines may be intertwined at will; rhyming doesn't stop at caesuras or paragraphing with intertwined lines, if you want to stop, stop in the mind, in the middle of the sentence, in the middle of the road!

The poet also uses different genres in the same composition, switching only according to sentiments.

"...waiting for someone in the summer night? Velvet tears,
unfairly blaming
karma, lodged in asperity, in the lullabies sung by cicadas,

crying
over the avowing moon, white nights, ephemeral pleasures
Oh, dark night!
Sunshine embroiders the surrounding mountains
Wilting the branch of mine
Yours the leaves are falling plenty…"
("Dark Summer Night")

"Cursed moonlight, staying awake at night, sectarianism
flower Butterfly
Oh my god!
sun embroidered a thousand fins
withered my branches
I have fallen leaves..."
("Ha Huyen Night")

Ha Nguyen Du experiments with several poetry genres, refreshing his style, different from the verse, liberalizing poetry that is already free, and in each poetry genre the poet experiments with a new style, employing words differently, replacing them with words ordinarily not used. The musical aspect is always present, sometimes as rhythmic as a folk song (ca dao), sometimes as long as a popular classical vọng cổ tune, and at other times, full of the rhythms of contemporary sentiments. Ha Nguyen Du's poetry must be recited to appreciate its beauty, the pleasures it gives, its poetic flavor, and the latent implications of sounds and words! Poems like "Give Me a Tango", "Give Me a Sonnet", "Dark Summer Night" must be read aloud for us to get in touch with the subconscious feelings of a heart, of the hyphen, and of period marks!

As Ha Nguyen Du once confided at the beginning of his poetry collection, after thirty years of being more or less happy with poetry, he now has returned to it with dedication. And he's dedicated to making it new, different. As a synthesis. As a form of "assimilation" with the American Society of the New Formalism. Since the beginning of the existence of humanity, there have

always been people searching for the meaning of words, cloaking them with particular characteristics of the time. Trends and literary schools then arise! Any school, any search is only a means for poetry; at worst it is but a home menu, supplementing new flavors to commonly-used dishes. But the poetic quality and distinctive characteristics of a poet cannot simply be a household menu, but instead must go beyond to be in touch with the poetic essence, the source of poetry! In quietness, it lies deep down below in the words incidentally evoked, in skillful metaphors!

In this second collection of poems by Ha Nguyen Du, the experimental part based on the poetry of the Postmodern period, the Neo-formal period, the hypertext, etc. is still too early to evaluate, but an unaccustomed fastidious reader still can feel through some poetic imagery, rhyming, and content. In the poems of his that are really "new", that can be "acceptable"(!), Ha Nguyen Du has left something other than a genre focusing on form. In the remaining two or three parts, Ha Nguyen Du does not disappoint poetry connoisseurs with special characteristics of his own. Paradoxically, in the use of hobbled words, of images or faulted rhythms, unexpected, one can find special features of success, such as a special kind of "musicality", a "tone" that is very poetic, very Ha Nguyen Du!

Here and there are gentle words like folk songs, with the passion of a first love, *but Ha Nguyen Du's poetry is not the familiar, trodden path, but the highway opening up, spreading further everlastingly, non-stop, despite some mental glitches, disconcerted by the life of integration! Poetry confronting words and reality!*

7-11-2000
Nguyen Vy Khanh

Translated by Phe Bach
Edited by Professor. Thai V. Nguyen

NGUYỄN MINH TRIẾT

CHỮ QUỐC NGỮ: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiếng nước tôi! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi
Thoắt nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi! (P.D.)

Quốc ngữ" hay ngôn ngữ quốc gia là một dạng ngôn ngữ dùng chung cho cả nước, một hệ thống phức tạp bao gồm ngôn ngữ văn học, phương ngữ, biệt ngữ…. Riêng tại Việt Nam "Quốc Ngữ" có một nghĩa riêng biệt. "Chữ Quốc ngữ" là hệ thống chữ viết thống nhứt chánh thức hiện nay của tiếng Việt, được xây dựng dựa trên các chữ cái và dấu phụ vay mượn từ bảng chữ cái La-tinh. Do đó, cụm từ "Chữ Quốc ngữ" từ nghĩa chung là ngôn ngữ của một quốc gia đã trở thành nghĩa riêng để chỉ " loại chữ viết tiếng Việt dùng ký hiệu La-tinh" do các cố đạo dòng Tên sáng tạo ra. Sở dĩ có sự dùng sai này là do lúc mới hình thành loại chữ viết này được gọi là 'Chữ Quốc ngữ', dùng riết rồi thành quen.

Chữ Quốc ngữ ra đời là để thay thế cho chữ Nôm. Trước khi có chữ Quốc ngữ, người Việt đã có chữ Khoa đẩu, chữ Hán và chữ Nôm. Chữ Khoa đẩu hay còn gọi chữ nòng nọc là chữ Việt cổ xuất hiện trong nền văn hóa tiền Việt-Mường, được tìm thấy trên các trống đồng, trên đá hay các di vật cổ xưa để lại. Đây là loại chữ tượng thanh, ghép nhiều chữ lại thành từ. Khi nước ta bị nước Tàu đô hộ, theo một số học giả chữ nòng nọc đã bị người Hán "bức tử" và chúng ta bị ép buộc dùng chữ Hán là chữ của người Tàu trong hàng ngàn năm. Từ năm 939 trở về sau, dù Việt Nam dành được độc lập, nhưng chữ Hán vẫn được thịnh hành và khẳng định vị trí quan trọng của nó trong đời sống chánh trị, văn hoá, xã hội của người Việt. Tuy vậy, để tránh

bị Tàu đồng hóa ông cha ta đã nghĩ ra cách đọc chữ Hán theo âm Việt gọi là Hán-Việt tức Việt Nam hóa phần ngữ âm của chữ Hán. Như vậy, dân tộc ta đã mượn chữ Hán để dùng, nhưng vẫn nói tiếng mẹ đẻ. Bằng cuộc đấu tranh khôn ngoan ấy trên lãnh vực ngôn ngữ mà nước Việt vẫn tồn tại dù đã trải qua hàng ngàn năm bị Tàu đô hộ.

Sau đó, do ý thức rất rõ rằng một dân tộc muốn tồn tại phải có chữ viết riêng nên để tránh bị đồng hóa như các dân tộc khác, người Việt đã đi tìm một thứ chữ để ghi lại tiếng nói của mình. Sau mấy thế kỷ liền mày mò đi tìm một thứ chữ để ghi lại tiếng nói của mình, đến thế kỷ 13 chữ Nôm chánh thức được ghi nhận với sự xuất hiện của bài "Văn Tế Cá Sấu" bằng chữ Nôm của Nguyễn Thuyên được vua Trần Nhân Tông (1279 - 1293) sai làm để đuổi cá sấu. Chữ Nôm được Nguyễn Thuyên sử dụng là một hệ thống chữ vuông dùng chữ Hán ghép lại để ghi tiếng Việt. Do đó, chữ Nôm không phải là giải pháp hoàn hảo nhứt vì chữ Nôm vẫn dựa trên cơ sở chữ Hán, nên muốn biết chữ Nôm phải biết chữ Hán. Chữ Nôm là một hệ thống văn tự được hình thành và hoàn thiện dần dần trong quá trình sử dụng của cộng đồng người Việt. Trong một thời gian dài, Chữ Nôm đã được sử dụng và phát triển trong đời sống văn hoá của các dân tộc cư trú trên lãnh thổ Việt Nam trong thời kỳ phong kiến. Dù vậy, do sự thống trị của Hán học ở Việt Nam nên dù trải qua bao nhiêu triều đại vua chúa, chữ Nôm không được sử dụng trong chốn triều đình. Duy chỉ có hai đời vua duy nhứt là Hồ Quý Ly thế kỷ 15 và Nguyễn Huệ thế kỷ 18 định lấy chữ Nôm thay cho chữ Hán trong các văn kiện hành chánh, nhưng tiếc thay việc ấy không thành. Chữ Nôm khó học, nên chỉ dành cho giới nho sĩ và phần đông người dân bình thường thì lại không biết đọc và không biết viết. Tuy vậy, Chữ Nôm từ khi ra đời cho đến khị bị khai tử vào năm 1945, đã có lịch sử tồn tại gần 1000 năm. Trong giai đoạn này, chữ Nôm là công cụ duy nhứt được dùng để ghi chép lịch sử, văn hóa dân tộc. Những tác phẩm bằng chữ Nôm còn được lưu truyền đến ngày hôm nay có thể kể như Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Bích Câu Kỳ Ngộ, Lục vân Tiên, Lục Súc Tranh Công,… cùng những bài thơ của Lê Thánh Tôn,

Nguyễn Thuyên, Bà Huyện Thanh Quan, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến,... Trong đó, Truyện Kiều là một trong những tác phẩm chữ Nôm đặc sắc nhứt mà gần như người Việt nào cũng biết.

Bắt đầu từ thế kỷ 16, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh ở Âu Châu. Người Âu Châu đua nhau vượt đại dương đi tìm đất thuộc địa mới. Những nước như Bồ Đào Nha, Ý Đại Lợi, Hòa Lan, Anh, Pháp tranh nhau giành thị trường và thuộc địa. Các thương nhân đi đến đâu là các nhà truyền giáo đi theo đến đó. Họ đến Việt Nam vào thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước bị chia ra làm 2 vùng gọi là Đàng Ngoài và Đàng Trong. Để giảng đạo và thuyết phục những lương dân theo đạo Ki-Tô, các nhà truyền giáo trước tiên phải học tiếng nói của người Việt để giao tiếp và hiểu người Việt. Do đó, trong quá trình tìm tòi, học hỏi, các giáo sĩ đã tìm ra cách ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La-tinh và giảng nghĩa những chữ đó bằng tiếng của nước họ. Từ đó, họ tạo ra một hệ thống chữ ghi các âm tiếng Việt bằng các ký tự La-tinh, lâu ngày tất cả các chữ ghi các âm tiếng Việt bằng các ký la-tinh đó tích tụ lại thành một quyển tự điển để giúp cho họ và cho những giáo sĩ người Âu mới đến xứ Nam học tiếng Việt một cách dễ dàng, nhanh chóng. Khi truyền đạo các giáo sĩ không chỉ giảng bằng lời nói mà còn phải dùng kinh sách nên họ sử dụng thứ chữ mới này để viết giáo lý bằng tiếng Việt. Chánh vì mục đích truyền giáo, chữ Quốc ngữ đã được các giáo sĩ Tây phương sáng chế ra để làm phương tiện phổ biến rộng rãi đạo Ki-tô.

Đã có nhiều giáo sĩ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ý và Pháp bỏ ra nhiều công sức trong nhiều năm trời để nghiên cứu tạo ra một kiểu chữ viết dùng mẫu tự La-tinh cho tiếng Việt. Đây là một công trình phát triển dần dần với sự đóng góp công sức của nhiều người, kể cả người Nhật và người Việt Nam. Đầu tiên là người ta cố gắng phiên âm tiếng Việt và sau đó là sáng chế các văn tự. Các cách phiên âm lúc đầu chưa có luật lệ chặt chẽ và thống nhứt, vẫn còn thô sơ và chưa hợp lý. Dần dần trong quá trình sử dụng thực tế, người ta đạt được nhiều cải tiến. Một cải

tiến mang tính quyết định của các công trình này là việc sáng tạo ra các dấu và quy ước viết các dấu. Đó là nguyên nhân của sự ra đời của chữ Quốc Ngữ ngày nay. Như vậy, quá trình hình thành chữ Quốc ngữ có thể hình dung theo con đường ngược với phiên âm tiếng Anh. Khi học tiếng Anh: từ chữ tiếng Anh => phiên âm tiếng Anh => phát âm tiếng Anh. Các nhà truyền giáo khi đến Việt Nam đã đi theo con đường ngược lại: từ phát âm tiếng Việt của người Việt => phiên âm theo ký tự Latinh => chữ Quốc ngữ.

Dấu ấn tiếng Bồ và Ý trong cách ghi âm tiếng Việt thời kỳ sơ khai khá rõ nét, nhưng chánh những người Việt ở thế kỷ 18-19 đã định hình cho chánh tả chữ Quốc ngữ. Tuy vậy, Chữ Quốc ngữ lúc đó vẫn còn có nhiều chỗ không hợp lý hoặc không tiện lợi nên trong suốt quá trình hình thành chữ Quốc ngữ mà chúng ta đang dùng hiện nay, nó đã trải qua nhiều cuộc chỉnh sửa và hoàn thiện của nhiều nhà ngôn ngữ phương Tây cũng như sự đóng góp công sức của rất nhiều người Việt Nam khuyết danh. Chữ Quốc ngữ được xây dựng theo nguyên tắc ký âm bằng chữ cái La-tinh nên tương đối đơn giản, tiện lợi, dễ học, dễ nhớ, đã giúp cho người Việt dễ dàng hội nhập với các nước dùng chữ La-tinh hơn so với các nước theo chữ Hán như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn hay những nước theo chữ Ả Rập. Sự hội nhập nhanh chóng này cũng tác động một phần không nhỏ vào việc nâng cao dân trí của một quốc gia. Nhờ đó, người Việt đã hoàn toàn thoát khỏi được ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Đây có thể nói là một cuộc chuyển hóa vô cùng lớn lao.

A.-NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG SÁNG TẠO CHỮ QUỐC NGỮ.

Theo nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học thì giáo sĩ người Pháp Alexandre de Rhodes không phải là "cha đẻ" ra chữ Quốc ngữ. Người tiên phong trong việc khai sinh ra chữ Quốc ngữ là giáo sĩ Dòng Tên người Ý tên Francesco Buzomi. Theo các tài liệu còn lưu lại thì từ cuối thế kỷ 16 đã có các đoàn truyền giáo Tây phương đến Đàng Trong. Những đoàn truyền

giáo này được đào tạo ở Học viện Ma-Cao là chuẩn bị để đưa vào Nhật Bản truyền giáo chứ không phải để đưa sang Đàng Trong. Nhưng từ năm 1614, hoàng đế Nhật Daifusama ra lệnh trục xuất các thừa sai ngoại quốc, mở đầu cuộc bách hại đẫm máu kéo dài gần nửa thế kỷ. Những giáo dân người Nhật muốn giữ đức tin đã vịn cớ buôn bán để xin ra nước ngoài, họ đến trú ngụ ở các khu cảng vùng Đông Nam Á lập thành các họ đạo nhỏ, những thừa sai bị trục xuất cũng đi theo. Một số giáo dân người Nhật đã đến thương cảng Hội An sinh sống, họ mong chờ một thừa sai đến với họ, vì thế mà Giáo đoàn Buzomi thay vì đi Nhật lại sang Đàng Trong để truyền giáo.

1/. Francesco Buzomi.

Người đầu tiên khởi xướng công việc ghi âm tiếng Viêt bằng chữ cái La-tinh là linh mục Dòng Tên người Ý Francesco Buzomi (1576–1639). Ông đến xứ Việt của chúa Nguyễn để truyền giáo vào tháng giêng năm 1615. Khi ông đặt chân lên đất Hội An của Đàng Trong chẳng bao lâu là ông liền nghĩ ngay đến việc cất một nhà nguyện tại đây. Điều này cho thấy linh mục Buzomi là người chánh thức đầu tiên đặt nền móng cho công cuộc rao giảng phúc âm ở xứ Đàng Trong.

Việc truyền giảng đạo Ki-Tô cho người Việt lúc ban đầu còn thưa thớt. Dịp lễ Phục Sinh năm ấy linh mục Buzomi mới làm phép rửa tội cho 10 người Việt đầu tiên, trong đó có tân tòng Augustino, sau làm thầy giảng phụ tá cho cha Buzomi. Agustino là một thanh niên Việt đầy nhiệt tình và quả cảm, giúp việc cho cha Buzomi rất đắc lực và là người Việt đầu tiên có mặt trong tổ chức các thầy giảng ở xứ Đàng Trong và sau này cả ở xứ Đàng Ngoài. Agustino đã dạy tiếng Việt cho linh mục Buzomi, nhưng không có cách nào Buzomi thông thạo được tiếng bản xứ và vì vậy linh mục Buzomi luôn luôn phải cần đến sự thông dịch của Agustino trong việc giảng đạo. Một thời gian sau, linh mục Buzomi chuyển đến Thanh Chiêm (tức Dinh trấn thuộc Quảng Nam, còn gọi là Dinh Chiêm hoặc Kẻ Chàm), cách Hội An khoảng 10 km, vừa học tiếng Việt vừa truyền đạo, số người được

rửa tội năm đó lên tới 300 người. Năm 1616, có tu huynh người Nhật tên Paulus Saito đến trợ giúp cha Buzomi và năm 1617 có thêm linh mục Francisco de Pina và một tu huynh người Nhật khác tên Joseph tới tăng cường. Để tiện cho việc truyền giáo, ban đầu linh mục Buzomi nhờ giáo dân người Nhật thông ngôn. Người Nhật đến Hội An buôn bán đã lâu, họ đã có cơ ngơi ở đô thị này và cũng có nhiều mối quan hệ với những quan chức ở Thanh Chiêm nên giúp cha Buzomi vượt qua những hạn chế lúc mới bắt tay vào việc. Cha Buzomi được Chúa Sãi tiếp đón niềm nở, được Chúa ban cho một tờ chiếu đóng dấu đỏ của triều đình cho phép cha Buzomi được tự do truyền giáo khắp nơi trong xứ Đàng Trong.

2/. Francisco de Pina.

Năm 1617, linh mục trẻ Francisco de Pina được cử đến Đàng Trong. Francisco de Pina (1585–1625) là một giáo sĩ công giáo người Bồ Đào Nha thuộc Dòng Tên. Ông đến Đàng Trong của Việt Nam là để hiệp sức với giáo sĩ người Ý là Francesco Buzomi. Khi đến nơi De Pina lao vào học tiếng Việt để phụng sự Chúa hữu hiện hơn vì "lời từ miệng nhà truyền đạo có Thánh Thần ban sinh khí nên có hiệu lực hơn khi giảng bằng thông ngôn." Ông đã nhanh chóng vượt qua trở ngại về ngôn ngữ, chẳng bao lâu đã nói thông thạo tiếng Việt, tự mình có thể truyền giáo không cần người thông dịch. Mặt khác, ông phải gấp rút học vì một mình ông phải gánh vác mọi chuyện không có ai phụ giúp.

Trước đó trong thời gian 1611-1617 khi đang theo học ở chủng viện Thánh Phaolo ở Ma-Cao, ông có tiếp xúc với giáo sĩ João Rodrigues, nhà ngữ học tiếng Nhật tiên phong, soạn cuốn văn phạm tiếng Nhật chuyển tự sang chữ cái La-tinh dựa vào cách phát âm tiếng Bồ, ngày nay gọi là Romaji. Francisco de Pina được cho là đã theo phép chuyển tự này để ghi chép tiếng Việt khi ông vào Đàng Trong. Ông là nhà truyền đạo Ki-tô đầu tiên nói thông thạo tiếng Việt để giảng đạo trực tiếp bằng ngôn ngữ này. Francisco de Pina là người khởi đầu phương pháp ghi âm tiếng Việt bằng ký tự La-tinh mà nay trở thành chữ Quốc ngữ.

Năm 1618, Francisco de Pina cùng với một thanh niên giáo dân người Việt có tên là Phê-rô dịch sang tiếng Việt kinh Lạy cha và các kinh căn bản khác trong Ki-Tô giáo. Đây là lần đầu tiên khởi đầu cho công cuộc ghi âm tiếng Việt bằng mẫu tự La-tinh. Năm 1622, nhờ sự trợ giúp của một số học sinh Việt Nam, Francisco de Pina đã hoàn thành việc xây dựng một hệ thống chuyển mẫu tự La-Tinh cho thích hợp với lối phát âm và thanh điệu tiếng Việt. Ông cũng sưu tập được một tuyển tập các truyện để cung cấp những trích dẫn nhằm củng cố nghĩa của từ và ông cũng bắt đầu viết về các qui tắc ngữ pháp. Năm 1624, Francisco de Pina mở trường dạy tiếng Việt đầu tiên tại Thanh Chiêm cho những người ngoại quốc, trong đó có 2 học trò cự phách là Antonio de Fontes và Alexandre de Rhodes. Ông còn đào tạo cho những học trò này hiểu sâu hơn về ngôn ngữ Việt Nam để có thể cùng ông gánh vác việc truyền đạo và hiểu sâu hệ chữ tiếng Việt và văn hóa bản xứ. Cuối năm 1625, Francisco de Pina đột ngột qua đời ở Vũng Đà Nẵng khi đang cố cứu khách trên một con thuyền bị đắm và thi hài ông được tẩm liệm và an táng tại Hội An.

3/. Alexandre de Rhodes.

Alexandre de Rhodes (1593–1660) là một nhà truyền giáo Dòng Tên và một nhà ngôn ngữ học người Pháp. Tháng 12 năm 1624, Alexandre de Rhodes cùng với bốn cha Dòng Tên khác và một tín hữu Nhật Bản, cập bến Hội An, gần Đà Nẵng. Ông bắt đầu học tiếng Việt từ giáo sĩ Francisco de Pina, người đã đến Đàng Trong trước ông 7 năm và là nhà truyền giáo thông thạo tiếng Việt nhứt, khi đó Pina cũng đang phát triển cách ghi âm tiếng Việt bằng ký tự La-tinh. Ngoài việc học tiếng Việt với Pina, Alexandre De Rhodes cũng học tiếng Việt từ một cậu bé Việt khoảng 10, 12 tuổi.

Sau cái chết của Francisco de Pina, Alexandre de Rhodes đã vận dụng những kiến thức tích lũy được từ khi học ngôn ngữ với Pina tại Dinh Chiêm để bắt đầu soạn cuốn sách giáo lý bằng chữ Quốc ngữ, đó là *Phép giảng tám ngày.* Khi còn

là bản thảo, cuốn sách này đã được dùng vào việc huấn luyện các thầy giảng ở Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong. Đồng thời, Ông sử dụng bản thảo cuốn *Tự điển Việt-Bồ* của Gaspard de Amaral và cuốn Tự điển *Bồ-Việt* của Antonio Barbosa để biên soạn cuốn Từ điển Việt-Bồ-La. Hai cuốn từ điển của Amaral và Barbosa về sau bị thất lạc. Cuốn *Từ điển Việt- Bồ-La* và cuốn *Phép giảng tám ngày* của Alexandre de Rhodes là cuốn từ điển tiếng Việt đầu tiên và cuốn sách in chữ Quốc ngữ đầu tiên được in vào năm 1651 ở Roma. Việc ấn hành cuốn *Từ điển Việt–Bồ–La* và cuốn *Phép giảng tám ngày* đã ghi một dấu mốc quan trọng trong quá trình hình thành chữ Quốc ngữ.

*Cuốn Từ điển Việt–Bồ–La c*ủa Alexandre de Rhodes dày 500 trang gồm 8000 từ tiếng Việt dịch ra tiếng Bồ Đào Nha và tiếng La-tinh vượt xa hai cuốn từ điển của Amral và Barbosa về sự hoàn chỉnh của các phiên âm và là quyển từ điển đầu tiên tiêu chuẩn hóa hệ thống chữ Quốc Ngữ. Riêng về các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng mà ông sáng chế ra đã được ông cho rằng đó là linh hồn của tiếng Việt. Quyển từ điển này gồm có ba phần: Phần thứ nhứt viết bằng tiếng La-Tinh, nói về ngữ pháp của tiếng Việt, nói về chữ, dấu, động từ, danh từ và cú pháp tiếng Việt. Đây có lẽ là cuốn ngữ pháp đầu tiên của Việt Nam. Phần thứ hai là phần chánh, đó là tự điển Việt Nam - Bồ Đào Nha - La Tinh. Phần thứ ba là tự điển La Tinh - Việt Nam. Phần này có thể coi là quyển tự điển La-Việt đầu tiên. Quyển Giáo Lý Phép giảng tám ngày là quyển sách song ngữ, được viết bằng hai thứ tiếng La Tinh và Việt. Sách này chia ra làm tám phần, mỗi phần là một ngày học.

Theo các nhà nghiên cứu về ngữ học nếu không có Alexandre de Rhodes nâng tầm hệ ký tự phiên âm này lên thành chữ viết qua cuốn *Từ điển Việt-Bồ-La v*à cuốn *Phép giảng tám ngày* thì hệ ký tự này vẫn chỉ là hệ ký tự phiên âm ghi lại âm tiếng Việt giúp cho người nước ngoài học tiếng Việt ghi nhớ được âm tiếng Việt mà thôi, chúng chưa thể thành hệ chữ tiếng Việt đúng nghĩa được. Vì vậy có thể nói Alexandre Rhodes tuy không phải là "cha đẻ" nhưng là một người đã có công đầu trong việc sáng tạo ra chữ tiếng Quốc ngữ.

Từ khi đến Hội An, Đại Việt trở thành nơi cư trú của

Alexandre de Rhodes trong vòng 2 thập kỷ, nhưng cuộc đời truyền giáo của ông ở đây rất bấp bênh và thăng trầm bởi việc giao thương của chúa Trịnh và chúa Nguyễn với Bồ Đào Nha và sự xung đột giữa hai miền Đàng Ngoài–Đàng Trong. Trong vòng 20 năm truyền đạo ở Đại Việt, Alexandre de Rhodes bị trục xuất đến 5 lần. Ông bị trục xuất lần cuối và vĩnh viễn vào năm 1645, do chánh quyền chúa Trịnh và chúa Nguyễn không còn lợi dụng được các nhà truyền giáo để giao thương với Bồ Đào Nha. Những năm sau đó cho đến cuối đời, ông tiếp tục truyền giảng đạo Ki-Tô tại Ba-Tư và qua đời tại đây vào ngày 5 tháng 11 năm 1660. Đến tháng 11 năm 2018, để bày tỏ lòng tri ân người đã có công lớn trong việc hình thành chữ Quốc ngữ, một phái đoàn người Việt đã tổ chức cuộc hành hương đến Ba-Tư để thăm viếng và gắn bia tri ân tại mộ phần Alexandre de Rhodes nằm trong một nghĩa trang ngoại ô của thành phố Esfahan, xứ Ba-Tư.

4/. Pigneau de Behaine.

Trong quá trình hình thành chữ Quốc ngữ, ngoài Francisco de Pina và Alexandre de Rhodes còn có nhà truyền giáo, giám mục Pigneau De Béhaine (thường được gọi là cha Bá Đa Lộc) cũng có công nhiều trong việc cải tiến chữ Quốc ngữ. Vào năm 1772, với sự cộng tác của một người Việt là Hồ Văn Nghi và một số người Việt khác, giám mục P. De Béhaine đã chỉnh đốn nhiều khuyết điểm về thanh sắc, về nguyên và phụ âm của hệ chữ Quốc ngữ lúc đó để hoàn thành quyển từ điển Annam – La-tinh *(Dictionarium Anamitico Latinum)* với một kiểu phiên âm đã đạt đến một hình thức ổn định. Bộ từ điển này gồm hai phần, phần tra chữ Nôm theo 214 bộ chữ Hán và phần từ điển Nôm - Quốc Ngữ - Latinh. Phần tra chữ Nôm dạy về cách đọc chữ Nôm theo bộ và số nét. Phần thứ hai là tự điển tiếng Việt ghi theo lối viết Nôm và Quốc Ngữ, sắp theo mẫu tự abc. Số lượng từ trong phần này là 4843 từ đơn và mấy chục ngàn từ kép. Tất cả đều được ghi và giải nghĩa bằng chữ La-tinh. Những cải tiến trong quyển từ điển này là: thống nhứt các phụ âm đầu, loại bỏ các phụ âm: bl, de, ge, ml, tl và thống nhứt các phụ âm

cuối. Ngoài ra, vì được sự cộng tác của nhiều người Việt cho nên trong quyển từ điển này có phần Phụ lục sưu tập được cả trăm câu ca dao, tục ngữ. Tất cả những câu này đã được ghi bằng chữ Nôm, chữ Quốc Ngữ và chữ La-tinh. Bộ Tự điển Annam-Latinh này thật là một tài liệu rất giá trị. Tuy nhiên, bộ tự điển này dù đã hoàn thành vẫn còn dạng thủ bản, chưa được in.

5/. Jean-Louis Tabert.

Đến năm 1838, công trình của giám mục Pigneau De Béhaine tuy chưa xuất bản nhưng được giám mục Jean Louis Taberd kế thừa và kết hợp với những thành tựu của Alexandre de Rhodes để biên tập và chỉnh đốn chữ Quốc ngữ lần thứ hai và cho ra đời cuốn từ điển Nam Việt – Dương hiệp tự vị *(Dictionarium Anamitico-Latinum*). Trong việc biên tập này giám mục Jean-Louis Tabert được sự hợp tác của một đại chủng sinh người Việt là Philipphê Phan Văn Minh và nhiều người Việt Nam khác. Nên biết rằng trong việc biên soạn quyển từ điển này, giám mục Taberd chỉ chủ trương và phối hợp. Còn công việc biên soạn phần Nôm, phần Quốc Ngữ và thích nghĩa là công việc của một số người Việt Nam trong Đại chủng viện Đàng Trong, trong đó công của Thầy Philipphê Phan Văn Minh là nổi trội nhứt. Chánh thầy Phan Văn Minh đã giúp giám mục Tabert những hiểu biết sâu rộng về tiếng Việt, đặc biệt là tiếng Việt Đàng Trong để hoàn thành bộ Tự điển này. Cuốn từ điển này được chia làm 2 bộ. Bộ 1 có tựa là *Dictionarium Anamitico-Latinum*, bộ 2 có tựa là *Dictionarium Latino-Anamiticum (*Tự điển Annam-Latinh và Latinh-Annam). Bộ Tự điển này còn có tên là Nam Việt-Dương Hiệp Tự vị hay gọi gọn là Tự điển Tabert, có nhiều từ hơn những quyển tự điển đã làm trước đó như từ điển Annam-Latinh của de Rhodes (năm 1651) có 3772 từ, của P. De Béhaine (năm 1772) có 4843 từ và của Taberd (năm 1838) có 4959 từ. Bộ từ điển Taberd có ba phần:

1. Phần I gồm 46 trang, tổng lược về văn phạm tiếng Việt.
2. Phần II gồm 620 trang tự vị, liệt kê khoảng 10.000 từ.

3. Phần III gồm Phụ lục có 52 trang về thảo mộc Đàng Trong

.

Giám mục Taberd vừa hoàn tất công việc soạn thảo cuốn tự điển thì ông phải rời Nam Kỳ, lánh sang chủng viện Serampore ở Ấn Độ. Dưới sự bảo trợ của Hội Á châu và giúp đỡ tài chánh của Bá tước Auckland, tức Toàn quyền Ấn Độ George Eden nên việc ấn loát bộ Từ điển hoàn tất năm 1838. Quyển "*Dictionarium Anamitico Latinum*" có khoảng 25.000 mục tự vị. Mỗi mục tự vị tuỳ đặc trưng ngữ nghĩa có thể có nhiều hay ít mục tự vị được chọn phân tích diễn giải ngữ nghĩa. Mỗi mục tự vị có 3 cột văn tự được xếp theo thứ tự: chữ Hán, chữ Quốc ngữ, chữ La-tinh. Chữ Hán giúp nhận diện về phương diện nghĩa của các mục tự vị có cùng hình thức ngữ âm; chữ Quốc ngữ được gắn kết trong một ngữ cảnh giúp nhận diện mục tự vị được chọn để giải thích; chữ La-tinh dùng để giải nghĩa từ. Như vậy, quyển tự vị này cần cho người nước ngoài học tiếng Việt qua chữ Quốc ngữ và trong chừng mực giúp nắm bắt chữ Hán. Việc giải thích từ ngữ bằng tiếng La-tinh được xem như một ngôn ngữ khoa học phổ biến thời bấy giờ. Như thế cũng đủ thấy là tự-vị Taberd thật là tiện lợi: tra cứu theo chữ Hán, chữ Nôm hay chữ Quốc-ngữ đều được dễ dàng. Từ điển Taberd có một vị trí và giá trị to lớn trong việc tìm hiểu, nghiên cứu, bảo tồn kho tàng tiếng Việt, chữ Nôm, đặt biệt trong đó có nhiều từ ngữ cổ mà ngày nay tiếng Việt không còn sử dụng nữa.

Tóm lại, việc biên soạn chữ Quốc ngữ là một công trình rất có phương pháp, và tốn nhiều công phu. Nếu không tha thiết với tiếng Việt, với chữ nôm, thì chắc không ai làm. Và hơn nữa, nếu không có nhiều người cùng làm chung thì không ai một mình mà làm nổi. Cho nên, điều rõ ràng là công trình sáng tạo chữ Quốc ngữ này không chỉ do công sức của các nhà truyền giáo Âu châu. Họ đã không thể hoàn thành được công việc này nếu không có sự giúp đỡ của những người Việt Nam như các linh mục, các thầy giảng, các giáo hữu .v.v… Những người Việt Nam này là những người biết chữ thánh hiền, biết sử dụng chữ Nôm, và hiểu biết phong tục tập quán nước ta. Cho nên tuy rằng

trong các công trình về sự hình thành chữ Quốc ngữ, các người Việt này thường bị lãng quên, không được nhắc đến tên tuổi của họ, nhưng ta có thể chắc được rằng những người Ki-tô hữu Việt Nam ấy đã đóng góp vào đó, nếu không phải là về phương pháp thì cũng là về phần tài liệu, một phần không phải là nhỏ.

Tuy nhiên, một trong các ki-tô hữu bị "lãng quên" đó, trong những năm tháng gần đây không còn bị lãng quên nữa, đó là linh mục người Việt Dòng Tên có tên là Philiphê Bỉnh (Fillippe do Rosario). Nhờ truy lục thư viện Tòa Thánh Vatican, tình cờ những tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ của ông được tìm thấy. Không có tài liệu nào nói về tiểu sử của ông, chỉ biết linh mục Philipphê Bỉnh sinh tại Hải Dương năm 1759 đến 17 tuổi vào tu ở nhà Dòng. Ông thụ phong Linh mục dòng Tên năm 34 tuổi và ba năm sau qua Bồ Đào Nha với sứ mệnh là xin vua Bồ Đào Nha can thiệp với Tòa Thánh La Mã bãi bỏ lệnh đóng cửa dòng Tên ở Việt Nam và ông đã ở lại đó đến cuối đời là năm 1832.

Sinh thời ông đi chu du nhiều nước, viết nhiều sách, san định nhiều bộ tự điển đầu tiên cho người Việt dùng bằng chữ Quốc ngữ mà ngày nay đọc vẫn còn trôi chảy, vẫn hiểu như ngôn ngữ ta dùng hiện nay. Thời gian hơn 30 năm ở Bồ Đào Nha, ông đã viết hơn 21 cuốn sách bằng chữ Quốc ngữ, có cuốn đã in, có cuốn chỉ viết tay. Sách ông bao gồm những đề tài có tính cách biên soạn tự điển, ký sự, nhật ký,… Tác phẩm nổi bật của Philiphê Bỉnh là Sách sổ sang chép các việc (1822). Cuốn sách dày 628 trang viết tay theo thể hồi ký bằng chữ Quốc ngữ. Ông viết Sách sổ sang chép các việc "theo tiếng nói thông thường của dân ta, nhứt là tầng lớp bình dân nói sao viết vậy, không chịu ảnh hưởng của tiếng Hán, không hề dùng điển tích cũng không chịu ảnh hưởng của tiếng La-tinh, tiếng Bồ". Trong cuốn sách này tác giả viết rất tỉ mỉ, trung thực những cái nhìn của ông về thời đại mà ông đang sống, các nước ông đã đi qua, các nghề nghiệp lúc bấy giờ, cách ăn uống, ăn mặc, tế lễ, tang ma… Ông quan sát rồi vẽ ra những vật dụng ta chưa làm được, như cái bàn in để in tranh tượng thờ, cái bàn nghiền bột thô sơ để lấy bột làm bánh thánh, cái máy dệt cổ sơ của Tây phương… Ông ghi chép, vẽ lại tỉ mỉ mọi sinhhoạt xã hội, so sánh cách sống văn minh hơn, khoa

học hơn, vệ sinh hơn của xã hội Tây phương với cách sống còn lạc hậu, thiếu vệ sinh, thiếu khoa học của ta... tất cả được viết lại bằng một thứ chữ Quốc ngữ văn nói bình dân, thứ văn xuôi như nói chuyện, nói sao viết vậy, đầy đủ, lưu loát, dễ hiểu. Những tác phẩm của Philipphê Bỉnh đã chứng tỏ chữ Quốc ngữ vào thế kỷ 18 đã tiến gần với tiếng Việt ngày nay, cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của chữ Việt trong hơn một thế kỷ qua.

Tóm lại, chữ Việt dùng mẫu tự chữ cái La-Tinh ra đời, phục vụ mục đích truyền bá một tôn giáo là việc mới hoàn toàn đối với người Việt Nam. Cho nên, chữ Quốc ngữ vào thế kỷ 17-18 hãy còn nhiều khiếm khuyết chỉ dùng trong nhà thờ, các khu cư dân theo Ki-tô giáo mục đích để giảng đạo và chưa được truyền bá nhiều ra ngoài dân chúng. Lý do là vì người Việt đã chịu ảnh hưởng của Phật Giáo từ rất nhiều thế kỷ trước đó. Thực tế này đã trở thành sự đối lập về ý thức của đa số người dân Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật Giáo và tư duy phong kiến. Mặt khác, với tinh thần bài ngoại để sinh tồn, và do sự thống trị của Hán học ở Việt Nam, chữ Hán và chữ Nôm vẫn là dạng văn tự chánh của tiếng Việt. Nhưng đến cuối thế kỷ 18, do sự cố gắng của các giáo sĩ chữ Quốc ngữ đã hình thành và có diện mạo tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, theo tiến trình lịch sử, sự có mặt của những giáo sĩ phương Tây này sau đó lại gắn liền với sự xuất hiện của chủ nghĩa Thực dân và sự tìm kiếm thuộc địa của người Pháp, nên mặc nhiên nó đã trở thành một mặc cảm trong tâm lý người Việt vì thứ chữ Quốc ngữ mới được hiểu là chữ của bọn Tây, bọn xâm lược, do đó, chữ Quốc ngữ chưa được dân chúng Việt chấp nhận.

Bước sang thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ có điều kiện để phát triển nhờ các giáo sĩ có công với chúa Nguyễn Ánh nên được triều đình nhà Nguyễn ưu ái. Chữ Quốc ngữ đã không còn loanh quanh trong khu vực các nhà thờ của các giáo sĩ nữa mà đã bắt đầu ra khỏi khuôn khổ nhà thờ để phổ biến trong dân chúng. Nhưng đến thời Minh Mạng, các giáo sĩ không còn được trọng dụng nhiều nữa. Triều Nguyễn cũng không có thiện cảm với thứ ngôn ngữ "do các nhà truyền giáo sáng tạo ra" nên chữ Quốc ngữ có thời gian không có chỗ đứng trong xã hội Việt Nam. Phải cho

tới khi người Pháp chiếm được Nam Kỳ vào cuối thế kỷ 19, thì tên gọi và vị trí chữ Quốc ngữ dùng mẫu tự La-tinh mới được xác lập, lúc đó chữ Quốc ngữ mới bắt đầu được bảo hộ để phổ biến ra toàn lãnh thổ Việt Nam.

Người Pháp sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ gồm Biên Hòa, Gia Định và Định Tường làm thuộc địa vào năm 1862, họ phải dùng rất nhiều giáo sĩ Ki-tô để làm thông ngôn trong việc giao tiếp với dân chúng. Song không phải giáo sĩ nào cũng tận tình vì công việc. Một số giáo sỉ-thông ngôn này đã lợi dụng công việc để truyền đạo. Để cải đổi tình hình chánh quyền Pháp thực dân thỏa thuận với giới giáo sĩ để thành lập Trường Thông ngôn. Phó Đô đốc Léonard Charner đã ra nghị định biến trường Collège d'Adran của các giáo sĩ thành lập trước đó vào năm 1859 thành Trường thông ngôn đầu tiên để dạy chữ Pháp cho người Việt và dạy chữ Quốc ngữ cho người Pháp, nhằm đào tạo thông ngôn cho quân đội viễn chinh.

Tiếp theo, do nhu cầu cần sử dụng chữ Quốc Ngữ làm phương tiện cai trị nên người Pháp đã ra sức phổ biến chữ Quốc Ngữ. Do chữ Quốc Ngữ rất là dễ học so với chữ Nôm hoặc chữ Hán, nên chữ Quốc Ngữ mặc dù bị coi là "thứ chữ của người ngoại quốc" đã dần dần dễ dàng vượt ra ngoài các khu vực nhà thờ và xứ đạo để trở nên thông dụng và trở thành đúng như tên của nó đã được đặt là "chữ của một quốc gia". Đến năm 1869 khi nền cai trị tại Đông Dương được củng cố, chánh quyền thực dân Pháp chánh thức ra nghị định bắt buộc Việt Nam phải dùng "tiếng An Nam bằng mẫu tự La-tinh" trong hệ thống hành chánh, với ý định tách người Việt hoàn toàn ra khỏi ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa. Cùng năm, chánh quyển Pháp đưa chữ Quốc ngữ vào ngành giáo dục để dạy cho học sinh từ cấp xã thôn trở lên. Để khuyến khích việc truyền bá chữ Quốc ngữ, nhà chức trách thuộc địa Nam Kỳ còn ra nghị định cho giảm hoặc miễn thuế thân và miễn sưu dịch cho thân hào, hương lý nếu họ biết viết chữ Quốc ngữ. Bắt đầu từ năm 1882, chữ Quốc ngữ được dùng làm văn tự chánh thức trong giao dịch, giấy tờ hành chánh, tư pháp và thương mại của nhà cầm quyền thuộc địa. Các quan địa phương phải học chữ Quốc ngữ và chỉ được thăng chức

hay giảm thuế nếu biết đọc, biết viết loại chữ viết này. Mục đích chánh là nhằm đào tạo một thế hệ công chức tương lai tận tâm với nước Pháp, đồng thời cắt đứt ảnh hưởng của Nho giáo. Do đó, kỳ thi Hương cuối cùng diễn ra ở Bắc Kỳ vào năm 1915 và năm 1918 vua Khải Định đã ra dụ bãi bỏ tất cả các trường học chữ Hán để thay bằng các trường Pháp- Việt đánh dấu cột mốc đoạn tuyệt với chữ Hán và xoá bỏ nền giáo dục phong kiến để thiết lập nền giáo dục mới. Nhờ vậy, trong những thập niên đầu thế kỷ 20, chữ Quốc ngữ trở thành văn tự diễn đạt phổ biến ở Việt Nam. Khi chữ Quốc ngữ đã tiến vào các trường học thành công, nhiều tổ chức và cá nhân người Việt xuất hiện nhằm truyền bá chữ Quốc ngữ. Trong đó, phương tiện quan trọng để phổ biến và hoàn thiện chữ Quốc ngữ, chánh là sự xuất hiện và phát triển của báo chí Quốc ngữ mà những trí thức người Việt như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Châu Trinh, Phạm Quỳnh, v.v… đã có nhiều đóng góp lớn lao.

B.- NHỮNG NGƯỜI CÓ CÔNG PHÁT TRIỂN CHỮ QUỐC NGỮ

1/. Trương Vĩnh Ký (1837 – 1898).

a/. Người Việt đầu tiên làm Thầy giáo dạy chữ Quốc ngữ: Ngay khi Trường Thông ngôn thành lập, ông Trương Vĩnh Ký được mời làm giáo sư. Ông là người Việt đầu tiên làm thầy giáo dạy chữ Quốc ngữ, một công việc không hề có trước đó cũng như không dễ dàng vào lúc bấy giờ vì cho tới thời điểm đó chưa bao giờ có giáo trình hay sách giáo khoa về chữ Quốc ngữ.

Vì nhận thấy chữ Quốc ngữ là loại chữ viết đơn giản, dễ học chỉ cần ba tháng là có thể biết đọc và viết chữ Quốc ngữ nên ông tin tưởng là “Chữ Quốc ngữ phải trở thành chữ viết của nước nhà. Cần phải nắm vững nó cho điều tốt đẹp và cho sự tiến bộ. Vì thế, chúng ta phải tìm mọi cách để phổ biến chữ viết này”. Do đó, ngay khi được trở thành giám đốc trường Thông ngôn rồi giám đốc trường Sư Phạm, ông Trương Vĩnh Ký đã tận dụng vị trí Giám đốc và dùng nó như công cụ giúp ông phổ biến rộng rãi

chữ Quốc ngữ. Thái độ ủng hộ việc truyền bá học thuật bằng ký tự La-tinh này đã được ông thể hiện bằng việc tập trung vào việc viết nhiều cuốn sách giáo khoa trong đó quyển đầu tiên mang tên *Ngữ pháp tiếng Annam* (Abrégé de grammaire Annamite) được in năm 1867. Sau đó là ông viết hàng loạt sách giáo khoa khác như *Chuyện tiếng An Nam và tiếng Langsa, Sách tập nói chuyện tiếng An Nam và tiếng Langsa, Phép lịch sự An Nam, Văn phạm tiếng An Nam, Chữ quốc ngữ và lịch sử An Nam*... Riêng cuốn sách giáo khoa Văn phạm tiếng An Nam dày 304 trang được ông viết rất chi tiết, từ cách đánh vần cho tới những từ ngữ, các danh từ, động từ, tính từ... đều phân biệt chi tiết. Ví dụ "con ốc" là loài ốc nói chung, khác với "con ốc vặn" mà ta gọi là ốc vít. Còn con cò thì khác với cò súng, con ngựa khác với ván ngựa (bộ ván), con ngựa của cây đờn... Không chỉ viết sách dạy chữ, ông còn viết cả sách lịch sử, chuyển âm truyện thơ *Lục Vân Tiên, Truyện Kiều, Trương Lương*... cho học trò có sách để đọc tham khảo.

Trong thời gian làm giám đốc Trường Thông ngôn (từ 1864-1869) và làm giám đốc Trường Sư phạm (từ 1872-1876) ông Trương Vĩnh Ký đã viết khoảng 25 cuốn sách giáo khoa dành cho học trò, trong tổng số gần 200 tác phẩm của ông. Nghiệp làm thầy của ông Trương Vĩnh Ký để lại khá nhiều dấu ấn tốt đẹp. Một số khá đông học trò của ông, về sau trở thành những công chức mẫn cán của guồng máy hành chánh hoặc là những người có công lớn đối với nền văn học, văn hóa của nước nhà mà nổi bật là các ông Trương Minh Ký (nhà báo, nhà văn, thầy giáo), Đặng Thúc Liêng (nhà báo, nhà văn), Nguyễn Khắc Huề (thầy giáo).v.v… Sau 22 năm làm thầy giáo, đến năm 1886 là thời điểm học giả Trương Vĩnh Ký rời Sài Gòn ra Huế làm cố vấn cho vua Đồng Khánh theo đề nghị của toàn quyền Đông Dương Paul Bert.

b/. <u>Ông tổ của nghề báo viết bằng chữ Quốc ngữ</u>: Trong khi làm nhiệm vụ Giám đốc trường Sư Phạm đồng thời ông còn được chánh quyền Pháp bổ nhiệm làm Chủ biên tờ *Gia Định Báo* (1865 - 1897) là tờ báo in chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam được ra mắt vào năm 1865 tại Sài Gòn. Như vậy, ông Trương Vĩnh Ký, ngoài là người Thầy dạy chữ Quốc ngữ đầu tiên, còn là

ông tổ của nghề báo viết bằng chữ Quốc ngữ tại Việt Nam và tờ Gia Định báo cũng đã mở đường cho một thời kỳ mới trong lịch sử nước ta, với việc dùng chữ Quốc ngữ cho hoạt động báo chí.

Lúc ban đầu tờ báo này chỉ là một công cụ thông tin của Pháp, nhưng từ khi được giao cho ông Trương Vĩnh Ký làm Giám đốc và ông Huỳnh Tịnh Của làm Chủ bút tờ *Gia Định Báo* mới thật sự khởi sắc, vì đã được phát triển thêm các mục biên khảo, lịch sử, thơ văn, nghệ thuật…. Tờ báo này đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển chữ Quốc ngữ, khuyến khích dân chúng theo tân học, mở đường cho sự sáng tác các thể loại thơ văn bằng chữ Quốc ngữ và tạo nền móng cho sự nở rộ của báo chí Việt Nam sau này. Tờ *Gia Định báo* đã thực hiện đúng phần nào nhiệm vụ giáo dục của báo chí, truyền tải nhiều kiến thức đến độc giả trước thực trạng dân ta còn quá lạc hậu so với thế giới lúc bấy giờ.

Giám đốc tờ *Gia Định Báo* là Trương Vĩnh Ký (1837-1898) còn có tên là Pétrus Ký là người xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Vĩnh Long. Ông mồ côi cha rất sớm, được các linh mục nuôi dạy và gởi đi học 3 năm ở một trường đạo ở Cam bốt, và 8 năm ở Chủng viện Dulaima ở Penang, Mã lai. Với trí thông minh phi thường và tinh thần cần cù hiếm thấy ông luôn là một học sinh xuất sắc toàn diện, và ông đã biến thành một con người có kiến thức uyên bác về nhiều mặt, trong lãnh vực văn hóa lẫn trong lãnh vực xã hội, khoa học. Ngoài việc làm báo, ông chuyên tâm dạy học và viết sách. Ông dịch sách chữ Hán, phiên âm ra chữ Quốc ngữ những bản cổ văn Việt Nam như *Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Phan Trần, Lục súc tranh công, Gia huấn ca,… và biên soạn Chuyện khôi hài, Chuyện đời xưa,…* Ông để lại cho hậu thế một gia tài khổng lồ với 118 tác phẩm, gồm những sách nghiên cứu, sưu tầm, phiên âm, dịch thuật trong đó có cả chục tác phẩm viết bằng Pháp văn. Ông thông thạo 27 ngoại ngữ, được tấn phong làm Giáo sư Viện sĩ Pháp, được ghi tên trong Bách khoa Tự điển Larousse. Dù đươc mời mọc nhiều lần, ông vẫn không chịu nhập quốc tịch Pháp. Sự nghiệp của ông thật là phi thường và hiếm có nhứt là trong giai đoạn giao thời giữa văn hóa Đông Tây ở cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Ông thường xuyên có bài trên tờ Gia

Định báo vận động cho việc học chữ Quốc ngữ cũng như tìm cách cổ võ cho sự sử dụng chữ Quốc ngữ. Ông viết trên Gia Định Báo ngày 15.4.1867: *"Chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học một đôi tháng thì thuộc hết"*.

Từ khi chữ quốc ngữ trở thành văn tự chánh thức tại Nam Kỳ vào năm 1882, ông chuyển ngữ ngay nền văn chương truyền khẩu bình dân từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ gồm những áng văn vần và chuyện dân gian rất được ưa chuộng, như : *Phép lịch sự Annam (1881), Thơ dạy làm dâu (1882), Thơ mẹ dạy con (1882), Nữ tắc (1882), Thạnh suy bỉ thới phú (1883), Cờ bạc nha phiến (1884), Ngư tiều trường điệu (1884)*…để dùng những chuyện phổ thông làm cái lợi khí cho chữ Quốc ngữ được lan rộng trong dân gian…

c/. *Tờ Thông loại Khóa trình, tờ báo tư nhân đầu tiên.-*

Đến năm 1888, vì muốn thoát khỏi sự lệ thuộc tài chánh của Pháp, học giả Trương Vĩnh Ký đã tự thành lập một tờ báo riêng, là tờ Thông loại khóa trình. Đến đây, ông tiếp tục đi vào lịch sử với tư cách là người sáng lập tờ báo tư nhân đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ, mặc dù tờ báo chỉ tồn tại được chưa đầy hai năm. *Thông loại Khóa trình* (Miscellannées) ra đời vào năm 1888, mỗi tháng một số, số đầu ra mắt tháng 5 năm 1888. Chủ quản và người sáng lập tờ báo là học giả Trương Vĩnh Ký, cũng là người viết hầu hết các bài, và trong số báo đầu đã ghi rõ nội dung và mục đích của tờ báo. Về sau tờ báo có thêm sự đóng góp của các ông Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Chánh Chiếu.v.v.... Ông Trương Vĩnh Ký phải bỏ tiền riêng ra để in tờ tạp chí này và vì chi phí quá tốn kém nên báo phải đình bản vào tháng 10 năm 1889 sau khi ra được 18 số. Báo Thông loại khóa trình được coi là học báo và tờ báo văn học bằng Quốc ngữ đầu tiên tại Việt Nam, nhằm mục đích giáo dục trong nhiều lãnh vực như dạy chữ Hán, tiếng Pháp, luân lý, phong tục... Báo cũng có nhiều bài viết về văn hóa Việt Nam, văn chương dân gian, dân ca, tục ngữ và nhiều thể loại văn khác. Nội dung tờ báo được phân ra hai phần chánh là: văn chương bác học (về Nho học v.v.) và văn chương dân gian (tục ngữ, bài hát chòi con nít, hát nói v.v.).

Sự nở rộ của báo chí, trong đó có sự đóng góp không nhỏ

của tờ *Gia Định Báo*, đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện nhiều nhà văn tài năng, nhiều tác phẩm giá trị. Đặc biệt là sự ra đời của cuốn từ điển **Đại Nam quốc âm tự vị** do ông Huỳnh Tịnh Của soạn năm 1895. Đây là cuốn tự điển đầu tiên do người Việt soạn cho người Việt, đến nay vẫn còn hữu dụng.

2/. Nguyễn Văn Vĩnh, chủ nhà in và chủ bút báo chữ Quốc ngữ.

Trong lịch sử phát triển chữ Quốc ngữ không thể thiếu khuôn mặt của Nguyễn Văn Vĩnh (1882 – 1936). Con người tài ba Nguyễn Văn Vĩnh, quê gốc Hà Đông, là trí thức tân học, nhà báo, nhà văn tiêu biểu của miền Bắc Việt Nam đầu thế kỷ 20. Nguyễn Văn Vĩnh nguyên là một đứa trẻ chăn bò, được tuyển làm công việc kéo quạt để làm mát cho một lớp học của người Pháp dạy phiên dịch ở Hà-Nội. Trong khi làm việc, nhờ tài học lỏm với bộ óc khác người, Nguyễn Văn Vĩnh đã được hiệu trưởng đặc cách nhận vào trường. Khi tốt nghiệp lại đậu thủ khoa nên tuy mới 15 tuổi vẫn được đặc cách bổ làm phiên dịch cho Tòa sứ Lào Cai, rồi Hải Phòng và sau đó được chuyển về làm thư ký của Tòa Đốc lý Hà Nội. Sau chuyến đi dự triển lãm ở Pháp về, ông xin thôi làm công chức để ra làm báo và nghề in.

Thông qua mối quan hệ với một viên chức người Pháp là Schneider, ông Nguyễn Văn Vĩnh được cử làm chủ bút *Đăng cổ Tùng báo (1907)*, là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở miền Bắc. Tờ Đăng cổ Tùng báo gồm hai phần có nội dung riêng rẽ, một nửa là phần Hán văn và một nửa là phần chữ Quốc ngữ, ông Nguyễn Văn Vĩnh được cử làm Chủ bút phần chữ Quốc ngữ. Ông Nguyễn Văn Vĩnh nhận ra được sự lợi ích của chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ đọc, dễ viết, và học rất dễ dàng vì *"sáng ý thì chỉ vài ngày, ngu đần thì trong một tháng cũng phải thông"* nên khi ông được giao cho phụ trách tờ báo chữ Quốc ngữ đầu tiên ở miền Bắc là ông đã dốc hết sức phổ biến chữ Quốc ngữ đến mọi tầng lớp dân chứng hầu mở mang dân trí, canh tân đất nước. Ông muốn từ đây, chữ Quốc ngữ sẽ trở nên gần gũi với tất cả mọi người, giúp người dân nhận thấy loại chữ Quốc ngữ hợp lý, và dễ

học và khi đã đọc được, họ sẽ biết thêm được nhiều điều, nhận thức được nhiều thứ… Cho nên, hầu hết các chuyên mục trong tờ Đăng cổ Tùng báo các bài viết với các nội dung khác nhau từ xã hội, giao thương, chánh trị, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh, tin vắn quốc tế và trong nước, rao vặt quảng cáo… đều do một mình ông Nguyễn Văn Vĩnh chế tác. Ông muốn chứng minh trước những tư tưởng bảo thủ và hủ nho trong xã hội Việt Nam biết rằng: chữ Quốc Ngữ đủ sức chuyển tải và mô tả những tinh hoa trí tuệ của nhân loại. Ngay trong số báo Đăng cổ Tùng báo đầu tiên ra ngày 28-3-1907, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã xác định giá trị của chữ Quốc ngữ: *"Nước nam ta mai sau này, hay hay dở cũng ở chữ Quốc ngữ"*.

Tờ *Đăng cổ Tùng báo* tuy hiện hữu không lâu nhưng đã đánh dấu một khúc quanh mới của báo chí Việt Nam không chỉ đơn thuần hoạt động trong phạm vi văn hóa nghệ thuật mà còn đi vào trong lãnh vực chánh trị, kinh tế, xã hội và đã phản ảnh được cuộc sống thực tại ở Viêt Nam thời đó, đặc biệt là tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Sau khi tờ *Đăng cổ Tùng báo* bị đình bản, ông còn làm chủ bút của 4 tờ báo chữ Quốc ngữ và 3 tờ báo tiếng Pháp. Để phục vụ cho nội dung các tờ báo do mình làm chủ bút và phục vụ cho mục tiêu quảng bá và phổ cập chữ Quốc ngữ, ông tìm cách thay thế vai trò của chữ Hán và Pháp văn. Do đó, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã thực hiện việc dịch các tác phẩm văn học, triết học từ chữ Nôm ra Quốc ngữ, từ Hán văn ra Quốc ngữ, từ Pháp văn ra Quốc ngữ, từ Hán văn ra Pháp văn và từ Quốc ngữ ra Pháp văn. Qua các công trình dịch thuật này, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã chứng minh khả năng tiềm ẩn của chữ Quốc ngữ và ông cũng đích thân đóng góp vào việc hoàn thiện thứ chữ viết theo mẫu tự La-Tinh này.

Để theo đuổi mục đích quảng bá chữ Quốc ngữ, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã lần mò theo con đường Báo chí nhằm "làm cho tiếng Việt ngày càng trở nên mạch lạc, khoa học, đủ sức sánh vai với bất kỳ một loại ngôn ngữ nào của các dân tộc trên thế giới"... Để thử thách điều đó, năm 1913 ông Nguyễn Văn Vĩnh được sự tài trợ của chánh quyền thuộc địa Pháp đã cho ra mắt tờ

"*Đông Dương Tạp Chí*" hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên tại Bắc Kỳ. Mỗi tuần ra một số có sự tham gia của hầu hết những gương mặt ưu tú nhứt, có học vấn nhứt của cả Trung kỳ và Bắc kỳ.

Với vai trò Chủ bút, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã chứng minh khả năng tiềm ẩn cũng như để biểu dương sức mạnh của thứ chữ viết theo mẫu tự La Tinh bằng việc dịch sang chữ Quốc Ngữ hàng loạt các tác phẩm văn học kinh điển, các tư tưởng triết học của các danh nhân văn hóa thế giới. Mở đầu,ông Nguyễn Văn Vĩnh đã cùng với ông Phan Kế Bính dịch tác phẩm "*Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*" của nhà văn Trung Hoa La Quán Trung từ chữ Hán ra tiếng Việt lần đầu tiên vào năm 1909. Tiếp theo, từ năm 1900 đến 1920, ông cũng dốc lòng dịch các tác phẩm văn học kinh điển trong tủ sách tinh hoa của nhân loại ra tiếng Việt như các tác phẩm văn học Pháp của Victor Hugo, của La Fontaine, của Voltaire, của Charles Perrault, của Jean-Jacques Rousseau..., và các vở hài kịch của Molière ra chữ Quốc ngữ và dịch Truyện Kiều từ chữ Nôm ra chữ Quốc ngữ. Trên tờ *Đông Dương Tạp Chí* này, học giả Nguyễn Văn Vĩnh cũng đã thành công khi chứng minh với đồng bào mình rằng: nền văn hóa của dân tộc Việt Nam không thể không tự hào khi chúng ta có thi hào Nguyễn Du, có *Truyện Kiều,* mà qua cách quảng bá của ông Nguyễn Văn Vĩnh, dư luận đã đồng tình gọi Nguyễn Du là Đại Thi hào!

Tóm lại, "*Đông Dương Tạp Chí*" đã đóng một vai trò quan trọng bậc nhứt trong tiến trình phổ biến và hiện đại hóa ngôn ngữ, cơ sở để hình thành nền văn học chữ Quốc Ngữ ở Việt Nam, tiến dần đến khả năng thay thế vai trò ngàn đời của chữ Hán và chữ Nôm.

Năm 1917, một trong những gương mặt quan trọng của Tòa soạn "Đông Dương Tạp Chí" là Phạm Quỳnh (1890-1945) đã tách ra và tạo dựng tờ "Nam Phong Tạp Chí". Tiếp theo, đến năm 1919, làng báo chí Việt Nam chứng kiến thêm sự ra đời của tờ nhựt báo "Trung Bắc tân văn" do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Đây là tờ **nhựt báo** đầu tiên trong lịch sử báo chí ở Việt Nam. Cùng năm này đã xuất hiện một tờ báo đầu tiên ở Việt

Nam chuyên về giáo dục và có tên là *"Học Báo"*, do Nguyễn Văn Vĩnh là Chủ nhiệm và Chủ bút là Trần Trọng Kim (1883-1953).

Ngoài ra vào năm 1927, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đặc biệt đề ra 2 việc cải tiến chữ Quốc ngữ thành công giúp chữ Quốc ngữ có thể được chuyển qua điện tín theo nguyên tắc dùng ký hiệu "aa" thay cho "â", ký hiệu "aw" thay cho "ă" và ký hiệu "uw" thay cho "ư". Ngoài ra, để nhằm thuận lợi hơn trong việc hòa nhập với công nghệ in ấn của thế giới, ông Nguyễn Văn Vĩnh đã nghĩ ra một số mẫu chữ cải tiến để thay vì dùng năm dấu: ***sắc, huyền, hỏi, ngã*** và ***nặng*** được thay thế bằng các mẫy tự: **q, f, j, z, w v**à được đặt phía sau của mỗi từ. Hai đề xuất này của ông Nguyễn Văn Vĩnh rất là hữu dụng trong những năm đầu của thế kỷ 20, vì nhờ đó nghề in ấn đã không bị trỡ ngại trong việc sử dụng các máy in của phương Tây. Ngày nay, kỹ thuật điện toán tiến bộ vượt bực khiến những đề xuất đó của ông Nguyên Văn Vĩnh không còn được sử dụng.

Tất cả việc làm của ông Nguyển Văn Vĩnh, đặc biệt phần lớn nội dung các bài của ông trên các tờ báo do ông làm chủ bút là quảng bá và đề cao vai trò của chữ Quốc ngữ, hướng người đọc đến sự mở rộng sự hiểu biết để dần thay đổi tư duy và định hướng cho quần chúng hiểu về những khái niệm dân chủ, bình đẳng, tự do và tiến bộ. Tất cả các công việc khai dân trí đó đã theo thời gian thấm vào cuộc sống tinh thần của người Việt và đã trở thành phần hồn của một dân tộc. Vì nhận thấy các việc làm của ông Nguyễn Văn Vĩnh đã đi ngược lại các chánh sách của chánh phủ thuộc địa nên họ đã cảnh báo ông nhiều lần để thay đổi đường lối. Tuy nhiên, các cuộc 'đàm phán' giữa nhà cầm quyền thực dân với ông Nguyễn Văn Vĩnh đều thất bại. Đến năm 1931, chánh phủ Bảo hộ quyết định "bẻ gãy ngòi bút" của ông bằng giải pháp xiết nợ. Để kiếm tiền trả nợ, ông mạo hiểm đi tìm vàng ở nước Lào và ông đã bỏ mình trên dòng sông Sê Pôn (Lào) vào ngày 1 tháng 5 năm 1936 lúc ông được 54 tuổi đời.

3/. Phạm Quỳnh và Nam Phong tạp chí (1917).

Toàn quyền Đông Dương trong giai đoạn 1911 – 1919

là Albert Sarraut có chủ trương "khai hoá", và "chinh phục bằng văn hoá" nên chánh quyền bảo hộ Pháp tại Việt Nam đã cho bầu Hội đồng dân biểu, đặt ra một Nha học chánh Đông Dương thuộc phủ Toàn quyền và bộ Học ở triều đình Huế, cũng như cho thành lập Hội đồng Học chánh bản xứ.

Trong giai đoạn này, cả chánh phủ Pháp và trí thức Việt Nam đều muốn tận dụng thời cơ để phổ biến chữ Quốc ngữ. Lợi dụng việc chánh quyền Pháp muốn «*mượn tay*» những công chức người Việt để tách rời dân chúng khỏi ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, các chí sĩ Việt Nam yêu nước muốn dùng sự tiện lợi của thứ chữ có mẫu tự La-Tinh để phổ biến rộng rãi chữ Quốc ngữ tới mọi tầng lớp dân chúng nhằm mở mang dân trí, khơi dậy tinh thần quốc gia dân tộc. Cho thấy trong việc truyền bá chữ Quốc ngữ, rõ ràng các bên, mặc dù mục đích chánh trị khác nhau, đều thấy phần lợi ích của mình nếu chữ Quốc Ngữ được phổ cập.

Để thi hành đường lối đó, vào năm 1917 tiếp sau *Đông Dương Tạp chí*, Thanh tra mật thám Đông Dương Louis Marty thu phục Phạm Quỳnh tách ra khỏi *Đông Dương Tạp chí* của Nguyễn Văn Vĩnh để thành lập tờ *Nam Phong Tạp chí* nhằm hướng trào lưu dân tộc đòi canh tân vào quỹ đạo của chánh quyền bảo hộ. Nhờ đó, *Nam Phong Tạp chí* được ra đời do Phạm Quỳnh làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút phụ trách về phần chữ Quốc ngữ, còn Nguyễn Bá Trác chịu trách nhiệm về phần chữ Hán. Đây là sự kiện quan trọng nhứt cho sự phát triển của Quốc ngữ.

Sau khi ra đời tờ *Nam Phong tạp chí* của Phạm Quỳnh đã trở thành diễn đàn uy tín dẫn đạo được quốc dân trong "buổi giao thời". Có được sự thể đó là nhờ vị Chủ nhiệm kiêm chủ bút Phạm Quỳnh có tinh thần tự chủ văn hóa và đã tuyên bố rõ ràng về đường lối tự chủ đó trong các bài viết trên Nam Phong tạp chí. Tuy biết ý đồ của nhà cầm quyền thực dân, Chủ bút Phạm Quỳnh không có ý định hạn chế sứ mạng của nhà báo vào mấy điều cải lương nhỏ giọt của "mẫu quốc Đại Pháp" mà nuôi hoài bão lợi dụng "cái chủ nghĩa khai hoá" của chánh quyền bảo hộ để làm đại sự. Một trong các việc trước mắt là phát triển chữ Quốc ngữ để dùng tiếng mẹ đẻ diễn tả mọi tư tưởng, khái niệm,

để sáng tác mọi tác phẩm văn hóa, văn học hầu giúp cho việc xây dựng một nền văn hóa dân tộc độc lập. Nhà báo Phạm Quỳnh chủ trương để gây dựng nền văn hóa riêng, ta cần phải biết phân biệt và dung hòa hai nền văn hóa Đông và Tây, rồi chọn lấy các mặt tốt để xây dựng nền văn hóa dân tộc mình.

Về mặt chánh thức, mục đích của *Nam Phong tạp chí* là kế tục việc truyền bá chữ Quốc ngữ của *Đông Dương tạp chí* vừa mới bị đình bản 2 năm trước đó nên mau chóng được sự cộng tác của nhiều cây bút xuất sắc lúc bấy giờ như các ông Nguyễn Bá Học, Lê Dư, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Hữu Tiến… Trên Tạp chí *Nam Phong* các tác giả này tiếp tục nghiên cứu, biên soạn từ điển, dịch nhiều tác phẩm nước ngoài ra chữ Quốc ngữ, nhứt là mạnh dạn đề nghị việc sử dụng chữ Quốc ngữ trong công văn giấy tờ và đưa chữ Quốc ngữ vào giảng dạy trong trường học. Ngoài ra, *Nam Phong tạp chí* còn có công lớn trong việc xây dựng và hệ thống hóa, chuẩn hóa kho từ vựng, bổ sung các thuật ngữ khoa học, kỹ thuật hiện đại. Lần đầu tiên, các tư tưởng Đông Tây, kim cổ, lịch sử Việt Nam, Trung Hoa, việc cải cách của Minh Trị ở Nhật Bản, hệ thống chánh trị Mỹ, Pháp, vấn đề triết học Đức, nữ quyền ở Đông Dương... được *Nam Phong Tạp chí* chuyển tải hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ đến đọc giả người Việt.

Nhờ nhà báo, học giả Phạm Quỳnh (1892-1945) có viễn kiến coi Quốc ngữ là phương tiện để nâng dân tộc lên hàng văn minh nên *Nam Phong tạp chí* đóng vai trò đó hết sức xuất sắc. Nhà báo, Học giả, Phạm Quỳnh đồng thời còn là Quan đại thần triều Nguyễn, sinh quán Hà Nội, mất mẹ lúc mới được 9 tháng tuổi, đến 9 tuổi lại mồ côi luôn cả cha. Tuy truyền thống gia đình Nho gia nhưng cậu thiếu niên Quỳnh đã sớm nhận ra thực tế "Nào có ra gì cái chữ Nho / Ông Nghè, ông Cống cũng nằm co" nên không tha thiết học chữ Hán theo lối cử tử, nghĩa là học để đi thi, giật cái danh ông Cử, ông Nghè rồi ra làm quan. Do đó, từ nhỏ cậu Quỳnh được cha cho theo học trường không mất tiền Pháp- Việt dành cho con em bản xứ. Quỳnh học tiếng Pháp tiến bộ rất nhanh nên được tuyển vào Trường Thông ngôn. Năm 1908 trường được sáp nhập thành Trường trung học Bảo hộ, tục gọi Trường Bưởi (tức Trường Chu Văn An ngày nay). Ngay

năm ấy, Phạm Quỳnh tốt nghiệp thủ khoa Bằng Thành Chung lúc mới 15 tuổi nên lập tức được nhận vào làm chân phụ tá ở Viện Viễn Đông Bác Cổ, cơ quan sưu tầm, khảo cứu khoa học hàng đầu của đế quốc Pháp ở Viễn Đông, có cả một kho tàng thư tịch. Vừa làm chức thủ thư vừa thông ngôn, Phạm Quỳnh tận dụng điều kiện thuận lợi và tranh thủ thời gian quyết chí tự học bằng cách miệt mài trau giồi vốn Pháp ngữ và "ngốn" hầu hết sách cổ kim Đông Tây về triết học, sử học, văn học, khoa học tự nhiên…đến quên ăn, quên cả về nhà! Kết quả là chỉ 5 năm sau, trang thanh niên 20 tuổi đã trở thành một học giả có kiến văn sâu rộng về văn minh phương Tây và văn hóa phương Đông. Từ năm 1913 Phạm Quỳnh bắt đầu dịch từ Pháp văn, Hán văn và viết những bài khảo cứu sắc sảo trên *Đông Dương tạp chí* của Nguyễn Văn Vĩnh, đồng môn năm xưa ở Trường Thông ngôn. Sự xuất sắc của Phạm Quỳnh lập tức lọt mắt xanh của Giám đốc vụ Chánh trị kiêm Thanh tra mật thám ở phủ Toàn quyền Đông Dương Louis Marty. Do đó, Phạm Quỳnh được Louis Marty thu phục và cho làm chủ bút *Nam Phong Tạp chí*.

Với vai trò chủ bút nhà báo Phạm Quỳnhviết rất nhiều bài trên báo Nam Phong. Ngoài ra, ông còn đi khắp nơi diễn thuyết, giải thích, tuyên truyền cho việc xây dựng nền văn hóa độc lập của nước ta, kêu gọi toàn dân yêu quý và học chữ Quốc ngữ, khuyến khích viết báo, viết văn bằng chữ Quốc ngữ, sáng tạo từ ngữ tiếng Việt. Theo ông, độc lập văn hóa góp phần quan trọng giúp đất nước giữ gìn độc lập chánh trị. Học giả Phạm Quỳnh phân tích và lý giải là cả chữ Hán và chữ Pháp không thể dùng làm quốc văn được và ông khẳng định *"chỉ duy còn có chữ Quốc ngữ là là thứ chữ phù hợp với con người và văn hóa Việt, xứng đáng làm chữ viết chánh thức cho dân tộc Việt Nam vì chữ Quốc ngữ nói sao viết vậy, mà cách viết ấy học rất mau, chỉ sáu tháng một năm là biết được cả. Chữ Quốc ngữ là một thành tựu mới so với chứ Nôm, phải nắm lấy nó, củng cố vững chắc cho nó trong sự tồn tại và phát triển của dân tộc"*. Ông xem chữ Quốc ngữ là một thứ chữ "mầu nhiệm" cho người dân Việt Nam mở mang dân trí và tin rằng vận mệnh chữ Quốc ngữ sẽ gắn chặt với tiếng Việt, với người Việt và quốc văn cũng nhờ đó mà mỗi ngày

một tiến lên rực rỡ.

Từ 1917 đến 1932, suốt 15 năm, tức hơn nửa cuộc đời hoạt động xã hội của mình ông Phạm Quỳnh đã toàn tâm toàn ý với Nam Phong Tạp chí, biến nó thành cơ quan ngôn luận uy tín nhứt đương thời. Trong hơn 2.000 bài đăng trên tạp chí này của 164 tác giả, thì có đến gần 1/3 là của tác giả Phạm Quỳnh viết bằng chữ Quốc ngữ, Hán tự và Pháp văn thuộc đủ loại: khảo luận, dịch thuật, du ký… Trong đó, hơn 20.000 trang của 210 số *Nam Phong Tạp chí* có thể dùng làm tư liệu sống cho những ai muốn nghiên cứu quá trình hình thành chữ Quốc ngữ và văn hoá Việt Nam hiện đại. Nhà báo, Học giả Phạm Quỳnh không chỉ sử dụng hoạt động báo chí cho mục đích của mình mà ông còn tiếp tục một chủ trương quan trọng hơn, sâu sắc hơn của Đông Kinh nghĩa thục, đó là thông qua giáo dục, đặt chữ Quốc ngữ làm căn bản cho nền quốc học nhằm *"gây lấy cái hồn độc lập cho quốc dân"*. Tại lễ kỷ niệm ngày Giỗ thi hào Nguyễn Du tại trụ sở Hội Khai trí Tiến đức ở Hà-Nội, trước một cử tọa đông đảo, có nhiều quan ta và quan Tây tham dự, học giả Phạm Quỳnh đọc một bài diễn văn vừa thống thiết vừa hùng hồn ca ngợi Truyện Kiều, rồi kết thúc bằng một câu nay đã trở nên bất hủ: *"Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn…"*

Nhưng rồi ngày 23 tháng 8 năm 1945 định mệnh đến. Ngay khi Việt Minh cướp chánh quyền ở Huế thành công, học giả Phạm Quỳnh bị một tiểu đội vũ trang Cách mạng Huế đến bắt đi và "Phạm Quỳnh lên xe đi và không bao giờ trở lại"!

Vì lý tưởng khai dân trí, chấp nhận cộng tác với chánh quyền thực dân Pháp để được công khai làm báo, phát triển ngôn ngữ văn hoá Việt, dấn thân làm quan với chánh quyền thực dân để có cơ hội xây nền quốc học nhằm chủ đích cứu nước, học giả Phạm Quỳnh ý thức rõ thế hiểm nghèo chí mạng của con đường ông lựa chọn: đi giữa hai làn đạn. Điều đau xót khôn cùng là *"người chiến sĩ không gì lay chuyển nổi cho nền độc lập của Việt Nam"* đã hứng loạt đạn không phải của kẻ thù, mà là từ những người vừa mới tự xưng là khởi nghĩa để dành lại cái *"không có gì quý hơn độc lập tự do"*cho dân tộc!

Tiếc thay, con người tài ba, tiêu biểu cho giới trí thức làm

văn hóa theo lập trường quốc gia bất bạo động đã vì một sai lầm của lịch sử đã đành phải *"suối vàng bác có dư dòng lệ / khóc hộ cho tôi nỗi bất bình!"*

4/. Đông Kinh nghĩa thục và sự tự ý thức.

Từ những năm 1880, ông Trương Vĩnh Ký và người Pháp đã cộng tác thành lập Cơ quan Học chánh Nam kỳ và đã soạn sách giáo khoa dạy Quốc ngữ ở cấp tiểu học. Mãi đến năm 1907, cụ Phan Châu Trinh mới nhận ra được sự lợi ích của chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ đọc dễ viết, nên đã ra Hà Nội cùng các thân hào nhân sĩ đất Bắc kêu gọi thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục để đẩy mạnh phong trào canh tân đất nước. Đây là phong trào tự thức tỉnh của các nhà Nho để không bị thời cuộc bỏ rơi. Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời với sự góp mặt của hầu hết các nhà Nho nổi danh đến từ miền Trung và miền Bắc Việt Nam như các cụ Lương văn Can, Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc.v.v... Tiêu chí của trường rất cụ thể, đó là: *Khai dân chí, chấn dân khí và hậu dân sinh*. Để phấn đấu cho mục đích mới mẻ này, việc dạy chữ Quốc Ngữ trở thành nhiệm vụ hàng đầu của trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Trường Đông Kinh Nghĩa Thục có quy mô tổ chức rất lớn, có nhiều giáo viên xuất sắc, vang danh khắp nước. Trường dạy học miễn phí với mục đích chánh là khai trí cho dân. Trường nhanh chóng trở nên nổi tiếng và mau chóng trở thành một phong trào. Chủ trương của trường là bỏ lối học từ chương khoa cử, theo tân học thực tiễn, sử dụng chữ Quốc ngữ trong các hoạt động văn hóa và giáo dục như in sách giáo khoa, dịch thuật, báo chí. Trường cử người đi khắp nơi để diễn thuyết, cổ động cho cải cách, bài trừ hủ tục, và còn ra tờ báo Đại Việt Tân báo làm cơ quan ngôn luận cho trường.

Khi Đông Kinh Nghĩa Thục ngày càng lớn mạnh, khiến cầm quyền thuộc địa Pháp lo ngại tinh thần yêu nước và chống thực dân Pháp của đồng bào Việt Nam nên đã đóng cửa trường. Mặc dù chỉ hoạt động được một giai đoạn ngắn, từ tháng 3 năm

1907 đến tháng 11 năm 1907, trường Đông Kinh nghĩa thục đã tạo một tiếng vang lớn vào thời đó.

5/. Tự Lực Văn Đoàn.-

Trước sự phát triển vượt bực của chữ Quốc ngữ vào thập niên đầu của thế kỹ 20, nền văn học Việt Nam vào những năm 1930 đã chuyển biến mạnh và xuất hiện một thể loại Văn mới, là Văn xuôi viết bằng chữ Quốc ngữ do các ông Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) cùng với Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu… khởi xướng. Đây là một tổ chức văn học đầu tiên ở Việt Nam có tuyên ngôn và tôn chỉ rõ ràng (10 điều).

Trong khoảng chưa đầy một thập kỷ hoạt động ngắn ngủi nhưng sôi nổi, đa dạng của họ từ sáng tác đến hoạt động báo chí, nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã đưa chữ Quốc ngữ lên đỉnh cao của sự phát triển và khai sinh nên dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Họ đã đưa loại mô hình văn học cũ lấy *văn-thơ-phú-lục* làm cơ sở lên mô hình văn học mới dựa trên các thể như *thơ, kịch nói, văn xuôi tiểu thuyết, tiểu luận, phê bình*… Đặc biệt Tự lực Văn Đoàn đã đi tiên phong trong lãnh vực tiểu thuyết mới và thơ mới. Tiểu thuyết Tự LựcVăn Đoàn mặc dù mang tính chất lãng mạn nhưng luôn luôn chất chứa tinh thần đấu tranh chống lại lễ giáo phong kiến, đồng thời đòi tự do, bình đẳng cho con người. Đây là một loại tiểu thuyết luận đề, lấy một câu chuyện hư cấu để thể hiện nhân sinh quan của tác giả.

Ngoài hoạt động chủ yếu là viết văn, Tự Lực Văn Đoàn còn làm báo, in sách và tổ chức các giải thưởng văn học. Với cơ quan ngôn luận là báo *Phong Hóa,* họ làm một cuộc cải cách xã hội bằng tiếng cười trào phúng. Họ đã sáng tạo ra hai hình tượng Lý Toét, Xã Xệ và dùng những hình tượng này để chế giễu những thói hư tật xấu và những hành vi đáng cười của những nhân vật "tai to mặt lớn" trong xã hội đương thời.

Dù phải nổi trôi trong những diễn biến lịch sử bất lợi, khó khăn của thời cuộc đất nước lúc bấy giờ, nhưng nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã cống hiến nhiều vào sự phát triển văn học của

Việt Nam trong giai đoạn giao thời đầu thế kỷ 20. Toàn bộ những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn vẫn được lưu truyền tự do và được đưa vào trong giáo trình giảng dạy văn học tại các trường trung học và đại học thời Việt Nam Cộng Hòa Nam từ năm 1954 mãi cho tới 1975. Trừ lãnh vực chánh trị, trong mọi lãnh vực họ hoạt động, nhóm Tự Lực Văn Đoàn đều đã thành công rực rỡ.

Tóm lại, trong buổi giao thời giữa văn hóa Đông Tây vào cuối thế kỷ 19, chữ Quốc ngữ đã đến kịp thời. Các trí thức Việt Nam như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh,… đã biết nắm lấy cơ hội đó, mặc dầu lúc ban đầu phải dựa vào người Pháp để được viết văn, ra báo. Những tác phẩm biên khảo, bình luận, phóng sự, du ký, tiểu thuyết, thơ phú của *Gia Định Báo, Đông Dương Tạp Chí, Nam Phong Tạp Chí, Tự Lực Văn Đoàn*,… đã chứng minh được là chữ Quốc ngữ đã đảm nhiệm trọn vẹn được chức năng làm văn tự quốc gia cho người Việt.

Vậy là sau gần bốn thế kỷ, tính từ khi có cuốn từ điển đầu tiên Việt-Bồ-La năm 1651, chữ Quốc ngữ đã từng bước đi sâu vào mọi từng lớp dân chúng để trở thành phương tiện hữu hiệu để truyền bá tư tưởng dân tộc, rồi cuối cùng thay thế hoàn toàn được chữ Hán, chữ Nôm và chánh thức trở thành chữ viết của dân tộc Việt. Chữ Quốc ngữ đã thật sự đi vào cuộc sống tinh thần và đã trở thành phần hồn của người Việt. Từ góc độ lịch sử, sự kiện này là thành quả văn hóa kỳ vĩ đối với một dân tộc. Ngày nay, gần 100 triệu người dân nước Việt trên khắp 5 châu sẽ mãi mãi không bao giờ quên ơn những người đã góp nhiều công sức tạo ra chữ Quốc ngữ, một thứ chữ dễ học dễ viết. Công của họ rất to lớn trong việc chấm dứt 1000 năm tăm tối, 1000 năm khốn khó khi người Việt phải đi mượn chữ Tàu ghi lại tiếng Việt. Nhờ tất cả họ mà giờ đây người Việt chúng ta hãnh diện có được bảng chữ cái của riêng mình. Một bảng chữ cái dựa trên các ký tự La-tinh vô cùng uyển chuyển và dễ học đã giúp Việt Nam hội nhập hữu hiệu vào trào lưu tiến hóa trong thời đại điện toán của nhân loại.

NGUYỄN MINH TRIẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1/. *Ai là người sáng tạo ra chữ Quốc ngữ? - http://chinhnghia.com/ai-sang-tao-ra-chu-quoc-ngu.asp*

2/. *Francesco Buzomi* - https://vi.wikipedia.org/wiki/Francesco_Buzomi

3/. *Lược sử hình thành chữ Quốc ngữ* -

https://hahoangkiem.com/van-hoa-xa-hoi/luoc-su-ngon-ngu-tieng-viet-3955.html

4/. *Lịch sữ chữ Quốc ngữ* - https://sites.google.com/site/bienkhao/bk-20

5/. Vũ Thế Khôi , *Nhà Văn Hóa Kiệt Xuất Phạm Quỳnh Với Sự Nghiệp Phát Triển Chữ Quốc Ngữ* -http://vanviet.info/nghien-cuu-phe-binh/nh-van-ha-kiet-xuat-pham-quynh-voi-su-nghiep-pht-trien-chu-quoc-ngu/

6/. Lê Văn Phong, *Phạm Quỳnh và Sự Phổ Biến Chữ Quốc ngữ trên Tạp chí Nam Phong* -https://phamquynh.wordpress.com/2013/01/18/pham-quynh-va-su-pho-bien-chu-quoc-ngu-tren-tap-chi-nam-phong/

7/.Hoàng Hương Trang, *Philipphê Bỉnh - Nhà văn hóa Quốc ngữ đầu tiên, bị lãng quên* –http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c283/n11815/Philipphe-Binh-Nha-van-hoa-quoc-ngu-dau-tien-bi-lang-quen.html

NGUYỄN MINH TRIẾT

CHU THỤY NGUYÊN

*hồn mây trắng

1.
có đám mây
trong nhạc khúc
chiều banjo

2.
có chút nắng
đọc trong mắt
tình thơ dại

3.
có cánh diều
phai nhạt lắm
màu nhân gian

4.
chiều trumpet
nồng nàn bay
ngăn ngắt khói

5.
hồn ngựa trắng
thấm lời kinh
màu nguyên khôi

6.
tôi cúi nhặt
chút hồn thơ
đã lấm lem

7.
mây trắng muốt
quày quả bay
đâu thèm ngó...

****đôi bàn tay vừa chạm**
1.

ở
nơi đón gió
một bàn tay

2.
chuyện
nơi ngàn trùng
đôi mắt đỏ

3.
tôi
nắng hanh hao
ra biển lớn

4.
thơ
ở một mình
cõi chênh vênh

5.
đàn
khảy âm âm
lời kinh chiều

6.
mùa
đợi lẩy hạt
mùa chim khuyên

7.
em
nơi nóng rát
một bàn tay...

CHU THỤY NGUYÊN
(hè 2022 Worcester)

NGUYỄN VĂN SÂM
Nguy.ễn Văn Sâm phiên âm và giời thiệu.
Tuồng Từ Thắng_ Hồi thứ nhì:

Niệm cựu nghĩa Tố Loan trá bịnh
Tứ pháp kỳ Tiêu Diện cứu tai
(Nhớ nghĩa cũ, Tố Loan giả đò nhuốm bịnh,
Ban phép tiên, Tiêu Diện cứu nàn.)

Lớp 1. Phạm Kim thi đậu được Thái Thú Thiếu Khanh hứa gả con.

[Giáo đầu:] [1a]
Tung hô vạn tuế,Thời ứng thiên tường.
Mừng Hoàng trào tỉ xí tỉ xương, Chúc Thượng thọ như san như phụ.
[Thiếu Khanh:]
Chức phong vi Thái thú,Lão Lý thị Thiếu Khanh.
Xa gần thảy mến chính lành,Già trẻ gội nhờ đức hoá.
Lại nói:
Như lão, nói cho phải:
Chăn dân chẳng dụng roi bồ,Dạy trẻ thường đua ngựa trúc.
Ờ này:
Từ vâng chiếu ngọc,Tuyển đấng hiền tài.
Khi rứa chừ, ta lấy:
Phạm Kim danh chiếm đầu khôi,Nho sĩ người đều thôi phục.
Lão muốn gả con cho!

Ngõ ái nữ vầy duyên cầm sắt,Như vầy già dạ mới phỉ nguyền.
Thể nữ đòi con ái nhi đây!
Ái nhi vâng thửa lời truyền,Trang điểm đặng đưa sang Quốc Trạng *nghe con.* [1b]
Tố Loan:
*Dạ,*Ngưỡng tuân giáo mạng,Phủ tạ nghiêm đường.
Rày mừng đặng vầy duyên,Cúi đầu xin bái tạ.

Lớp 2. Trong tù các cai tù nói chuyện ăn hối lộ.

Binh Giáp:
Ổ hàng thuyền mình ơi!
Việc canh giờ tua khá,Cắt nhau lấy mà canh,
Tù kinh thẩm chẳng lành,Nếu sơ sài mắc tội *chớ chẳng chơi ở mô.*
Binh Ất:
Thôi chú đi nà:
Đừng khoe rằng giỏi, Chớ nói rằng hay.
Tao coi tướng mầy là nhác lắm mà!
Vị năng tróc thử chi tài, Đại tiện ký tri ngũ trưởng.
Bác Tổng phục thính (Bác Tổng nghe thấy).
Binh Bính:
Thôi các chú, đừng nói
ngứa tai lắm, như các chú là hữu nhãn vô châu cả đó mà!
Bác Tổng nhiều điều lượng thưởng, Sự uống ăn lắm chuyện lăng nhăng.
Nhưng mùng một với rằm, đồ dâng cúng thời Bác lắm xôi chè đường cháo lại liếm chén liếm nồi, phải chi một lần với hai, tháng mô đến tháng nấy, bác cứ một cái mánh cũ mà làm hoài đi đó.

Binh Đinh:
Bác Tổng ăn uống mần rứa, nội hàng thuyền là:
Thảy đều chẳng dám hở răng, Ai nấy cúi đầu chịu dại đó *mà thôi*
Bác Tổng:

Khen các chú nhiều điều phải trái,Nói chùng [2a] tao, xấu quá tương chao.

Ê các chú!

Nhẫn từ rày chớ khá nói leo, Coi có bữa làm chi hỏng cẳng *chớ chẳng không.*

Lớp 3: Từ thắng và Hoàng Vân than cảnh tù. Hoàng Vân xin đi thăm bạn Phạm Kim giờ đã nên quan.

Hoàng Vân than:

Khổ tâm a!

Ta hồ ngư võng khước hồng duy
Nhẫn sử anh hùng thọ uổng nguy.
Tá vấn thương thương hà bất bạch,
Cửu hồi trường đoạn lệ liên y.

Lại nói:

Như tôi mần ri là:

Nỗi riêng than khôn hết sầu kia,Phải gượng gạo cho khuây nỗi nọ đó mà.

Từ Thắng:

Hè! Khuyên với đó, kể chi sự đó, Khá nghe đây, cạn thửa lòng đây.

Thời anh nghĩ lại đó anh coi:

Người đời chẳng khác chòm mây,
Chớ mà: Sống chết cũng như bóng ngựa*có phải a?*

Anh em mần rứa là:

Sống càng thêm giày giã,Thác đi thiệt nhẹ nhàng.

Thôi thôi!

Hơi mô mà tủi phận riêng than,Nhắm mắt lại tới đâu hay đó.

Hơi mô mà buồn rầu cho mệt cái bụng đó nào.

Phân khất, tương hồi thực vật, hành quá Bác Tổng xứ,
Tổng khiếulai tự kiểm thực vật, hốt diên thuỳ mãn khẩu.

Hề:

Dạ! Sự này [2b] xin tỏ,Thưa cậu đặng hay.

Tớ kiếm ăn ngoài chợ bữa nay,Người đồn thốt chú Kim

đỗ Trạng.
Lại cưới con quan lớn,Đương mừng tiệc rất to.
Cậu thưa cùng bác Tổng thứ cho,Tới đó kiếm ít nhiều đỡ ngặt.
Thời ngày trước giao văn bài của cậu cho chú đi thi, chừ chú đỗ Trạng, ắt chú cho tiền bạc lại bẩm quan lớn tha tội cho cậu.Chắc chắn đi cậu, đi cậu, chừ cậu đi là phải lắm, ẻ cậu!

Hoàng Vân:
Tai nghe qua tường tận,Lòng chi xiết hân hoan.
Dám xin bác Tổng rộng thương,Đem tới Phạm Kim đặng mà kiếm chác.
Bác làm ơn ngày trước,Chàng đáp nghĩa buổi sau.
Lời thưa bác đặng hay, Xin nghe theo lời tớ.
Bác Tổng:
Có đâu nghe chạ, Chẳng dám làm xằng.
Lão nói với Hoàng Vân,Sợ tội rơi bác Tổng.
Kinh khủng, kinh khủng, Mạc văn, mạc văn.
Hề hướng đạo Từ Thắng.
Hề nói: nhờ chú nói giùm cho cậu, tới quan Trạng Phạm Kim, xin nhiều ít đỡ cực, kẻo nhịn đói nhịn khát lâu ngày lắm chú à.
Từ Thắng thính tùng, hướng thuyết bác Tổng.

Từ Thắng: [3a]
Bác Tổng!
Thắng khuyên bác làm ơn, Vân xin đi thăm bạn.
Là quan Trạng Phạm Kim đó!
Đây đà khuyên cạn,Đó chẳng nghe lời.
Nói thiệt!
Phá gông xiềng quyết nhảy ra ngoài,Để tội mỗ giao cho bác Tổng.
Bác Tổng:
Cúi đầu lạy khống, Cho Tổng đem đi.
Hoàng Vân:
Thưa Bác:

Bác cháu ta đều tới một khi,Hoạ may đặng đỡ cơn nghèo ngặt *bác ạ!*

Hát nam:

May đặng đỡ cơn nghèo ngặt,
Nghĩ nỗi mình lệ ngọc tuôn rơi.
Cơ tâm ai biết lòng ai,
Một người vinh hiển, một người tiết luy.
Thìn lòng vàng đá tri tri,
Có ngày chói sáng, thẻ ghi bia truyền.

Lớp 4: Tố Loan gặp mặt Phạm Kim, thấy rằng đó là người mình chê trước đây bèn giả chước bệnh để về nhà mình.

Phạm Kim xuất trướng toạ, Tố Loan xa chí, Phạm Kim xuất cận, nhập trướng, phân toạ.

Phạm Kim:

Rày mừng đặng vầy duyên,Tưởng tới ngày khuyến giáo.
Nàng có biết đây Hoàng hay Phạm, Nàng nhớ ngày đuổi Phạm lại đòi Hoàng.
Thiệt duyên nợ thình lình,Hiệp sắt cầm cho Phạm.
Hỡi còn làm hợm, Hay [3b] phải chào thưa.
Đừng giữ thói ngày xưa,Vọc tới đây ắt khốn.

Loan văn ngữ, hốt nhiên điên đảo, giả bịnh cáo hồi (Loan nghe lời ấy, tự nhiên xáo động, giả bịnh trở lui).

Tố Loan:

Tự nhiên quyền khổn, quyền khổn, Bỗng chốc hôn mê, hôn mê.
Phút thân thể chialy, Xui tâm thần tán loạn.
Thuốc thang liệu tóan, Điều trị bịnh căn.

Phạm Kim nói: bây đỡ cô bây nghe.

Tố Loan thán:

Ai ẻ, Khổ tâm, khổ tâm a!
Diểu diểu hương hồn hà xứ mịch,

Du du tố phách thị thuỳ phương?
Phủ ưng cô bão sơ tâm nguyện,
Khởi thọ ô nê nhiễm thử thương.

Lại nói:
Ôm lòng cho trọn duyên Hoàng, Giữ dạ quyết không nghĩa Phạm.
Chi nữa:
Tua kíp gia trung phản bộ,Ngõ cho thân nội miễn ô.
Thể nữ,
Nhảy xe trở lại thành Tô, Đặng thiếp dưỡng an thân thể.

Phạm Kim:
*Này!*Quí nữ mới đưa về cửa,Phút bèn phát bịnh lại nhà.
Truyền gia đinh mau thiết tiệc hoa, Đặng cho mỗ thơ ngâm giải muộn.

Lớp 5 Hoàng Vân thăm bạn bị bẽ bàng vì không được cựu giao nhìn nhận**.**

Bác Tổng:
Đây [4a] phải dinh quan Trạng,Nghe lời Tổng thưa cùng.
Có Hoàng Vân thân hữu tới cùng,Sắm thịt rượu mời quan Đề điệu.

Phạm Kim:
Quân bây!
Ai nói chi xước xáo, Đòi vào hỏi cho tường.
Quân xuất, khiếu Tổng nhập (Quân ra, kêu Tổng vào).

Lại nói:
Lão kia, ta hỏi:
Dám cả gan lướt tới môn tiền, Mà mắng tiếng những điều khinh mạn *mần rứa hè!*

Bác Tổng:

Ông quên lão đi đó à, lão đây, lão đây, ông có nhớ không? Tổng nhắc lại ông nghe, ngày ông đi khuyến giáo, ông ăn trộm bạc quan lớn, bỏ vô ngục Tổng, vừa gặp khoa thi, chú Thắng, trò Vân nói với Tổng, Tổng mới mở gông cho ông đi thi đỗ Trạng, chừ có trò Vân đi với Tổng mà ông quên phứt đi tề.

Lời thiệt, lão đà tường tận,Xin ông khoản đãi chí tình
với nào!

Phạm Kim:

Thị súc sanh, thị súc sanh, Chân khi lộng, chân khi lộng.
Tao có bạn với quân xiềng tróng, Tao có quen với lũ
lạc loài.
Quân mau đuổi cổ ra ngoài,Còn nói, truyền quân đánh
chết.

Tổng uý, xuất, lâm thuyết Phạm Kim hứa thỉnh Hoàng Vân nhập, ai cựu nghĩa (Tổng sợ, đi ra, tới nói là Phạm Kim cho vời Hoàng Vân vào. Ôi, nghĩa cũ!).

Bác Tổng:

Lão vào mãn tiệc,Gã [4b] khá vào hầu
May đặng ít nhiều, Đem về đỡ túng.

Hề:

Tổng đà đầy bụng,Thưa cậu kíp vô.
Hoàng Vân, hề nhập (Hoàng Vân và hề đồng của chàng đi vào):
Uỷ, chú!

Hề của Phạm:

Uỷ, bác tề, cậu, bác đã tới đó, cậu tề.

Phạm Kim:

Bác nào?

Hề của Phạm:

Bác Hoàng Vân, đưa văn bài cho cậu đi thi đó.

Phạm Kim:
Bác nào, Vân nào? Cái thằng, đừng nói, tao đánh chết.

Hề của Phạm:
Anh tề, ôi chao ôi! Anh rách rưới cực khổ, áo đây, quần đây, mặc vô đi anh.

Hề của Vân nói:
Tôi đội ơn chú lắm đó.

Hoàng Vân:
Con người ta chẳng nhìn cậu, thôi, đừng có nói nữa.

Người bạc tình như thị,Lòng son cậu quyết gìn.

Như mần ri:
Biết một điều phú quí nhãn tiền, Đừng có quở, có la, tủi mặt
Xưa, ngỡ rằng bạn thiệt, Nay mới biết người gian đó, con a!

Phạm Kim:
Quái tai, xuẩn tử lộng ngôn, Tốc đả, dĩ tiêu ngã hận.
Gia đình lai tróc, Hoàng Vân phục địa.Phạm Kim chấp côn đả hạ. Phạm hề phú thượng Hoàng Vân. Phạm Kim thích xuất đả trúng Hoàng Vân thượng, Hoàng Vân bão đồn nhi xuất.

Hoàng Vân:
Thuỳ lệ nhi ngôn dữ Hề đồng:
Con, như cậu là[5a]
Cam thọ nhục, cam thọ nhục, Khởi nại hà, khởi nại hà.
Cậu cháu ta tua kíp trở về, Nhơ nhuốc ấy khôn cùng than khóc.

Phạm Kim:

Tiệc kia cấp bãi,Đặng mỗ nghỉ an.
Lớp 6. Hoàng Vân, Từ Thắng bị án tử, được Tiêu Diện giải cứu.

Tiêu Diện:
Phụng Phật pháp thừa truyền, Đáo Hoàng Vân ngục lý.

Hát bắc:
Giá bỉ đẳng vân thượng bích không,
Cánh tu thiên lý khoái thừa phong.
Hoàng Vân trung nghĩa nhơn gian hãn,
Phật lực toàn bằng tạo hoá công.

Thiếu Khanh:
Khắp quận thành cửa nọ để không, Ngoài lê thứ đường không lượm rớt.
Xuống lịnh truyền bộ tốt, Mau đòi Giám ngục quan.

Giám Ngục quan:
Nghe tin truyền ứng hậu bên màn, Việc lành dữ xin người dạy tỏ.

Thiếu Khanh:
Nay ta vâng sắc phó, Từ Thắng với Hoàng Vân.
Truyền Giám quan phụng mạng ân cần, Đem hai gã thị tào hành quyết.

Giám quan:
Trướng tiền bái biệt,Phụng mạng [5b] thi hành.

Hề:
Lời thưa bác đành rành, Xin mượn đồ đem cúng.

Tổng:
Con mượn những vật gì?
Hề:

Xin mượn chén lại, với cái nồi.
Tổng:
Mần rứa, con qua bên nhà mà lấy.
Hề khứ, thủ hồi, chử lễ phẩm thanh, hoàn thiết, cúng Tiêu Diện chứng minh. Hoàng, Từ hướng bái…

Hoàng Vân, Từ Thắng:
Nam-mô A-di-đà Phật
Tâm thành phủ phục,Cảm khất chiếu minh.
Vốn không dạ gian manh,Xin thuỳ tình chứng hộ.
Nguyện kì cực khổ, Giải thoát tai ương.
Tỉ dĩ xí xương, Vô cùng thâm cảm.
Lễ hoàn, hề tương kính bác Tổng, tịnh hoàn đồ vật. Bác Tổng nhận thủ, tương hồi, dụng thiệt duyện….

Giám quan:
Chúa ngục quân:
Ta vâng lịnh dạy,Chúa ngục tuân truyền.
Tù Hoàng Vân, Từ Thắng dẫn liền, Đem tới chốn thị tào chánh pháp.
Quân, truyền dẫn tù.

Hoàng Vân, Từ Thắng:
Như mần ri là:
Ở trong nước phải vâng phép nước, Sanh dưới trời phải chịu oai trời.
Nghĩ sự mình nào dám trách ai,Thời thế vậy, phải toan chịu vậy.[6a]

Cùng hát nam:
Thế vậy phải toan chịu vậy,
Gẫm sự đời như thấy chiêm bao.
Trối ai danh lợi lao xao,
Chớ mà:
Hoàng lương một giấc chẳng nao dạ này.
Hay hay là sự hay hay

Tuổi này bạn với cỏ cây cũng vừa.
Giám quan:
Quân!
Đây đã tới pháp trường, Truyền khai đao hành quyết.
Tiêu Diện xuất, lập mật chú (Tiêu Diện hiện ra, đọc thần chú).

Tiêu Diện:
Vân mai mật thiết, Phật pháp diêu khai.
Hoàng Vân, Từ Thắng, hề đồng bả phi khứ nhi hạ. Tiêu Diện diêu triển, quân quan giao hồi.Đồng thượng…

Tiêu Diện:
Ta vâng Phật chỉ truyền lai,Tới cứu Hoàng, Từ tai nạn.
Ngưỡng thừa giáo mạng, Tứ nễ pháp kỳ.
Dành khi cứu hiểm phò nguy, Đợi thuở hưng bang tế thế.
Tam Đinh động ấy nơi thê chỉ, Nhứt hiệu kỳ vật khả vong vi.
Giá vân lộ cao phi, Chỉ Tây phương hồi phản.

Hoàng Vân, Từ Thắng:
Cúi vâng Phật mạng,Vọng bái tôn linh.
Xin tỏ xét phàm tình,Kíp [6b] đồng lai động lý.

Lớp 7tTừ Thắng hưởng thú thanh nhàn
Từ Thắng:
Từ tới động trung thê chỉ, Đều nhờ sẵn của tự nhiên.
Chừ, chú cháu ta, thôi thời:
Nhân đêm thanh túng bộ sơn biên, Ngõ thưởng cảnh một phen cho toại.
Con, Huề tương kỳ,đại, *Chú,* Thân đái tửu hồ.
Mặc tình chú cháu ngao du, Thích ý thừa lương lộng nguyệt *con hè!*
Hề chấp kỳ, đại, Từ đái tửu, đao (Hề cầm cờ, đãy, Từ mang rượu, đao).
Cùng hát bắc:

Thừa lương lộng nguyệt hướng sơn biên,
Túng bộ nhàn khan, thảo sắc nghiên.
Mãn mục vân sơn câu thị lạc,
Phi cầm tẩu thú, bất thăng ngôn.
Hề bả kỳ, nhứt triển cầm thú giai lập, tái triển phi tẩu hạ, Từ, Hề đồng hạ. Từ, Hề xuất thượng điên lập khán, tả biên ngư mục xuất, hữu biên tiều canh xuất, giai hành, ca….

Ngư ca:
Giang hồ mãn địa nhứt ngư ông.

Tiều ca:
Phạt mộc đinh đinh ý vị nùng.

Canh ca:
Xuân vũ cao du nông giả quí.

Mục ca:
Khẩu xuy ngọc địch lạc vô cùng.

Từ Thắng:
Con coi lấy đó là vui lắm!
Kìa, Dưới nước ngư [7a]ông, *Còn,* Trên non tiều tử,
Thêm, Mục ca khê chử,*Lại,* Canh xướng điền gian.
Hề bả kỳ nhứt triển, ngư tiều canh mục giai lập, tái triển hành ca đồng hạ, Từ, Hề tồn lập.

Lại nói:
Ủy!
Thích tình hứng cảnh du nhàn, Sấn bộ nham tiền lộng lạc *con hè.*

Lớp 8 Phạm Kim hưởng thú nhà quan , quên tình xưa nghĩa cũ.

Phạm Kim:

Rày gặp đêm thanh nguyệt bạch, Kíp đòi nam nữ ca công.
Ngõ giải muộn tấm lòng,Kẻo ưu phiền chút dạ.
Gia đinh hành, khiếu ca công tuỳ thượng (Gia đinh đi, gọi ca công theo lên).

Nam nữ ca công:
Dạ!
Nghe đòi vội vã, Chẳng dám trì diên.
Xin quan lớn lịnh truyền, Đặng chúng tôi ca xướng.

Nam ca nói:
Bẩm quan lớn, mấy cô đào tôi đây Thanh, Nghệ, Ninh Bình, ngoài Nam, còn anh em chúng tôi là người tứ tỉnh: Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Phòng, Lục Nam, bẩm quan lớn dạy xướng, ông Ninh phường chèo hay là trò bội, xướng xoan xướng xẩm, chúng tôi xin hầu Quan lớn vui.

Phạm Kim:
Tiền bạc ông vô lượng, Bây múa xướng ông nghe.

Nam ca:
Bẩm quan lớn, xin xướng tuồng cổ tích, nhứt nhơn tác đào, nhứt nhơn tác kép, nhứt nhơn tác lão, nhứt nhơn tác tướng, diệc đồng khởi cổ, minh la, đả sênh, y nhạc nam ca vịnh. Từ Thắng, Hề ẩn lập đình biên khán [7b] *thị nam ca, đương hành vũ xướng. Hề bả kỳ nhứt triển, nam ca giai lập như tử thi. Thắng, Hề khiên nam ca đáo lập Phạm Kim tả hữu, đề dương qua kích. Hề triển kỳ, xuất đình, ca vũ như tiền…*

Pham Kim:
Chúng bây quá xược,Quan lớn không kiêng.
Kíp lướt ra liền, Đòi đào khác xướng.
Nữ ca nhập, nói: chị em chúng tôi vào hầu quan lớn.

Lại nói:
Ê mấy cô đào!

Mau làm cổ bản, Lại lý kim tiền.
Nữ ca:
Dạ!
Ca bài ngoại.
Ca đắc tứ bài, Hề bả kỳ nhứt triển, khiên nữ ca hoàn toạ kỷ thượng. Phạm Kim lập hầu.

Lớp 9: Kết liễu đời của kẻ xấu Phạm Kim

Từ Thắng:
Bỗng thấy mặt Phạm Kim, Phút nổi gan Từ Thắng.
Nan nhẫn, nan nhẫn, Tốc hành, tốc hành.
Bạt kiếm trảm súc sinh, Bất dung tha tiểu bối.
Thắng tẩu nhập, Hề triển kỳ trở chi (Thắng chạy vô, hề phất cờ, ngăn lại).

Hề:
Rất rối, rất rối, Không nên, không nên!
Xin chú nghe can, Giết chàng mang ách *chớ chẳng không.*
Thắng thính gián, nhẫn nộ, tế thuyết, nói: kíp lấy dao thích huyết đề thi, ta đem để nơi vai ngươi Phạm.
Tương đao trí Phạm Kim kiên bàng.
Lại nói: âu kíp thẳng vào gia nội, cõng nàng thẳng tới động trung.
Trực nhập Phạm gia nội phụ Công nương xuất hồi. Hề triển kỳ diệc đồng tuỳ cập nữ ca xuất hồi. Phạm Kim tỉnh lai, kiến đao [8a]*kiên bàngbất giác hồn kinh phách tán…*

Phạm Kim:
Thực nghịch, thực nghịch, Quá kỳ, quá kỳ.
Dao ai đem tới việc chi, Mà lại để bên vai mỗ.
Có đề chữ đó, Xem tỏ sự kia.

Đọc thơ:
Hoàng Vân anh kiệt dữ trung trinh, dữ trung trinh.
Chỉ thị Phạm Kim hạ súc sinh, hạ súc sinh.

Lợi kiếm kim lai nhiêu nhữ mạng, nhiêu nhữ mạng.
Danh xưng Từ Thắng tại Tam Đinh, tại Tam Đinh.

Lại nói:
Xem qua bỗng giựt mình, Nghĩ lại bèn lạc phách.

Thể nữ báo:
Lời thân bộc bạch, Xin tỏ bên màn.
Thấy một người vào cõng Công nương,Xin quan lớn sai người tìm bắt.

Phạm Kim:
Ê gia đinh, thương, mã mau.
Âu là:
Mau đề họa kích,Khẩn cấp truy lai.

Hát bắc:
Tật tốc truy lai, quyết bất thứ cuồng phu lộng huyễn.
Bôn đẳng sậu hướng, thệ vô nhiêu ngốc hán khoa tài.
Hốt lôi thanh đại hưởng, Phạm Kim lạc phách lập tử, tuỳ đinh, nhân dân để xứ hoàn khán thuyết trách…

Quân dân tán:
Như Phạm Kim chết đứng mần rứa đáng lắm, hèn chi trong kinh Thi [8b] *có câu rằng:*
Tướng thử hữu bì, hữu bì, Nhân nhi vô nghì, vô nghì.
Bất tử hà vi đà phải.....

Lại nói:
Phạm Kim với Hoàng Vân,Thuở khó nghèo kết bạn.
Nay thi đỗ Trạng, Quên nghĩa chí thân.
Nên Trời nọ chôn chân, Đã chết mà hay đứng.

Lại nói:
Mừng đặng thái bình phong vận,Toại thay quốc thái dân khang.

Muôn năm chúc tuổi Hoàng Vương,Cẩn phụng Nam san thọ khảo.

Ghi chú của ngườp phiên âm: Bản Nôm tuồng Từ Thắng nguyên văn hiện được lưu trữ tại trường Viễn Đông Bác Cổ EFEO là nơi chứa các văn bản có giá trị văn hóa của những nước miền Viễn Đông. Chưa ai giới thiệu hay phiên âm. Chúng tôi (NVS) sao lục và phiên âm hết cả tuồng gồm ba hồi nhưng thiết nghĩ nên công bố trên tạp chí Văn Học Mới 2 hồi thôi vì hồi ba dài dòng, chỉ hợp với sự trình diễn, không hợp với sự thưởng thức văn bản bằng mắt. (NVS).

NGUYỄN VĂN SÂM

Thái thú太守: Quan đứng đầu một quận.

Chính lành 政苓, một nền chánh trị, nói cách khác là cai trị dân theo sự lành, không dùng thủ đoạn hay sự ác độc để đè nén. Đức hóa德化: giáo dục, cải tạo dân bằng cái đức, tức lòng thương và sự giúp đỡ để dân đi vào đường ngay lẽ phải.

Chẳng dụng roi bồ 丕用檑： Không cần đánh phạt dân. Đua ngựa trúc 𢆥馭竹: Vui với trẻ con, hòa dồng với chúng. Trên đây là 4 khái niệm cai trị theo nhơn nghĩa để an dân.

BN viết *vân* 雲, giọng Nam.

Nội hàng thuyền 內行舩: Trong các binh sĩ ở đây.Hàng thuyền: Binh sĩ trong một nhóm nhỏ nào đó.

Nói chùng 吶 : Nói lén, nói điều xấu của ai sau lưng họ. HTC, nói vụng, nói hành. Tại sao nói lén người khác chê rằng xấu quá tương chao?

BN viết *càn* 乾, giọng Nam.

Giày giã 𧗱者: HTC, Dùng thường, không biết tiếc.

BN viết *nhàn* 闲, giọng Nam.

Đừng buồn cho mệt cái bụng, Từ Thắng nói với quân lính theo cách bình dân. Cách nói đúng là mệt trí mệt tâm, bận lòng....

Nghĩa là: Phân nhau mà đi xin ăn, đem đồ ăn về, qua nhà bác Tổng. Tổng kêu lại coi đồ ăn các thứ, rồi nước miếng

chảy ra đầy miệng.

Cho tời giờ Hoàng Vân vẫn ngây thơ tin điều đó. Nếu người ta tử tế thì đã lo chuyện cứu xin rồi.

Nghe chạ : Nghe lung tung, không có gì chính xác vì tin đã loan truyền qua nhiều người. Ca Dao: *Ở chốn thị thành* ***chim chạ*** *thiếu chi*! **Làm xằng:** Làm bậy, làm điều không đúng, trái lẽ phải, trái pháp luật. HTC, **Xằng** (n.): Rối rắm, mất nết.

Đề nghị nguy hiểm quá không dám nghe. Coi như Hoàng Vân không có nói chuyện đó.

Nghĩa là: Hề hướng về phía Từ Thắng.

Nghĩa là: Từ Thắng nghe rồi, nói với bác Tổng.

Nếu không cho Hoàng Vân đi thì tôi làm lớn chuyện , bác Tổng càng đắc tội với quan trên!

Tiết luy: Tức luy tiết, đã chú ở trên.

Hoàng Vân vui mừng nghĩ tới tương lai hết tù ngục và vinh hiển của mình sau nầy!

Nghĩa là: Phạm Kim ra ngồi trước màn, Tố Loan đi xe tới, Phạm Kim tới gần, hai người lại đến trước màn mà ngồi.

Câu nói thiếu tâm lý khi nhắc tới chuyện cũ.

Hai câu: chắc không còn làm phách lối (hợm, hợm hĩnh) như trước đây, mà phải chào thưa ta ngày nay vị thế đã khác, Đụng chạm, gây sự (vọc) với ta bây giờ thì khổ đó! Lại thêm lời nói làm mất cảm tình! Đúng là kẻ không ra gì được thế được thần nhưng không bỏ cách cư xử thấp hèn ngày trước!

Phải về ngay để thân thể khỏi bị ô uế.

Xiềng tróng: tù tội. **Xiềng** 錠: dây xích sắt, thiết tỏa. Tróng 桿 : đồ đóng chơn, cột chơn.

BN viết hoàng 黃, chúng tôi cho là chữ phạm 范 ghi lầm.

Nghĩa là: Gia đinh đến bắt, Hoàng Vân trốn. Phạm Kim cầm gậy đánh xuống. Hề của Phạm đỡ cho Hoàng Vân. Phạm Kim đá trúng Hoàng Vân. Hoàng Vân ôm đít chạy.

BN ghi trướng 帳, chúng tôi cho là chữ màn 幔 viết lầm.

Nghĩa là: Hề đi, lấy đồ về, nấu nướng sửa soạn lễ phẩm thanh tịnh xong xuôi, rồi cúng Tiêu Diện. Hoàng, Từ bái lạy…

Nghĩa là: Lễ xong, hề đem đồ cúng tới dâng cho bác Tổng, và trả lại các vật. Bác Tổng nhận lấy, đem về, lấy lưỡi nút…

Chấp nhận chết không hối tiếc cuộc đời...

Nghĩa là: Hoàng Vân, Từ Thắng, hề đồng bay lên rồi hạ xuống, Tiêu Diện dùng thần thông, quan quân giao chiến. Cùng lên…

Tạm dịch: *Ta vâng Phật chỉ truyền lai/Tới cứu Hoàng, Từ tai nạn/Ngưỡng thừa giáo mạng/Tứ ngươi pháp kỳ/Dành khi cứu hiểm phò nguy/Đợi thuở hưng bang tế thế/Tam Đinh động ấy nơi dừng nghỉ/Một cờ này chẳng thể mất đâu/Cỡi mây móc cao bay/Nhằm phương tây trở lại.*

Nghĩa là: Hề cầm cờ, phất một cái, chim thú đều đứng yên, phất thêm một cái thì lại bay nhảy. Từ và hề đồng đi xuống. Hai người lại đứng trên đỉnh núi, bên trái ngư, mục qua, bên phải tiều, canh lại, vừa đi vừa hát…

Nghĩa là: Hề cầm cờ phất một cái, ngư tiều canh mục đều đứng yên, phất thêm một cái thì vừa đi vừa hát, rồi đi xuống. Từ, hề thì hãy còn đứng đó.

Nghĩa là: Bẩm quan lớn, xin xướng tuồng cổ tích, một người làm đào, một người làm kép, một người làm ông già, một người làm tướng, rồi cùng đánh trống, đánh phèng la, gõ sênh. Theo nhạc, nam ca bắt đầu vịnh tán. Từ Thắng, hề đứng ẩn bên đình, coi nam ca đang múa hát. Hề cầm cờ phất một cái, nam ca liền đứng như tử thi. Thắng, hề đem nam ca vây quanh Phạm Kim, tay cầm qua, kích. Hề đi ra ngoài sân, phất cờ, mọi người lại ca múa như trước…

Nghĩa là: Hát được bốn bài tùy ý ban nhạc, hề cầm cờ phất một cái, đem nữ ca ngồi quanh ghế, Phạm Kim đứng hầu.

Nghĩa là: Thắng nghe can, nuốt giận, nói nhỏ.

Nghĩa là: đem dao để bên vai của Phạm Kim.

Nghĩa là: Thắng vào nhà họ Phạm, đưa công nương đi. Hề phất cờ rồi đem nữ ca đi cùng. Phạm Kim tỉnh lại, thấy dao bên vai, thì hồn kinh phách tán…

Mau mau truy đuổi cấp kỳ, quyết chẳng dung tên cuồng phu làm lộng khoe tài.

Nghĩa là: Nghe tiếng sấm lớn, Phạm Kim lạc phách chết liền. Tùy đinh, nhân dân nơi ấy xem thấy mới bàn tán với nhau…

BN viết đán 旦, giọng Nam.

Câu chúc tụng cuối hồi tuồng hát bội luôn luôn có. Nhưng tại sao có chữ Hoàng vương ở đây? Một người bạn khi đọc trước bản phiên âm gợi ý rằng tuồng nầy được viết thời chúa Nguyễn Hòang... xin đưa ra ý trên nhưng không dám làm đề xuất của chúng tôi...

NGUYỄN VĂN SÂM

NGUYỄN KIẾN THIỆT

GÓP Ý VỚI MC NGUYỄN NGỌC NGẠN TRONG PARIS BY NIGHT 132

Bài viết nầy không nhằm đề cao, cũng không đả phá một Trung tâm băng nhạc lớn cũng như người dẫn chương trình (MC) nổi tiếng. Người viết chỉ muốn góp ý với Trung tâm Thúy Nga (PBN) và ông Nguyễn Ngọc Ngạn (NNN) với tinh thần xây dựng khách quan về lãnh vực *văn hóa*. Chúng tôi muốn nói tới sự giải thích có phần sai lệch của MC Nguyễn Ngọc Ngạn về *niêm, luật* trong Paris By Night **132** chủ đề "Xuân Với Đời Sống Mới", tổ chức tại Pechanga Resort & Casino, Temecula, California vào 2 ngày 11 và 12 tháng 12 năm 2021. Đây là chương trình thu hình có khán giả đầu tiên của Trung tâm Thúy Nga (cháy vé) kể từ sau đại dịch cúm Tàu mà Tổ chức Y tế Thế giới gọi là COVID-19. Đây cũng là chương trình được phát sóng trên Youtube với gần 60 triệu lượt người theo dõi. Như vậy PBN ngày càng có sức ảnh hưởng lớn lao, là món ăn tinh thần không thể thiếu của đại đa số khán thính giả khắp mọi nơi trên thế giới, nhứt là từ khi các Trung tâm Asia và Vân Sơn không còn hoạt động nữa.

Sau khi dẫn câu "Tôi viết vội câu thơ thất niêm" trong bài hát *Mùa Xuân Trong Thư Em* của nhạc sĩ Viễn Chinh, MC Nguyễn Cao Kỳ Duyên đã hỏi MC Nguyễn Ngọc Ngạn: "*Vậy thất niêm có nghĩa là gì?*". MC Nguyễn Ngọc Ngạn đã trả lời (đại ý): "*Lúc chúng ta học Trung học thì trong môn Việt văn chúng ta học về thơ Đường. Thơ Đường tức là thơ của thời nhà Đường, là thời cực thịnh về thơ- tức là thời của Đường Huyền Tôn (g), tức Đường*

Minh Hoàng. Về sau thơ Đường nó trở thành tiêu chuẩn để chúng ta làm thơ; nhưng dĩ nhiên là thơ đó gò bó cho nên nó gọi là niêm với luật".

Sau đó, ông giải thích và dẫn chứng **không đúng** về niêm luật: *"Niêm luật tức là chữ nào phải Bằng, chữ nào Trắc, và đối nhau. Thí dụ như: Lom khom dưới núi tiều vài chú / Lác đác bên sông chợ mấy nhà. Hai câu đó của Bà Huyện Thanh Quan nó rất là đối từng chữ, từng câu, từng vần. Thì cái đó chúng ta gọi là niêm luật của thơ Đường (…). Về sau chúng ta có Thơ mới, Thơ tự do;* ***chúng ta không còn xài thơ Đường nữa****"*. Lúc ấy khán giả chăm chú lắng nghe nhưng tỏ vẻ không được thỏa mãn, nếu không muốn nói là *ngơ ngác* (!).

Dựa vào sự giải thích và dẫn chứng của ông NNN-người được đề cao "cố gắng vận dụng kiến thức văn học để làm giàu nội dung dẫn chương trình", tôi thành thật nêu lên một số góp ý với tinh thần xây dựng.

1.- **Cần phân biệt Thơ Đường và Thơ Đường luật.**

Thơ Đường hay **Đường Thi** là thể thơ được sáng tác vào thời nhà Đường (618-907) bên Trung Hoa. Số lượng các bài Thơ Đường được ghi chép và lưu truyền đến nay lên đến hàng chục ngàn bài (khoảng 48000 bài) của hàng ngàn tác giả. Đến đời Trần Nhân Tông (1258-1308), Nguyễn Thuyên (1229-?) là người đầu tiên biết theo Đường luật mà làm thơ Nôm, đặt ra thể **thơ Hàn luật**. Như vậy thơ Hàn Luật là thơ nôm (tiếng Việt) theo luật thơ Đường. Đó là thể thơ vay mượn "*thi pháp của Tàu, âm luật của ta*" (Dương Quảng Hàm) tạo thành thơ ta như các thể thơ Việt Nam khác. Hiện nay có sự lạm dụng, nhập nhằng về tên gọi thể thơ Đường luật. Nhiều thi sĩ trong nước làm thơ Đường luật gọi đó là Thơ Đường hay Đường Thi. Thật là sự ngộ nhận đáng tiếc! Lại có "nhà thơ" ở Việt Nam đòi phát động phong trào "Thắp Sáng Đường Thi". Trời đất! Đường Thi đã thật sự tỏa sáng ngàn năm rồi, thắp sáng hay không là việc của con cháu các ông Lý Bạch, Đỗ Phủ mắc mớ gì đến chúng ta mà sáng với tối!

Chúng tôi không đồng ý với tên gọi như **Thơ Đường, Đường Thi** hay **Thơ Đường Việt Nam** (thiếu chữ luật) và xin được đề nghị các tên gọi như **Thơ Đường luật Việt Nam** hay

Thơ Đường luật.*"Đây là thơ Việt Nam, thể hiện tâm hồn Việt Nam, cảm xúc Việt Nam và phản ánh hiện thực Việt Nam*" (Vũ Khiêu).

2.- Cần hiểu rõ niêm, luật, vần, đối. Từ lúc theo học môn Quốc văn cho đến khi giảng dạy ở Trung học và Đại học, tôi đều thuộc nằm lòng niêm, luật, vần, đối trong thơ Đường luật như sau:

- **Niêm**: (dính liền, giữ cứng) là giữ giống nhau về luật. Niêm trong thơ Đường luật thất ngôn bát cú căn cứ vào **chữ thứ hai mỗi câu** phải cùng một thanh (Bằng hay Trắc). Các câu niêm với nhau là: 1 và 8; 2 và 3; 4 và 5; 6 và 7).

Lưu ý: **Thất niêm** (mất sự dính liền), không được.

- **Luật:** Luật thơ là cách xếp đặt tiếng Bằng (B) tiếng Trắc (T) trong một bài thơ.

Thơ Đường luật có thể làm theo hai luật: Bằng và Trắc; căn cứ vào **chữ thứ hai của câu đầu** để biết bài thơ làm theo luật gì. **Thất luật**: khi một câu thơ đặt sai mất luật, không được. **Khổ đọc** (khó đọc): những chữ đáng Bằng mà đổi ra Trắc; và ngược lại.

-**Vần** có mấy đặc điểm: Thường dùng vần Bằng, ít khi dùng vần Trắc; **độc vận** (suốt bài thơ chỉ hiệp theo một vần); chỉ có **cước vận** (vần chân, vần ở cuối câu); có **5 vần** gieo ở cuối câu đầu và cuối các câu chẵn (2,4,6,8).

Lưu ý: Gieo vần sai hẳn gọi là **lạc vận** (lạc:rụng); Gieo vần không hiệp nhau lắm gọi là **cưỡng áp** (đặt gượng).

-**Đối**: gồm có **đối ý** (có thể tương đồng hay tương phản) và **đối chữ**, tức vừa phải **đối thanh** (Bằng đối với Trắc, và ngược lại), vừa phải **đối loại**, tức hai chữ cùng một tự loại đối với nhau (như cùng hai chữ danh từ riêng/chung, hoặc tính từ, hoặc động từ…).

Những câu thơ bắt buộc phải đối với nhau là: hai câu thực (3 và 4), hai câu luận (5 và 6). Không theo đúng phép đối gọi là **thất đối**.

Để bạn đọc tiện theo dõi, người viết chọn bài thơ *Qua Đèo Ngang* của Bà Huyện Thanh Quan (do MC Nguyễn Ngọc Ngạn đã dẫn hai câu thực 3- 4) làm thí dụ:

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, *lá chen hoa*
Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông rợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Đây là bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú (bảy chữ, tám câu) luật Trắc (căn cứ vào chữ thứ hai của câu đầu có thanh Trắc: **tới**), vần Bằng (5 vần gieo ở cuối câu đầu: **tà** và cuối các câu chẵn (2,4,6,8): **hoa, nhà, gia, ta**), đúng niêm (căn cứ vào chữ thứ hai mỗi câu phải cùng một thanh Bằng hay Trắc: câu 1 (**tới**) niêm với câu 8 **(mảnh**) ; câu 2 (**cây**) với câu 3 **(khom**); câu 4 (**đác**) với câu 5 (**nước**); câu 6 (nhà) với câu 7 (**chân**), đúng luật (căn cứ vào chữ thứ hai của câu đầu có thanh Trắc: **tới)** và đối rất chỉnh ở hai câu thực (3 và 4), hai câu luận (5 và 6), xứng đáng làm khuôn mẫu.

3.- Có phải chúng ta không còn xài thơ Đường (luật) nữa?

Tôi nghĩ không hoàn toàn đúng hẳn. Như chúng ta đã biết, thơ Đường luật vào nước ta khá sớm và chiếm địa vị độc tôn. Các thi sĩ cổ điển nước ta chủ yếu làm thơ Đường luật bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm để ngâm vịnh xướng họa. Do đó mà có lối thơ gọi là **Thơ Hán Đường luật** (chẳng hạn Thơ chữ Hán của Nguyễn Du) hoặc **Thơ Nôm Đường luật** (Thơ Nôm Hồ Xuân Hương). Thơ Đường luật ngày xưa được dùng trong thi cử, tuyển chọn nhân tài nên nó trở thành lối văn cử nghiệp rất phổ biến trong giới nho sĩ.

Làm thơ Đường luật vốn khó bởi những nguyên tắc, quy định có phần khắt khe, gò bó. Nhưng chính điều đó làm nên cái hay, cái lý thú cho thể thơ nầy. Bài thơ chỉ có 8 câu 5 vần, gói ghém trong 56 chữ nhưng chứa đựng nội dung vô cùng hàm súc, cô đúc, "ý tại ngôn ngoại" thâm thúy, sâu sắc. Họa thơ Đường luật

lại càng khó hơn. Còn gì vui thú cho bằng bài thơ tâm huyết ưng ý của mình được khách đồng điệu cảm ứng họa đáp lại. Một bài xướng hay dễ tạo cảm hứng cho người họa. Do vậy mà có nhiều bài họa hay, v.v… Thật thà mà nói, làm thơ Đướng luật quá khó, thiển nghĩ thể thơ nầy sẽ dần dần bị lấn lướt bởi các dòng thơ mới, thơ trẻ, thơ tự do, và gần đây có thơ tân hình thức. Đến khi sưu tầm, tìm hiểu, chúng tôi đi từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên khác, có thể nói bị «tẩu hỏa nhập ma» bởi phong trào sáng tác và xướng-họa thơ Đường luật lên quá nhanh như diều gặp gió từ trong nước ra tới hải ngoại, chẳng hạn như ở Đức, Pháp, Mỹ, Canada... Riêng ở trong nước, có rất nhiều người làm và họa thơ Đường luật, thường bằng chữ Quốc ngữ, đôi khi bằng chữ Hán hoặc Hán-Việt. Đã có Tuyển tập **Thơ Đường luật Việt Nam** in năm 2012 gồm hơn 3000 bài với 700 tác giả. Đã có Hội UNESCO Đường Luật Việt Nam phát triển mạnh ở 47 tỉnh, thành phố, với 77 Chi hội cùng hơn 3000 hội viên. Nhiều sinh viên còn chọn Thơ Đường luật làm Luận văn / Luận án tốt nghiệp*. "Nghề chơi cũng lắm công phu" huống chi Chơi xướng-họa thơ Đường luật.

Điều đó chứng tỏ sức sống dồi dào kỳ diệu của thơ Đường luật, khả năng tiềm ẩn thi phú còn rất nhiều trong cộng đồng người Việt chúng ta ở khắp mọi nơi trên thế giới.

Tóm, thiển nghĩ nên gọi **thơ Đường luật** để phân biệt với **thơ Đường**- bởi lẽ thơ Đường là loại thơ được sáng tác từ thời nhà Đường bên Trung Hoa. Chúng ta cần hiểu rõ **niêm, luật, vần, đối** trong thơ Đường luật để chứng minh cách giải thích và dẫn chứng về niêm luật của ông NNN không đủ sức thuyết phục. Ngày nay, chúng ta vẫn còn "xài" thơ Đường luật, và dòng thơ nầy sẽ không bao giờ tắt cạn. Chúng tôi muốn nói: Nếu ngày xưa sáng tác và xướng-họa thơ Đường luật là «món đặc sản» dành cho bậc thượng lưu trí thức thì ngày nay nó trở thành «sân chơi» văn hóa-trí tuệ tao nhã của những người yêu thơ gồm đủ mọi thành phần, giới tính, đủ mọi lứa tuổi. Thơ xướng-họa còn là phương tiện giao lưu, tạo ra bao liên hệ bằng hữu tao nhã, tri âm tri kỷ.

Cách đây chừng 2500 năm, Lão Tử- một triết gia nổi

tiếng của Trung Hoa đã nói:"*Làm thầy thuốc mà sai lầm thì chỉ giết một mạng người; làm chánh trị mà sai lầm thì tàn hại cả đất nước; làm văn hóa mà sai lầm thì gây tai họa cho muôn đời*". Trung tâm Thúy Nga là một đại ban, Nguyễn Ngọc Ngạn là một MC nổi tiếng cùng "*làm văn hóa*" có sức ảnh hưởng tới 60 triệu lượt người theo dõi, "*mà sai lầm thì gây tai họa cho muôn đời*". Cách đây mấy năm, trong Paris By Night số **70**, khi giới thiệu về nhạc sĩ Lê Dinh, MC Nguyễn Ngọc Ngạn cũng đã phát biểu **sai**: *"Gò Công có thể nói là cái nôi của Vọng cổ. Bài Vọng cổ đầu tiên tức Dạ cổ hoài lang là từ Gò Công của ông Sáu Lầu mà ra*". Từ đó, đa số khán giả trẻ chưa am hiểu về xuất xứ của bản Dạ cổ hoài lang/Vọng cổ thường tranh luận quyết liệt, ai cũng cho mình đúng. Nhóm nầy chắc như đinh đóng cột là Dạ cổ hoài lang có xuất xứ từ Gò Công, bởi "chú Ngạn nói thế", "Lời chú Ngạn là khuôn vàng thước ngọc" (?); nhóm khác cãi lại cho rằng Vọng cổ xuất phát từ Bạc Liêu mới đúng. Cũng may một thời gian sau, ông NNN có cải chánh rằng "Bạc Liêu là cái nôi của Vọng cổ…". Nếu không, biết đâu "tai họa" sẽ khó lường! Để khỏi lặp lại sai lầm của PBN **70** cũng như PBN **40** (Chủ đề MẸ), chúng tôi khẩn thiết đề nghị Trung tâm Thúy Nga và MC Nguyễn Ngọc Ngạn sớm lên tiếng về vấn đề nầy- cụ thể là trong PBN **133** sắp tới.

Montréal, Canada tháng V.2022

NGUYỄN KIẾN THIẾT

*Luận văn Thạc sĩ: ***Đặc Điểm Thơ Đường Luật Quách Tấn*** của Cao Hoa Phượng- Đại học Thái Nguyên, 2018;

*Luận án Tiến sĩ Ngữ văn: ***Thơ Đường Luật Việt Nam Nửa Đầu Thế Kỷ XX*** của Trần Thị Lệ Thanh, Đại học Sư Phạm Hà Nội, 2002.

TRẦN VIÊT HẢI

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh trong góc nhìn văn học.

Chủ nghĩa văn học lãng mạn lôi cuốn không biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ đã sáng tác văn chương, thi ca tán dương ái tình, hay tình yêu, hãy xem những ví dụ như: Nhà văn kiêm triết gia Albert Camus nhận xét *"Không được yêu là một bất hạnh đơn giản; bất hạnh thực sự là không yêu"*. Thi hào lãng mạn Charles Baudelaire quan niệm *"Tình yêu là khao khát được thoát ra khỏi chính mình"*. Triết gia Jean Jacques Rousseau cho là *"Những bức thư tình bắt đầu mà không biết điều gì sẽ nói và kết thúc mà không biết điều gì đã được nói"*. về quan điểm tình yêu Voltaire nhà văn và triết gia Pháp đã viết *"Bạn phải biết rằng không có đất nước nào trên trái đất mà tình yêu không biến những người yêu nhau thành thi sĩ"*. và Stendhal một nhà văn Pháp thế kỷ 19 lập luận *"Tình yêu là một bông hoa tuyệt vời, nhưng cần phải có dũng khí để tìm kiếm nó trên bờ vực của vách núi kinh hoàng"*. Sau cùng nhà văn phi công Antoine de Saint-

Exupéry ghi nhận *"Yêu xa là không nhìn mặt nhau; là cùng nhau nhìn về cùng một hướng"*.

Nhìn từ luận điểm phân tích văn học, chủ nghĩa văn học lãng mạn (romanticism) đề cao cá nhân, tự do sáng tạo, chủ trương phóng túng, không để tâm hồn bị ràng buộc trong khuôn khổ cũ. Trong tiến trình sáng tác thơ văn, sự tưởng tượng và tri giác được đề cao và ngự trị bởi cá thể. Tác gia văn học trở thành trung tâm điểm trong việc sáng tác. Các nguyên tắc về khuôn mẫu và kiến trúc đã có từ trước của thi ca bị vất bỏ để thỏa mãn nhu cầu cần thiết của bản năng tự nhiên. Ngôn ngữ thơ được viết tự do và tự nhiên không còn bị gò bó trong thể luật. Chủ nghĩa duy lý (rationalism) bị chán ghét, trong khi ngữ căn và khát vọng tiềm thức được thăng tiến trong văn chương lãng mạn. Tác phẩm là tiếng lòng được thể hiện toàn vẹn, triệt để và vô hạn bằng sự tưởng tượng và xúc động không che dấu, không bị trói buộc bởi những ước lệ luân lý của xã hội.

Thực vậy, đặc tính chung đa số những nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch thuộc chủ nghĩa lãng mạn, tâm hồn của họ thiên tạo vốn gần gũi vối bản sắc ái tinh. Hihihi...

Xét ra thi nhân Toàn Phong không ngoại lệ nhé. Xem sau, nhà văn kiêm nhà thơ Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh của những Đời Phi Công, Mắt Biếc Hồ Thu, Tìm Nhau Từ Thuở, Tình Hư Ảo, Tâm Điểm, Ly Biệt, Bâng Khuâng,...

Em yêu anh, nên anh là tâm điểm
Giữa vòng tròn hạnh phúc của đời em.
Dẫu thời gian, không gian hoài biến chuyển,
Qũy tích này vân mãi chỉ chờ anh.
(Tâm Điểm, Nguyễn Xuân Vinh)
hay

Trời về khuya, bóng hình ai thương nhớ,
Muốn quên đi, vì giâùc mộng không thành.
Vẽ cho cùng, không trọn trái tim anh,

Em đành đem chuyện chúng mình cất lại.
(Bâng Khuâng, Nguyễn Xuân Vinh).

Liên nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật - Tiếng Thời Gian đang ấn hành, hay tái bản cho ông sách Theo Ánh Tinh Cầu. GS. Vinh vốn quý Theo Ánh Tinh Cầu, và Mộng Viễn Phương. Loại sách như L'Aviateur (Người phi công) danh tác của Saint-Exupéry), Courrier Sud (Chuyến thư miền Nam), Vol de Nuit (Bay đêm), Terre des Hommes, Cõi người ta), Pilote de Guerre (Phi công thời chiến) hay Le Petit Prince (Hoàng tử bé), những tác phẩm về phi công hay nghiệp bay, điểm chung của hai nhà văn phi công Antoine de Saint-Exupéry và của nhà văn phi công Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.

GS. Nguyễn Xuân Vinh đã viết: "Trong nền văn học thế giới, kể cả Việt Nam, có những tác phẩm mà người đọc, sau khi bỏ sách xuống đã bâng khuâng tự hỏi phải chăng đây là việc thật xảy ra với những người thật. Đọc Les Miserables của Victor Hugo người ta như sống với những nhân vật trong truyện. Trong những tác phẩm thật chọn lọc của Tự Lực Văn Đoàn, khi đọc Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng ta cũng có thể nghĩ chú tiểu Lan là mẫu người có thực. "Theo tôi nghĩ thì nhà văn khi tạo dựng một tác phẩm, nếu tả đúng tâm lý của những nhân vật trong truyện và trong một khung cảnh hiện thực thì đó là bí quyết để thành công khi viết sách để cho người đọc như đang theo dõi một câu chuyện đời có thực. Trường hợp tôi viết "Đời phi công" cũng như vậy, tôi cố tạo ra những hình ảnh đẹp là mẫu mực của

thanh niên ở thế hệ tôi. Nhiều thanh niên học sinh đọc sách đã thầm ước mình là người trong truyện."

Mạn đàm về văn học

Trong buổi mạn đàm về văn học cùng nhà văn Nguyễn Mạnh Trinh và phóng viên Nhã Lan, GS. Nguyễn Xuân Vinh kể về sự hình thành 2 cuốn tiểu thuyết Đời Phi Công và Tìm Nhau Từ Thuở như sau:

"Khi viết xong cuốn truyện này, vào thời khoảng 1960, gồm có nhiều bức thư kể đời sống của một chiến sĩ Không Quân, từ lúc bắt đầu là một sinh viên sĩ quan cho đến lúc thi hành những phi vụ hành quân ở đơn vị, thì tôi đã là người chịu trách nhiệm tổ chức và bành trướng Không Quân Việt Nam, và nghĩ rằng mình đã theo binh nghiệp thì sẽ đi suốt chặng đường....

Về văn học, thời niên thiếu tôi học theo chương trình Pháp. Vốn liếng nho học, tôi chịu ảnh hưởng của ông ngoại, và ngoài ra tôi chịu khó đọc sách tiếng Việt và tìm hiểu về lịch sử nước nhà nên dĩ nhiên là được thấm nhuần cả hai nền văn hoá Đông va Tây. Tôi đã đọc hâu hêt những tác phâm nôi tiêng viêt bằng tiếng Việt. Về sách tiếng Pháp tôi thường tìm đọc những tác phẩm của Alphonse Daudet, Emile Zola và Victor Hugo. Tuy vậy tôi không nghĩ rằng văn phong của tôi chịu ảnh hưởng của một tác giả nào vì tôi chỉ viết khi có hứng khởi theo ý nghĩ của riêng mình. Có người đã phê bình rằng cuốn Đời Phi Công tôi viết chịu ảnh hưởng của nhà văn Pháp Antoine de Saint-Exupéry. Điều này đã được nhà văn Việt Hải phản bác lại là cuốn sách của tôi không có gì giống với những tác phẩm của nhà văn người Pháp ngoài chuyện là hai người cùng nặng nghiệp bay.

Nhà văn Việt Hải còn nói rằng là ông Saint-Exupéry viết chuyện người phi công phải vật lộn với mưa gió bão bùng trên trời và tôi nói chuyện về tình người ở trên quê hương Việt Nam, thì như vậy có gì liên hệ tới nhau. Vả chăng có sự việc không mấy người biết là tuy sách tôi viết bằng tiếng Việt nhưng vào năm 1961 đã được giới thiệu trên nhật báo Pháp văn "Le Journal d'Extrême-Orient". Tôi cũng đã dịch một chương của cuốn truyện sang Anh ngữ và đăng trên Empire Magazine là tuần báo ra ngày chủ nhật của Denver Post là tờ báo lớn nhất ở miền Trung Hoa Kỳ. Bài dịch này, đề là "The Eagle's Wings" đã được họa sĩ Patrick Oliphant, vẽ hình trình bầy. Ông là người nổi tiếng thường có hình biếm họa đăng trên The Washington Post và sau đó được giải Pullitzer vào năm 1967. Năm 1984 tôi đã là người gốc Á châu đầu tiên được bầu vào Académie Nationale de l'Air et de l'Espace của Pháp. Hàn Lâm Viện này không phải chỉ gồm toàn những kỹ sư và khoa học gia về hàng không và không gian mà còn có nhửng danh nhân về văn học như Pierre Closterman, phi công anh hùng Đệ Nhị Thế Chiến và là tác giả những cuốn sách nổi tiếng như Le Grand Cirque, Flames in The Sky, …, hay ông Michel Debré, giáo sư Luật khoa, nhà văn và cũng là cựu thủ tướng Pháp , …. Những người này khi bỏ phiếu bầu cho tôi tất nhiên đã đọc những tài liệu tôi viết bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp mà ủy ban tuyển chọn đã thâu thập được và họ là những người xứng đáng nhất để có thẩm quyền nhận xét về giá trị văn học và khoa học và hiểu biết kỹ thuật về hàng không của tôi. Tất nhiên những người này không ai nghĩ là tôi đã dựa vào một tác phẩm nào để viết cuốn sách đầu tay của mình….

Trong nền văn học thế giới, kể cả Việt Nam, có những tác phẩm mà người đọc, sau khi bỏ sách xuống đã ang khuâng tự hỏi phải chăng đây là sự việc thật, xẩy ra với những người thật. Đọc Les Misérables của Victor Hugo người ta như sống với những nhân vật trong truyện. Trong những tác phẩm thật chọn lọc của Tự Lực Văn Đoàn, khi đọc Hồn Bướm Mơ Tiên của Khái Hưng ta cũng có thể nghĩ chú tiểu Lan là mẫu người có thật. Theo tôi nghĩ thì nhà văn, khi tạo dựng một tác phẩm, nếu tả đúng tâm lý của những nhân vật trong truyện và trong một

khung cảnh hiện thực thì đó là bí quyết để thành công khi viết sách để cho người đọc như đang theo dõi một câu chuyện đời có thực. Trường hợp tôi viết Đời Phi Công cũng như vậy, tôi cố tạo ra những hình ảnh đẹp là mẫu mực của thanh niên ở thế hệ tôi. Nhiều thanh niên học sinh đọc cuốn sách đã thầm ước mình là người trong truyện….

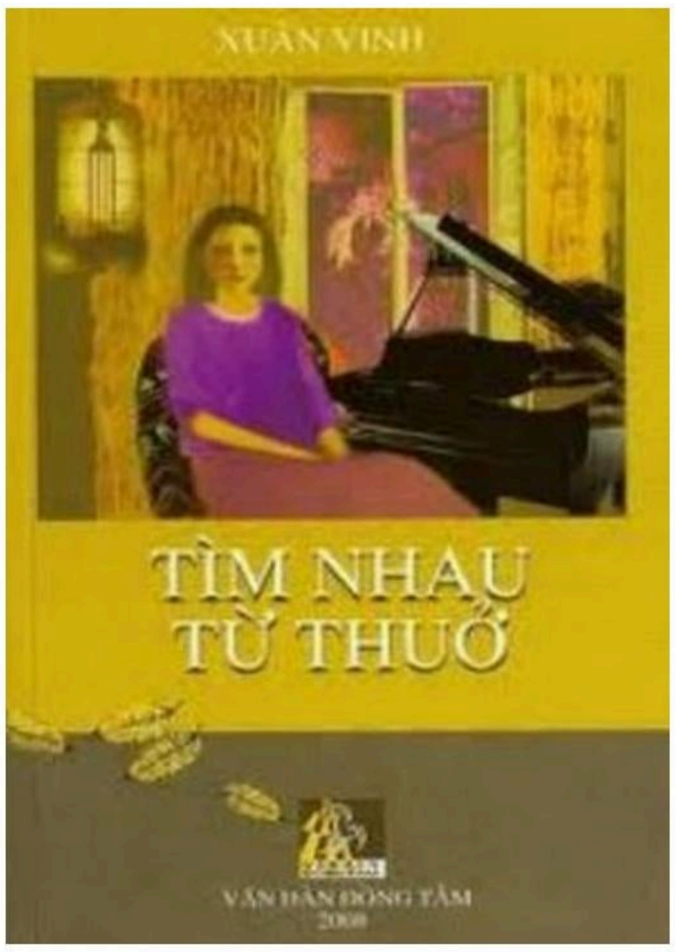

Tác giả Nguyên Xuân Vinh viết về tác phẩm Tìm Nhau Từ Thuở:

“Cuốn sách này tôi viết ba năm mới xong gồm 14 chương. Tuy diễn tiến của cuộc tình theo với thời gian đã được giàn trải trước nhưng có khi vài tuần lễ tôi mới viết được một đoạn như là một câu truyện ngắn nói về liên hệ giữa hai người. Chẳng hạn trong một chương sách có tiêu đề là Thiên Nga tôi chỉ kể câu chuyện nhân dịp lễ Valentine anh chàng Phong tìm mua được một con thiên nga bằng pha lê để gửi kịp ngày 14 tháng 2 cho cô bé mang ra trường khoe với lũ bạn luôn luôn tọc mạch. Bài viết cũng khá dài gồm nhiều chi tiết làm người đọc thấy thích thú. Mỗi chương sách tôi thường viết một mạch không cần sửa chữa hay thêm bớt. Trong khoảng thời gian đó tôi tưởng tượng mình như có liên hệ với những người trong truyện nên có độc giả đã nghĩ rằng tôi kể chuyện đời mình.”

Về Tìm Nhau Từ Thuở, GS Vinh kể tiếp:

“Trong những năm sống ở nước ngoài, và được đi nhiều

nơi, tôi đã viết một loạt bài, thường là những ký sự hay tùy bút bộc lộ tâm sự của mình, hướng về đất nước và mong ước cho giới trẻ đạt được những thành tích làm vẻ vang cho quê hương. Những bài này được lựa chọn và in thành một tuyển tập đề là **Theo Ánh Tinh Cầu** do nhà xuất bản Đại Nam in ra năm 1990. Sách in ra được bán hết ngay trong năm nhưng không in lại vì tôi dự định viết tiếp một số bài nữa. Sau đó, tôi viết một vài truyện ngắn tả mối tình thật lý tưởng giữa một chàng trai thời loạn và cô em gái một người bạn. Những chuyện này được đăng liên tiếp mấy năm trên những số báo Xuân Thời Luận và được độc giả ưa chuộng. Ông chủ bút Thời Luận là nhà văn Đỗ Tiến Đức vẫn thường nhắc nhở tôi viết những chuyện văn chương và tình cảm tuy rằng ông vẫn nhận đăng những bài nói về hoạt động giáo dục và khoa học của tôi. Vì thế tôi đã viết tiếp để tạo dựng thành một cuốn truyện đi cho tới đoạn kết....

Cũng như khi viết cuốn Đời Phi Công, tôi muốn giới hạn thời gian của câu chuyện để giữ niềm trẻ trung cho những nhân vật trong truyện. Cũng vì vậy mà tôi đặt khoảng thời gian vào những năm kế cận trước và sau năm 1975. Câu chuyện cũng được diễn tả một cách trung thực hơn vì tôi biết rõ sự biến chuyển trên đất nước trong khoảng thời gian này. Nhiều người đã đọc cuốn sách, cả hai phái nam và nữ, là những chuyên gia có trình độ, cũng có nhận xét như Nhã Lan là tôi đã diễn tả lại một khung cảnh của đất nước trong giai đoạn này.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ và nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ là bậc đàn anh khả kính mà tôi được biết khi cùng dậy ở trường trung học Chu Văn An ở Sàigòn. Nhưng theo tôi nghĩ thì sự chọn lựa của giới trẻ Việt Nam hiện nay không hẳn chỉ giữa hai nền văn hoá Đông và Tây, thật cách biệt nhau. Trong giữa hai đối nghịch cũng có những khoảng dung hoà có thể chấp nhận được. Lý tưởng ra thì tôi hằng mong ước các bạn trẻ sống ở hải ngoại phải cố gắng tranh đua sao cho bằng người mà vẫn giữ được bàn sắc đạo đức của giống nòi Hồng Lạc.

Nhân vật Phong là nhân vật nam ở trong Tìm Nhau Từ Thuở. Còn Phương Vân là cô bé trong cuốn truyện, em của một người bạn học. Tình cảnh này thường xẩy ra giữa các liên hệ bạn bè. Tuy tôi tả Phương Vân như một nữ sinh hiền thục ở tuổi trăng tròn, nhưng để mở rộng phạm vi hoạt động cho Phong, tôi đã đặt anh vào vị trí của một chuyên gia tốt nghiệp từ một trường cao đẳng có uy tín ở Pháp, và đã theo tiếng gọi của nghĩa vụ mà về nước phục vụ một khoảng thời gian. Cũng vì vậy mà nhiều người đọc sách đã nghĩ rằng tôi kể chuyện đời mình.

Đời Phi Công là những bức thư của một chàng thanh niên vừa xếp bút nghiên theo việc đao cung gửi cho người bạn gái đã mang tính chất thời đại của một mẫu người tuổi trẻ thật nhiều lý tưởng. Cuốn sách đã tạo nhiều ảnh hưởng, được tái bản nhiều lần và hàng ngàn người trai trẻ nô nức gia nhập Không Lực để thực hiện lý tưởng và hoài bão của mình trong thời chiến tranh khốc liệt về sau. Cùng một lúc với sự phát triển của không quân Việt Nam bào những năm 1960, rất nhiều thanh niên đã theo tiếng gọi của Tổ Quốc Không Gian gia nhập quân chủng. Nhiều sĩ quan tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt cũng xin chuyển về phục vụ Không quân.”

Bàn luận về tác phẩm Đời Phi Công là những lá thư gửi Phượng và tác phẩm Tìm Nhau Từ Thuở cũng có những bức thư nói liền những không gian xa cách. tác giả tâm tình:

"Cuốn Đời Phi Công là một tập sách gồm toàn những lá thư viết cho một cô bạn gái ở xa, để kể chuyện đời của những người nặng nghiệp bay. Còn Tìm Nhau Từ Thuở là một tập truyện tả một một mối tình cao thượng, nẩy nở theo ngày tháng giữa một chàng trai thời đại và một nữ sinh, em một người bạn. Sau này vì hai người ở xa nhau, nên đôi khi có những cánh thư trao đổi nhưng số trang viết qua thư từ chỉ là một phần nhỏ trong cuốn sách. Vì vậy thể văn không phải hoàn toàn là thể viết thư.

...

Như cuốn Tìm Nhau Từ Thuở, tôi phãi mất ba năm mới viết xong. Cuốn sách gồm có 14 chương. Tuy diễn tiến của cuộc tình theo với thời gian đã được dàn trải trước nhưng có khi vài tuần lễ tôi mới viết được một đoạn như là một câu chuyện ngắn nói liên hệ giữa hai người. Chẳng hạn trong một chương sách có tiêu đề là "Thiên Nga" tôi chỉ kể câu chuyện nhân dịp lễ Valentine anh chàng Phong tìm mua được một con thiên nga bằng pha lê để gửi kịp ngày 14 tháng Hai cho cô bé mang ra trường khoe với lũ bạn luôn luôn tọc mạch, nhưng bài viết cũng khá dài gôm nhiêu chi tiết làm người đọc thây thích thu. Môi chương sách tôi thường viết một mạch, không cần sửa chữa hay thêm bớt. Trong khoảng thời gian đó tôi tưởng tượng mình như có liên hệ với những người trong truyện nên có độc giả đã nghĩ rằng tôi kể câu chuyện đời mình."

Mục tiêu của tác phẩm "Vui Đời Toán Học" là:

"Ngay ở lời mở đầu cuốn sách, tôi đã viết là từ khi vào trung học tôi đã thấy yêu thích môn toán học và ao ước được đọc những cuốn sách viết về cuộc đời học toán của những người đi

trước. Dĩ nhiên là khoảng thời gian khi tôi mới lớn lên, sách vở thiếu thốn nên không được đọc những tài liệu đó. Giờ đây tôi viết cuốn sách này kể lại những cố gắng của mình trong cuộc đời tầm học và mong rằng những chuyên gia khác ở mọi ngành cũng làm tương tự để lảm giầu thêm cho tủ sách kiến thức chuyên môn viết bằng tiếng Việt. Tuyệt đối là không. Thật ra khi chọn tên cho cuốn sách tôi cũng sợ có chuyện ngộ nhận đây là sách nói về Toán học. Thật ra lúc mới đầu chỉ là một tập sách gồm có nhiều câu chuyện vui về toán viết một cách nhẹ nhàng giản dị cho mọi người có thể đọc được. Những chuyện này khi viết ra đã được đăng trên nhiều nguyệt san và được người đọc ưa thích. Những nguyệt san đã đăng bài thường chỉ lưu hành ở địa phương nên nhiều người đã muốn tôi gom những bài này lại để in thành sách để phổ biến cho nhiều người đọc. Có nhiều bài chỉ gồm toàn là những bài thơ tình. Chẳng hạn tôi lấy bài "Mười hai bến nước" thì bài này là gồm một số bài thơ tình cảm dùng những danh từ toán học. Tôi chọn một bài làm thí dụ

Tâm Điểm

Tình là vậy, từ chân không chợt đến,
Một vòng tròn quay hai nửa tim hồng.
Để mỗi ngày đôi chân bước song song
Mong đi tới tận cùng là giao điểm
Em yêu anh, nên anh là tâm điểm
Giữa vòng tròn hạnh phúc của đời em.
Dẫu thời gian, không gian hoài biến chuyển,
Quỹ tích này vẫn mãi chỉ chờ anh.

Nếu không loáng thoáng có những danh từ toán học chen vào thì người đọc có thể nghĩ đó là một bài thơ tình. Trong câu chuyện này cũng có những câu thơ thật tha thiết như

Anh hiểu chưa, cõi lòng em như thế,
Em muôn đời không đổi trục, anh ơi.
Nhớ thương anh, tuy chẳng nói nên lời,
Em mơ ước theo cung đường tối lợi.
Tìm giao điểm cho lòng ai mở hội,

Xác định rồi vẽ đồ thị triển khai,
Rồi chứng minh tỷ lệ suốt đêm dài,
Lên đáp số đóng khung đời hình học.
Bài toán tình luôn làm người mê hoặc,
Bởi muôn đời nó vô định, người ơi!!

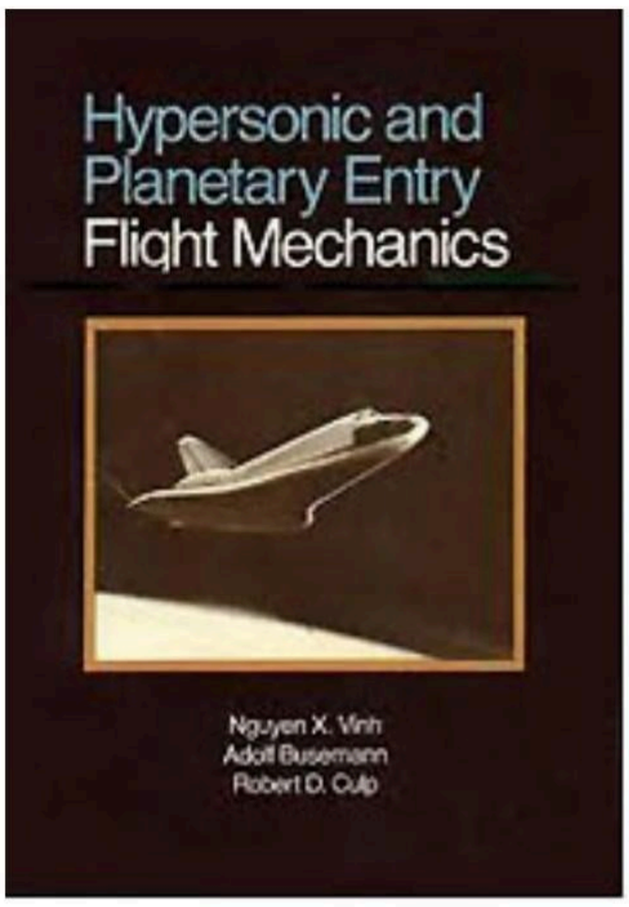

Trong một bài khác tôi viết có tựa đề là "Thảo bài thơ liên hoàn" nói về một buổi trại hè các trại sinh chia nhau thành năm nhóm ngồi ở bốn phương Đông Tây Nam và Bắc và một nhóm ngồi ở phương vị Trung ương, mỗi nhóm chọn một hình vuông, tròn, lục lăng, ngũ giác và tam giác để trình bầy về vẻ đẹp của hình nhóm mình đã chọn. Khi đến hồi kết luận thì một em trại sinh đóng vai một thi nhân đi thăm các nhóm, và ở nơi nào cũng thảo ra một bài thơ tứ tuyệt để ghi làm kỷ niệm. Ý kiến của tôi khi đưa ra một bài thơ liên hoàn là để gây tình liên kết, khuyên người đọc mà tôi hy vọng là ở trong giới trẻ hiếu học là biết nối vòng tay lớn để cùng nhau xây dựng quê hương. Trong bài viết này tuy có phác qua những vẻ đẹp của các hình kỷ hà học, nhưng sự thực là một sáng tác thơ văn. Hai bài viết mà tôi đưa ra làm thí dụ về khía cạnh thơ văn của cuốn sách tôi đã đăng trên nguyệt san Tân Thế Kỷ ở Dallas trước đây và sau này được truyền đi nhiều lần trên mạng vi tính nên có nhiều người đã đọc. Có một lần tôi tìm được trên mạng bài thơ tình toán học của tôi có người phổ nhạc và hát nữa nghĩ thật là vui. Khi tôi cho vào trong cuốn sách và viết thêm những kỷ niệm học toán và giảng

dậy ở các đại học cùng làm nghiên cứu khoa học thì mới lấy tên mới này là "Vui Đời Toán Học" và vì số lượng trang sách tổng cộng lên quá lớn gần tới 900 trang nên tôi phải bỏ bớt đi và giữ lại còn gần 500 trang mà thôi. Những bài tôi vừa lấy làm thí dụ vì đã được chuyển đi nhiều lần trên mạng nên trong cuốn sách này tôi phãi bỏ đi. Ngược lại tôi viết thêm nhiều bài nói về cuộc đời làm toán qũy đạo không gian và dậy học của tôi. Thật ra có nhiều chuyện người đồng hương không biết nếu không đọc cuốn sách. Chẳng hạn tôi có nhiều học trò đã thành danh, và một ngươi nay là đại giáo sư ở một đại học lớn và tên của ông ta được đặt cho một tiểu hành tình mới tìm thấy cách đã hơn mười năm. Tuy đã nổi tiếng như vậy mà trong tiểu sử của ông được in trên trang Đại Học ông vẫn ghi tên tôi là giáo sư cố vấn cho luận án tiến sĩ của mình. Tôi dùng lối hành văn giản dị, không cầu kỳ lại nhẹ nhàng. Thỉnh thoảng tôi chen vào vài kỷ niệm riêng, thường là những kỷ niệm vui, hay gặp những duyên kỳ ngộ, được thầy hay, bạn tốt. Trong cuốn sách này tuy như tôi đã nói trước đây là có nhiều bài chỉ gồm toàn những bài thơ tình, nhưng nay tôi thu xếp lại đê viêt thêm vê cuộc đời học toán, dậy học va khảo cứu của mình nên đả dùng thể văn tự truyện nhưng có chen vào những tình cảm riêng tư của mình đối với đất nước và thế hệ trẻ Việt Nam.

Nói chung, sáng tạo thơ văn thì không có gì giới hạn, nói theo tiền nhân khi xưa thì

Ngoài vòng cương toả chân cao thấp,
Trong thú yên hà cuộc tỉnh say

Muốn viết sao cũng được miễn sao bộc lộ được ý tưởng của mình muốn truyền cho người đọc. Nhưng sáng tạo toán học phải dùng hoàn toàn luận lý thật chặt chẽ, tuy đôi khi phãi pha một chút tưởng tượng không bình thường. Tôi lấy một thí dụ, tuy không thực tế cho lắm, là một phi thuyền đang bay trên một qũy đạo vòng tròn quanh trái đất, mà giờ ta muốn quay ngược chiều nghĩa là đổi hướng bay 180 độ. Như thế, theo ý nghĩ thông thường thì phải hãm vận tốc lại thành số không rồi lại tăng tốc

độ thành như cũ nhưng đổi ngược chiều, thật vừa tốn kém nhiên liệu lại vừa gây ra một độ gia tốc quá đáng có ảnh hưởng tai hại đến phi thuyền và phi hành đoàn nếu có. Lời giải đáp thật đúng là làm sao vận hành cho đỡ tốn nhiên liệu là phải tăng tốc độ cùng chiều, nghĩa là thay vì quay ngược ngay lập tức, lại phải tiến tới. Vận động này, chỉ tốn một ít nhiên liệu nhưng sẽ làm cho phi thuyền vượt khỏi trọng trường của trái đất và bay đi thật xa. Ở khoảng cách xa, lấy thí dụ là khoảng cách chừng mười lần bán kính qũy đạo, vận tốc của phi thuyền sẽ rất nhỏ, giống như khi ta tung một quả bóng lên cao, lên tận cùng rồi muốn rơi trở lại. Lúc đó chỉ càn tạo ra một lực nhỏ để cho phi thuyền bay trở lại nhưng lần này ngược với hướng bay trước. Khi tới vị trí cũ thì tốc độ trở lại bằng lúc mới bắt đầu khởi hành nhưng lần này phi thuyền đi ngược chiều và chỉ cần hãm tốc độ lại vừa đủ đi vào qũy đạo tròn là thực hiện được phép đổi hướng 180 độ. Chi phí về nhiên liệu, một lần tăng lên và một lần giảm đi, cả hai lần đều bằng nhau theo tính chất đối xứng của qũy đạo và tương đối nhỏ. Đấy là ý kiến đưa ra nhưng sau đó phải dùng phép tính thật chính xác để xem tất cả những điều lợi, như tiết kiệm nhiên liệu, bớt độ gia tốc, và những điều hại như kéo dài thời gian vận chuyển vân vân…"

Về quan điểm toán học, ông đề cập:

"Toán học là một môn của Triết học. Tôi củng như nhiều người có suy tư và quan niệm về cuộc sống, thường quanh những đạo đức cổ truyền mà tôi được thấm nhuần từ hồi trẻ, thường là bất di dịch, như là chịu ơn ai thì nghĩ đến báo đền. Lấy một thí dụ là trong cuốn sách tôi có một bài viết là "Thầy còn nhớ tôi không?" nói đến tình thầy trò. Nhưng khi làm khoa học, đi vào luận lý thì những suy nghĩ này phải gạt sang một bên. Nói một cách khác khi thấy ông thầy của mình tính không đúng thì cũng phải nhắc khéo là ông đã hơi sai.

Như trên, văn học và toán học có điểm gần nhau. Nhà văn kiêm nhà giáo môn toán Nguyễn Xuân Vinh yêu thích thi ca, Vui Đời Toán Học ghi nhận trong nhiều trang sách. Trong

tương quan đó nữ toán học gia gốc Nga Sophia Kovalevskaya của thế kỷ 19 cho là: "Bạn không thể là một nhà toán học mà không có tâm hồn của một nhà thơ" (Il est impossible d'être un mathématicien sans avoir poète dans l'âme). Còn nhà toán học người Đức nổi danh trong môn toán Calculus, Karl Weierstrass ối thế kỷ 19) cho nhận định: "Một nhà toán học không mang một nét gì đó của một nhà thơ thì chả bao giờ là một nhà toán học trọn vẹn được" (Un mathématicien qui n'est pas aussi quelque peu poète ne sera jamais un mathématicien complet). Tôi thầm nghĩ chả nhẽ hai cụ Sophia Kovalevskaya và Karl Weierstrass đã cho hai câu nói đúng y bon để giới thiệu về nhà văn kiêm giáo sư có hai đam mê trong tâm hồn, toán học và văn học, Thi sĩ GS. Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.

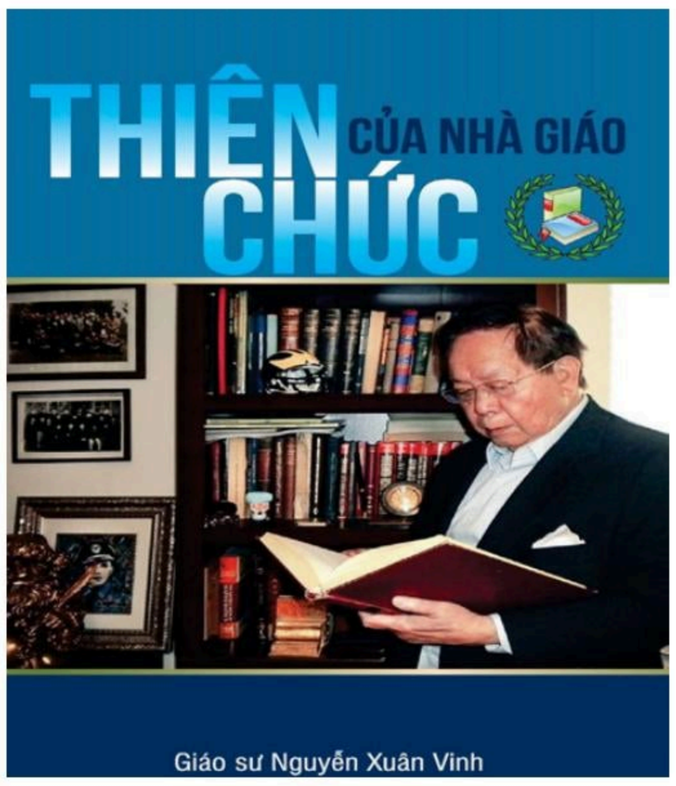

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh: Toán Thơ và Thơ Toán

Nhân dịp các thành viên Liên nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật - Tiếng Thời Gian đi thăm GS. Nguyễn Xuân Vinh để bàn thảo in sách Thiên Chức của Nhà Giáo tại tư gia Huntington Beach của ông. Trong phái đoằn có thi sĩ Hà Nguyên Du. Hà Nguyên Du đặt một số câu hỏi về phạm vi không gian học (aeronautics) và vũ trụ học (astronautics). GS. Nguyễn Xuân Vinh viết nhiều tài liệu khảo luận (term papers) về khía cạnh không gian chuyên môn của ông, ông đã đóng góp hàng trăm bài tiểu luận về toán, động học không gian (astrodynamics) và tối ưu hóa quỹ đạo (trajectory optimization),... GS, Nguyễn Xuân Vinh khi về hưu ông mang tước hiệu Professor Emeritus of Aerospace Engineering của Đại học Michigan, giáo sư danh dự ngành kỹ

thuật không gian. Theo quy chế giáo dục Hoa Kỳ khi trường ban cho "Giáo sư Emeritus" (Professor Emeritus) là một giáo sư dạy thực thụ, thông thường đã làm việc toàn thời gian, nhưng nay đã nghỉ hưu, ông hay bà vẫn có thể được mời định kỳ để thuyết trình, giảng dạy, tham khảo ý kiến hay được trao một giải thưởng nào đó. Professor Emeritus là một phong vị danh dự cao quý.

"Xưa nay chúng ta thường nghĩ những sáng tác văn học vốn là những xúc cảm riêng của nhà văn, nhà thơ, nên có khi không mang một quy luật gì cả, nhất là việc muốn đo bằng số (định lượng) những kết quả hay các quy luật của văn thơ thì dường như là điều không thể làm được. Các bài viết dưới đây sẽ làm cho chúng ta thay đổi lại cách nhìn, chúng ta sẽ thấy, hóa ra

tính ìhài hòa" của của văn chương vẫn có thể được đo bằng sự ìcứng nhắc" của đại số. Điều này nó mang lại thắng lợi không phải cho riêng toán học, mà còn làm cho cách tiếp cận văn học trở nên đa dạng và phong phú hơn. Tuy nhiên, việc ứng dụng các phương pháp toán học trong việc nghiên cứu các tác phẩm nghệ thuật vẫn là một lĩnh vực mới mẻ và cần được nghiên cứu thêm. Bài viết dưới đây chủ yếu áp dụng một lý thuyết có tên là ìLý thuyết tai biến" (cùng với Điều khiển học và Lý thuyết trò chơi), một lý thuyết mà tôi tin là ở đây không có nhiều người thạo (tôi cũng mù tịt). Tôi hy vọng sẽ có người post bài giới thiệu chi tiết về lý thuyết này để cả nhà cùng hiểu rõ. ", GS. Nguyễn Xuân Vinh.

Cựu Tư Lệnh Không Quân VNCH, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.

Một dẫn chứng khác là Thi sĩ kiêm giáo sư toán JoAnne Growney viết: Toán học và thi ca đều là "định dạng có thể truyền tải nhiều ý nghĩa". Trong môn toán học, một đối tượng hoặc một ý tưởng có thể có các dạng khác nhau. Ví dụ, một phương trình bậc hai có thể được hiểu theo biểu thức đại số của nó, có thể là y = x2 + 3x-7, hoặc theo dạng đồ thị của nó, một parabole. Henri Poincaré, một nhà khoa học người Pháp, người đặt nền móng cho hai lĩnh vực toán học khác nhau vào đầu những năm 1900, đã mô tả toán học là "nghệ thuật đặt cùng một tên cho những thứ khác nhau". Tương tự như vậy, các nhà thơ tạo ra các lớp nghĩa bằng cách sử dụng các từ ngữ và hình ảnh có nhiều cách diễn giải và liên tưởng. Cả nhà toán học và nhà thơ đều nỗ lực vì tính

kinh tế và độ chính xác, lựa chọn chính xác những từ họ cần để truyền đạt ý nghĩa của chúng.

GS. Growney được biết qua danh tác, tuyển tập thơ "My Dance is Mathematics", bà còn là nhà toán học, nhà thơ, nhà văn JoAnne Growney, giáo sư toán tại Đại học Bloomsburg University of Pennsylvania (Collection of poems "My Dance is Mathematics", by JoAnne Growney. She is a mathematician, poet, writer JoAnne Growney, a math teacher at Bloomsburg University of Pennsylvania).

Tác phẩm Đời Phi Công, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.

Người viết bài xin kết luận, ta có thể kể tiếp vô vàn những ví dụ về cách các nhà toán học và nhà thơ móc nối những con số và những con chữ để thỏa mãn ý thích của họ. Một hỗn hợp của những điều trực tiếp nói ra và những gì ngụ ý sâu kín đằng sau, hay một hỗn hợp của nhạc điệu và âm điệu. Thay vì cố phân tích rõ ràng, rành mạch, mà như vậy ta có thể còn làm mất phẩm chất hay của thơ bị toán hóa, thôi thì tôi xin chấm dứt bài viết này bằng trích dẫn những câu thơ tinh của thi sĩ, nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh:

(Yêu) anh từ thuở xanh mơ,
Giận anh cho đến bây giờ chưa nguôi.
Sao anh chưa nói nên lời,

Sao anh chưa nói trọn đời (yêu) em.
Bây giờ gặp buổi chiều êm,
Anh về mới nói (yêu) em trọn đời.
(Tình thơ Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.)

En souhaitant au professeur Nguyen Xuan Vinh un rétablissement magique de la santé bientôt, “vous êtes mon idole des mathématiques et un modèle souhaitable en mathématiques et en aérospatiale” que Dieu vous bénisse. Nous nous souvenons toujours de vous!

VHLA
(Trần Việt Hải Los Angeles).

GS. nhà văn Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh.

HOÀNG XUÂN SƠN
m ù a h è b ậ n á o

Andrea Stajan-Ferkul

S A N H Ồ

hồ lạnh
và hẻo
không còn ai vãng lai
những mảnh gương vỡ
cắm xuống bùn kim loại
vết thương tự giãn nở
con dê núi một sừng
be he

L Ử A K I Ế M

lửa cháy lửa cháy
ồ
    lửa
                cháy
đất [sao]
                    chuồi
qua đại dương xanh

P H Ả N Á N H

kịp đến khi áo dài thất tung
những gương sen
lập lòe bông súng

T Ê N

hạ trắng*
        hạ trắng
                hạ trắng
là tên môt bài hát?
ồ
không
là hát một bài
không
tên

T R I Ề U P H Ụ C

bệ hạ đi tìm thần dân mới
quý phi vờ bỏ đi
hồi loan thậm thụt

R A O H À N G

ai rao chữ cho một bản dịch
đồng tiền âm dương
rủng rỉnh
túi cô hồn

HOÀNG XUÂN SƠN
h o à n g x u â n s ơ n

{ Été 21]
* Hạ Trắng, ca khúc Trịnh Công Sơn

CHU VƯƠNG MIỆN & M.Loan Hoa Sử
THƯƠNG TIẾC

Nhà văn Trần Đĩnh qua đời ngươi ngày 12 tháng 5 thọ 93 tuổi
Nhạc sĩ Cung Tiến 1938- 2022 thọ 84 tuổi
Nhà thơ & văn Hoài Ziang Duy 1948 – 2022 thọ 74 tuổi
*

Đời lạnh lùng trôi theo dòng nước mắt
Với bao tiếng tơ xót thương đời
“ Tiếng ĐànTôi - Nhạc của Phạm Duy “
*

1 năm làm thơ o nhiều
Chỉ dăm 3 bài
Đa số là cầu chúc và thương tiếc
Cho các nhà văn nhà thơ và nhà soạn nhạc ……
Tư giã cõi tạm cõi trần
Để về cõi vĩnh hằng
Vô thủy vô chung
Mấy năm gần đây
Quý vị huynh trưởng “ niên trưởng “
Rủ nhau cùng đi quá nhiều
Thương tiếc thì cũng chỉ để nơi lòng
Làm thơ đôi dòng
“tiễn biệt “
Vẫn biết rằng trong cõi đời ô trọc “ đầu “
Có sống và có thác

Trong vòng " sinh lão bệnh tử "
Nhân sinh chả có một ai khỏi thoát
Các huynh viết văn làm thơ soạn nhạc
Cống hiến dâng đời
Cũng hoài mong có chút gì còn lại
" bất diệt "
Người già thương tiếc người già
Kẻ tài hoa thương tiếc kẻ tài hoa
Thế gian hạn hẹp
Bụi cát mù sa
Ý như lầu Hoàng Hạc
Chim ngừng cánh một chập một thời gian
Rồi cất cánh bay luôn o trở ại
" Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản "
Ôi những " tài nhân & nghệ nhân " của đất trời ?
Đến nơi đây 1 lúc
Hoặc vài mươi năm
Hay 1 kiếp làm người
Rồi cũng theo chim Hoàng Hạc bay vút trời xanh
Than ôi

CHU VƯƠNG MIÊN & M.Loan Hoa Sử

NGÔ NGUYÊN NGHIỄM

TRẦN KIÊU BẠT, DÙ NGƯỜI LÀ AI XIN HÃY ĐẾN

Dòng sông Hậu chảy vắt ngang một ngôi nhà cổ, mái lợp âm dương đầy nét cổ kính của miền đồng bằng sông nước Nam bộ. Nhiều lần trong đời, tôi có dịp lưu trú và hòa mình trên nếp sống nơi này, như bao nhiêu sự thân quen kỳ cựu từ tiền kiếp vọng về. Cái đến thật nhẹ nhàng nhưng mang tất cả tâm hồn, chan hòa trong tình nghĩa của gia đình, cái ở lai hòa mình trong những thân thuộc máu thịt mà ngỡ rằng tổ ấm là đây, và khi ra đi những lời nhắn nhủ chân thật, và tình thương làm nhung nhớ lạ lùng, nhiều khi làm chùn chân bước. Nhà Trần Kiêu Bạt có một sinh khí hiền nhân kỳ lạ vương vãi đầy ắp tình người, mà kẻ đến như con cháu ở xa về, người đi lòng lại u hoài một nẻo nhớ nhung. Tất cả, gia đình nhân hậu từ song thân đến đàn em tài hoa lịch lãm, chan hòa đầy phương cách sống của những tâm hồn tri kỷ Đông phương. Quả thật, hơn 40 năm nay, ngôi nhà cổ đầy ắp hồn người, quy tụ gần như đầy đủ những nhân tài văn nghệ khắp mọi miền lãng du dừng gót lữ hành, để gởi lại trong lòng một chút thân thương và nỗi nhớ. Cuối năm 1966, tôi chủ trương tờ nguyệt san Trình Diện Tuổi Đất, số đầu mượn danh nghĩa của trường trung học đệ nhị cấp Thủ Khoa Nghĩa, mang tờ báo còn thơm mùi giấy bay nhảy như con thoi về các tỉnh miền Tây, để giới thiệu với các trường học tại Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh… Tháp tùng

có Lưu Nhữ Thụy, Thùy Linh Thụy Vũ, Phước đen, Nguyễn Văn Be… tận tâm xuôi ngược, chỉ mong một điều lấy được thành quả cho sự đam mê thêm một ý nghĩa hữu lý trong việc bay nhảy với văn chương. Điểm dừng đầu tiên ở Cần Thơ, là trường Nông Lâm Súc, dưới những tàn cây rậm mát sân trường, giờ ra chơi dày đặc sinh viên líu tíu trong những ngày cận Tết. Cạnh tờ Trình Diện Tuổi Đất, còn có một tờ báo học sinh tỉnh khác tình cờ có mặt trong buổi chào mời. Lưu Nhữ Thụy vội chỉ tôi một sinh viên đang đứng dưới tàn cây sum suê bóng mát, đọc tờ báo bạn trong cái say sưa đầy nhiệt tâm, mà chắc chỉ có kẻ thích thú văn chương mới có hùng tâm như vậy. Thụy hỏi tôi có biết ai không, *đó là nhà thơ Trần Biên Thùy, bạn em dân quê mình.* Đang lạc lõng được nắm níu cơ may, tôi và Lưu Nhữ Thụy đến bắt chuyện. Trần Biên Thùy vui mừng, kéo một anh chàng nhà thơ đến giới thiệu. Từ đó, sự quen biết với Lâm Hảo Dũng và Trần Biên Thùy và kéo dài tận tụy đến ngày nay. Sau buổi tan trường, Trần Biên Thùy và Lâm Hảo Dũng dẫn anh em về nơi cư trú, trên đường liên tỉnh, một căn nhà cổ ẩm thấp ven đường, mà ngõ tới đầy bùn lầy nước đọng, ngập kín lối đi. Trời thì chiều, khoảng năm đó sự lưu hành xe cộ khá khó khăn, nên tôi và anh em đành ở lại Cần Thơ và đề nghị Trần Biên Thùy quy tụ vài bằng hữu để ấm cúng trong tiệc trà tương ngộ. Việc phải đến là vậy, chuyện hữu duyên trong thời khắc cần nhau, thật là điều vạn hạnh. Gặp bạn chân tình, hồn hậu là một ước muốn không phải bao giờ cũng có được, dù dàn trải sắp xếp cũng chỉ làm nhọc công đợi chờ. Bỗng nhiên, trên quãng đường lầy lội băng qua nhà trọ, hai vị khách bặm trợn rổn rảng nói cười lê dép bước quanh co né tránh vũng bùn dày đặc, bước vào sân thềm. Thì ra, Trần Kiêu Bạt kéo Ưu Thức (Vũ Phan Trần, Đặng Thư Cưu) tình cờ ghé tạt thăm Lâm Hảo Dũng và anh em. Ngày quen biết đó cách đây cũng hơn 50 năm ròng rã xuyên thoi thăm viếng lẫn nhau. Những lần về Cần Thơ, thì trăm lần như một, Trần Kiêu Bạt đưa tôi về tư gia, như một gia đình ấm cúng đầy rẫy chân tình và đạo lý. Hoặc hướng dẫn tôi đến gia đình Cậu Năm, thù tạc trên một khoảng sân vườn rộng tênh đầy rẫy tiếng chim hót hoang sơ. Nơi đây, người em cô cậu của Trần Kiêu Bạt là

Nguyễn Hoàng Tiến và các em, cũng giữ trọn vẹn một sự thân tình và hồn hậu cho lòng người êm ấm những giây phút xa nhà. Cậu Năm Trần Kiêu Bạt là một nhà giáo lão thành, đã bước vào bục giảng từ thuở trai trẻ, đến nay hơn 50 năm nghiên bút tận tâm với nhân sinh, hằng lưu giữ khí tiết và đạo nghĩa. Hai nơi cư địa của gia đình Trần Kiêu Bạt đều thật tâm xem tôi như một đứa con nhỏ vừa trở lại mái ấm. Năm 1966, thật ra tôi cũng đã xuất bản hai thi tập: một tập thơ riêng, và một tập in chung với Lưu Nhữ Thụy, sáng tác thì được giới thiệu nhiều trên báo chí Sài Gòn và tỉnh lẻ, nên biết tên tuổi nhau là một sự dễ dàng, và càng lúc càng sâu đậm hơn trong tình văn nghệ.

Trần Kiêu Bạt có cá tính bộc trực, nhưng giao tiếp thì anh có một giọng nói thật êm đềm kỳ lạ, ấm cúng rõ ràng từng câu chữ. Nhiều lúc, ngồi nghe Trần Kiêu Bạt hát vài bản tình ca, hay ngâm một bài thơ thích thú, giọng ca, giọng ngâm Trần Kiêu Bạt có phần chuyên nghiệp, hào sảng và tuyệt cùng. Bào huynh thì như vậy, các em Trần Kiêu Bạt cũng có một giọng ngâm hay biểu diễn một ca khúc đều thật ấn tượng như một ca sĩ tài danh. Trời phú sự đặc biệt cho tất cả anh em Trần Kiêu Bạt như một ân sủng tuyệt diệu. Thường xuyên gặp gỡ, và cuộc sống như anh em ruột thịt nhưng chưa bao giờ tôi nghe Trần Kiêu Bạt ngâm thơ mình. Chính vậy, nhiều lúc tôi hối thúc Trần Kiêu Bạt in tác phẩm, nhất là khi tạp chí Khai Phá chuyển hướng sang xuất bản, từ năm 1972 – 1975, không biết bao nhiêu lần tôi lên kế hoạch để Trần Kiêu Bạt góp mặt đứa con tinh thần càng sớm càng hay. Sự e ngại của anh chắc không phải vì tài chánh hay sợ làm bận tâm bạn bè, nhưng chắc có lẽ đó là một bản tính cố hữu, chỉ muốn nhốt gió lại trong lòng, cho sự buốt lạnh của tình yêu, hay chút thoáng dịu ngọt hạnh phúc của cuộc đời, mà anh cẩn thận và khiêm tốn cứ đánh giá mình một cách khắc khe. Vì vậy, đến khi Trần Kiêu Bạt đồng ý để in thi tập **Dù Người Là Ai Xin Hãy Đến** (1975) thì cuộc đổi mới đất nước lại là cái nghiệp khiến thi tập Trần Kiêu Bạt phải lần nữa trở về bóng tối, như anh nghĩ *đời tôi đó mãi là chiều đông xám / hẳn xót xa buồn héo đến trăm chiều.*

Cung cách bất cần đời, nhiều khi khiến Trần Kiêu Bạt âm thầm chịu đựng, không than vãn. Kết quả nào đơm nở được trên tay, cũng bay theo tính lãng du của cuồng sĩ, không làm cho anh nuôi dưỡng được chút thừa trừ của hạnh phúc, hầu lập dựng trong hồn một chút sương muối cho mơ màng một nẻo phiêu linh. Nhiều lúc, Trần Kiêu Bạt sống thật như một bàn cờ đầy vẻ logic suy đoán, nhưng thực chất bên trong sự ẩn dật của trăn trở quanh tâm thức, tạo dựng cho Trần Kiêu Bạt một sự ngược chiều, không thăng hoa được hạnh phúc hay khổ đau. Thơ Trần Kiêu Bạt là một dòng thơ tình, đầy ắp hình ảnh và con chữ nhảy múa quanh khung cảnh biến đổi chập chờn, có lúc âm vận trúc trắc ở những vần thơ tự do, đủ làm ta hiểu sự xáo trộn đầy trong mật độ tình cảm, cố nén khỏa lấp vì làm vẻ tỉnh tuồng với cuộc đời. Thật ra, nước mắt chảy thấm ướt cả một vùng trời cô tịch, đẩy đưa bao nhiêu bi thảm chìm ngấm trong từng kẻ hở của thơ Trần Kiêu Bạt, nhất là những bài thơ vần, giúp Trần Kiêu Bạt bày tỏ thấm đậm đau khổ hơn. *Xin hãy đến nhìn qua đời rất tội / một bóng một hình đèn sớm đèn khuya.*

Năm 1989, lúc anh em nhiều nơi được dịp thời cơ *mở*, xuất bản nhiều tác phẩm mới. Tôi cũng được Rừng và Nguyễn Phan Thịnh giới thiệu Nhà Xuất bản Trẻ ra mắt thi tập *Tổ Ấm*. Lúc đó, nhiều bạn bè góp ý in chung một tuyển tập kỷ niệm cho bao nhiêu ngày tháng bước qua. Tôi làm tuyển tập thơ *Lãng Mạn Đời Trăng*, có nhiều bằng hữu nổi tiếng bật dậy chung vai, tôi nhắn Trần Kiêu Bạt và được anh đồng ý với câu: Ông Nghiễm, tôi phân vân rất nhiều, cuối cùng mới quyết định viết cho ông đây… Thôi thì gởi mấy bài viết về tình yêu vậy (Thư ngày 08/04/1989). Như vậy là mừng rồi, tôi chỉ ngại Trần Kiêu Bạt trở chứng không góp mặt cùng bằng hữu trong thi tuyển này. Trước 1975 cũng vậy, chính vì sự lưỡng lự (cá tính vậy mà) đã làm tập thơ Dù Người Là Ai Xin Hãy Đến phải bán giấy vụn, sau khi in được mấy mươi trang. Thời gian đi qua, không thể chụp bắt lại được, chỉ ngại việc làm còn tích lũy đến một không gian *trơ*, làm mất đi thời gian tính, phải xóa đi tâm huyết thì thật đau lòng. Có lẽ tuyển tập Lãng Mạn Đời Trăng là sự hiện diện đầu

tiên và cuối cùng của Trần Kiêu Bạt khi anh còn sống.

Bề ngoài Trần Kiêu Bạt thật thanh lịch, vui tính nhưng kỳ thực bao nhiêu chất chứa trong lòng đã giày vò cả một đời làm thơ. Thơ Trần Kiêu Bạt là thơ tình, vì anh có chan chứa bao nhiêu tình cảm trong đời sống, đều dồn nén hết trong tâm can. Sự thổ lộ tình yêu, chỉ ở đêm tàn gối lụn, mà một cuồng sĩ phong lưu kiêu bạt như anh vẫn chất chứa riêng tư và cho cái riêng tư không bày tỏ với chung quanh, với đời vẫn vô tình. *Có những lúc không còn muốn nói / sau một lần vui / cửa đã khép / hương đã tàn / và hồn đầy bóng tối.*

Trần Kiêu Bạt đến với thơ, không rải hoa cho thơ bùng sáng với thế nhân, mà người khác thường đem thơ rao bán và cung thỉnh cho danh tiếng nhà thơ. Nhưng Trần Kiêu Bạt ngậm thơ như ngậm hồn mình, sự nén chặt trong cõi riêng tư đã làm nghẽn đường khiến sự giao tiếp và người đọc không có dịp thấm nhập vào cái đau của Trần Kiêu Bạt. Anh xây một bức tường kiên cố, nhốt thơ và nhốt cả lòng mình, cô lập cả một thế giới sinh động chung quanh, chỉ có một thế giới cô đơn riêng mình. Tôi nhớ đầu thiên niên kỷ mới năm 2000, nhà thơ Hà Thúc Sinh có mail than với tôi về cách sống khép chặt cho thơ và phiêu hốt trong ý nghĩ của Trần Kiêu Bạt, vì Hà Thúc Sinh cũng là bạn tâm giao của Trần Kiêu Bạt, giống như những bằng hữu tâm giao khác Đoàn Kế Tường, Trầm Mặc Nghệ Thế (Lý Thừa Nghiệp). Nhưng tôi hiểu sự giấu kỹ cái ngậm đắng nuốt cay của Trần Kiêu Bạt trong tình yêu, cũng là một cách bày tỏ của một hạng người đặc biệt, không bao giờ phô bày nỗi khổ đau của mình để nhận sự khích lệ cảm thông của dư luận tha nhân. Trần Kiêu Bạt là thế, lạ trong đời và lạ trong ý thức. Chính vậy, là một sự hy sinh đạt ngộ, khiến anh có vài điểm linh thiêng mà tôi kể ra đây như một sự chiêm nghiệm.

Bản tính tôi không bao giờ dỗ giấc giữa ban trưa, nhiều lúc mệt mỏi vì công việc bề bộn cũng chỉ nghiêng đầu lặng lẽ 5 – 10 phút tĩnh tâm. Trưa 22/06 âm lịch 2005, thấp thoáng một cơn mơ dài, tôi đi vội ra sau nhà, nhìn vào chiếc giường nhỏ, mùng đen

giăng mắc buông thõng, và Trần Kiêu Bạt nằm ngủ say mê. Tôi bước vội ra cửa chính trước nhà, Trần Kiêu Bạt bước vào, tôi hỏi: *Mới về hả Nhứt?* Anh gật đầu và hỏi lại *Trần Kiêu Bạt nằm đâu?* Tôi vội chỉ ra sau nhà và nói *Trần Kiêu Bạt nằm phía sau nhà kìa.* Tôi giật mình tỉnh giấc, đồng hồ vừa chỉ đúng 12 giờ trưa. Ái ngại chuyện mộng mị lạ lùng, tôi trầm ngâm suy nghĩ và đành lấy can đảm gọi ngay về Cần Thơ, khoảng 3 giờ chiều ngày ấy, Nga (em thứ 5 của Trần Kiêu Bạt) khóc lớn trong điện thoại, và dặn tôi *Má đang bịnh tim nặng, anh Nghiễm có gì chỉ gọi và nói với em thôi.* Rùng mình như qua cơn đồng thiếp, tôi hiểu Trần Kiêu Bạt đang về đong đầy cuộc sống vừa qua, để yên lòng bước về nẻo mới. Sau đó, Nhì (em kế Trần Kiêu Bạt) lên Sài Gòn thăm tôi, cũng cho biết, ngoài tôi, Trần Kiêu Bạt cũng có cơn mơ với một người bạn gái vào giờ tử sinh định mệnh như thế.

Dù người là ai xin hãy đến, khẩn thiết của một tấm lòng đầy ắp yêu thương và mộng ước, một sự vĩnh cửu ở tình yêu và ở cuộc đời này, đã khơi bùng *tro tàn bếp lạnh bấy lâu,* còn ấm áp trong tâm thức một chút dư âm của cơn gió thu lãng bạt, làm rơi đầy những cánh phong du bay lãng đãng trước sân ngôi nhà cổ lợp ngói âm dương…

NGÔ NGUYÊN NGHIỄM

Thư trang Quang Hạnh

(Nhuận sắc lần 2/ tháng 6.2020)

TRẦN KIÊU BẠT

(1948-2005)

A. TIỂU SỬ VĂN HỌC

Nhà thơ Trần Kiêu Bạt tên thật là Lê Tấn Nhứt, sinh năm 1948 tại An Bình, Cần Thơ

Trần Kiêu Bạt cộng tác nhiều tạp chí văn học, nhưng đó không phải là sự đam mê trong phương thức hoạt động văn nghệ của anh. Bản chất rất lãng bạt, phóng khoáng không làm anh gò bó trong mọi vấn đề vật chất hay danh vọng với nhân gian. Điển hình, đến nay Trần Kiêu Bạt cũng chưa có một tác phẩm in riêng cho chính bản thân, dù rằng năm 1975, Nhà Xuất bản Khai Phá cũng đang lên khuôn thi tập **Dù Người Là Ai Xin Hãy Đến**, nhưng thời cuộc khiến tập thơ chịu chung số phận, không ra mắt được bằng hữu văn nghệ. Đến nay, không hiểu Trần Kiêu Bạt đã có được bao nhiêu tác phẩm, nhưng điều được biết chắc chắn trước 1975, anh đã hoàn thành hoàn chỉnh 5 thi tập. Và những bài thơ rải rác không kể xiết, rơi rớt nhiều nơi mà chính

Trần Kiêu Bạt cũng không ước lượng được. Minh chứng, ví dụ nhà thơ Đoàn Kế Tường đã lưu giữ và đưa ra một bài thơ xuôi của Trần Kiêu Bạt mà anh em tra hết trong các thi tập vẫn không thấy vết tích anh lưu lại. Sống với bằng hữu cực kỳ khoáng đạt, nhã nhặn với từng tình cảm cho – nhận với anh em, sự rộng mở của một chân tâm hình như trăm năm có một. Nơi tư gia của Trần Kiêu Bạt bao giờ cũng đầy đủ anh em văn nghệ khắp miền, không ngớt tiếng ngâm thơ, sên phách, và sáng tác… Hầu như, tất cả tấm lòng bát ngát của đồng bằng Nam bộ đều quy tụ về chan chứa tại gia đình anh. Từ song thân, đến huynh đệ của Trần Kiêu Bạt như một vòm ánh sáng bát ngát tình người với tài hoa tuyệt diệu ở nhiều bộ môn nghệ thuật.

Sự ra đi đột biến của Trần Kiêu Bạt ngày 22/06 âm lịch/2005 (Ất Dậu), đã làm đau lòng bao nhiêu người ở lại. Vĩnh biệt một tài hoa và một tâm hồn trượng nghĩa, lãng bạt… bao giờ cũng ghi nỗi nhớ vô cùng trong lòng bằng hữu quanh cuộc sống.

B. TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

Tác phẩm tiêu biểu:

1/ Thơ Tù Binh, 1969
2/ Dù Người Là Ai Xin Hãy Đến, 1970
3/ Trần Gian Đã Mất, 1973
4/ Mười Bài Tỏ Tỉnh, 1974
5/ Thơ Gởi Đỗ Kim Hương, 1975

Thơ in chung:

1/ Lãng Mạn Đời Trăng (Nxb Mũi Cà Mau, 1989)
2/ Và nhiều tuyển tập khác…

NGÔ NGUYÊN NGHIỄM

LÂM HẢO DŨNG

“Những Người Lính Của Thời Tôi Sống “ (1)

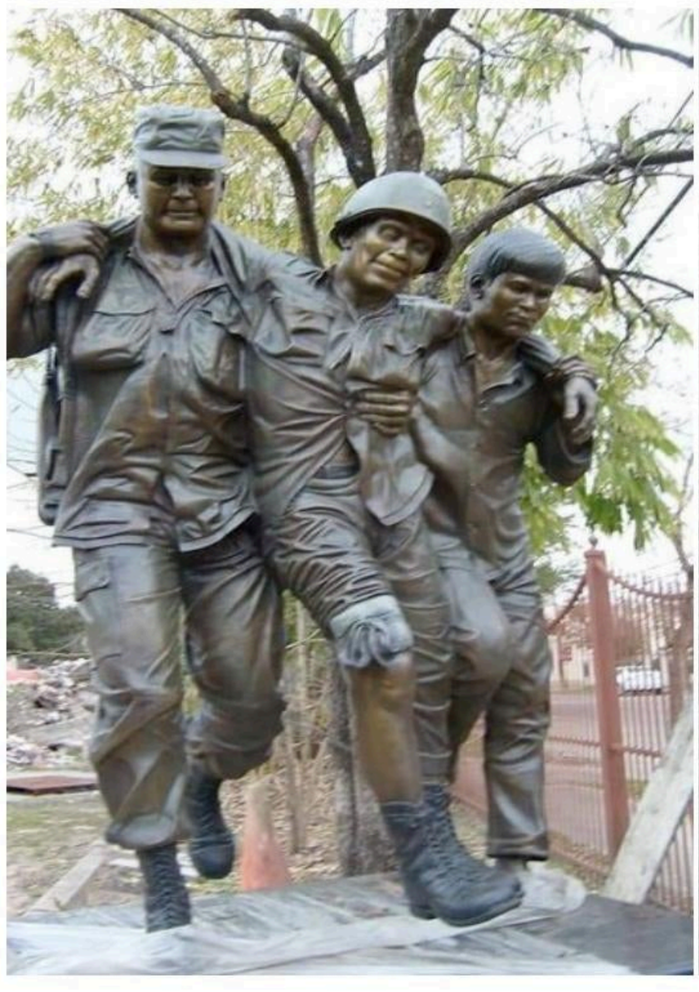

không có tình nào cao đẹp
vượt lên trên tất cả mọi tình yêu
vượt lên trên mọi thử thách hiểm nguy
dù phải trả bằng máu
dù phải băng qua trăm vết đạn thù, qua mìn bẫy giặc
dù phải đánh đổi bằng chính mạng sống của mình
để cấp cứu đồng đội
đó là tình chiến hửu…

không có thước đo giá trị nào có thể so sánh
nó tiềm ẩn trong hơi thở, trong huyết quản
được thông hơi qua những đêm gác giặc, những ngày di quân, những khi chạm địch.
người lính ấy hồn nhiên
những khi nói, khi cười
rất người,rất thật.

bức ảnh ghi dấu cột mốc thời gian
của những người bạn phương xa
về đây chiến đấu
và người lính miền Nam
bày tỏ niềm hân hoan, niềm tri ân
bằng sự chiến đấu kiên cường
bảo vệ biên cương

Đức Cơ
với bạt ngàn rừng cao su
những Thăng Đức, Thanh Giáo…
ôi! dinh điền cũ
đạn bom đã nở hoa thay hoa màu kết trái
những sân nền trơ vơ buồn vây kín đất
quê hương tôi,những người lính giàu cảm xúc đứng
nhìn ngẩn ngơ…

những người lính ấy biết về đâu ?
sau trận chiến hay sau cuộc chiến
còn gì rơi rớt lại trong trái tim anh ?
một thời cầm súng
lịch sử có bao giờ lập lại ?
và vết thương sẽ được vá nguyên lành ?

giữa núi rừng Tây Nguyên
mắt sầu sơn nữ
thăm thẳm dài vô tận…
mãi còn theo dõi bước anh không ?.

LÂM HẢO DŨNG

Ghi chú: ===>>

(Xin mượn nhan đề và ảnh của tác giả bài viết này, qua sự chuyển tải của anh Thuận Phan)

- (1) "Những người lính của thời tôi sống

Nguyen Duc- MNVN- QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HOÀ
3t Feb-2021 at h115f:4d9m ·

Hai tấm hình,một nội dung. Một được chụp lại trong trận Đức Cơ 1965 và một là tượng,hiện đang chưng bày ở tiểu bang Texas Hoa Kỳ.

Trong ảnh là cố vấn cho LĐ Dù VNCH Schwarzkopf, đang cùng một lính VNCH dìu một lính bị thương trong trận Đức Cơ 1965.

Ông cũng là cố vấn cho LĐ Dù của Trung tá Ngô Quang Trưởng làm Lữ đoàn trưởng với 5 Tiểu đoàn Dù,truy kích hai Tiểu đoàn CSBV trong trận Ia Drang,cuộc hành quân Thần Phong 7 tháng 11/1965.

Cố vấn Schwarzkopf năm 1990 là Đại tướng Tổng Tư Lệnh quân đội Hoa Kỳ tại vùng Vịnh.

Tình đồng đội ngoài biên giới quá cao cả. Tri ân những tấm lòng những người lính Hoa Kỳ đã cho chúng ta thấy họ đã làm cho chúng ta,những người lính VNCH dù xa lạ với họ.

Ngoài ông ra còn có cố vấn Duffy của Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù cũng làm chúng ta cảm kích và tưởng nhớ. "

Lâm Hảo Dũng
Van,BC- April 9- 2022- 10H 25' PM

ĐỨC PHỔ
TÂM TÌNH GỞI BẠN
***tặng hoài ziang duy**

hãy ngồi lại nhìn xem cảnh vật
ở quanh ta tình nặng nghĩa đầy.
chuyện sinh, lão… lẽ thường thiên hạ
quẳng gánh sầu đỡ nặng đôi vai.

bạn từ thuở dọc ngang chân cứng
đá mềm theo từng bước vẫy vùng.
đã đất dụng tài người trai trẻ
mà thiên cơ bít lối quay về.

khi xót phận tép phơi trên rổ
kẻ lưới chài chẳng nể nang chi.
đã suốt kiếp tha phương cầu thực
lòng chỉ no lòng. nỗi nhớ quê.

ngồi ngẫm lại thăng. trầm bất sá
chuyện đã đành chẳng chấp hơn thua.
ta cùng bạn cùng thời dâu bể
cảm thương nhau chẳng lẽ dư thừa.

đời người chỉ tâm an là quý
lẽ vô thường hãy để ngoài tai.
thơ thăm bạn đôi dòng. vốn dĩ
từ tim gan cảm mối u hoài…

RƯỢU CHUNG TÌNH

đêm nay không say không về
mà say rồi anh biết về đâu.
một bóng quê nhà xa thăm thẳm
rượu tưởng vơi sầu. lại nặng nỗi sầu.

ai tẩm tình bùa vào chung rượu
để rượu chung tình ngọt, đắng lẫn vào nhau.
ngay đêm nay cùng những ngàn sau
chẳng thể hai quê anh yêu cùng lúc.

quê đã nặng và tình thêm nặng
nên hai vai trĩu gánh ưu phiền.
phiền gánh mãi. oằn cơn áo nảo
rượu vơi đầy theo những oan khiên.

ước gì rượu là nước mắt quê hương
để được uống quê hương vào lòng.
để thân dẫu chân mây. hồn vẫn không rời đất tổ
và tình em ngào ngạt rượu thôn làng.

đêm nay anh cùng chung rượu tình chung
uống vào lòng. quê hương và nỗi nhớ.
đời xuôi ngược bao phen. chuyện nhỏ
rượu chung tình một giọt. đã trăm năm…

ĐỨC PHỔ

TRẦN VĂN TÍCH

Colomba

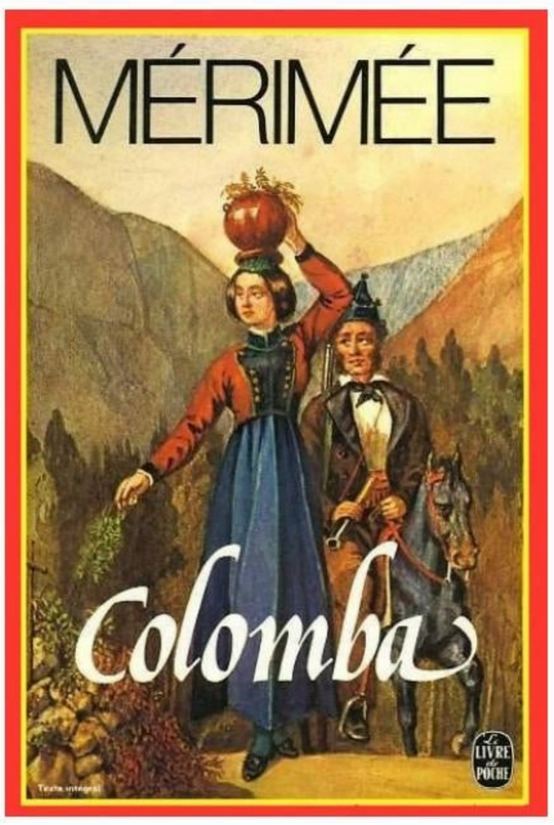

Tôi vừa tham gia một chuyến đi chơi xa trên biển, đi thăm các địa phương vùng Địa trung hải gồm đảo Corse, các thành phố, các hải cảng Naples, Rome, Florence, Pise, Livorno, Cannes, Barcelona và Mallorca.

Chiếc tàu thuỷ của Na Uy rất lớn, có đến 17 tầng. Tôi tham gia du ngoạn bằng tàu thuỷ lần đầu tiên và cũng là lần chót dối già. Khởi hành thứ bảy 07.05, về nhà chủ nhật 15.05. Phòng chúng tôi dành cho ba người, ở tầng cao nhất, có ban-công nhìn ra biển khơi.

Thường thường thì những chuyến đi chơi xa trên tàu bè là cơ hội để du khách chưng diện áo quần hợp thời trang, là dịp tốt để nữ giới la cà đi mua sắm, là hoàn cảnh thuận tiện để những người mê chơi bài tụ họp xoa mạt chược. Riêng tôi vốn không chú ý nhiều đến cách ăn mặc, vốn không ưa shopping và vốn không biết chơi bài; vì thế suy tư của tôi về chuyến hải hành

có phần không theo lệ thường và chắc là khác với nhiều người khác.

Tôi mê cuốn truyện Colomba của Prosper Mérimée từ thời còn học trung học. Tôi hình dung nhân vật nữ Colomba như một cô gái giàu nghị lực và nhiều ý chí, nhất định trọn đời không quên mối thù gia đình vendetta. Viếng khu du khách tại thủ đô Ajaccio trên đảo Corse, tôi không tìm thấy vết tích gì về cuốn truyện Colomba của Prosper Mérimée như tôi tưởng, tìm mãi mới mua được một tấm lắc nhỏ xíu có ghi Vendetta chữ nhỏ và Corsica chữ lớn. Đứng trên ban-công phòng ngủ chiếc hải thuyền nhìn cảnh vật thành phố Ajaccio trải dài trước mắt, tôi không chú ý đến nhà cửa thị thành chồng chất san sát cận kề bãi bể mà thẫn thờ hướng nhìn về phía xa xăm, ngắm các khu rừng núi mênh mông trùng điệp tạo thành viễn cảnh làm nền ở phía sau, nơi có lẽ có những maquis là địa bàn trường kỳ hoạt động bi hùng của gã tướng cướp Brandolaccio bên cạnh nhân vật nam Orso della Rebbia chỉ tạm dung thân lánh nạn trong thời gian ngắn trong truyện; để rồi liên tưởng tới các chiến khu trên đất Việt, nhất là chiến khu Ba lòng ở Quảng trị, nơi tôi từng trải qua mấy năm ở tuổi hoa niên. Chả là trong tiếng Pháp, “gagner le maquis“ được dịch sang Việt ngữ là “ra bưng“.

Trước khi lên đường, tôi đã tham khảo các từ điển đơn ngữ tiếng Pháp, đã cặm cụi google qua wikipedia để tìm chi tiết về địa danh Fozzano, nơi được ghi nhận là còn lưu dấu tích nhà ở và mộ phần nhân vật văn học Colomba, không biết Fozzano ở xa hay gần Ajaccio nhưng không thể nào tìm ra được các chi tiết rõ ràng và chính xác về địa danh này. Đặt chân lên đất liền Ajaccio, cơ sở đầu tiên tôi tìm đến là phòng thông tin dành cho du khách. Tôi chuẩn bị sẵn một mảnh giấy ghi rõ những chữ khoá : tên cuốn truyện Colomba, tên tác giả Prosper Mérimée, tên địa điểm Fozzano, tên nội dung truyện kể vendetta. Hai cô gái tóc vàng nói tiếng Pháp chỉ biết và hiểu chữ vendetta và họ chỉ cho tôi là có thể tìm mua những kỷ vật liên quan đến vendetta của đảo Corse như các tấm bảng nhỏ khắc ghi chữ vendetta, các con dao

nhỏ của người chăn cừu trên đảo, v.v.. tại con đường chính nơi khu du lịch chuyên bán kỷ vật. Ngoài ra họ không biết gì về cuốn sách, đến người viết, đến Fozzano. Tôi năn nỉ họ thử dùng điện thoại hỏi các cơ sở chuyên trách về quản lý địa dư, về bảo tồn di sản lịch sử coi xem Fozzano có gần Ajaccio hay không. Chắc thấy ông già Á đông cất công dò dẫm đến Ajaccio có vẻ tha thiết muốn biết về nơi chốn này quá – thay vì muốn biết về ngôi nhà nơi Napoléon ra đời – nên cả hai cô cùng thay nhau sử dụng điện thoại tìm hiểu nhưng rồi cuối cùng họ cho hay là không tìm ra Fozzano ở đâu. Phần tôi thì tiếc ngẩn ngơ vì mình đã không có đủ thì giờ để liên lạc với các giới chức hành chánh địa phương tại đảo Corse qua mạng lưới để hỏi trước xem có thể thăm viếng Fozzano trong thời gian ngắn ngủi ghé thành phố Ajaccio hay không.

Trở lại nhà và lại ngồi trước màn ảnh internet, tôi phát hiện ra rằng nhân vật tiểu thuyết Colomba thực ra là một nguyên mẫu ngoài đời đi vào văn học và đã được nhà văn hư cấu thêm ít nhiều. Chuyện báo thù vendetta là chuyện có thực xảy ra tại ngôi làng Fozzano, gần Sartène và Sartène là lỵ sở một quận thuộc Miền Nam đảo Corse. Khoảng cách địa lý giữa Ajaccio và Sartène là bảy mươi kilômét và đi từ Ajaccio đến Sartène bằng xe ôtô mất khoảng một giờ rưỡi. Như thế, theo lý thuyết, tôi có thể thăm nhà và mộ của Colomba khi ghé Ajaccio ngày thứ hai 09.05. Nhưng tôi đã không thực hiện được điều tôi toan tính. Một phần vì con cháu tôi không hưởng ứng ước mong lẩm cẩm của tôi, phần khác chính tôi lại lo sợ chuyến hành trình khứ hồi Ajaccio-Sartène-Ajaccio bằng tắc-xi có thể gặp bất trắc không tiên liệu được khiến tôi không kịp trở lại tàu thuỷ theo qui định của cơ quan du ngoạn.

*

Prosper Mérimée là nhà văn Pháp, sinh năm 1803, mất năm 1870; từng được cử giữ chức thanh tra di tích lịch sử, do đó có cơ hội đi nhiều. Truyện vừa nổi tiếng của Mérimée là Mateo Falcone, viết về một người bố ở đảo Corse giết cậu con trai tham

lam đã đang tâm nộp một tên cướp trốn ở nhà mình cho cảnh sát. Truyện dài Colomba ra đời năm 1840, kể chuyện một phụ nữ đảo Corse thúc đẩy em trai phải trả thù cho bố bị giết.

Vài năm sau trận Waterloo, viên trung uý người Corse Orso della Rebbia trở về nguyên quán và trên đường qui hương Orso làm quen với cô Lydia Nevil, con gái của một viên đại tá người Ái nhĩ lan. Orso yêu Lydia. Nhưng tại ngôi làng cũ Pietranera, Orso đối diện với một không khí thù địch do chị ruột là Colomba tạo dựng. Thân phụ của họ, viên đại tá della Rebbia, đã bị ám sát. Công việc điều tra qui tội cho một tên cướp vừa mới bị giết nhưng Colomba không chịu tin như thế mà quả quyết chính luật sư Barricini là thủ phạm đích thực. Colomba tìm mọi cách để khích động lòng thù hận của em trai. Dẫu là một con người can đảm nhưng Orso lại cho rằng báo thù theo kiểu vendetta là một tàn tích dã man. Hơn nữa anh ta không tin vào tội phạm của gia đình Barricini. Viên quận trưởng sở tại đứng ra hoà giải giữa hai gia đình nhưng Colomba không chịu và Cô còn yêu cầu tướng cướp Brandolaccio làm nhân chứng để tiết lộ nhiều bằng chứng tố cáo dòng họ Barricini. Sau một dịp gây gỗ dữ dội, Orso thách thức con trai kẻ thù đấu súng với mình nhưng y từ chối. Và Colomba lại ra tay. Prosper Mérimée kể rằng nhân lúc tối trời, Colomba dùng dao bén lén rạch tai con ngựa của anh mình. Sử dụng văn phong trần thuật giản dị, chính xác, đầy kịch tính theo phong cách khách quan lạnh lùng, Mérimée giới thiệu với độc giả hành động tưởng chừng tàn nhẫn nhưng thực ra rất hợp với phong tục tập quán đảo Corse. Nguyên văn trong truyện viết : “Il faut savoir que mutiler le cheval de son ennemi est, pour les Corses, à la fois une vengeance, un défi et une menace de mort.“ (Phải biết rằng đối với dân đảo Corse, gây thương tích cho con ngựa của địch thủ vừa là một sự trả thù, vừa là một việc thách đấu và còn là một mối đe doạ giết hại.) Orso vẫn không chịu giết người. Nhưng chẳng bao lâu sau đó, khi đi gặp người yêu, anh ta bị hai viên đạn do kẻ thù núp rình bắn trúng chi trên trái. Viên trung uý tuy bị thương nhưng vẫn bắn trả lại rất chính xác và với hai phát đạn, anh ta hạ gục hai kẻ thù. Cùng lúc đó gã

cướp Brandolaccio xuất hiện. Brandolaccio không hề xúc động trước hai xác chết, trái lại anh ta biểu lộ một cách nồng nhiệt thái độ khâm phục đối với người lành nghề, người thạo việc, người sành sỏi, người nghệ sĩ, kẻ đã hoàn tất một công trình toàn hảo. Chương sách "L'humour noir de Brandolaccio" (Tính khôi hài đen của Brandolaccio) ghi lại hành động, ngôn ngữ của gã tướng cướp nhằm một lần nữa đề cao thói quen và nếp sống của người dân Corse, có tác dụng như thu hồn người đọc. Và Colomba đã chiến thắng : bố của cô đã được trả thù. Nhờ có hai cha con cô Lydia Nevil đứng ra làm nhân chứng trước toà, Orso sẽ không bị kết tội sát nhân vì đã ở vào tình huống tự vệ chính đáng. Orso sẽ thành hôn với người tình. Riêng đối với Colomba thì tác giả mô tả nàng qua một chương riêng viết thành Lời Bạt. Trong một lần du lịch nước Ý, Colomba gặp ông già Barricini, chỉ còn là một cái xác thừa sống vật vờ sau cái chết của hai gã con trai và giờ đây sẵn sàng công nhận tội giết chết vị đại tá, bố của Colomba. Colomba thích thú tận hưởng niềm vui vendetta mà không hề nghĩ đến chút tình cảm nhân đạo hay tha thứ dù chỉ là thoáng qua trong giây phút.

Chuyện Colomba đã được quay thành phim điện ảnh nhiều lần ở Pháp, Mỹ và Ý. Phim Mỹ nhan đề Vendetta do Mel Ferrer đạo diễn năm 1950 với các diễn viên Faith Domergue, Nigel Bruce.

*

Nhà văn xuất phát từ những con người trong đời sống để xây dựng những nhân vật văn học, song không thể đồng nhất nhân vật văn học với con người ngoài đời sống vì nhân vật văn học là sản phẩm của thành quả trí tuệ của nhà văn. Prosper Mérimée dựa vào nữ nhân vật Colomba có thực sống trên đảo Corse để viết thành truyện dài Colomba bằng cách biến đổi người thực việc thực ở những mức độ nhiều ít. Qua nhân vật và cốt truyện, nhà văn tiến hành đối thoại với người đọc. Hiệu quả tư tưởng-thẩm mỹ của cuộc đối thoại ấy lệ thuộc vào sức hấp

dẫn và giá trị hiện thực sâu sắc của cốt truyện cũng như chiều sâu và ý nghĩa của tính cách nhân vật. Trên một bình diện khác, nhà văn còn nỗ lực phấn đấu trong suốt quá trình sáng tạo tác phẩm để tìm đến một ngôn ngữ hoàn thiện có khả năng khơi gợi mạnh mẽ trí tưởng tượng của độc giả.

Văn học thể hiện cuộc sống. Khi sáng tác, tuỳ theo vốn sống, tuỳ theo sở trường và tuỳ theo niềm quan tâm riêng tư – cũng có khi tuỳ theo những đòi hỏi của thời đại – , nhà văn thường hướng về một phạm vi sáng tác nhất định, từ đó lựa chọn đề tài sáng tác. Prosper Mérimée thiên về mô tả những tình cảm mãnh liệt, những tình huống éo le, những nhân vật quần chúng trong khung cảnh những địa phương xa lạ, gợi hiếu kỷ, gây hấp dẫn – phần nhiều ở Miền Nam Âu Châu. Bút pháp của Prosper Mérimée có tính hiện thực tả chân khách quan một cách lạnh lùng, thường mang ý vị mỉa mai hài hước; cấu trúc cốt truyện chặt chẽ. Colomba và Carmen là những truyện hay nhất của Prosper Mérimée.

Nhiều nhân vật văn học do các nhà văn hư cấu hoàn toàn nhưng cũng có nhiều nhân vật văn học được xây dựng dựa vào các nguyên mẫu có thực ngoài đời sống, lại có cả những nhân vật văn học được nhà văn tái hiện trung thành với các điển hình xã hội; nhưng ở mọi trường hợp, nhân vật văn học bao giờ cũng là kết quả của trí tuệ nghệ thuật.

Mặt khác, nhà văn luôn luôn tìm tòi để đạt đến một ngôn ngữ trần thuật thực sự hoàn hảo. Trong văn học, ngôn ngữ không chỉ đơn thuần mang chức năng kể lể tự sự, chuyển đạt tư tưởng ý nghĩ mà còn là một chất liệu mang đậm các nét riêng tư của phong cách gắn liền và sâu sắc với những đặc điểm thuộc tư duy nghệ thuật cá nhân văn sĩ. Ngôn ngữ của dân tộc nào cũng chứa đựng vô khối từ ngữ đồng nghĩa, trong khi đó thì mỗi đối tượng, mỗi chi tiết, mỗi ý tình mà nhà văn muốn ký thác thể hiện thì bao giờ cũng rất cụ thể; chúng nảy sinh và tồn tại trong một khung cảnh, tình huống, thời điểm xác định, không trùng lặp,

không tái hiện. Giữa một kho tàng từ vựng phong phú, nhà văn không bằng lòng với những tính từ, động từ, trạng từ, danh từ gần đúng mà chỉ bằng lòng với những từ ngữ "đắt" nhất, thực sự phù hợp với đối tượng, chi tiết, ý tình liên hệ. Trong tác phẩm tự sự, ngôn ngữ nhân vật được bố trí xen kẽ với ngôn ngữ trần thuật và trong mọi trường hợp, ngôn ngữ người kể chuyện giữ nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo đối với ngôn ngữ nhân vật. Ngôn ngữ dành cho tướng cướp Brandolaccio góp phần quan trọng vào mục tiêu bộc lộ tính cách, nhưng nó lại không tồn tại một cách độc lập trong cốt truyện. Chính ngôn ngữ của Prosper Mérimée có tác dụng kết hợp, hoà đồng để đưa lại tính hoàn chỉnh và thống nhất của chương sách "L'humour noir de Brandolaccio", từ đó khiến cho nguyên bản tác phẩm văn học thực sự trở thành văn bản chỉnh thể nghệ thuật.

Đối với các nhà văn sáng tác các tác phẩm thuộc thể loại tự sự, cảm xúc thẩm mỹ, suy tư bản thân được ký thác vào cuộc đời và số phận của nhân vật tiểu thuyết, được gửi gắm vào hệ thống biến cố thể hiện trong tác phẩm tiểu thuyết. Qua nhân vật và cốt truyện, nhà văn tiến hành đối thoại với công chúng. Dấu ấn đối thoại thường khắc ghi rất sâu sắc bền bỉ trên tế bào đại não và trong cảm xúc con tim giới thưởng ngoạn.

Các nhà văn Pháp sáng tác theo chiều hướng ít nhiều dựa vào hiện thực đời sống, qua cung cách đưa nguyên mẫu ngoài đời vào tác phẩm văn học đều đến với tôi qua đối thoại. Ở lớp đệ thất thời thuộc Pháp và tại Lycée Khai Dinh, bà giáo Hamel giới thiệu chú bé Le Petit Chose của Alphonse Daudet với cậu học trò người đọc mười hai tuổi Tran Van Tich. Sau này cậu học trò mới biết là tại thành phố Lyon còn có di tích ngôi nhà của các nhân vật văn học Daniel và Jacques Eyssette. Thời kháng chiến, tôi vớ được bộ Le Vicomte de Bragelonne của Alexandre Dumas và đọc nghiền ngẫm ngấu nghiến mà không dè đó là tập thứ ba sau hai tập Les trois Mousquetaires và Vingt ans après. Nhưng D'Artagnan vẫn sống với tôi mãi mãi và nay thì tôi biết thêm là cách thành phố Bonn tôi ở vài giờ tàu hoả hay xe hơi có thành

phố Maastricht của Hoà Lan, tương truyền là nơi d'Artagnan tử trận vì một quả đại pháo, trong tay còn nắm chặt chiếc gậy thống chế nước Pháp do Tể tướng Colbert vừa thừa lệnh vua gửi đến còn trên miệng thì thều thào những lời vĩnh biệt Aramis và những lời tái ngộ Athos, Porthos.

Lyon, Maastricht, Fozzano ngày nào xa vời vợi đối với chú bé hồn nhiên trên mười tuổi nay trở thành có thể viếng thăm được đối với ông lão chín mươi. Nhưng thực ra thì chỉ là có thể mà thôi. Dầu sao đi nữa, những Colomba, Eyssette, d'Artagnan vẫn không chỉ là có thể mà đang thực sự sống cùng; còn Prosper Mérimée, Alphonse Daudet, Alexandre Dumas thì đều đang trực tiếp đối thoại cùng kẻ gõ những dòng chữ này.

TRẦN VĂN TÍCH
20.05.2022

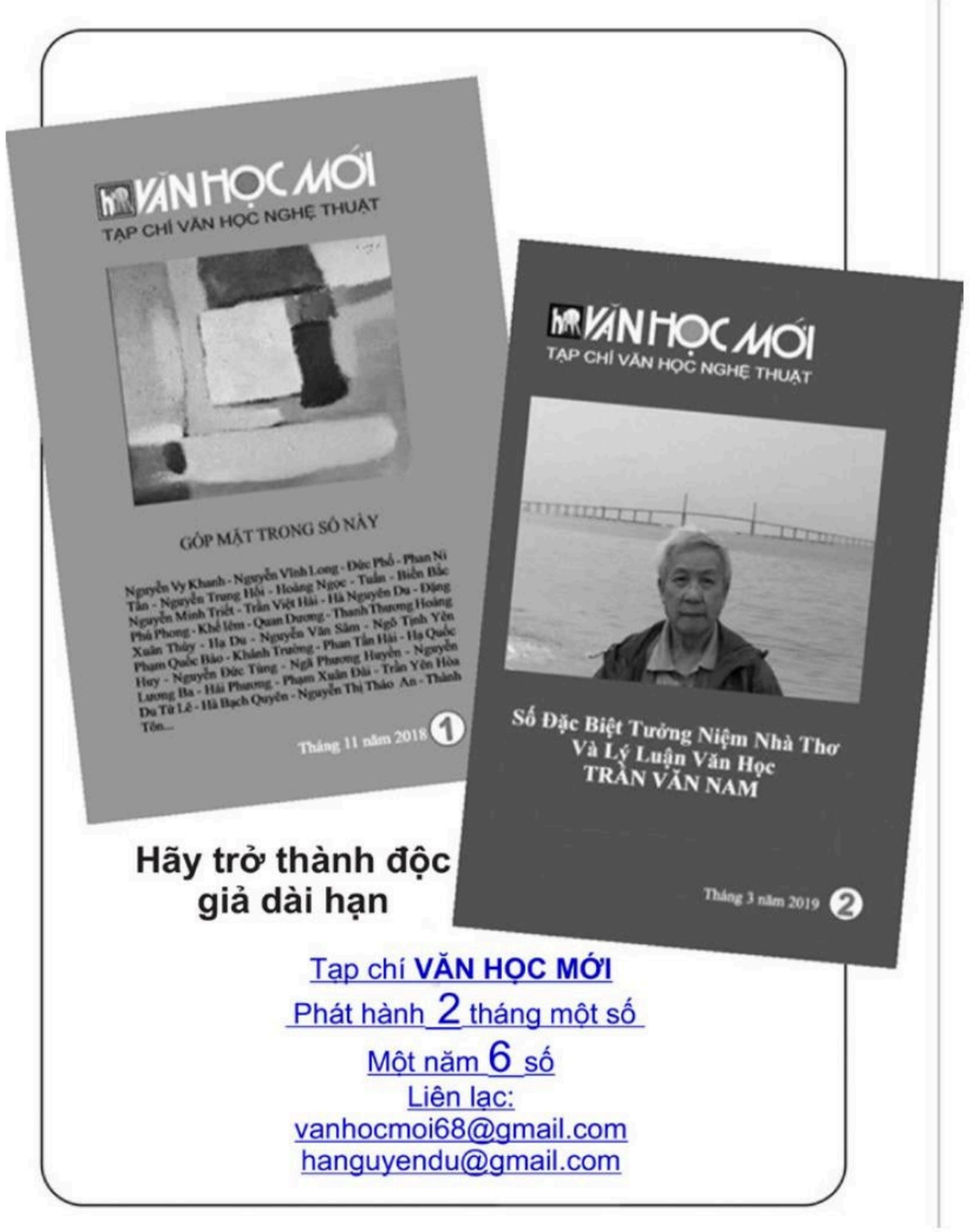

Hãy trở thành độc giả dài hạn

Tạp chí **VĂN HỌC MỚI**
Phát hành 2 tháng một số
Một năm 6 số
Liên lạc:
vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com

HUỲNH LIỄU NGẠN

BIỂN GỌI NGÀY MAI

1.

Tôi lớn lên ở một vùng biển
buồn vui theo từng ngọn sóng
gió tháng giêng
cành liễu rì rào xao xác
mảnh trăng non đầu tuần
run rẩy bóng tôi đi
chiều óng ánh vũng nước ngời lên mắt
khi tay cầm viên sỏi ném ra khơi
đợi thủy triều rút xuống
xóa đi dấu đời cô đơn trên cát

2.

sớm mai nào theo gió lên đồi cao
bơ vơ chờ lá rụng
gom về nhóm lửa thổi cơm
con cá khô chút muối hột cắn làm đôi
giọt mồ hôi lắng xuống đáy nồi

3.

sao mắt khuya còn nhìn ai dưới bãi
gánh gồng thêm thời tiết buổi giêng hai
lại đi vớt nhánh rong lều bều mặt nước
thả tay cầm tấm lưới vá qua đêm

4.
trời chưa sáng ánh sao còn ngủ
đưa mái chèo lên cao
cào vầng trăng bầm tím
tìm miếng cơm bên bờ lau rã nước
cho kịp sóng vỗ bờ

5.
tôi lớn lên ở một vùng không có nhà gạch
mặn đắng còn cá khô vào hôm biển động
lại thở dài
khi áo rách buông khâu

6.
bởi hàng thùy dương đã chán nản gục đầu
làm tôi thấy trước sau gì cũng phải
dù gió
dù bão tố kêu gào ở lại
tôi vẫn ra đi
cho tới bây giờ

7.
cho tới lúc vầng trăng ở giá
biển không hẹn hò ai
dù chỉ là tiếng ầu ơ vỗ về của sóng
đành như muộn màng ngồi đợi
bầy hải âu chao lượn bầu trời
tìm hơi mùa gió chướng
giữa đám rong trôi dật dờ sóng tấp vào nôi

8.
tôi không còn nhận ra chính tôi
khi ngồi bên bãi cát lỡ bồi
biển đã xâm thực vào môi vào má
vào tim vào phổi
vào tận ngõ ngách cuộc đời

nên tôi không nhận ra tôi
thì cũng phải
có ai chèo khua nước
mà âm u từ bữa gió hẹn thề

9.
sao biển rì rầm từng đêm
khi tôi bỏ đi
ai lại gọi tên mình với biển
kể lể năm điều ba chuyện
để thì thầm rủ quyến
khi mặt trời đã chìm xuống đáy sâu
chờ ngày mai
nhưng ngày mai không bao giờ đến

10.
tôi lớn lên ở một vùng biển
thường theo mẹ ra bến
mua cá về đem qua bán làng bên
mẹ bây giờ không còn nữa
tôi cũng bỏ biển mà đi
bây giờ đứng dưới ngọn đèn khuya
tự hỏi còn đường này
có dẫn tôi về biển lại được không
hay là phải nhờ mẹ chỉ đường
bởi vì me ở trên cao
mẹ biết.

HUỲNH LIỄU NGẠN
17.6.2022

NGUYỄN LƯƠNG BA
NHỮNG LÁ THƯ TÂN HÌNH THỨC

Một năm đa sự là
có những ngày mưa lạnh
người phát thư già đi
qua như mưa nhè nhẹ

lặng lờ ngày qua ngày
lặng lờ đến và quên
có những ngày nắng rát
người phát thư già đi

qua dáng khom như bác
cai già ôm những câu
chuyện những lá thư những
phong thư từ độ chữ

nọ cách chữ kia cả
ngàn cây số mỗi ngày
nhìn những dòng thư của
người phát thư là St

Joseph's School là
Bệnh viện St Jude
ta lại gặp nhau ở
một lề đường một quán

cóc và một giấc mơ
người về người đi cái
thủa giấc mơ nào để
ta được gặp nhau như

thể những lời em là
giấc mơ là những lời
của em những ký ức
bác Joe khi trên tay

món quà trẻ thơ và
người lính trận trở về
với huy chương trên ngực
giấc mơ là những lời

của em những ký ức
bác Joe khi một người
vẫn sống xa chốn nhà
không thể nào trốn chạy

bao ray rức phận người.

NGUYỄN LƯƠNG BA

NGUYỄN MINH NỮU

HÀ NỘI THỨ TƯ

1

Cao là bạn với tôi từ thời trung học. Cao học không giỏi nhưng là người thông minh. Cao sống chí tình với mọi người, nhưng đó không phải là điểm làm cho ông ta thành công trong cuộc sống có quá nhiều biến động như thời chúng tôi lớn lên. Chính vì quá nặng tình nên thường nhẹ lý, và thường khi giữa đám đông, Cao là kẻ chịu nhiều thiệt thòi. Thiệt thòi lớn nhất chính là khi mọi người đổ xô ra Vũng Tàu để tìm cách chạy theo những con tàu vượt biển, hoặc chen chân trước Tòa Đại Sứ Mỹ, phi trường Tân Sơn Nhất, hay bến tàu Saigon để mưu tìm một phương tiện thoát thân, Cao lại một mình ngược chiều chạy về Đà Lạt tìm gặp người thân. Hậu quả đó khiến Cao đã chịu đựng thêm 19 năm sống tại Việt Nam.

Cao vừa định cư tại Hoa Kỳ, chúng tôi nối được với nhau một tình bạn. Tình bạn giữa hai người quá lứa như một tách cà phê để nguội, nhìn thì chán mắt, nhưng có chịu khó nếm vào mới thấy nó đậm đà và nồng ấm hơn biết bao nhiêu.

Cao kể cho tôi nghe câu chuyện đi Hà Nội trước khi xuất cảnh, khi Cao nhận được một lá thư từ trong nước gửi tới. Chúng tôi ngồi với nhau ở sân vườn sau, dưới bóng mát của tàn cây cổ thụ rừng già, rừng tiếp nối vườn nhà. Tôi sinh trưởng ở miền Nam, niềm vui từ thủa thanh niên là cà phê, là thuốc lá, là bia rượu và là hào sảng ngân dài một câu vọng cổ. Nay cà phê thì làm tim đập mạnh, thuốc lá làm hôi nhà, uống rượu vào không được lái xe mà ngay cả mượn đời câu vọng cổ cũng không làm hài lòng mấy đứa con lai. Gặp lại Cao như gặp lại được một thời

thanh niên cũ. Cái thời mà Đoàn văn Khánh mô tả là:

"Người ta biết cũng đâm liều.
Còn hơi thở yếu, còn yêu em hoài…"

2

Tôi mang theo trong lòng rất nhiều nỗi khát khao. Sự chờ mong lâu ngày, khi chín, nó rạo rực như ai ấp than hồng lên bờ ngực. Hà Nội với tôi không phải là điều mới lạ, dù chưa bao giờ ghé đến. Tại sao? Đơn giản quá, tôi sinh ra ở Hà Nội. (Sinh ra mà không lớn lên ở Hà Nội là một điều may mắn mà mãi sau này tôi mới biết). Tôi rời Hà Nội khi lên bốn tuổi, cùng đi với tôi, ngoài gia đình sáu người, còn có gần hai triệu người nữa cũng bỏ lại tất cả để thoát thân vào Nam tìm tự do.

Lần này trở lại Hà Nội, nơi sinh ra sau hơn bốn mươi năm, ôm giữ trong lòng chồng chồng chất chất hình ảnh của Hà Nội qua lời kể, qua sách báo và đặc biệt là qua trí tưởng làm sao mà tôi không xao xuyến cho được. Khi di cư vào Nam, rất nhiều người đem theo cả Hà Nội. Phải nói như vậy mới đủ nghĩa. Trong lời nói, trong hành xử, trong thói quen, trong thức ăn thức uống, trong giao tế thường nhật, bất cứ lúc nào không gian Hà Nội vẫn len lỏi chen chúc sống với thời gian Saigon.

Mẹ tôi là một trong đám đông này. Buổi sáng với người, khởi đầu bằng một ấm trà đậm đặc và khay chén lỉnh kỉnh kiểu cách. Tôi không nghĩ rằng mẹ tôi uống trà mà tôi nghĩ người đang hành lễ. Ngồi xếp chân vòng tròn trên phản gỗ, từ tốn rót nước sôi vào cái ấm đất nung nhỏ bằng nắm tay, lắc lắc vài lần cho nóng đều, đổ ra cái chén lớn nhất cũng lớn gần bằng cái ấm mà người gọi là chén Tống, tráng qua loa, rồi chuyền nước qua bốn cái chén nhỏ xíu gọi là chén Quân. Đó là nghi thức chuẩn bị, bây giờ thì chờ nước sôi, người với tay lấy hộp chè Chính Thái Thiết Quan Âm, đổ ra lòng tay trái một nhúm nhỏ rồi khéo léo nghiêng tay cho trà vào ấm, rót nước sôi vào. Trong khi chờ trà ngấm, tay người thoăn thoắt lau khô bốn chén Quân, chén Tống, đĩa để chén, đĩa để bát, trong cái bát có cái ấm và sau chót là cái khay gỗ. Nói là cái khay nhưng cấu trúc của nó là một cái bàn nhỏ xíu, có viền và bốn cái chân, tất cả bằng gỗ đen tuyền cẩn

ốc xa cừ. Đoán chừng trà đủ ngấm, rót ra chén Tống, với tay rót thêm nước sôi vào ấm, rồi mới thong thả chiết từ chén Tống ra bốn chén Quân, đặt hai chén Quân ra khay gỗ, còn lại hai chén trên đĩa sứ, mẹ tôi bước xuống phản, bưng đặt lên bàn thờ, thắp ba nén hương, bây giờ mới là lúc uống trà buổi sáng. Dáng ngồi đăm chiêu, tư lự trong không gian mờ nhạt nửa sáng nửa tối đó, bàng bạc khói sương như hiển linh suốt thời quá vãng.

Tôi không gọi Trà là Chè như mẹ tôi được. Tôi lớn lên ở Saigon, đã quen hiểu chè là một thứ khác, lạ lùng sao khi nghe mẹ tôi hoặc bằng hữu thân quen với người gọi "chè", tôi lập tức hiểu đúng thứ người muốn mà không cần phải diễn thêm là chè tàu hay nước chè.

Tôi đã thức từ lúc những tiếng lịch kịch mẹ tôi kéo cái lò ra, bỏ than vào chuẩn bị nhóm bếp, nhưng tôi vẫn nằm yên, trùm chăn nhìn ra, lơ mơ, có lúc mở mắt, có lúc nhắm mắt. Tôi yêu thương và tôn kính không khí trầm lắng thâm nghiêm này. Tôi chưa bao giờ hỏi mẹ, và cũng chưa bao giờ suy đoán cả. Nhưng tôi vẫn cứ nghĩ rằng đó là lúc mẹ dành riêng cho cha tôi, một người đã khuất.

Cha tôi mất cuối năm Tỵ, vào Nam mới làm giỗ đầu. Cái mất mát của người chồng nhập chung cái mất mát của vùng đất thân quen, làm tóc mẹ tôi sớm bạc. Người u uất nhìn về phía sau tưởng nhớ Hà Nội và lo lắng nhìn về phía trước trông chờ tương lai của sáu đứa con.

Bao giờ cũng vậy, sau hai tuần trà, mẹ tôi châm thêm nước sôi, rồi đổ toàn bộ cả bã trà và nước ra cái chén, từ chén chiết nước ra chén Tống, rồi gọi tôi dậy, – Có muốn uống chè thì ra đây. Tôi lồm cồm ngồi dậy, chạy vội ra súc miệng rồi leo lên phản ngồi đối diện với mẹ, cầm chén Tống có trà nước ba uống một hơi cạn sạch, lần nào cũng nghe mẹ mắng: uống như mày người ta gọi là ngưu ẩm, người Hà Nội không ai uống thế. "Người Hà Nội không ai làm thế" là một điệp khúc, nghe mãi thành quen, và tưởng lại thì luôn là một gợi nhớ. Câu nói đó thường khởi đầu cho một mẩu chuyện bất kỳ về cái thành phố sương mù quá khứ cũ.

Tôi biết Hà Nội vì trong khai sinh đề rõ địa chỉ gia đình lúc tôi ra đời: Số 7 đường Lý Quốc Sư, Hà Nội. Dòng chữ khô khan không mô tả được gì, nhưng với mẹ tôi và các anh chị tôi lại là biểu hiện của một Hà Nội sinh động. Suốt thời thiếu niên của tôi, Hà Nội trùm phủ và chan hòa như là đang thực sống. Sau này, mỗi khi nghĩ về Hà Nội là tôi nghĩ về những hình ảnh, phong cách và hành xử của người Hà Nội qua biểu tượng cũ trong trí nhớ nhỏ nhoi của mình.

Đoàn tàu dừng lại ga Phủ Lý mười lăm phút. Tôi nhìn đồng hồ ước lượng mình sẽ đến Hà Nội lúc nửa đêm. Đêm Hà Nội làm sao nhỉ? À, tiếng lanh canh của tàu điện, có tiếng rao hàng của ai phía xa không? Sương mù phủ mờ mịt mặt hồ Gươm… Khi Anh Bằng viết Nỗi Lòng Người Đi, ông chỉ nói: "Tôi xa Hà Nội năm lên mười tám khi vừa biết yêu", mà không nói xa ban ngày hay xa ban đêm. Tôi thầm mong ông xa người tình đầu vào ban đêm, ban đêm thích hợp cho mơ mộng, cho viễn tưởng và cho nỗi xót xa. Và tôi cũng sẽ hội ngộ đêm nay cùng Hà Nội.

Tôi mong chờ nhưng hoàn toàn không kỳ vọng là sẽ nhìn thấy Hà Nội phải như thế nào. Tôi sẽ thăm Hồ Gươm, thăm Đền Ngọc Sơn, thăm Hồ Tây, thăm Quán Thánh… tất nhiên, điều quan trọng và động lực chính của chuyến đi này là thăm mộ cha tôi và nơi tôi mở mắt chào đời, thăm một lần trước khi chia xa chẳng biết bao giờ gặp lại.

Bốn mươi năm sau khi mất, ngôi mộ an táng ngày xưa không còn nữa. Khoảng năm 1960, Nghĩa trang Voi Phục bị giải tỏa, may mắn là có người quen chôn cất kề cận mà con cái lại ở lại miền Bắc nên nhân tiện bốc cả lên di chuyển tới Yên Kỳ, Sơn Tây. Và do đó, tôi mới có dịp ra thăm kỳ này. Đoàn tàu chuyển bánh, tôi nhắm mắt lại, cố tìm giấc ngủ để đủ tỉnh táo nhìn mặt Hà Nội. Hà Nội mà tôi hội ngộ tối nay sẽ là một Hà Nội khác với hai cái Hà Nội tôi được biết từ trước.

Sau tháng Tư 1975, những người nón cối dép râu đem vào Saigon một Hà Nội khác. Họ kể lại với tôi một Hà Nội hoàn toàn không giống với Hà Nội trong tôi. Khác tới độ đối nghịch, và tôi có cảm giác thành phố họ kể không phải là Hà Nội, hoặc

cái tôi đang gìn giữ trong tim là một thành phố trong mơ. Chưa bao giờ có thật. Cái Hà Nội được mô tả lần thứ hai này đầy máu, lửa, hận thù. Đó là "kìa nòng pháo vẫn vươn lên trời cao". Đất nước nào cũng phải trải qua chiến tranh để đi đến hòa bình, ai đó đã nói cây hòa bình phải tưới bằng máu, nhưng dẫu tưới bằng máu thì cũng phải nở hoa nhân ái thì mới được gọi là cây hòa bình chứ? Tôi ngạc nhiên khi thấy người ta chấm dứt chiến tranh bằng thủ đoạn và khởi đầu hòa bình bằng lòng hận thù. Vài ba tháng sau ngày chiếm trọn miền Nam, trong cuộc nói chuyện với văn nghệ sĩ và sinh viên học sinh tại rạp Olympic, Lưu Trọng Lư bước ra sân khấu với lời chào: "Tôi vẫn là Con nai vàng ngơ ngác, đạp trên lá vàng khô…" Sau tràng vỗ tay dài xúc động, họ Lưu nói chuyện khá dài về văn nghệ, về đời sống những tên tuổi lẫy lừng ngày xưa. Tới phần giao lưu, có câu hỏi xin cho biết về tình trạng hiện tại của các thi sĩ Phùng Quán, Trần Dần. Lưu Trọng Lư trả lời bằng một hình tượng: Thời đại tiến lên như một chiếc xe lớn, nó chuyên chở tất cả nhưng chính những người trên xe cũng phải biết bám lấy nó để tồn tại, tất nhiên, trên đường đi nó sẽ hủy diệt những gì là chướng ngại.

- Phải chăng những con người văn hóa đó là những chướng ngại cần hủy diệt? Câu hỏi thứ hai không được trả lời. Nhưng những người ngồi nghe hôm ấy đã phải tự trả lời sau đó không lâu.

Tàu chuẩn bị vào Ga Hàng Cỏ. Không khí náo loạn dần, người ta thu dọn hành lý, nói chuyện râm ran. Người đàn ông ngồi bên, người bạn đường từ Saigon. Vâng, tôi không thể không nhắc đến và kể về người đàn ông kỳ bí này. Chính ông ta đã cho tôi những xúc cảm và rung động cho tới bây giờ còn rạo rực. Chúng tôi ngồi chung một băng ghế và làm quen với nhau dễ dàng. Ông Vượng là thợ khảm, người miền Nam chúng ta gọi công việc đó là cẩn ốc xà cừ, người miền Bắc gọi là khảm trai. Ông ta vào Nam chín tháng theo lời mời của một ngôi đình ở Thủ Đức để thực hiện tấm tranh thờ Bà Chúa Liễu Hạnh. Công việc gần xong, chỉ còn một việc nhỏ và quan trọng nhất đó là vẽ nét mặt của vị thần linh trên tấm tranh thì ông ta phải đem về quê thực hiện.

- Tấm tranh thờ thì quan trọng nhất là nét mặt, chưa thực hiện được nét mặt thì coi như chưa thực hiện được điều gì, chứ sao lại coi là gần xong?

Ông Vượng lắc đầu – Cái ông nói là tranh vẽ, quan niệm ông nghĩ là thường tình. Nhưng đây là tranh cẩn ốc và quan niệm áp dụng ở đây là tôn giáo. Khác nhau chỗ này. Tranh cẩn ốc là loại tranh kết cấu bằng nhiều mảnh ốc nhỏ, căn cứ vào màu sắc và độ phản chiếu ánh sáng, người thợ cưa cắt, ghép chúng lại theo hình dạng định sẵn, sau đó đục gỗ sâu xuống khoảng một ly, để ốc vào và mài cho bằng phẳng với mặt gỗ. Khi dùng dao nhọn tách những nét đen trên ốc chỉ là những nét điểm xuyết, tranh càng ít nét tách là tranh thực hiện càng công phu, đây là cái tinh vi của Thủ Công Mỹ Nghệ. Còn nữa, khi đi vào lãnh vực tranh tôn giáo là ta đi vào ước lệ. Ước lệ này căn cứ từ trang phục, kiểu tóc, giày vớ để phân biệt vị thần linh này và vị thần linh khác, nếu chúng ta để riêng khuôn mặt thì không ai phân biệt được khuôn mặt nào là của vị nào. Cho nên, một tấm tranh cẩn ốc tôn giáo thường coi như xong dễ dàng vì khuôn mặt ước lệ không đòi hỏi quá cao về mỹ thuật. Ngoại trừ trường hợp này.

- Ngoại trừ?

- Chính vì ngoại trừ này mà ngôi đình ở Thủ Đức dù rất gần Thủ Dầu Một là trung tâm cẩn ốc phía nam vẫn phải cậy cục mời thợ từ Hà Bắc vào thực hiện tranh thờ Bà Chúa Liễu Hạnh. Và người thợ thực hiện xong tranh lại phải cậy cục đem mảnh ốc đã cưa sẵn hình khuôn mặt ra Bắc, về Phủ Tây Hồ dâng lễ trầu rượu và thực hiện nét tách mặt ngay tại chính điện, trước bàn thờ. Nghi thức này người thợ khảm trai miền Bắc chỉ áp dụng trên tranh tôn giáo với đề tài Tứ Bất Tử mà thôi. Ông biết Tứ Bất Tử chứ? Bốn người mà truyền kỳ Việt Nam không ghi nhận được cái chết, đó là Chử Đồng Tử, Tản Viên Sơn Thánh, Phù Đổng Thiên Vương và Liễu Hạnh Công Chúa. Phủ Tây Hồ nằm trên rẻo đất nhô ra mặt hồ phía tây Hà Nội là nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, tổ đình của tôn giáo thờ Tứ Phủ này.

Nghề khảm trai đối với dân Hà Bắc cũng là một tôn giáo, họ tự trói mình trong những điều luật khắt khe cha truyền con nối, trong đó, nếu thực hiện tranh thờ bên Tứ Phủ thì dung mạo

các vị thần linh phải được vẽ tại đền thờ chính vị đó. Nghi thức này gọi là Tế Dung. Ông Vượng về Bắc theo tổ truyền để làm lễ. Tôi rất thú vị cùng đi làm bạn với ông. Khi tàu vào Ga Hàng Cỏ, chúng tôi tạm chia tay, tôi cần đi Sơn Tây thăm mộ, Vượng cần về Hà Bắc thăm nhà hẹn nhau hai ngày sau sẽ gặp ở Phủ Tây Hồ.

Đặt chân lên đường phố Hà Nội sau khi vượt thoát khỏi vòng vây của xe ôm, xích lô và người bán hàng rong. Với hành lý gọn nhẹ và địa chỉ rõ ràng của người quen ở gần Ga Hàng Cỏ, tôi muốn thong thả đi và thở không khí Hà Nội ban đêm. Tháng Bảy, trời se lạnh và gió nhẹ. Hai dãy đèn vàng bên đường cho tôi cảm giác thân thuộc như đã từng gặp. Phải lắm, hình ảnh này đã là hình ảnh cũ mà tôi đã từng nghe kể lại trong ký ức gia đình. Hình như, trong Hà Nội thứ nhất của tôi lúc nào cũng buồn, cũng quạnh hiu và cũng mờ mờ như trong buổi tối trời.

Tôi quyết định ngủ đêm từ quán trọ, phải lắm và hay đó. Tôi như người khách lạ trong thành phố mình nghĩ rằng quen này. Tôi muốn hòa vào cuộc sống hoàn toàn khác kia và tìm trong đó những làn hơi quen.

Một thanh niên gạ mời tôi mua báo.

- Được, cho tờ Kiến Thức, bao nhiêu?

- Mười hai ngàn.

- Ồ, sao vậy, thường giá sáu ngàn mà?

- Sáu ngàn? Cháu mua cũng không được giá đó, chú trả thêm cho cháu nhé…

- Tôi là độc giả quen, mua thường xuyên, nhưng có thể đường sá xa xôi nên bán đắt hơn một chút cũng được, tôi trả bạn tám ngàn chịu không?

Người thanh niên nghiêng mặt nhìn tôi, buông thõng:

- Địt mẹ, giá đấy lấy gì ông ăn?

Và bỏ đi, mặc kệ sự sững sờ của khách. Tôi bàng hoàng trong giáp mặt đầu tiên với con người Hà Nội. Không phải vì câu chửi của chàng thanh niên, mà vì sự đổi giọng giữa hai câu nói liên tục, từ câu trên mang tính thân thiện và cầu mong, tới câu sau trở giọng đốp chát, thiếu giáo dục. Hai câu nói lật lọng từ một người với một người cách nhau không đầy một phút. Tôi

ôm nỗi buồn vào phòng trọ qua đêm.

Một đêm mất ngủ nhưng qua nhanh. Tôi nằm miên man nghĩ ngợi lung tung về nắng mưa thời tiết, văn hóa, chính trị chen lẫn những nôn nao chờ đợi cho hình ảnh sẽ gặp ngày mai, cho tới khi tiếng xe chạy trên đường đã nhiều, tôi nghĩ thành phố đã thức. Tôi ngồi dậy thu xếp hành trang gửi lại nhà trọ, trang phục gọn nhẹ cho chuyến rong chơi. Xem lại bản đồ và tìm đường ra Hồ Hoàn Kiếm. Hồ Hoàn Kiếm có Tháp Rùa, có Đền Ngọc Sơn. Tôi dành buổi gặp gỡ đầu tiên với Hà Nội cho Đền Ngọc Sơn, không phải vì thắng cảnh mà vì kỷ niệm.

Tất nhiên, không thể có kỷ niệm với một cậu nhóc lên bốn được. Nhưng là kỷ niệm của gia đình. Tấm ảnh được dán trân trọng ở trang đầu tiên của cuốn album là ảnh Đền Ngọc Sơn, nơi đó, trong thời kỳ toàn thịnh của chế độ Pháp thuộc, đầu tiên có một lớp dạy Hán Nôm thử nghiệm, từ khởi đầu nhỏ nhoi này, Đại Học Văn Khoa đầu tiên của Việt Nam đã được hình thành. Giáo Sư đầu tiên là một vị Đại Khoa triều Nguyễn, bao nhiêu năm phải dạy chữ Pháp, nay được trở về dạy tiếng Hán Nôm, đã thở phào nhẹ nhõm:

Mười mấy năm nay gái lộn chồng
Nay về cho khỏi kiếp long đong
Người ta duyên mới vui như tết
Mình giở gương xưa luống lạnh lùng.
(Phó Bảng Nguyễn Can Mộng 1885 - 1954)

Dọc theo hành lang, dọc theo các cột kèo vẫn là những câu đối chữ Nho của các bậc tiên hiền, nhưng người ta không còn tìm thấy tên của các tác giả nữa, thay vào đó là tấm bảng ghi lại cách phát âm và lời dịch bằng văn xuôi. Những người quản trị Đền Ngọc Sơn đã chuyển từ văn chương bác học qua văn chương bình dân, cùng lúc chuyển từ ý tứ thâm trầm sâu sắc, phát sinh từ một nền văn hiến bốn nghìn năm qua thành diễn dịch ngô nghê, thô tục.

- Tên tác giả đâu?

- Việc gì phải nhớ đến những con người, chúng ta đã quản lý thật tốt tài sản để phục vụ nhân dân, những câu văn đó

sở dĩ còn lưu lại, chính là nhờ nó nói lên được cái hay đẹp mà tài sản này có được.

Người đàn ông đang quản trị Đền Ngọc Sơn đã trả lời như vậy. Điều này không gây ngạc nhiên cho tôi, bởi vì, quan niệm văn hóa không đem lại lợi nhuận thì không giá trị bằng một đống phân đã là một danh ngôn được ngợi ca như khuôn vàng thước ngọc, in ấn đầy rẫy trong sách vở báo chí từ bấy lâu nay.

3

Vượng đón tôi ở cửa phủ. Chiếc áo the đen và chiếc khăn đóng làm tôi không nhận ra ông. Vượng cầm tay tôi dắt vào:

- Tôi nghĩ rằng chắc chắn ông sẽ tới.

- Thật vậy, tôi thật lòng muốn gặp ông nhưng tưởng sẽ chỉ gặp hai ngày sau khi ông từ Hà Tây trở lại, thật vui khi gặp ông sớm hơn.

- Vâng, nhưng qua trò chuyện với ông trên tàu hỏa, tôi ước chừng với lối suy nghĩ mơ mộng của ông, ông sẽ ngỡ ngàng khi đối diện với Hà Nội, nên tôi chủ động tìm gặp ông trước. Phải chăng ông rất buồn, và vỡ mộng khi đối diện trực tiếp với Hà Nội?

- Ông đoán gần đúng với ý tôi.

- Ông buồn vì nó không còn đẹp như lòng ông nghĩ đến, và vỡ mộng bởi sự trần trụi quá đáng của con người trong nhịp sống ồ ạt quay cuồng?

- Tôi nghĩ tệ hại hơn. Thiên nhiên có lẽ cũng chỉ vậy thôi, nhưng đối diện với sự đổ nát, tôi không kềm được lòng mình cũng nát tan theo.

- Ông nói về kiến trúc?

- Không, tôi nói về văn hiến, cái Văn Hiến nuôi dưỡng và biểu lộ bằng giao tế giữa những con người.

- Đó là ông mới nhìn thấy Hà Nội trên mặt nổi.

- Nghĩa là còn có mặt chìm?

- Gần như vậy. Tôi hiểu và cảm thông được với ông từ khi chúng ta ngồi ăn trưa với nhau ở Ga Phan Thiết. Khi nghe ông tả về Hà Nội trong trí nhớ ấu thơ ông, hay cái Hà Nội theo lời kể của những người đi vào tiếp quản miền Nam. Tôi đã nghĩ rằng

ông sẽ bàng hoàng khi gặp mặt cái Hà Nội thực tại khi ông bước xuống sân Ga Hàng Cỏ. Và tôi đã tự nhận trách nhiệm khi gặp lại để nói với ông về Hà Nội.

- Ông muốn nói tới một Hà Nội khác hơn những cái tôi đã gặp?

Ông Vượng đứng tựa lưng vào gốc liễu. Tháng Bảy Hà Nội đang bước vào mùa thu, gió gờn gợn trên mặt hồ xanh biếc, Phủ Tây Hồ vắng ngắt không người, không gian im ắng không một tiếng chim kêu. Cảnh u tịch đẹp nhưng lại lạnh lùng như nét vẽ.

Ông Vượng trầm ngâm điếu thuốc lá trên tay, không trả lời trực tiếp vào câu hỏi mà chợt quay lại:

- Ông biết Nguyễn Tuân?

- Tác giả "Chiếc Lư Đồng Mắt Cua"?

- Phải, nhưng ông ta sống được cho tới tuổi già không phải nhờ vào tác phẩm đó. Tác phẩm đã cho ông ta những tiêu chuẩn lãnh gạo là tác phẩm "Hà Nội Ta Đánh Mỹ Giỏi".

- Cuốn đó gọi là tác phẩm sao?

- Ở mức độ nào đó, cuốn sách đã là lá chắn cho sự sinh tồn của nhà văn. Ông ta đã chết, Chết sau khi nói một câu vang vọng khắp những người cầm bút miền Bắc, đó là câu trả lời một người bạn văn: Tôi sở dĩ còn sống được đến bây giờ là nhờ tôi biết Sợ.

- Sau "Hà Nội Ta Đánh Mỹ Giỏi", Nguyễn Tuân không còn là nhà văn.

- Điều đó không đúng. Ông ta không là nhà văn khi ông ta viết "Hà Nội Ta Đánh Mỹ Giỏi". Nhưng khi đã có cái lá chắn che chở về chính trị đó, những điều ông ta âm thầm viết ra và chưa thể phổ biến, mới là chân thực con người Nguyễn Tuân. Ông biết Chế Lan Viên?

- Tác giả Điêu Tàn?

- Bài thơ cuối đời được phổ biến là bài Bánh Vẽ. Đó chỉ là một trong hàng trăm bài thơ khác viết cùng thời kỳ, và chưa được chính thức in ra.

- Nhắc tới Nguyễn Tuân, Chế Lan Viên, ông định hàm ý điều gì?

Vượng cười lớn, hàm ý điều gì ư? Tôi không hàm ý một điều gì, nhưng họ thì hàm ý nhiều điều lắm. Thực ra họ cũng chẳng đại diện cho ai, nhưng rõ ràng họ là con người trong đám đông, rất đông những con người như họ, sống ẩn khuất bằng các dạng kiếm cơm không giống nhau, vẫn âm thầm chờ đợi một điều khác sẽ xảy ra. Không có những mẫu người tranh đấu đối diện trực tiếp với quyền lực như ở miền Nam, nhưng thật nhiều những bất hợp tác, tẩy chay, nhận định thật rõ chân tướng của sự việc rồi truyền tai nhau để như những vết dầu loang, chỉ một sự kiện nhỏ xảy ra, dù che giấu cách mấy cả thành phố cũng biết tường tận vào một vài ngày sau.

- Nhưng đó không phải thái độ tích cực.

- Xuất cảnh đi nước ngoài như ông là tích cực sao?

Tôi nhìn thẳng vào mắt Vượng. Ẩn sau con người làm lao động chân tay và có vẻ sống chết với nghề kia, dường như ẩn giấu một nhân cách thứ hai. Đôi mắt Vượng sáng, sâu và nhiệt tình dữ dội.

Từ khi làm quen với nhau trên chuyến xe qua một bức tranh trên bìa báo, Vượng đã nói với tôi về tranh Cẩn Ốc, qua tới thơ của các cụ già trong làng Thợ Cẩn, qua tới các tác giả đương thời. Tôi đã ngạc nhiên rất nhiều về sức đọc và trí nhớ của người đàn ông này.

Ông Vượng nói nhỏ hơn, giọng trầm lại:

- Xin lỗi ông, tôi không có ý nói vậy.

- Nhưng ông đã nói rồi, và ông nói cũng đúng.

- Tôi chỉ muốn chia sẻ cùng ông những điều u uất chung, mà tôi nghĩ rằng ông cũng như tôi, chúng ta đang ở những vai kịch phải luôn đóng cả hai khuôn mặt. Khuôn mặt cho cơm áo gạo tiền và khuôn mặt cho ước mơ bay bổng.

- Ông đã làm xong nghi thức Tế Dung cho bức tranh cẩn chưa?

Ông Vượng chỉ vào bờ nước kề cận:

- Năm 74, một ông rùa có đường kính gần hai thước tây đã chết và tấp vào bờ nước này.

Tôi bật cười, Ông nghĩ đó là Thần Kim Quy?

Vượng không cười, mắt nhìn xa về phía tây bắc, đăm

đắm nỗi hồi mong.

- Ông không sống ở Bắc Hà, ông không hiểu gì về kết cấu của Hồ Hoàn Kiếm với Núi Tản Viên, ông không tin gì về Tản Viên Sơn Thánh với Liễu Hạnh Công Chúa. Tất nhiên không ai trách ông những điều như vậy, nhưng thật sự đó là một thiếu sót khi ông bỏ quên đi một mảng khá lớn trong lập thuyết sinh tồn của miền Bắc Hà, miền địa dư được đánh giá địa linh nhân kiệt này.

Khi tạm biệt, tôi nhìn được trong mắt Vượng còn nhiều điều không nói ra. Tôi mường tượng như còn có một con người khác trong con người đầu tắt mặt tối kia.

4

Chúng tôi ngồi ở sân sau, trời đang là mùa thu, những hàng cây phong từ màu xanh chuyển qua vàng rồi đỏ ối suốt tầm mắt nhìn. Cao chiêu ngụm nước trà nóng, và thở khói thuốc ra mờ mịt. Mùa Thu ở Virginia là vậy, chen giữa cái nóng của mùa hè còn sót lại là những cơn lạnh bất thường, trên xe, thường khi mới buổi sáng đây còn mở máy heat thì tới trưa đã phải chuyển qua máy lạnh. Tôi chờ đợi đoạn kết câu chuyện mà Cao vừa kể về Hà Nội, hay nói chung ra, là về Việt Nam, vùng đất ông vừa rời bỏ chưa đầy một năm trước đây. Nhưng Cao im lặng nhìn mông lung. Trên bàn vẫn là lá thư viết từ Việt Nam mà Cao nói rằng vừa nhận được từ Hà Nội. Bức thư của Vượng, bức thư đã khởi đầu cho câu chuyện kể dài dòng về thành phố xa xôi cách trở bên kia.

Bất chợt Cao hỏi tôi về những người quen gặp lại trong buổi ra mắt sách tuần trước. Thấy Cao muốn bỏ lửng đoạn cuối câu chuyện, tôi nhắc chừng:

- Trước khi ông rời Hà Nội, ông có gặp lại Vượng hay không?

- Không, sau đó suốt ba tháng chót còn ở Việt Nam, tôi có lên tìm Vượng vài lần tại ngôi đình mà ông ta nói gần Thủ Đức, cũng không gặp. Vài người thợ cẩn làm việc chung nói rằng ông ta đã gửi miếng ốc có nét tách chân dung mẫu Liễu Hạnh vào rồi, nhưng ông ta không vào làm việc nữa. Qua câu chuyện thăm dò với những người bạn chung làm việc với Vượng, người

nói này người nói khác không giống nhau, nhưng nói chung vẫn là đánh giá Vượng là kẻ khác đời. Có đứa nói ông ta không phải người Kinh, mà là người Thổ, một sắc dân ở cao nguyên Bắc bộ, Vượng có bùa chú và bí mật thờ ma xó nên hay biết được chuyện thầm kín người khác. Đứa thì nói Vượng là con một địa chủ ngày xưa, đã bị đấu tố chết từ năm 1948 ở nông thôn Thái Bình. Vượng lưu lạc và giấu mình vào vỏ bọc lao động cần cù, vượt thoát vòng kiềm chế của chính quyền bằng tài khéo léo của đôi tay. Nhưng không đứa nào biết được Vượng là người đọc sách.

Trước khi rời Việt Nam tôi gửi cầu may cho Vượng một lá thư về địa chỉ miền quê, và cho Vượng biết địa chỉ người thân của tôi bên này. Tôi không nghĩ rằng sẽ nối được liên lạc với Vượng.

- Và Vượng trả lời thư ông?

- Sau đó cả năm.

- Và ông tin tưởng vào lập luận mang đầy tính huyền bí kia để nghĩ rằng đất nước đang vào một chu kỳ biến động, để đi tới tốt đẹp hơn?

Cao cau mày lại – Tại sao cứ phải đặt vấn đề tin hay không tin khi tất cả đều ngoài tầm tay chúng ta? Tôi không đặt lòng mình vào sự hiển linh của Tản Viên Sơn Thánh, hay Liễu Hạnh Công Chúa, hay một vị thần linh nào khác, bởi vì tôi hiểu rằng sự hiển linh của một vị nào bất kỳ đều là kết tinh của một niềm tin rộng lớn, nhưng thầm kín, của cả một thế hệ, cả một dân tộc. Cho nên tôi đặt niềm tin vào những luồng sóng ngầm đó. Những luồng sóng ngầm trong lòng Hà Nội khi nó luân lưu thì là nguồn nuôi sống con người, nhưng khi đột phá, thì nó chính là sự bùng vỡ từ trung tâm cứ tưởng là bền vững kia.

- Nhưng lá thư ông Vượng viết cho ông nói như thế à?

Bức thư được mở ra, thư Vượng viết thế này:

"Xin lỗi đã trả lời thư trễ, trễ vì không thể viết sớm hơn. Rất tâm đắc với ông, khi ông phân tích Hà Nội thành ba cái khác nhau. Cái Hà Nội thứ nhất là cái Hà Nội trong nỗi nhớ của gia đình ông, cho nên nó mơ hồ, nên thơ và tất nhiên không thể có thật. Cái Hà Nội thứ hai của nón cối dép râu mô tả với ông là

cái Hà Nội trong "Hà Nội Ta Đánh Mỹ Giỏi" của Nguyễn Tuân. Đó là cái Hà Nội của bọn văn công ăn cơm thật nói chuyện giả, cái Hà Nội chỉ có trong văn bản của hệ thống truyền thông quốc doanh, và tất nhiên không thể là cái Hà Nội thật được. Và ngay cái Hà Nội thứ ba mà ông trực tiếp đối mặt, gặp gỡ trong lần ông ghé Hà Nội, cũng không phải là Hà Nội đúng nghĩa. Ông mới chỉ nhìn lớp váng để đoán một nồi canh. Mới chỉ cưỡi ngựa để thưởng thức hương hoa. Và nói cho đúng nhất là mới chỉ đứng ở bờ đèo để đoán lòng biển cả.

Không phải thế đâu, hãy nghiêng mình xuống để nghe được âm vang, hãy lắng lòng lại mà rung theo địa chấn.

Xin mô tả với ông một Hà Nội khác. Đó không phải là thành phố Hà Nội, mà là tấm lòng Hà Nội. Đó không phải là Chính Quyền đang cai trị Hà Nội mà là cái văn hiến bàng bạc trong thói ăn nếp ở của người Hà Nội. Đó là Nề, là Nếp, là Kinh, là Lịch mà không một thể chế nào bôi xóa được. Chỉ có thể lúc nó nổi lên như một phong cách riêng tư, hoặc nó lặn xuống như một luồng sóng ngầm, âm vang mãi mãi trong lòng Hà Nội. Thư viết cho ông không thể viết dài, nhưng thật đấy, sẽ có một ngày ông được nhìn thấy Hà Nội Thứ Tư."

5

Trong lúc tôi đọc thư, Cao đưa tay với bình trà, rót ra tách. Cao nói, từ chiều tới giờ, chúng ta uống đã hết ba bình rồi. Thôi không uống nữa.

Vâng, cũng vừa xong mùa thứ ba của một năm nhiều biến động.

NGUYỄN MINH NỮU

SA CHI LÊ

ĐAM MÊ

Bảy năm góp lại ngồi đong đếm
Chưa đủ tháng ngày nhụy khai hoa
Khói hương kỳ lạ xông vầng trán
Khuya nhíu mày trăng cũng không hay

Đam mê nóc cạn bình khô rượu
Ta vẫn đào sâu huyệt nhớ thương
Suối chan chứa như nguồn biển thánh
Em dạt dào hơn sóng đại dương

Thư tình thuở trước nằm cựa quậy
Thúc một vì sao bật gốc nghiêng
Lá xanh trái chín lung linh lạ
Nhòa bóng trần gian lượn đảo điên…

Ta thay áo mão nghiêm trang mộng
Lướt gió tìm em khắp mê cung
Bất ngờ dẫm nát thang cường điệu
Bốn cõi huyền vi hiện dáng em

Nụ cười dục thúy chim ngơ ngác
Chói rạng hào quang ngũ sắc hoa
Niềm tin nguyên thủy luôn trầm mặc
Hóa kiếp thành tinh mắt dã ca

Ta uống mãi ứ tràn ly sủng ái
Ôi nghìn đêm nén thở một màu da
Ta chiêm ngưỡng đến tim ngừng máu dại
Hóa thành dòng sông đôi mắt phù sa…

MONG MANH

Chiều lệch bóng ôm vầng trăng tuổi mật
nửa điên khùng câm điếc cúi đầu đi
những nóc nhà cao bỗng dưng sụp đổ
chợt nhớ lên men ngai ngái lạ kỳ

hòa nhịp thở bóng trải dài lóng lánh
cuộn trần gian tỏa ánh sáng thiên thần
dưới lũng sương mù gái Miên nhảy múa
vọng biên thùy thôi thúc lũy môi em

anh trốn chạy trong rừng thương nhớ
ghì chặt cầu vòng lướt thướt sau lưng
gió thổi điểm trang mơn tình lặng lẽ
anh vo tròn viên sỏi thở không suông

không gian này nhỏ dần hơn vi khuẩn
lùa giấc mơ còn gậm nhấm rã dần

Tình yêu bỗng lên cơn trừng hy vọng
đốt khói tình phơi ký ức vàng sân…

SA CHI LỆ

TÂM THƯỜNG ĐỊNH
Mong Ước và Hy vọng cho Ukraine and Russia

Một trăm ngày rồi! trong cuộc chiến hung tàn và man rợ
bao tan tác, đau thương và chết chóc
Ôi những cái chết ghê tởm lạnh lùng tàn khốc
Bằng súng, bằng mìn, bằng bom, bằng đạn và hoả tiễn
Còn bao nhiêu xe tăng, thiết giáp, hạm đội và sinh
mạng nữa phải bị triệt tiêu?
Ôi ích kỷ, hận thù và vô minh chồng chất.
Ôi máu, nước mắt, uất hận, điêu linh chất ngất
Đây ngục tù, kia địa ngục, bao cuộc đời lây lất
Những tiếng mớ ngủ kinh hoàng sợ hãi
    của bao người lính và thân nhân
Như những cơn ác mộng mà Cha Ông
    của chúng tôi đã từng đau khổ muôn ngần
Họ chết trên pháo đài, trong nhà ga, trên đường phố,
trong rừng hoang, trong hầm sâu, trong từng mảnh đất
quê hương.
Cả hai bên đều chết,
Chết, chết, chết!
Chết trên thánh giá cho chính nghĩa quê hương của họ
Chúa đâu? Em đâu? Ba đâu? Mẹ đâu?
Trong hố hầm sâu thẳm âm u, chỉ nghe những lời rên rỉ,
Dưới đầu gối tê liệt, nâng đôi tay hy vọng
Bạn là kẻ thù của tôi; tôi là kẻ thù của bạn,
và rồi trong cuộc chiến, ai cũng bị giết, chết thê lương.
Ai cũng có một quê hương.
Có thể ta không phải là kẻ thù của nhau
Chúng ta chỉ là những con cờ của ý thức hệ khát máu
mà thôi

Hãy nguyện cầu cùng tôi
Tôi biết sau đêm là ngày
trong khổ đau đang có mầm hạnh phúc
Sau đường hầm sẽ là ánh sáng.
Hãy chấm dứt chiến tranh
Hãy dừng lại thôi!
Dừng thôi
Dừng!

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

Wish and Hope for Ukraine and Russia

It's been 100 days of a brutal and barbaric war
filled up with lots of mourning, pain, and death
Oh, how cold and cruel, hideous deaths
By guns, mines, bullets, bombs, and rockets
How many more tanks, armored cars, fleets, and lives
have to be destroyed?
Oh, selfishness, hatred, and ignorance are piling up.
Oh! blood, tears, anger, and hatred
Here is prison; there, hell, and so many lives are
maundering about miserably

Horrible scream from sleep
  by soldiers and their families
Like the nightmares that our grandfathers
  and our fathers have so many times before experienced
They died in fortresses, at stations, and on the streets,
in the wild forest, in the deep cellar, in every corner of
the homeland.
People on both sides are dying.
They die, die, and die!

TÂM THƯỜNG ĐỊNH
TRI ÂN VÀ ĐẢNH LỄ NHỊ VỊ TÔN SƯ

Kính dâng nhị vị Tôn Túc PGVN hiện đại
hiền Sư Thích Nhất Hạnh và Thiền Sư Thích Thanh Từ

1.
Về thôi, cuộc lữ ngắn dần
Về đây hiện hữu trong ngần hư vô
2.
Thầy ngồi một cõi Tâm An
Niềm vui hạnh phúc ngập tràn thiền môn
Bao bài pháp giảng vô ngôn
3.
Núi bạc đầu sừng sững
Lưng trời vạt nắng rơi
Hai cầu vồng lơ lửng
Nhẹ nhàng thở ba hơi!
4.
Thầy ngồi yên
Tứ chúng đồng an
Ơn Thầy bát ngát vô vàn
Khắc ghi!
5.
Từ thuở ban sơ ta đến đây
Học hiểu và thương, học mỉm cười
Chợt nghe trống vắng hồn lữ khách
Thấp thoáng cũng tròn cõi mộng du

6.
Chín mươi hơn mòn mỏi
Chờ học trò lớn khôn
Con vẫn chưa tỉnh ngộ
Đưa tay chào vô ngôn
7.
Bụi đường còn vướng chưa về được
Thầy cũng lặng thinh chỉ mỉm cười
Trầm luân khổ ải ai tự biết
Thầy bảo nhớ không? Mộng! Kiếp này!
8.
Hứa với lòng về thăm Thầy tổ
Mòn mỏi rong chơi khắp Đông Tây
Về chưa lữ khách hồn non dại
Quy tổ nhập môn trí tuệ đầy!
9.
Gởi lại trời Tây, huyễn Dương cầm
Tình ca thuở mộng mối tình chung
Tìm về Đông độ, đàn Bầu cảm
Ôi cõi ban sơ, biển, núi, rừng
10.
Đi về bóng ngả chiều tà
Cỏ cây giẫm mãi nắng ngà hoàng hôn

11.
Nắng vàng phủ lối con về

Đường quê cô quạnh hẹn thề là đây
Đồi thông bát ngát bóng mây
Nội tâm bồi dưỡng ngất ngây cõi lòng
Đôi vai nhật nguyệt sắc không
Ung dung thong thả bến không nhẹ hìu
12.
Cõi trầm luân ngắn lại
Đi và về không hai
Đến đi hằng tự tại
13.
Thầy vẫn ngồi yên lặng
Nhìn con thơ mỉm cười
Con cúi đầu đảnh lễ
14.
Lòng buông
Vượt bến sông mê
Thân tâm thường định đề huề Như Lai
15.
Thầy ngồi bốn cửa bình an
Thiên hà đại định khinh an cõi trần
Bản môn
Bất nhiễm
Sắc không
Rõ ràng thường biết tánh Không bạt ngàn!

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

They die on the cross for the cause of their
homeland
Where's God? Where are you, my beloved wife?
Where are you, Dad? Where are you, Mom?
In the murky depths of the pit, only groans are
heard,
From under numb knees, hands of hope are
being raised.
You are my enemy; I am your enemy,
and then in the war, everyone is killed; all
dead, tragically.
Everyone has a homeland.
Maybe we're not each other's enemies
We are just pawns of a bloodthirsty ideology
Please pray with me
I know after night, daylight will dawn.
There is a seed of happiness in the suffering
At the end of the tunnel there is light.
Let's end the war
Let's just stop!
Stop it
Stop!

Phe Bach
June 3rd, 2022
Sacramento, CA.

Posted by Phe X. Bach Email ThisBlogThis!Share to
TwitterShare to FacebookShare to Pinterest

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

Người Thầy Học Cũ

Mùa hè tôi qua Houston thăm gia đình, từ Houston mọi người rủ nhau lái xe về San Antonio. Thành phố mang đậm phong vị văn hóa Tây ban nha và da đen phương Nam. Hàng quán dập dìu trên bến, con người hiếu khách, âm nhạc vang lừng mặt nước. Cậu tôi, người hướng dẫn, từng theo học tiếng Anh ở San Antonio những năm một chín bảy mươi như một sĩ quan hải quân. Nhưng đến San Antonio tôi còn có ý định khác là đi tìm lại nơi chốn từng là kỷ niệm của người thầy học cũ. Trong lúc rảnh rỗi chỉ có hai thầy trò, thầy Lê Ngọc Bích kể cho tôi nghe về thời gian đi học ở đó, trong chương trình đào tạo hai năm, có lẽ hơi sớm hơn cậu tôi. Tôi học thêm tiếng Anh một thời gian ngắn với thầy, vì sinh ngữ chính là tiếng Pháp, khi tôi phải đi lao động sau một vụ kỷ luật. Nhà thầy cô nghèo, con đông, sáu đứa đều nhỏ tuổi. Thầy nhận dạy thêm cho tôi cho vui chứ học phí không đáng gì, dùng bộ sách English For Today, dạy căn bản từ tập một đến tập năm. Thầy dạy kỹ, tập phát âm chính xác, đọc, phân tích nghĩa đi kèm. Thời đó, bộ sách ấy không còn được dùng trong nhà trường. Khi rảnh thầy kể chuyện về thành phố xinh đẹp, có kênh đào nước biếc, cây xanh rủ bóng, tiếng hát của người chèo thuyền, điệu nhạc đa đen nức nở, câu lạc bộ, tiếng kèn đồng. Sau 1975, thầy được nhận dạy hợp đồng, vì trường thiếu giáo viên Anh văn, nhưng lương giáo viên không đủ sống, thầy phải làm thêm việc, sáng chở nước đá đi bán các quán cà phê, chiều lên rẫy trồng thêm mấy công mì sắn. Chỗ làm rẫy gần chân núi, thầy đạp chiếc xe Phượng hoàng, sau yên xe đạp khi nào cũng có một bó sắn vừa nhổ để đem về nhà luộc buổi ăn tối cho các con. Thầy đi rẫy ăn mặc như nông dân, vá chằng vá đụp, đội nón lá, nhưng khi đi dạy mặc quần tây, áo sơ mi trắng, buổi sáng trời lạnh mang thêm chiếc áo vét xanh đậm cũ sờn. Tóc bạc sớm, mặt đầy nếp nhăn, nhưng sau cặp kính dày cộp của người cận thị nặng, ánh mắt của thầy long lanh hài hước như cười. Nhiều khi ngồi trước mặt ông, tập phát âm các chữ

tiếng Anh, một nghệ thuật rất khó khăn, lòng tôi bâng khuâng nghĩ đến tính cách hồn nhiên của hầu hết các nhà giáo người Việt, sâu sắc mà hiền lành, nghiêm khắc mà hồn nhiên như trẻ nhỏ. Tôi quen dần với tiếng Anh, dần dần trở nên say mê nó, mặc dù tôi học chậm, khổ sở để thoát khỏi ảnh hưởng của tiếng Pháp. Tôi say mê một ngôn ngữ, không những ngôn ngữ mà một văn hóa một xã hội, nhờ những câu chuyện của thầy điểm xuyết. Tôi nhớ có lần thầy dạy chữ nasty có nghĩa là xấu xa, dơ bẩn, và các chữ kèm theo, động từ, danh từ, trạng từ, nastily, nastiness. Bao giờ tôi cũng học tất tần tật như thế. Thầy kể rằng một lần thầy đi xem chương trình thi hoa hậu ở San Antonio, một tay giám khảo nham nhở hỏi cô thí sinh tóc vàng xinh đẹp một câu như sau:

- Đêm qua cô đã ngủ với ai? (Who did you sleep with last night?)

Cô thí sinh trả lời:

- Don't ask nastily.

Những ví dụ như vậy có nhiều, dễ nhớ, vì vậy sau này lang thang qua các trại tị nạn tôi mò mẫm đọc được những cuốn sách tiếng Anh đầu tiên, đây đó. Mười hai năm sau khi tôi về chốn cũ, đến nhà thăm thầy Bích, mọi người đi đâu cả, phải ngồi chờ một lúc mới có một thanh niên về mở cửa. Cách biệt nhiều năm nhưng tôi cũng nhận ra đó là Hiếu, đứa con trai lớn của thầy, năm nào mười tuổi mà nay đã trưởng thành. Cửa mở, tôi bước vào nhà, đứng lặng đi trước bàn thờ của thầy. Trước đó tôi không hề biết thầy đã mất. Hiếu lấy xe đạp chở tôi ra thăm mộ. Đường đi xa, qua nhiều đồi, suối, tôi lấy làm ái ngại nhưng cậu ta vẫn khăng khăng muốn đạp chở tôi đi, bảo đường rất xa, tôi tự nghĩ không hiểu sao mộ thầy lại chôn xa như thế. Vừa đi Hiếu vừa giải thích chúng tôi sẽ tới cái rẫy ngày xưa mà thầy trồng sắn trồng khoai ở đó. Tôi nhớ ra, đã từng một lần tới đây, năm ấy cuối năm trời đầy sương gió, rét buốt. Trong cảnh trời chiều loáng thoáng những người đi cuốc rẫy ra về, những vùng đồi núi hoang sơ nhà cửa thưa thớt ngoại trừ một con đường mới đắp nhựa xe chạy tung bụi mù. Hai chúng tôi rẽ vào đường tắt, băng suối, tới nơi thầy yên nghỉ. Hiếu kể chuyện sau khi tôi đi rồi

được vài tháng, một hôm đi dạy học về, nhà không còn gì ăn, vợ thầy bị bệnh nằm trong giường tối, thầy lấy xe đạp lên rẫy một mình, có lẽ dự định thu hoạch sắn hay khoai đem về nhà. Nhưng đường xa nhiều giờ, cả ngày chưa có gì ăn, thầy đói bụng quá, ăn tạm vài củ sắn luộc chưa chín, đó là sau này người ta nói thế. Trong sắn và nhất là gần vỏ sắn có chứa chất hóa học cyanure rất độc. Thầy trúng độc, ói mửa, nằm sấp xuống trên mặt đất, cho đến khi người nhà đi tìm được vào sáng hôm sau, cơ thể đã lạnh giá. Gia đình quyết định chôn cất thầy ở đó, để cho tiện, Hiếu nói, mà cũng là nơi kỷ niệm của một thuở đau lòng.

Sức tàn phá của con người thật ghê gớm, chỉ sau một thời gian phong trào đi kinh tế mới, hệ sinh thái tan vỡ, đất trở nên cằn cỗi, chim chóc thú vật ngày càng ít, con người ngày càng đói nghèo. Hơn mười năm mà cảnh vật tiêu điều hơn trước. Hiếu đưa tôi đi dọc theo khe nước, đến ngã ba đầy lau sậy lên tới đỉnh đồi. Chúng tôi tìm ra ngôi mộ của thầy dễ dàng, nhờ có một tấm bia nhỏ, với tên tuổi. Hiếu mang theo nhang, nó cúi xuống nhen lửa. Tôi đứng thắp nhang cho thầy. Gió thổi mạnh, lửa cháy bừng bừng, khói bay nhòe cả mắt. Tôi thắp một bó nhang lớn, rồi thắp thêm một bó nữa, để thỏa lòng mong nhớ. Trên đồi cao, gió mùa hè thổi về rào rạt, ngọn lửa nhang cháy bừng bừng như đuốc, nóng rát mặt, tôi lạy ba lạy. Tôi đứng lắng nghe những tiếng động vọng về, tiếng mở cửa buổi sáng khi thầy bước vào nhà, ánh đèn mờ tỏ, giữa hai người, khuôn mặt bị cận nặng mà không có kiếng để thay, thứ tiếng Anh của thầy tròn vành rõ chữ, với giọng nói phương Nam của nước Mỹ, một vài chữ rất đặc biệt của người da đen, cách phát âm hơi lạ của họ, trong đó có cách phát âm mà không nối qua giữa hai chữ, ví dụ thank- you đọc tách ra, cách phát âm chữ y rất nặng như chữ d trong tiếng việt, tiếng kèn đồng của nhạc Jazz, những buổi biểu diễn ngoài trời, một nền văn hóa được diễn tả sinh động trong bộ sách English For Today, hình như bây giờ không dùng nữa vì đã có phương pháp học tiếng Anh mới. Tuy nhiên giá trị về văn hóa của bộ sách thật lớn. Trong tâm trí tôi hiện lên hình bóng người đàn ông lớn tuổi gầy gò cúi lưng đạp xe Phượng hoàng qua đường đất nhấp nhô chở vài củ sắn dài loằng ngoằng phía sau. Trước mắt tôi, sau lưng

người đàn ông ấy là bóng trời chiều, sương mù bảng lảng, đồi núi vùng kinh tế mới chập chờn, mặt trời xuống như một ngọn nến sắp tắt trên quê hương, sắp tiễn đưa một người thầy giáo vào lòng đất, cái cách đưa tiễn không thể nào chua chát hơn. Trước mặt tôi, cái chết úp mặt xuống của người thầy học cũ tựa như tấm ván đóng sập lên quan tài của dân tộc, như cánh cửa của đất trời khép lại, nức nở, tối tàn.

Tiếng giảng bài của thầy vang bên tai, dưới bóng ngọn đèn dầu leo lét sáu giờ sáng, giọng nói trong trẻo của thầy, ánh mắt sau cặp kính thôi thúc tôi đi tìm kỷ niệm riêng của thầy ở San Antonio. Ba ngày ba đêm ở đó. Tôi thất vọng. Không có gì cả. Buổi tối trước khi ra phi trường, cậu tôi rủ mọi người đến ăn tối ở một quầy bar bán rượu có nhạc. Chúng tôi đi len lỏi dọc theo bờ sông trong trời tối với ánh điện nhiều màu, mặt nước trên sông phản chiếu lấp lánh ánh điện ánh trăng, tiếng cười đùa, tiếng ca nhạc, mùi nước hoa, mùi khói thuốc lá, mùi cà phê. Chúng tôi dừng lại ở trước một trong những quán bar lâu đời nhất của thành phố. Tôi đọc bảng tên: The Esquire Tavern. Tôi đọc chậm lại lần nữa. Tôi sững người. Tiếng nhạc vọng ra. Nhạc Jazz. Trong một phút, trong một giây, cái tên ấy sáng lên trong ký ức. Tôi nhớ thầy Bích đã có lần nhắc đến cái tiệm rượu ấy, cái tên ấy, nơi ngày xưa khi thầy đi du học, với bạn bè thanh niên độc thân, họ rủ rê nhau tới đó. Nhạc Jazz là điệp khúc quân hành. Người chơi jazz tạo ra những biến điệu của riêng nó. Người thổi kèn tạo ra những biến tấu bên ngoài nhịp chân đi, phức tạp, đầy ngẫu hứng. Thành phố San Antonio có những người chơi nhạc Jazz tuyệt diệu, những người da đen thổi kèn mê hoặc. Ở trong tiệm rượu nổi tiếng ấy, The Esquire Tavern, thầy đã làm quen, và hình như đem lòng yêu, tôi bđoán thế, một cô bé bồi bàn, da ngăm ngăm đen. Hình như thầy có nói tên của người thiếu nữ ấy, nhưng tôi cố nhớ mà không thể nhớ được. Có phải là Susy, hay là Nira, hay là Liz? Có âm iz. Cái tên nào vậy. Làm sao tôi nhớ? Mà để làm gì? Cậu tôi biết ý để mặc tôi đứng một mình, đưa những người khác vào bàn, tôi đứng ngoài cửa, dưới mái hiên gần mặt nước, chăm chú nhìn cái bảng tên, ngắm một người thiếu nữ, một usher, đi ra đi vào, đôi khi đứng tựa cửa trầm mặc, để chờ

đưa khách vào chỗ. Liệu cô có phải là Nira hay Suzy người đẹp của người thầy học của tôi ngày trước?

Bao nhiêu năm vật đổi sao dời, mà nay sao cô còn đứng đó? Hay đã thành một bà già nhiều con cháu, trong những ngày yên ả cuối cùng, có bao giờ nhớ lại người bạn trai thuở trước từ một xứ sở Á châu đầy chiến tranh khốn khổ, lướt qua đời mình như ánh sao băng. Một ngôi sao băng rụng xuống trên một ngọn đồi, không tên không tuổi, giữa rừng núi chập chùng cao nguyên Việt nam, một ngày sẫm tối, một mình, lặng lẽ.

Tôi vào bên trong quán bar, ngồi gần cửa lắng nghe. Một chàng ca sĩ da đen vừa bước ra sân khấu, đứng trước máy vi âm, anh ta khởi đầu dàn nhạc bắt theo. Người ca sĩ đánh nhịp chân trên sàn gỗ ngày càng nhanh, hát, gót giày của anh đập rầm rập, chơi kèn drump giữa hai lần nhịp chân. Jazz đã là một âm nhạc của người Mỹ nhưng có nguồn gốc từ Phi châu và Nam Mỹ.

Thứ nhạc đen này vừa hết sức truyền thống vừa cách tân, diễn tả nhịp sống sôi động hiện đại trong khi vẫn giữ các truyền thống âm nhạc cổ điển.

We real cool. We
Left school. We

Lurk late. We
Strike straight. We

Sing sin. We
Thin gin. We

Jazz June. We
Die soon.

Thơ của Gwendolyn Brooks. Tôi không dịch được. Vì nhịp điệu đầy Jazz của nó.

Tôi nhận thấy Jazz gần gũi với thơ trữ tình và tôi tin rằng nhiều nhà thơ cũng bị ảnh hưởng bởi điệu nhạc phương Nam. Tôi hiểu vì sao người thầy học cũ của tôi đã yêu mến nó đến thế, nhắc tới những ngày xuân trẻ San Antonio nhiều lần đến thế.

June trong bài thơ của Brooks có lẽ là tên của một cô gái?

Jazz June. June của Jazz. Hai chữ ấy trở đi trở lại trong tâm trí tôi. Một tuổi trẻ nổi loạn. Phản chiến. Bụi bặm. Tự do. Tình yêu của họ. Sự bất cần. Sự bạo động. Cái chết chờ đợi họ, cái chết non trẻ. Bi kịch biết bao, thơ ngây biết bao, lãng mạn nhường nào là tuổi trẻ ngày ấy?

Bây giờ trên sân khấu một cô gái đang hát. Có phải là June đó chăng? Có phải là người thiếu nữ lai Mễ Tây Cơ mà thầy Lê Ngọc Bích đã gặp mấy mươi năm trước? Nhưng June cũng có thể là tháng Sáu, một cái tên trên tờ lịch, một tháng nóng bức ở miền Nam nước Mỹ, đầy huyền thoại, những hy vọng không thành, những cuộc tình dang dở, lời hứa một hôm nào giữa thanh xuân. Tôi đến San Antonio vào cuối tháng sáu, gần ngày sinh nhật, hương tóc của nàng còn bay xõa trong không gian, mùi hương tháng sáu. Mùi của tự do, của mặt trời, của một quê hương lồng lộng. Thầy Bích vẫn sống ở đó, tôi vẫn sống ở đó, ngày đẹp nhất của chúng tôi. Giờ đây không còn nữa, cũng như tháng sáu đang qua. Âm nhạc của người da đen nô lệ, nỗi buồn của bọn người bơ vơ, tình yêu hoang dã. Nhạc Jazz bắt đầu trôi lên ở Mỹ từ những năm sáu mươi, lừng lẫy, vốn có gốc rễ lâu đời ở phương Nam này. Tôi không phải là người chơi nhạc, dù đã từng tập thổi kèn saxophone, không thành. Nhưng tôi biết điệu nhạc ấy, hồn nhiên, phơi phới như ngọn lửa trong ánh mắt thầy mỗi lần nhắc tới. Đứng trong bóng tối cửa tiệm cà phê hôm ấy, lắng nghe tiếng âm nhạc vọng lại từ một vùng thời gian khác, tôi thầm nhớ bài hát, bài thơ của Brooks, tôi đứng thật lâu dưới trời đầy sao, nghĩ đến người thầy học cũ. Đã sống ở đó những ngày đẹp nhất của đời mình một người sĩ quan trẻ du học sinh, những gợn sóng trong lòng người thầy giáo già nghèo khổ đạp xe lầm lũi trong tối mỗi chiều sương xuống dọc con đường hoang vu đất đỏ miền Đông, nhớ đến đêm mùa hè thanh xuân những năm sáu mươi mà tiếng nhạc ở đó như những ngôi sao rơi không ngớt trên mặt nước.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

TRẦN DANH THÙY

CUNG TIẾN VÀ BA KHÚC CA SEMI CLASSIC VỀ MỘT MÙA THU TUYỆT MỸ…

Nhắc đến nhạc sĩ người Hà Nội Cung Tiến, người mộ nhạc chọn lọc nghĩ ngay đến Thu Vàng ông viết năm 14 tuổi, Hoài Cảm năm 15 tuổi, Hương Xưa năm 19 tuổi… Đó những nhạc phẩm đã tạo nên danh hiệu "nhạc sĩ thần đồng" đúng nghĩa cho một nhạc sĩ tuổi teen của những năm 50 của thế kỷ trước vì chúng vừa có giá trị nghệ thuật cao, vừa nhanh chóng đi vào lòng người yêu nhạc có kiến thức về thẩm âm ngay sau khi ra đời.

Năm 1953, nhạc sĩ Cung Tiến gần như cùng lúc cho ra đời hai tác phẩm đầu tay: Thu Vàng và Hoài Cảm như hai-đứa-trẻ-sinh-đôi vì khoảng cách trước sau của chúng gần như là một ẩn số. Theo đó, nếu Thu Vàng là nỗi nhớ về một mùa thu xưa nhiều hương sắc thì Hoài Cảm là niềm chất chứa về một mùa thu đầy cảm xúc của một tâm hồn đa cảm nghệ thuật.

Thu Vàng, như lời đề tặng đặt ngay đầu trang nhạc, "Tặng Hà Nội của những ngày ấu thơ", là nỗi nhớ về một mùa thu xưa khi tác giả đặt chân đến Sài Gòn không lâu:

"Chiều hôm qua lang thang trên đường
Hoàng hôn xuống, chiều thắm muôn hương Chiều hôm
qua mình tôi bâng khuâng
Có mùa Thu về, tơ vàng vương vương

Một mình đi lang thang trên đường
Buồn hiu hắt và nhớ bâng khuâng
Lòng xa xôi và sầu mênh mông

Có nghe lá vàng não nề rơi không?"

Nỗi nhớ ấy là biểu hiện của một chuỗi tâm trạng *"lang thang – hiu hắt – bâng khuâng – xa xôi – mênh mông – não nề"* của một tâm hồn nghệ sĩ lãng mạn vô bờ.

Hoài Cảm, trong khi đó, lại chất chứa những cung bậc cảm xúc của một tâm hồn đa cảm nghệ thuật:

"Chiều buồn len lén tâm-tư
Mơ hồ nghe lá thu mưa
Dạt dào tựa những âm xưa
Thiết tha ngân lên lời thơ
Quạnh hiu về thấm không gian
Âm thầm như lấn vào hồn
Buổi chiều chợt nhớ cố nhân
Sương buồn lắng qua hoàng hôn…"

Những cung bậc cảm xúc tăng dần theo mạch ngôn từ hình dung "len lén – mơ hồ - dạt dào – thiết tha" hòa quyện với những động thái tâm linh "thấm - lấn – nhớ - lắng" tạo nên một thần thái âm nhạc của tuyệt phẩm.

Có phải do lời đề tặng "Tặng Khuất Duy Trác" (tức danh ca Duy Trác, bạn thân của nhạc sĩ Cung Tiến, người hát bản nhạc này đầu tiên và rất thành công) mà lời hát Hương Xưa như một lời nhắn gửi thiết tha:

"Người ơi, một chiều nắng tơ vàng hiền hòa hồn có mơ xa?
Người ơi, đường xa lắm con đường về làng dìu mấy thuyền đò
Còn đó tiếng tre êm ru
Còn đó bóng đa hẹn hò
Còn đó những đêm sao mờ hồn ta mênh mông nghe sáo vi vu…
Người ơi, còn nhớ mãi trưa nào thời nào vàng bướm bên ao
Người ơi, còn nghe mãi tiếng ru êm êm buồn trong ca dao
Còn đó tiếng khung quay tơ,
Còn đó con diều dật dờ
Còn đó, nói bao nhiêu lời thương yêu đến kiếp nào cho vừa…"

Có thể nói ba ca khúc Thu Vàng, Hoài Cảm và Hương Xưa của Cung Tiến như một vườn thu ngọt ngào, tinh tế, đầy hương sắc. Một vườn thu của những cảm xúc, của những ca từ tuyệt đẹp, của những giai điệu du dương, diệu vợi.

Thế nhưng, trong vườn thu ấy, khi ta đắm chìm vào những âm thanh, những giai điệu, những ca từ tuyệt vời ấy tức là ta đắm chìm vào một không gian của một mùa thu "tơ vàng", "vàng bướm", "nắng vàng"… mà người nghệ sĩ tài danh đã dệt nên cho không gian mùa thu tuyệt mỹ, độc đáo, ngọt ngào… trong những tuyệt tác sang trọng tuyệt vời…

Saigon, 28/07/22 – **TRẦN DANH THÙY**

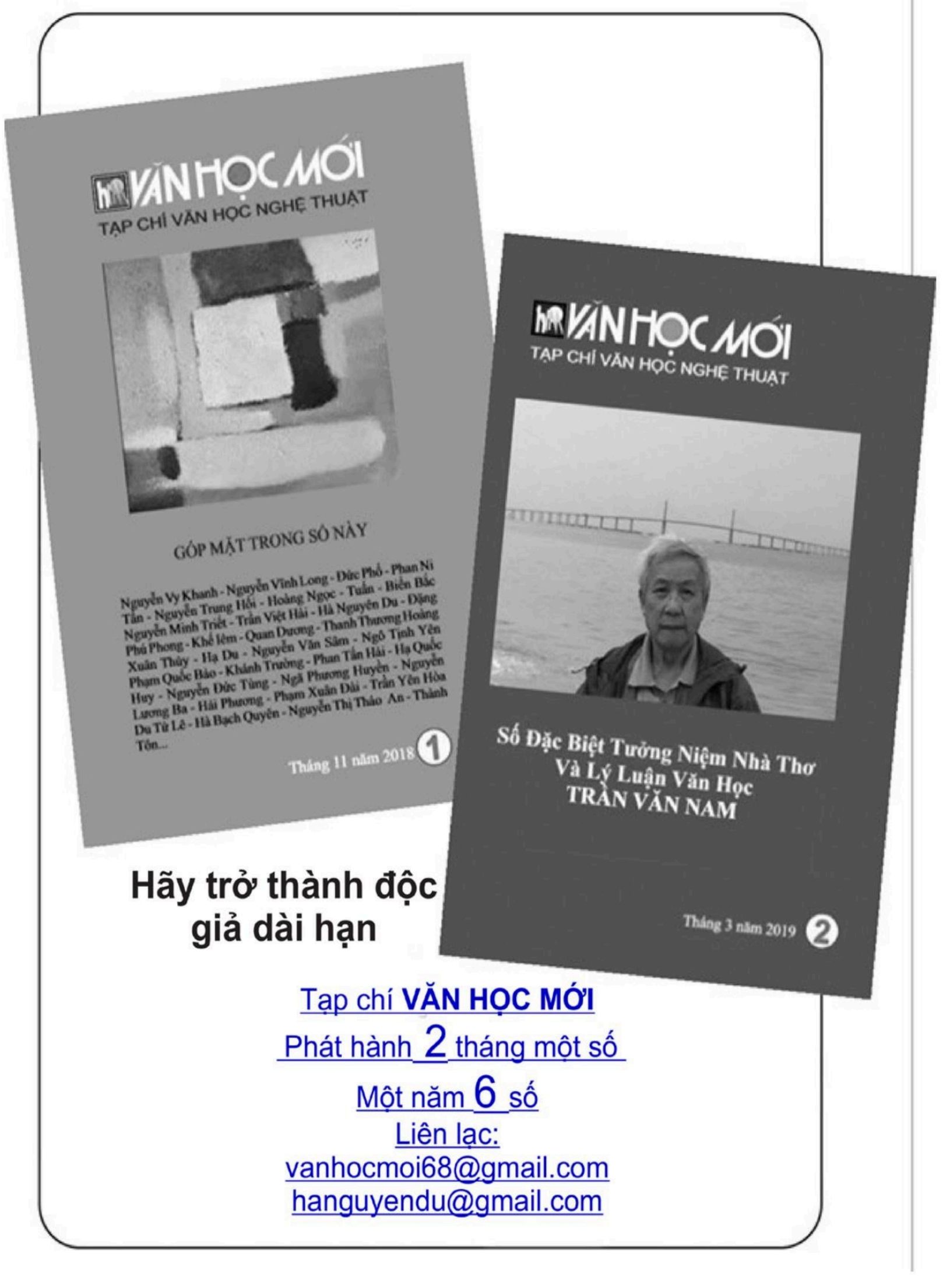

Hãy trở thành độc giả dài hạn

Tạp chí **VĂN HỌC MỚI**

Phát hành 2 tháng một số

Một năm 6 số

Liên lạc:

vanhocmoi68@gmail.com

hanguyendu@gmail.com

TRẦN HẠ VI
THỦY TINH ĐÁNG THƯƠNG

Tại sao chuyện tình của họ kết thúc
Nàng nghĩ
Họ thật đẹp đôi
Người phụ nữ xinh tươi trạc tuổi nàng
Và người đàn ông hơi trịnh trọng

Một trang face đẹp đẽ
Những tấm ảnh tinh mỹ thuật
Nhà cửa dọn dẹp sạch bong
Những tấm tranh trang trí nhỏ xinh
Sách và sách và sách từ sàn lên nóc

Tại sao họ chia tay
Vì một đứa dở hơi lười rửa mặt chải tóc
Và chắc chắn chẳng điểm trang
Đẹp chỉ nhờ apps
Nhà cửa bề bộn
Con người vụng về đầy mâu thuẫn
Tâm trạng xuống nên không kiểm soát
Như nàng

Tại sao họ chia tay
Thế giới màu hồng không tồn tại
Hay sự đẹp đẽ chỉn chu chỉ bên ngoài
Nàng gãi đầu
Buộc lại mái tóc thưa thớt sau trận bệnh ung thư
Lại gãi đầu
Nàng có làm nên tội

Người đàn ông thông minh nhạy cảm tham lam và đáng thương
Người đàn bà kiêu hãnh diễm lệ nghiêm khắc và đáng thương
Nồng nhiệt điên khùng bản năng và đáng thương

Giọt nước cuối cùng
Phá vỡ chiếc ly pha lê
Thủy tinh đáng thương
Tình yêu đáng thương

TRẦN HẠ VI
26.04.2022

PHAN HẠ DU
GỞI NGƯỜI YÊU DẤU

Em vẫn dành nụ hôn
Bao nhiêu ngày mong đợi
Con dốc nhỏ cô đơn
Sang hè anh chưa tới

Đã chờ anh mòn mỏi
Nhìn đàn bướm ngẩn ngơ
Hoa đỏ chiều bối rối
Cho hương lan đến giờ

Cây tắm mình trong nắng
Bóng ngủ với chiều nay
Sáng mành sương thấp thoáng
Chiều lại mưa bóng mây

Mênh mông hồ Than Thở
Bạt ngàn đêm gió lay
Bao mùa trăng đã tỏ
Lạnh cơn giông chiều nay

Vẫn vẹn nguyên ngày đó
Chờ anh từng đêm sâu
Qua bao mùa bỏ ngõ
Phố xưa còn tìm nhau …

Phượng tím bừng nắng cũ
Anh chưa về, đi đâu
Em bao đêm không ngủ
Nhớ thương tràn lên nhau …

PHAN HẠ DU

TUỆ TÂM

NGỘ

Đời ngắn ngủi
thương nhau còn chưa đủ
Sao hận thù
đố kỵ ghét ganh nhau?
Đời Vô Thường
như một giấc chiêm bao
Tàn cơn mộng
xá gì câu được mất?

Mở mắt ra
là lo toan tất bật
Góp gom nhiều,
thứ vật chất phù du
Gánh nghiệp đời
oằn nặng bước đường tu
Lòng tham ái
sân si mù lý trí.

Bể khổ trần ai,
cuộc đời là vốn dĩ
Ghét hay thương
đều đau khổ như thường.
Tâm tham ái
là khởi nguồn bao dục vọng
Bản ngã ngút trời
luôn coi trọng bản thân
Chỉ biết mình ta
còn thiên hạ bất cần.

Khổ cũng bởi
sáu trần luôn khao khát
Duyên với sáu căn
cho thõa mãn mong cầu
Thả trôi đời
không biết sẽ về đâu
Đem gieo rắc
bao nhiêu là oan nghiệt

Nhân quả kia
có bao giờ phân biệt
Kẻ thấp hèn
người phú quý cao sang?
Tỉnh ngộ đi
trước khi quá muộn màng
Đừng mê ngủ
trong si cuồng ảo vọng

Cuộc đời vui
cũng như là gió lộng
Hợp rồi tan,
được, mất cũng liền kề
Hãy quay đầu
buông bỏ bến sông mê
Ta về lại
Chân Như bờ bến Giác

Ta tầm đạo
tìm niềm vui an lạc
Chấm dứt luân hồi
sanh tử khổ đau.
Ngộ ra rồi xin hãy kíp tu mau.

TUỆ TÂM
9/6/2022

LTS: Lại một lần nữa độc giả yêu câu đăng bài ca, tân cổ nhạc ... Dĩ nhiên, ngoài sáng tác thơ, văn truyện thì lời ca, tiếng nhạc cũng nằm trong cac thể lại VHNT, bao gồm nghệ thuật sân khấu, điện ành hay ca kịch nghệ. Tất cả đều diễn đạt hay biểu cảm bằng ngôn ngũ, hình ảnh, qua những giác quan căn bản là nghe hay nhìn... Vậy, nay VHM lại tiếp tục mở ra một «sân chơi» là đăng bài TCGD dưới đây ... Trân trọng

CÁT BỤI CUỘC ĐỜI
Nhạc: Hà Sơn
Vọng cổ: Hoài Phong

Nhạc:
Này bạn thân ơi
số kiếp nhân sinh
chỉ là cõi tạm trần gian
Dù anh và tôi
ai sang giàu ai gian khó
Mai xa kiếp con người
về với cát bụi mờ
thì cũng đều đôi tay trắng
Đời là phù du
ta sống hôm nay
đâu biết về
ngày mai sau
Hãy dành cho nhau
bao nhiêu niềm vui đang có
Không ganh ghét hận thù
Chẳng gian dối lọc lừa
vì kiếp người sẽ vội qua

VỌNG CỔ
Câu 1 _
Hãy nhớ ai ơi!

ta có là chi
trong kiếp nhân sinh
Luân Hồi vay trả…
Đã từ cát bụi sinh ra
thì sẽ về cát bụi,
sao toan tính thiệt hơn
cho nhân thế thêm… sầu.
Cho dẫu hôm nay
ta đang sống sang giàu.
Hay đang chịu lầm than
trong cơ hàn gian khổ
Khi trút hơi tàn
cũng đâu khác chi nhau.
Đừng toan tính lọc lừa,
sát hại lẫn nhau
Quên hết tình thâm
anh em máu mủ.
Có được chi đâu
khi nằm sâu dưới mộ
Hoạ có được chăng
là tiếng đời mai mỉa…
Câu 2_
Ta sống hôm nay
đâu biết ngày mai ấy
Ta sẽ ra sao
trong kiếp sống Vô Thường.
Ganh ghét nhau chi
rồi chuốc lấy ưu phiền.
Đời là cõi tạm,
ta chỉ là khách tro
Lữ khách nhọc
nhằn qua vạn kiếp trôi lăn.
Thấu được lẽ này
tâm sẽ được bình an
Mọi việc quanh ta,
hãy coi như là ảo mộng

Hãy mến thương nhau
khi cùng chung kiếp sống
Tàn hết kiếp người
là cát bụi như nhau…
Nhạc:
Người ơi hãy nhớ
ta là cát bụi
Sẽ về cát bụi
thì xin đừng
toan tính thiệt hơn
Đời như thoáng mơ
được mất ta đâu ngờ
Hỏi ai có bao giờ
không trở về cát bụi đâu?
Cuộc đời là bao
hãy mến thương nhau
với bằng tất cả con tim
Để rồi một mai
khi ta lìa xa nhân thế
không lo lắng u buồn
Chẳng nuối tiếc muộn phiền
chuyện thế sự… nơi trần ai

VỌNG CỔ
Câu 5_
Trong kiếp nhân sinh,
có kẻ cao sang,
có người nghèo khó…
Là do nhân quả trả vay
mỗi người mỗi khác
thì so sánh làm chi
rồi đau khổ ưu… phiền.
Xin nhớ đời nay
là quả báo nhãn tiền.
Đừng vì lợi danh
mà gây điều gian ác

Tham đoạt của người
sao thoát khỏi trả vay.
Gian dối lọc lừa
ta vui sướng hôm nay
Nhưng rồi sẽ khổ đau
khi nhân này kết quả.
Trong kiếp nhân sinh
là trả vay, vay trả,
Không biết cho đi
thì ta nhận được gì. (-)

Câu 6_

Trói chặt tâm mình
là ba chữ Tham, Sân, Si
Ba nhân khổ
đưa ta vào bể khổ.
Nhắm mắt xuôi tay
ta trở về cát bụi
danh phận bạc vàng
đều bỏ lại nhân gian.
Hãy mến thương nhau
bằng tình thương to lớn
Mở rộng tâm mình
mà thương hết chúng sinh.
Ghi nhớ hôm nay
ta còn trên dương thế
Là để trả cho xong
món nợ ân tình (-)
Thấy được kiếp người
là cõi tạm U Minh
Hãy tu tỉnh
thoát trầm luân đau khổ
Để rồi một mai
khi lìa xa nhân thế
Chẳng lo lắng ưu phiền
chuyện thế sự nơi trần ai.

HOÀI PHONG

Ý NHI
THƠ LÊ CHIỀU GIANG, GÕ MỘT NHỊP ĐỜI

Văn xuôi Lê Chiều Giang là một dòng chảy, ngay cả những đợt sóng nhỏ bất chợt, cũng không làm mất đi vẻ mềm mại, duyên dáng.

Thơ Lê Chiều Giang lại là những nhịp gõ ngắn, gấp, dồn dập, tức thì.

Gần như không cần trau chuốt, không cần tìm chữ, không quan tâm lắm đến vần điệu, thơ Lê Chiều Giang là tiếng nói chợt bật lên từ một cảnh huống, một khoảnh khắc.

Hay, như theo cách nói của chị trong một lần trả lời phỏng vấn, thơ chị là những:" *chữ nghĩa chợt đến*".*

Ta, không phải **Tôi** hay **Em** như thường thấy, Lê Chiều Giang, trong thơ chị, cũng không thường:

Cánh cửa/ Xầm. Đóng lại/ Chìa khóa? Quăng lên trời/Ta bước chân phiêu bạt/Tay không/Bày cuộc chơi…Ta thả đời ta/Giữa gió bay…Ta ngồi một mình/Trên nóc nhà/Ta hét ta la/Khô quắt phổi…Cắm cổ/Ta chạy bừa về phía trước…Thôi chắc không tìm đường trở lại…Xóa bàn đi/ Làm lại hết/ Ta thả đời ta/Giữa gió bay…

Nhưng

Xem ra, cuộc chơi được **Ta** bày ra cho mình, quả thật đã không dễ chơi chút nào.

Ta đã hơn một lần: *Bước lại trong tranh và/ diễn tiếp*.

Ta đã hơn một lần ra tuyên bố**:** *Hỡi thế gian*/ **Ta** *bỏ cuộc chơi.*

Chìa khóa căn nhà đã quăng đi thật xa nhưng lòng lại:
Thèm trở lại chốn xưa

Ngồi bên phố cũ
tỉ tê.
Khóc. Nhớ nhà…

Tưởng đã "đốt lửa căn nhà trống/ vung vãi tàn tro/ khắp đất trời" mà không thôi tiếng gọi:
Nhà ơi
Giữ lại giùm ta những gió mưa
Giữ lại giùm ta ngàn tiếng nói
…Những cười khan
Những khóc dấu
Những đêm dài

…Ôi
Ngày xưa
Nhà xưa
Người xưa…

Ta đã ngồi với Rượu và cả với khói thuốc bay. Điều mà rất ít nhà thơ nữ dám thổ lộ ra cùng Thơ:

Lưu Linh? Ờ, lưu linh
Tản Đà? Ta…chấp hết.

Hoặc một sáng tinh sương mà:

Ta ngồi một mình trên nóc nhà
Buổi sáng.
Trước ngày bỏ đi
Khói thuốc tan trong mây
Rượu.
Đổ đầy máng xối

Ta có lúc đã phải cay đắng nhận ra:
Đứng giữa trăm ngả đường
Không lui và

Chẳng tới
Ta như đêm.
Mịt mù.
Giữa trùng trùng duyên khởi

Nhưng
Rồi sau tất cả,

Lê Chiều Giang đã tìm được một cuộc chơi khác cho mình.

Những tản văn của chị, những bài thơ của chị đã đem lại cho chúng ta- cho độc giả một vẻ đẹp rất riêng, những cảm xúc rất mới.

Mừng Lê Chiều Giang.

** Phỏng vấn nhà thơ Lê Chiều Giang do triều Hoa Đại thực hiện.*

SG 7/2022.
Ý NHI

Bỏ Nhà

Cánh cửa
Xầm. Đóng lại
Chìa khóa? Quăng lên trời.
Ta.Bước chân phiêu bạt
Tay không,
bầy cuộc chơi.
Lưu linh?
Ờ, lưu linh
Tản Đà?... Ta chấp hết !
Cafe?
Dạ, Khổng Tử
Ngàn ly, chưa thấm tháp
Mắt sắc như kiếm dao

Chém chơi, vài
Phạm Thái...
Đàn đứt dây lỗi nhịp
Hết hơi, đêm chưa tàn
Ta hát lời ly biệt
Tử Kỳ chết
dưới trăng

***

Đứng giữa trăm ngả đường
Không lui và
chẳng tới
Ta như đêm
mịt mù.
Giữa trùng trùng duyên khởi.
Quanh một vòng trái đất
Thèm trở lại chốn xưa
Ngồi bên hè phố cũ
Tỉ tê.
Khóc. Nhớ nhà.

Trích thơ Lê Chiều Giang

Ý NHI

KHALY CHÀM
rất thật trong ý tưởng

Xối từng chùm ánh sáng lên đầu cái bóng
sự tan chảy trắng đẫm vào ý tưởng
những đốm màu thời gian hoại thư dần hiện ra

xòe tay cho gió đông bắc tạm trú
ảo ảnh ngả ngớn giữa hai đường tiệm cận
chúng không hề cũ luôn tạo ra vô vàn hiệu ứng
hỗn sắc tỏa rộng lập lòe rồi biến mất

ngày tháng cạn nhanh thật sao
hãy kí họa đường vòng luẩn quẩn em nhé
khi những con chữ cong mình theo sợi nắng
câu bóng chúng ta
tắm gội đức tin bằng ánh sáng hằng mong thanh sạch

như nhiên lòng nghiêm cẩn
từng chùm hạt lượng tử tiếp nối tái sinh
những hồn linh vô tính trở về
tôi thầm biết ơn lời nói trong suốt

cà phê sáng góc phố

náo nhiệt thành phố
ban mai chuyển màu nhanh trong mắt xích
giấc mơ chén cơm với vài lát thịt mỏng mềm
bồng bềnh trên xấp vé số

trong tay tôi và người
không thể nào đánh rơi niềm hy vọng

tồn tại như thời gian dần biến vào ánh chiều

những tiếng reo trong đốm lửa
chẳng biết thính giác có quen thuộc hay không
sợi khói lơ lửng treo cảm giác hạnh phúc

những hạt mưa xanh
ẩn hình chứa sự bất ngờ của vĩnh cửu
chẳng khác biệt với những sự kiện từng ngày
và loài người luôn ao ước mọc ra đôi cánh

tôi trong giâc mơ

đứng giữa trời xòe bàn tay
chém mạnh vào hư không
trắng điện từ trường vây bám những ngón

nắng hồng kết tụ
vô vàn giọt rụng chạm mu bàn chân
chẳng hứa hẹn điều gì với gió
tự nhiên ban tặng lũ siêu vi vũ trụ

ngước mặt nhìn ngoài rìa mặt trời
đám quái thú nhai từ tốn hình thù mềm mại của lửa
sự mâu thuẫn ác nghiệt đối kháng lòng thương xót

cúi mặt nhìn hạt nắng nứt vỏ
chẳng chủ định hít sâu hơi thở đất nồng ấm
những hạt máu nâu cựa mình mở mắt
những cỏ non và cát bụi đồng thanh giai điệu hạnh phúc
giữa tầng không mây trôi lênh đênh và chim thiên di vỗ cánh
xanh một một cõi những cánh môi trường xuân lung linh

KHALY CHÀM

LÊ VĂN HIẾU
TÔI THẢ TÔI VÀO MÔNG MI NÀNG

Giờ Nàng có thể ở bên chồi non của Nàng
Hay sú mớm cho Chim để mai này vỗ cán
Giờ Nàng sẽ không làm thơ
không hề nghĩ đến thơ
Duy một lần- Nàng vẽ chân dung Tôi -
qua thơ Nàng
Bức tranh thơ núi đồi
có khu vườn
có gió
Và không quên tiếng mưa nơi Tôi ở
Nàng vẽ khuôn mặt Người
Tôi đọc thơ mà như Tôi đang soi Tôi
Thơ Nàng trong veo và kỳ diệu thế
Thơ Nàng là gương - Tôi thả bóng mình vô đó
Tôi thả Tôi vào mộng mị Nàng ...

HƯƠNG MUỘN

Không vì đời Sen mà giũ bỏ mùi bùn
Không vì bùn nuôi dưỡng đời Sen mà đành hanh vấy bẩn
Sen – Bùn vì nhau
Ta không lớn lên từ em nhưng ta thương em
Biết con cá con cua còn rúc trong lòng em đó
Ta làm con cua ta không làm Sen
Bùn thì đã sao – trên bùn là nước trong

Là hồn sen quyến rũ
Hương muộn vắt từ lòng em đó
Ta nâng niu ...

YÊU

Ta yêu để biết mình vẫn còn thanh xuân và đẹp
Cả em cũng thế
Đôi lúc ngờ nghệch trước những chuyện rất nhỏ
Để biết mình còn trẻ con
Lắm lúc hỏi lũ Kiến có yêu nhau không
Sao Kiến cứ sinh sôi đông như thế
Mũi nó thính hơn người
Khi ta đánh rơi hạt đường là y như rằng Kiến đã có mặt
Dù mặt nền nhà rất sạch và không một kẽ hở
Nhiều lúc ta tự hỏi trái tim ta có thính như thế không
Khi giọt tình yêu cận kề trước mũi
Ta sẽ làm gì khi nhìn thấy giọt mật
Ta sẽ làm gì để gìn giữ giọt mật ?
Ta đánh thức tuổi thanh xuân ta còn sót lại
Khêu bấc , thắp đến giọt dầu cuối cùng
Ngọn nến sẽ cháy sẽ cháy , và cháy như nến
Không cần biết giờ phút nào tàn lụi ...

LÊ VĂN HIẾU

TUYỀN LINH NGUYỄN VĂN THƠ

Vai Trò Của Người Soạn Ca Khúc và Ý Nghĩa Của Ca Từ

Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề ca từ trong một số ca khúc đương đại Việt Nam đã làm cho khán thính giả yêu âm nhạc quan tâm khá nhiều.

Trong bài nầy, người viết không có ý kiến gì về kỹ thuật hòa âm, giai điệu, tiết tấu, mà chỉ đơn thuần đề cập đến ca từ trong một số ca khúc Việt Nam đang được thịnh hành.

Như chúng ta đã biết, ca khúc trong âm nhạc là một bộ môn văn nghệ có sức lôi cuốn mãnh liệt đối với con người. Ca khúc nói lên cái hay, cái đẹp của con người và thiên nhiên trong vũ trụ bao la rộng lớn. Bằng hình thức cụ thể hay trừu tượng, ca khúc có thể miêu tả (musique descriptive) hay mô phỏng (musique imitative) một cách sinh động và hùng hồn những sinh hoạt đời thường xảy ra hàng ngày trong cộng đồng xã hội. Ngoài ra, ca khúc còn có thể nói lên những ý niệm, những tư tưởng sâu xa, uyên bác – cho con người những mỹ cảm (emotion esthétique) , là thứ khoái cảm đặc biệt của con người ở trên muôn vật : một chiếc lá vàng rơi rụng cuối Thu, một ánh sao băng trong bầu trời đêm u tịch, tia ráng chiều rọi xuống đàn mục đồng đang nằm vắt vẻo trên lưng trâu suốt nẻo đường về; bước chân khập khiễng của bà mẹ già đang lần tìm mộ con trong nghĩa trang để thắp nén nhang thương nhớ - tiếng suối reo, tiếng chim hót, tiếng ve râm ran giữa buổi trưa hè … Tất cả những âm thanh và hình ảnh ấy là những giao ngộ hữu hình hay vô hình của con người với con người và của con người với thiên nhiên, sự vật – nó thật sự không thể thiếu trong chúng ta. Chẳng phải một " Mùa Thu Không Trở Lại" của ns Phạm Trọng Cầu được ra đời đó sao ? Như thế, ta thấy ca khúc đóng một vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Vậy người viết ca khúc nên nghĩ gì, làm gì ?

Trước khi nói đến vai trò và sứ mệnh của người viết ca

khúc, tưởng cũng nên định nghĩa và phân tích sơ qua về danh từ ca khúc. Định nghĩa một cách nôm na, dựa trên hai chữ ca khúc (pièce chantée), ta thấy rõ danh từ nầy được chia làm hai phần : lời ca và khúc nhạc. Cũng dựa theo định nghĩa và phân tích trên, ta thấy giá trị một ca khúc cũng chia làm hai phần : một nửa cho giai điệu tiết tấu và một nửa cho ca từ. Vậy để có một ca khúc có giá trị đích thực thì người viết ca khúc phải hoàn thành tác phẩm của mình có đủ cả hai phẩm chất nêu trên. Tuy thế, nếu nghĩ cho thật sâu, sát thì ảnh hưởng của ca từ đến tinh thần và tư tưởng người nghe nhiều hơn giai điệu. Một ca khúc có phần hòa âm nghèo nàn, giai điệu tiết tấu gập ghềnh trắc trở, khi được tấu lên, cùng lắm làm cho người nghe nhàm chán, và tất nhiên, sau đó họ sẽ quên ngay. Trái lại, phần ca từ dù không hay, nhưng lời ca có phần tượng hình, không trong sáng, thì không nhiều cũng ít có ảnh hưởng đến người nghe, nhất là giới trẻ. Trong thực tế cuộc sống, ta thấy cái xấu, cái dở bao giờ cũng ảnh hưởng đến tuổi trẻ mạnh hơn cái tốt, cái hay. Vậy văn nghệ sĩ nói chung và người viết ca khúc nói riêng phải làm gì để giúp họ vượt qua lằn ranh giữa xấu và tốt nầy, để họ chọn được hướng sống đúng ? Theo thiển ý của tôi, người văn nghệ sĩ phải có hướng đi đúng trước đã.

Trong lãnh vực văn hóa nghệ thuật, người viết ca khúc đóng một vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng đất nước. Vì lẽ ấy, ta không nên áp dụng triệt để quá khẩu hiệu " nghệ thuật vị nghệ thuật " mà quên đi nghĩa vụ thiêng liêng của chúng ta. Đành rằng sáng tác ca khúc là một việc làm cá nhân của người nhạc sĩ, nhưng người viết ca khúc chân chính cũng không nên độc lập với đời, ngồi trong tháp ngà mà sáng tác; nên thực tiễn cuộc sống để viết lên những ca khúc hay cho đời đơm hoa kết trái. Hãy gần gũi với khẩu hiệu " nghệ thuật vị nhân sinh " để chia sẻ với người, với đời. Âm nhạc cho con người nghe để phát sinh hứng thú, để được nhìn xa hiểu rộng, để cảm thông tư tưởng và kết liên. Người viết ca khúc đừng nên mải mê với rung cảm cá nhân mà quên bẵng đi thực tại xã hội, cộng đồng. Chúng ta đừng quên rằng cá nhân là một thực tại của xã hội, liên quan mật thiết đến xã hội, chẳng thể nào tách mình ra ngoài xã hội được. Dù

muốn hay không muốn cũng tương quan ảnh hưởng lẫn nhau. Ca khúc là một tác phẩm văn nghệ và cũng là con đẻ của xã hội, văn nghệ lạc hướng thì xã hội băng hoại. Văn nghệ sĩ nói chung và nhạc sĩ nói riêng nên lãnh một sứ mệnh trong công tác giáo dục xã hội, vạch hướng đi trong sáng cho xã hội, xây dựng xã hội, bởi văn nghệ ảnh hưởng rất sâu xa đến xã hội. Một nhạc sĩ sáng tác nên cần có sự cọ xát thực tiễn, có thế mới xúc động tâm tình để sáng tác. Sáng tác một ca khúc không chỉ giải bày tâm tư cho riêng mình mà còn có nhiệm vụ giải bày tâm tư của người khác trong cộng đồng xã hội nữa. Ca khúc chính là gạch nối gắn liền giữa nhạc sĩ với đời, vì nhạc sĩ chẳng những là kỹ sư âm thanh mà còn là kỹ sư tâm hồn của mình và của cả đại chúng. Người nhạc sỹ dùng kỹ thuật âm thanh cùng ý nghĩa lời ca để giúp đời nhìn rõ đường lối chân chính trong cuộc sống. Một ca khúc hay là một ca khúc kết tinh được tình ý sâu sắc, chẳng những nói lên được vẻ đẹp cá nhân mà còn cho người thưởng thức thấy được cái thật, cái đẹp của xã hội nữa. Nghệ thuật thơ văn hay âm nhạc bao giờ cũng nói lên được cái thật, cái đẹp (thật ngoài vũ trụ, thật trong khoa học khách quan, và nhất là trong tâm lý) hợp với đạo lý, mong làm đẹp cho tâm tính con người. Cái thật, cái đẹp vào đời nào, thời nào cũng được tôn vinh cả. Tiếc thay, ý thức được cái đẹp và cái thật lại bị hạn chế trong con người. Từ sự hạn chế nầy đã đưa đến sự nhận định sai lầm về giá trị cái đẹp, cái thật của một số người làm văn nghệ khiến họ lai căng, lạc hướng. Thậm chí có ca sĩ đã thành danh vững vàng, tuổi cũng đã gần lão bà mà còn ăn mặc hở rốn, hở đùi lên sân khấu nhún nhảy, lắc lư trông thật tội nghiệp. Tiếc quá ! Tiếc quá ! ! ! Xin đừng lẫn lộn cái thật, cái đẹp của một bức tranh khỏa thân với cái thật của một ca sĩ hở rốn, hở đùi trên sân khấu. Nhãn quan tự nó đã có sự phân tích , lý luận, đam mê lẫn cám dỗ riêng của nó.

Trở lại vấn đề sáng tác ca khúc, những năm gần đây một số nhạc sĩ trẻ vẫn đam mê " nghệ thuật vị nghệ thuật ", có khuynh hướng cá nhân trong các đề tài sáng tác. Gặp thời buổi công nghệ điện tử phát triển, họ ngồi trước màn hình internet để:

" chiều chiều lang thang internet, em thì đi vào một trang

web buồn…” hay “ triệu thông tin vẫn nghe lạc loài, cố quên hết căn phòng trống tin anh, chờ e-mail lãng du một mình…” Còn nhiều….nhiều những ca từ đại loại như thế nầy nằm trong các ca khúc đang được phổ biến trên thị trường Âm Nhạc ở nước ta.

Chẳng ai phản đối việc ca tụng tình yêu đôi lứa. Tình yêu đôi lứa là một đề tài rất đẹp trong âm nhạc, nó có sức hút mãnh liệt đến tâm tư tình cảm con người, bởi máu còn chảy thì trái tim vẫn còn réo gọi. Đẹp và lãng mạn biết bao một “ Mùa Thu không trở lại “ của ns Phạm Trọng Cầu, một “ Hương xưa “ của ns Cung Tiến, một “ Thu hát cho người “ của ns Vũ Đức Sao Biển, và còn biết bao ca khúc hay nói về tình yêu đôi lứa không thể kể hết được.

Thật ra thì cũng có rất nhiều nhạc sĩ trẻ tài năng, nhưng hình như cũng chưa thoát ra được vòng quay quá mạnh của nền kinh tế thị trường nên chưa định được cho mình một hướng đi riêng, có ý nghĩa làm đẹp đời. Tiếc quá ! ! ! Biết bao là đề tài sinh động trong đời sống thực tiễn và trong thiên nhiên muôn màu muôn vẻ để khai thác: nào là thiên tai bão lũ, giặc đói, giặc nghèo, trẻ em mồ côi khuyết tật, tệ nạn xã hội….Nghệ thuật chính là địa hạt của rung cảm trong cảm thông và chia sẻ, nhất là lãnh vực âm nhạc.

Tôi còn nhớ một nhà văn Tây phương nào đó đã nói:” Nếu con người không còn biết đau khổ thì nghệ thuật sẽ hết thức ăn và sẽ chết. Nước mắt của nhân loại chính là thứ sương lộ mầu nhiệm tưới cho cõi trần thế lầm than nầy mọc lên những bông hoa hương sắc diệu kỳ. Đó chính là những tác phẩm nghệ thuật “. Vậy tại sao ta cứ ngồi một chỗ, chôn mình trong các phòng trà ngập tràn bia rượu và khói thuốc, không ra ngoài nhìn trời cao bể rộng, nhìn cánh đồng lúa chín ngập tràn nước lũ, nhìn những cánh rừng bị chặt phá một cách thảm thương, nhìn tận mắt các em nhiễm chất độc da cam để cảm thông, chia sẻ ? Tình người, tình đời ở đó, tình yêu đôi lứa cũng phát sinh từ đó. Chẳng phải nhạc phẩm ” Tiếng sông Hương “ của ns Phạm Đình Chương được ra đời đó sao, và “ Em đâu biết ” của ns Thế Hiển, rồi “ Về đâu? Hỡi em yêu” của ns Thanh Hà-Xuân Qùy, và ” Đứa trẻ lang thang” của ns Chu Hoàng Thông v.v…

Người soạn ca khúc đóng một vai trò rất quan trọng trong việc chuyển tải tư tưởng và cảnh tình đến thính giả mà ca từ là phần cốt lõi. Dù ca khúc được viết với tiết tấu đương đại cách mấy đi nữa cũng không thể nằm ngoài quy luật nầy. Có thế giá trị đích thực của ca khúc mới vượt qua không gian và thời gian để sống mãi trong lòng người nghe. Có những nhạc phẩm ca từ không cao siêu, nhưng lời ca giản dị, mộc mạc dễ hiểu cũng được người nghe đón nhận một cách hoan hỉ, chân tình. Là món ăn tinh thần không thể thiếu đối với con người, nhưng không phải người nào cũng đòi hỏi phải được ăn cao lương mỹ vị. Con người vốn thích nghi với hoàn cảnh, một dĩa rau muống luộc chấm với mắm nêm cũng cho được một bữa cơm ngon miệng với gia đình nghèo khó. Còn gì mộc mạc và lãng mạng bằng một " Nắng Chiều " của ns Lê Trọng Nguyễn, một " Tiếng Lòng " của ns Hoàng Trọng, một " Bài Thơ Hoa Đào " của ns Hoàng Nguyên…. Một ca khúc hay không bắt buộc phải có ca từ cao xa, siêu thực mà cần có nội dung rõ ràng để người nghe cảm nhận được tình, ý của tác giả muốn nói gì, gởi gắm gì trong tác phẩm của mình. Món ăn không cần cao lương mỹ vị, nhưng phải lành, sạch, hợp với khẩu vị thì ăn vào hẳn là ngon miệng, dễ tiêu hóa. Ngược lại, dù cao lương mỹ vị mà trộn lẫn nhiều thứ chua, cay, mặn, ngọt quá thì ăn vào ắt phải khó tiêu, mà đã không tiêu hóa được thì sinh ra đầy hơi, thương thực.

Gần đây, không hiểu vô tình hay cố ý mà một số nhạc sĩ trẻ sáng tác ca khúc có khuynh hướng nặng về phần tiết tấu hơn ca từ. Chẳng hiểu sự việc đáng tiếc nầy xảy ra do chủ quan hay khách quan (?) Dẫu vì lý do nào đi nữa, cũng mong những ai có tâm huyết hãy xem lại vấn đề để các tài năng trẻ có hướng đi đúng hơn trong việc soạn ca khúc.

TUYỀN LINH NGUYỄN VĂN THƠ

MÃ LAM

ĐÀ LẠT EM VỀ

Rừng thông thủ thỉ
Chụm đầu mách lẻo
Chim non
Đấu mỏ tít đầu cành

Tiếng tàu lửa thở
Vượt nghìn dốc
Khói trắng
Quấn vòng núi ngàn xanh

Đà Lạt
Cong mình phơi nắng sớm
Sương
Mỏng la đà ôm mái tranh

Em về
Lòng nhớ bên hốc đá
Thích nằm trên cỏ
Gối đùi anh./.

MÃ LAM

TRINH BỬU HOÀI

BẠN BÈ TÔI

Bạn bè tôi nay đầu chấm bạc
Phong sương thấm đẫm một đời người
Gặp nhau đã khác mà không khác
Vẫn mãi hồn nhiên những nụ cười

Nhắc ra có đứa không còn nữa
Kỉ niệm ngày thơ bỗng ngậm ngùi
Đi qua quá khứ bao nhiêu cửa
Một cánh tương lai khép lại rồi

Chúng ta sinh nhằm thời chiến loạn
Thằng thì đi lính đứa bưng biền
Có lúc nhắm nhau qua đầu súng
Mà lòng mong mỏi được bình yên

Tại sao ta không cùng lý tưởng
Cùng nhìn về một hướng tương lai
Quê hương cũng là sông núi đó
Mà đường huyết thống lại chia hai

Có lúc lòng đau không thể nói
Bạn tri âm hồn chẳng tri âm
Bao năm xa cách mừng gặp lại
Cuộc vui sao cũng phải thăng trầm

Kể chuyện ngày xưa lòng hứng khởi
Bạn bè phải mở hết lòng nhau
Thế mà như có làn sương khói
Phảng phất đời ta cuộc bể dâu…

B Ạ N X A

Đón bạn xa về chơi xứ núi
Giữa mùa phượng đỏ thắm bên trời
Đá đã bạc đầu không nhớ tuổi
Mình cũng lơ mơ quá nửa đời

Một chút mưa phai ngày tao ngộ
Tay bắt tay thêm ấm nụ cười
Thăm ta bạn vượt ngàn cây số
Mang cả trăng quê đến phương người

Thôi thì giũ hết bụi đường xa
Bỏ cả nhân gian lẫn chuyện nhà
Nhìn nhau đáy cốc đời trong suốt
Uống chờ đêm nở đóa quỳnh hoa

Mai bạn về ta ngồi bên núi
Nỗi buồn nào hóa đá trăm năm
Đá không có tuổi người có tuổi
Dám nào mong bạn trở về thăm…

TRỊNH BỬU HOÀI

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYỂN

CHIẾC KHĂN QUÀNG CỔ

Sau mùa Covid (Có thể gọi là sau chưa khi bệnh nhân vẫn nhập viện ùn ùn, ngỏm kìn kìn nhưng mọi người chả mấy quan tâm về tin tức Covid nữa. Cột báo về Coronavirus hết nằm trên trang nhất, TV hết họp hành, đăng đàn, đưa tin dịch bệnh đại khái như chuyện ngoài lề) mọi sinh hoạt dần trở lại như cũ, chả ai sợ hãi khi ra đường, mặt nạ khẩu trang loại bỏ từ từ, họp mặt, ăn uống, ca nhạc, đám cưới đám xin tổ chức xì xèo, thậm chí lên máy bay khỏi cần làm xét nghiệm Covid nữa.

Mấy năm rồi tôi không làm việc ở công ty M. vừa vì virus, vừa vì bận bịu với chỗ khác, hôm nay nhận booking quay lại M. mấy ngày, thế chân một nhân viên nghỉ đi du lịch, lòng vui vui.

Lâu quá không gặp BB. chả hiểu nàng ra sao, chắc nàng ngạc nhiên lắm khi thấy tôi trở lại.

BB lớn tuổi hơn tôi nhiều, hút thuốc lá xoành xoạch.

Tôi quen BB nhờ một lần được đóng đô ở M. hơn tháng trời. Ngày nào BB cũng đem vào sở mấy thanh bánh mì que có rắc mè bên trên và cục phô mai to cỡ quả quất, muốn ăn phải lấy dao cắt từng miếng nhỏ, vị nhân nhẫn đắng, chua chua, mặn mặn, béo béo, để ăn sáng và để mời đồng nghiệp xung quanh lủm một hai miếng chơi. Còn tôi, thỉnh thoảng đem món gì đó ngon ngon cho nàng, nhờ đó BB biết ăn trái Nhãn.

Có hôm xếp X dặn tôi làm thế này, bữa sau xếp Y bảo làm theo kiểu khác, cằn nhằn, cử nhử tôi tùm lum, chả biết đường đâu mà lần. BB nghe tôi kể đầu đuôi, ngừng nhai, đặt thanh bánh mì vào đĩa, nhăn mặt " Ăn mất ngon!" Đang giận mà tôi phì cười vì câu nói của BB. Nàng dặn tôi báo chuyện này với manager, bàn với nhóm trong tổ tới gặp Y nói chuyện phải quấy…Tôi thật sự cảm động khi thấy BB lo cho mình như vậy.

Oải với xếp, thay vì trụ ở đó bốn tuần, hết tuần thư ba tôi xin nghỉ. Ngày cuối, tôi ngạc nhiên khi nhận từ tay BB một chiếc

khăn quàng màu nâu sọc trắng là những sợi dây cột lẫn vào nhau mà BB nói tự làm và hẹn hò chừng nào rảnh, gọi điện, nàng và tôi sẽ đi cà phê chơi.

Chúng tôi chả có bữa cà phê chung nào kể từ hôm ấy nhưng thỉnh thoảng gặp lại nhau vào những buổi tiệc cuối năm ở nơi này nơi kia, quá thưa thớt nên chả còn thân thiết, chỉ đủ để tôi và BB vòng tay ôm nhau một cái, nói "Hey, how are you?" và hỏi thăm vài câu xã giao rồi mạnh ai nấy hòa vào đám bạn riêng.

Mấy năm liền Covid, tiệc tùng cuối năm bị ngăn cấm, tôi và BB bặt tin nhau hoàn toàn. Nghĩ bụng, tôi mà tái xuất giang hồ ở công ty M. chắc BB ngỡ ngàng lắm.

Trời đã sang Đông, lựa mấy tấm áo dày mặc cho ấm, thêm hai lớp áo lạnh nữa là yên tâm, quần dài chưa đủ, phải xỏ đôi giày bốt da mới chống nổi cái rét. Tôi lục lọi trong đáy tủ, lôi chiếc khăn màu nâu sọc trắng là những sợi dây cột lẫn vào nhau ra quàng vào cổ, ngắm nghía trước gương, đoán thử xem BB nghĩ gì khi thấy nó? BB có nhớ đây là quà BB tặng? Cảm động không khi tôi còn giữ nó tới giờ? BB có đem bánh mì que rắc mè với cục phô mai đắng đắng, chua chua vào sở? Chắc chắn BB vẫn nghỉ giữa giờ, ra ngoài hút thuốc…

Chu choa, còn bao nhiêu chuyện để kể với nhau….

Hân hoan bước vào văn phòng, đồng nghiệp cũ "say hello" túi bụi, mắt sáng trong, tay nắm lấy tay thật chặt nhưng chưa thấy BB. Quên, lịch của nàng trễ hơn tôi một tiếng. Tôi vừa làm vừa ngóng ra cửa.

Chốc sau, ngồi vào ghế cùng bàn với tôi là một chị khác, không phải BB.

Công việc của chúng tôi thường không cố định một chỗ, lúc bị điều đi chỗ này, lúc chuyển qua chỗ khác liên tục, chị này thế BB, hiểu mà.

Tôi đem theo hai quả quýt trong giỏ, định chia cho BB một trái, vậy mà….Thôi đành dứt luôn cả cặp cho khỏi lạc bầy.

Tôi lân la làm quen với người bạn mới, hỏi dò:

Ủa, BB nghỉ làm hay chuyển qua văn phòng khác vậy?

Người bạn mới quay phắt đầu, nhướng mắt nhìn tôi,

sững người :

Chị không biết gì sao? BB chết rồi.

Một dòng nước lạnh chạy dọc sống lưng. Đầu tôi tê đi, ngực nặng nặng…Mọi thứ dường như chựng lại trong giây lát, người ta cử động mà như không cử động, giống cuốn phim bị nhấn pause giữa chừng, rung rung, rè rè, sọc sọc…

Tôi nhớ hình ảnh BB cầm điếu thuốc đưa lên môi, mắt nheo nheo sau làn khói trắng, mái tóc ngắn loăn xoăn, dáng cao, mảnh khảnh…Tôi nhớ đến bịch bánh mì BB lôi trong cái túi đen quàng trên vai ra, bảo tôi " Thử đi." Tôi nhớ hôm xếp la mình vô cớ, BB giận, nói " Ăn mất ngon." Tôi nhớ bữa BB mở điện thoại, khoe hình con gái, hỏi " Xinh chưa?"…

Dẫu biết rằng ai cũng đến lúc nhắm mắt xuôi tay, dẫu tôi và BB không thân thiết đến mức tôi sẽ đau khi mất BB, có cái gì như sự hụt hẫng, có cái gì rơi đánh xoảng làm giật mình… Chúng ta chưa kịp nói với nhau một lời từ biệt.

Tôi đưa tay vân vê chiếc khăn màu nâu sọc trắng quàng trên cổ, khăn quấn mấy vòng, sáng thấy ấm lắm, sao chiều nay lạnh vậy nè.

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYỂN
28/05/22

Danh ngôn:

Việc sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm của cuộc đời mình chính là điểm xuất phát của lòng tự trọng.

The willingness to accept responsibility for one's own life is the source from which self-respect springs.

Joan Didion

Joan Didion sinh ra tại Thành phố Sacramento, bang California- Hoa Kỳ. Là Tiểu thuyết gia ... Joan Didion, The Year of Magical Thinking, đã đoạt giải thưởng Sách quốc gia của Mỹ lần thứ 56 ở thể loại hiện thực.

VIÊN DUNG
CHIM VỀ TRÊN DỐC NGỌN GAI

1.-
hắt hiu tìm hạnh ngộ
nỗi sợ vờn lởn vởn
em che lờn núi tợn
kẽ tay vẫn lọt gia tài cự đươngis

bỗng sa vào luống cuống
đến nỗi oan uổng
đời sáng ngọc em
bủn giáng xuống đăm đăm

đuổi xua tình huống hồi năm nẳm
lá hoa chừng mất mật
vỡ. chim qua biển lớn. tan đàn
nhớ tổ, chim về trên dốc ngọn gai

đâu thuở vừa yêu, nép ngại
còm thân em mỏng khác ai
về xưa khuất dấu hoang ngày riêng tư
ngân xa tiếc nuối chuông từ

2.-
ngọn gai bi hài đương đại
lên đời tưởng, cố ngôi ngai
nghĩa tình ly tán, chèo đai cửa thù
đẩy đương nhiên, chẹn chối từ

chiến bại nhục vây nhừ tử
bẻ quặt hạ hồi tháng tư
lềnh khênh bước giấu giã từ thô kệch
thắng, đoạt tài lệch riêng tư

trách chi chim qua cửa tử
giữa lúc truông tù khắp xứ
về là khách quê, thúc thủ ngọn gai
gặp em thao thức hình hài

CHỢT TA, KHÁCH QUÊ NHÀ

A/. MỘNG VỠ THĂNG HOA

1./ biến cố, toa rập bắt tay
thăng hoa mộng vỡ nát ngày
đi, chẳng nỡ. ở, từ rày chông chênh

2./ biến cố, toa rập đâu ngờ
mộng ra, chùn bước bơ vơ
chông chênh đi - ở, tiếc bờ thăng hoa

B/. TRIỆT BUỘC

1./ sực đêm, chó sủa bất thường
xoạc đen kịt, ghịt bất lương
dội tim rầm rập vô phương bất tường

2./ đường mơ bỗng bị gạt tuông
thay vào bị gạt thiên đường
tư riêng thẳng cánh bị lường trắng tay

C/. CHỢT LÀ KHÁCH QUÊ

1/. chông chênh về - ở xứ người
quấy đời rộn tiếng ta - ngươi
đất nhà quê đó có người giành chia

2/. chông chênh dậy, thức lòng khuya
dòng tóc khua, đẩy chia lìa
hiên nhà mình khách, đầm đìa ước mơ !

VIÊN DUNG

MINH NGUYỄN

NGƯỜI LÍNH THỔI KÈN Ở ĐỒN MANG CÁ

Chưa hết tháng giêng, Huế lại chìm khuất trong những cơn mưa phùn. Mưa trắng xóa bên cầu Tràng Tiền. Mưa bay vào thành nội. Mưa trải thảm màu xám lên thành quách, cỏ cây vốn trầm mặc, rêu phong, trong nỗi buồn hôm qua, lại càng buồn hơn trong hôm nay. Mưa không lớn. Những hạt mưa vừa đủ thấm ướt trên từng khóm tường vi trong vườn nhà. Song kéo dài thê thê hết tháng này qua tháng khác. Thứ mưa rả rít, không chỉ có trên dãi đất miền trung khô cằn, mà còn là thứ mưa rất thơ, rất mộng, rất Huế, gợi nhớ những hôm trước tết nắng hãy còn soi sói trên hàng cau đương thì con gái. Vậy mà chỉ trong chốc lát, nước từ trên trời đổ xuống như trút, hết tháng này kéo qua tháng sau. Nhẩm tính đã hơn hai tháng, chỉ thấy mưa không là mưa, nước không là nước. Mưa nhiều đến nổi con sông Đông Ba hiền hòa chảy dưới chân cầu Gia Hội, bỗng dâng nước ngập tràn ra cả đường phố, rồi lan hết vào nhà dân.

Tôi không phải người Huế, mà từ xa ghé đến đây, nhưng nghe tiếng mưa rơi lại, thích được hít thở cái không khí trầm buồn, lãng mạn, từ nơi chốn này; thích những buổi chiều lặng lẽ ngồi bên này sông Hương nhìn sang bên kia sông, thương những tà áo tím nữ sinh lượn bay trước sân trường Đồng Khánh; thích được đi dưới mái hiên mưa, ngang qua khu chợ có bóng mấy mệ vận áo dài ngồi "thư thả lể từng con ốc ruốc chuyện trò rôm rả sau gánh hàng rong".

Trong lúc vội vã nhảy lên các bậc thang trơn trợt, nhằm tránh đi những hạt mưa bám víu lên người, tôi không kịp quan sát xung quanh. Tới chừng chạm mặt với ông lão râu tóc bạc phơ, quấn trên người chiếc áo mưa cũ màu lính, ngồi trú mưa dưới hiên ngoài, khiến tôi không khỏi giật mình lúng túng.

Thấy tôi ăn măc phong phanh đi trong mưa gió, lão có vẻ lo lắng, cười một nụ cười độ lượng hỏi:

- Không thấy lạnh sao cậu em?

Chưa kịp chào lão, tôi đứng ngây người ra, nhìn trân trối chiếc áo mưa bạc màu lính của lão đang mặc. Chiếc áo gợi nhớ trong tôi, kỷ niệm cách đây hơn bốn mươi năm, đúng vào ngày mưa gió vần vũ như hôm nay, Ngữ đã lôi trong túi sách ra một chiếc áo mưa giống y như lão đang mặc. Che lên đầu cho hai đứa đi về nơi trú ngụ của hắn trên đồn Mang Cá. Nói chỗ ở cho sang, thực chất là chỗ dành riêng cho đội kèn tập dượt mỗi ngày. Chẳng vì thế mà nhìn xung quanh chỗ ở, đâu đâu cũng thấy bày biện đủ thứ kèn đồng lớn nhỏ, sau đó mới đến sách vở, mùng màn, chăn gối, giày lính, quần áo, tiện tay chỗ nào vất bừa vào đấy. Đặc biệt, trong mớ hổn độn tưởng chừng mất thẩm mỹ ấy, sẽ để lại không ít phiền hà cho người khác; song ngược lại, chẳng thấy ai ca thán hay trách cứ hắn điều gì. Phải chăng, sự có mặt thường xuyên của hắn ở đồn, đã hợp thức hóa các phiên trực nhật, giúp mọi người có thể yên tâm ở nhà xum họp với gia đình. Nhờ vậy, bạn bè dù ở xa đến mấy, mỗi lần ghé chơi với hắn, đều có thể ở lại hàn huyên tâm sự suốt đêm. Mặc cho ngoài trời mưa gió bão bùng, bên trong mọi người vẫn ung dung nhâm nhi chén rượu, luận bàn về cuộc chiến tranh nồi da sáo thịt, trong đó diễn viên là tôi, là anh, là những người dân vô tội của cả hai miền Nam-Bắc, được các đạo diễn bậc thầy Nga-Mỹ-Tàu nhào nặn, chơi trò chơi bắn giết, giúp họ thu về những khoản lợi nhuận kếch sù từ việc buôn bán vũ khí. Hoặc tận mắt xem Ngữ cao hứng trổ tài trên chiếc kèn đồng, thoat nhìn cứ ngỡ hắn đang vui đùa trên món đồ chơi dành cho trẻ con. Nhưng càng về lâu, hắn càng chứng tỏ việc sử dụng nghệ thuật một cách điêu luyện, bắt âm nhạc từ đó vang lên cung điệu, lúc trầm bổng, lúc ai oán đau thương, lúc buồn não nuột, khiến cho người nghe càm thấy vô cùng xúc động.

Nhắc đến đây, tự dưng hình ảnh người lính trẻ da màu trong bộ phim chiến tranh mà tôi từng xem qua, chợt hiện ra ngay trước mắt. Trong đó, thay vì chào vĩnh biệt người bạn chiến đấu vừa hy sinh bằng những giọt nước mắt, anh ta sử dụng ngay chiếc kèn đồng mang theo bên người, thổi lên khúc nhạc bi tráng tiễn đưa người bạn xấu số.

Buồn! Hết nhìn lão tôi quay nhìn chiếc áo mà lão đang

mặc. Chiếc áo của những người lính chiến đấu nơi mặt trận, vừa dùng để che mưa vừa thay cho vải tẩn liệm.

Chợt nhớ ra là tôi quên, chưa trả lời câu hỏi của lão, nên vội vàng đáp:

- Dạ ! Cháu cũng thấy lạnh đôi chút.

Có lẽ, đoán được giọng nói không phải người miền ngoài, lão hỏi tôi:

- Cậu từ đâu đến đây?

- Dạ cháu từ trong Nam ra.

- Tìm kiếm người quen hay tìm điều chi?

- Dạ ! Tìm một người bạn quen biết từ thuở xa xưa.

- Hắn là người ở đây hay từ nơi khác đến?

Còn nhớ, hôm qua sau khi đặt chân đến Huế, tôi liền thuê ngay một chiếc xe, chở sang bên kia sông Hương đi tìm Ngữ, với hy vọng được gặp lại người bạn thuở hàn vi. Bởi trước khi ra đi ra đây, tôi có hỏi tin tức của hắn qua vài người bạn, nghe đâu sau ngày hòa bình lập lại, hắn về sống với mẹ trong căn nhà ở Vỹ Dạ.

Sau khi đưa tôi ngang qua vài con đường thuộc về kỷ niệm, dù đã được thay tên đổi họ, nhưng tôi vẫn nhận ra đây đó đôi nét thân quen; nhất là khi về đến Đập Đá. Một cái đập có nhiệm vụ ngăn mặn xâm nhập trên sông Hương vào mùa hè, ngăn nước thượng nguồn đổ về gây lũ lụt vào mùa mưa tháng bảy. Gợi nhớ hình ảnh, mỗi khi Đập Đá tràn bờ, làm ướt bao gót chân son thiếu nữ trên đường đi học hay tan trường về, đã khiến cho bao trái tim si tình nơi các chàng trai thẩn thờ, ngâm nga câu thơ "áo em trắng quá nhìn không ra".

Phải loay hoay một hồi lâu, tôi mới tìm ra được cái ngõ hay còn gọi là "kiệt", rộng chỉ vừa đủ cho một chiếc xích lô ra vào trước đây, nay mở to ra theo tiêu chuẩn "khu phố văn minh". Căn nhà, nếu tôi nhớ không lầm, đã có lần hắn đưa tôi về thăm mẹ sống đơn thân, khi hay tin bà đang bị ốm nặng. Căn nhà ngày xưa đó, hình như tọa lạc giữa một khu vườn đổ nát, hậu quả để lại do cuộc chiên tranh nồi da sáo thịt Nam-Bắc, mà kẻ thua cuộc không ai khác hơn nhân dân. Hôm ấy, mẹ Ngữ đã đón tôi và hắn ngay trước thềm nhà với nét mặt không mấy vui; trái lại,

còn lộ rõ sự e dè, lo lắng là đằng khác. Lúc đó tôi lại nghĩ khác trong đầu, có lẽ bà cho rằng tôi chẳng đáng tin cậy, mặc dù đã được hắn giới thiệu tôi là chỗ bạn bè thân thiết. Tưởng tôi sẽ buồn lòng qua cách cư xử của me, hắn ghé miệng sát vào tai tôi nói nhỏ như để thanh minh "ở đây không an ninh nên mẹ lo sợ". Sau đó, khi đã ngó tới ngó lui cảnh giác, mẹ hắn lên tiếng hỏi hắn "Mô mà hai đứa lại về trể như ri. Thôi ! Hãy vào ăn cơm cho mau rồi về lại bên nớ cho sớm". Tôi liếc nhìn đồng hồ tay, thấy chưa tới bốn giờ chiều, sao mẹ hắn lại khuyên bọn tôi sớm trở lại thành phố. Thì ra, sau này tôi mới hiểu, Vỹ Dạ tuy cách thành phố Huế chỉ một con sông, nhưng ban ngày thuộc vùng Quốc Gia, chiều tối thuộc về "mấy ổng".

Không để lão phải chờ đợi, tôi liền trả lời với lão:

- Dạ! Ba mươi năm trước bạn cháu làm lính thổi kèn trên đồn Mang Cá.

Lão hỏi lại tôi:

- Mang Cá lớn hay Mang Cá nhỏ?

Tôi ngạc nhiên trả lời lão:

- Vậy ra có tới hai đồn Mang Cá hả ông. Cháu chỉ nhớ lần đó hắn đưa cháu đi từ cửa Thượng Tứ qua cầu Ngự Hà rồi về đến nơi.

- Chà ! Khó rồi.

Qua ánh mắt nơi lão, tôi linh cảm có điều gì không hay xảy ra, nên lão mới tỏ vẻ ngập ngừng.

Tôi cố gắng năn nỉ lão:

- Có vấn đề gì hay sao ông?

May sao lão cũng kịp nghĩ lại, hạ thấp giọng nói nhỏ vào tai tôi:

- Tôi khuyên câu không nên tìm đến đó.

- Tại sao a?

- Vì hôm nay nó đã là doanh trại của . . .

Của ai thì lão không nói, chỉ bỏ lửng để tôi tự đi tìm hiểu lấy, bởi kinh nghiệm biến cố Mậu Thân ở Huế, đã dạy cho người ta bài học quí giá về sự im lặng, về sự trả thù man rợ của một nhóm người, nhằm vào một số gia đình, một số bạn bè, hay bất ai, không cùng lý tưởng với họ.

Dưa vào sự hiểu biết về Huế của lão, tôi cố gắng nài nĩ, thuyết phục lão:

- Ông ơi! Cháu có thể mời ông uống ly nước, hỏi thăm vài điều chưa biết về Huế được không?

Hâp háy đôi mắt, lão vui vẻ nhận lời yêu cầu, khiến tôi vui mừng khôn xiết, nghĩ mình đã tạo được sự tin tưởng nơi lão. Thế là, một già một trẻ chung nhau tấm áo lính, đi dưới cơn mưa lâm thâm, hướng tới cái quán cà phê nằm ở phía đối diện. Vô tình, trong lúc chờ cho dòng xe cộ qua lại giảm bớt mới băng qua đường, mũi tôi chợt ngửi thấy cái mùi lính tráng sộc lên mũi. Cái mùi hăng hắc ẩm mốc, thum thủm, gợi nhớ đời lính gian nan, cơ cực, qua khắp các nẽo đường hành quân.

Đợi cho lão yên vị nơi chỗ ngồi, tôi mới lên tiếng hỏi:

- Ông uống cà phê được chứ?

- Trời đang lạnh cho lão uống cái gì nong nóng một chút.

Tôi gọi hai tách cà phê nóng, cà phê sữa dành cho lão, còn cà phê đen dành cho tôi. Bởi nhìn lão tội nghiệp, hom he, khi cởi bỏ chiếc áo mưa sang một bên.

Trong khi chờ đợi thức uống, tôi hỏi lão về con cái, về gia đình thì, lão buồn rầu thổ lộ tình cảnh rằng: "lão vô phước có thằng con trai bị mất đi trong biến cố tết Mậu Thân. Tính đến nay, nếu còn sống, nó cũng đã ngoài năm mươi. Của tội, tuổi trẻ của con tôi, tuổi trẻ của các cậu, chẳng ai vay mượn gì từ Tổ Quốc, song lại phải trả giá quá đắt bởi một cuộc chiến phi lý. Một cuộc chiến được dàn dựng, đạo diễn, bởi những bọn lái buôn vũ khí bất nhân, làm giàu trên máu mước mắt người vô tội. Sau đó, ăn mừng, chia chát, những món tiền kếch xù kiếm được, nhờ những cái bắt tay ma quỷ, cụng ly len ken".

Sau cùng, hai tách cà phê cũng được cô gái mang ra, đặt trước mặt tôi và lão. Mùi thơm của cà phê bay theo gió, tỏa hương nhẹ nhàng, kích thích khứu giác, tạo ra sự quyến rũ thật tuyệt vời.

Tôi nhìn lão, định nhắc lão mau uống chút cà phê cho ấm lòng, nhưng chưa kịp lên tiếng, đã kịp nhìn thấy hai giọt nước lăn dài trên khuôn mặt nhăn nheo nơi lão. Thì ra, từ nảo giờ, trước mặt tôi, lão cố ghìm người bên sự xúc động, để khỏi phải

Đ.M sự giả trá đáng ghê tởm nơi con người. Đúng! Người đời há chẳng đã nói "không ai thương mình bằng chính mình". Câu nói tưởng đâu là một triết lý cao siêu, nhưng ngẫm lại quả quá đúng trong thời buổi "khôn chết dại chết biết thì sống".

- Ông ơi! Ông uống đi kẻo cà phê nguội hết.

Như chợt bừng tỉnh cơn mê, lão chậm rải nâng tách cà phê lên ngang miệng, thưởng thức cái hương vị ngọt, đắng, cay trên đầu lưỡi xong, khẽ khàng hỏi tôi:

- Bạn cậu người miền nào?

- Dạ ! Hắn là người Huế chính cống.

- Rứa hắn có nhà ở đây không?

- Hôm qua vừa đặt chân đến Huế, cháu vội chạy ngay sang nhà mẹ hắn bên Vỹ Dạ, nhưng hỏi thăm những người sống kỳ cựu gần đó, không ai biết hắn sống chết ra sao, riêng mẹ hắn mât ngay sau khi ngôi nhà bị tịch thu.

Nghe đến đây lão vụt nhớ, ngày không chỉ dài nhất trong cuộc đời của lão, mà hầu hết người dân Huế nào cũng trong tâm trạng hoảng loạn, mạnh người nào người nấy gom góp tài sản, tháo chạy như một bầy ong vở tổ.

Đi đâu, lão không còn nơi nào để đi, thôi thì đành phó mặc mạng sống của mình cho sự may rủi, bên tiếng súng, tiếng đạn pháo, tiếng rên rỉ, tiếng la khóc, tiếng cầu kinh râm rang.

Ôi chiến tranh, máu và nước mắt người dân vô tội lại đổ khi vết thương Mậu Thân chưa kịp liền sẹo, tin Quảng Trị, mặt trận phía Nam, núi Bông, La Sơn, Phú Bài, lần lượt bị thất thủ. Trên đường, đâu đâu cũng nhìn thấy quần áo, giày vớ, quân trang quân dụng, bị vất bỏ bừa bãi. Vậy là, lão tiên đoán, chẳng bao lâu nữa Thừa Thiên Huế, dù có muốn cố thủ đến mấy, cũng khó bề cầm cự.

Dẹp suy nghĩ sang bên, lão dấu chuyện nghe được về đồn Mang Cá, lên tiếng hỏi tôi:

- Là bạn thân của nhau, liệu cậu nghĩ hắn có thể đi đâu?

Đi đâu. Từ khi quen Ngữ, tôi biết hắn là người yêu quê hương, sống trung thành với lý tưởng, hoặc lên rừng đi theo phía bên kia hoặc ở lại chờ cho cuộc nội chiến kết thúc. Và. Sau đó không lâu, tôi nghe tin hắn gia nhập đội lính kèn, đóng quân ở

đồn Mang Cá.

Nghĩ vậy tôi trả lời lão:

- Ngoài việc sống có lý tưởng, hắn còn quan niệm "sống cái nhà già cái mồ", nhất quyết không rời bỏ quê hương. Hơn nữa, hắn còn có bổn phận chăm sóc, phụng dưỡng mẹ già.

Sau một hồi suy nghĩm, lão nêu lên nghi vấn:

- Có khi nào . . . ?

- Là sao hả ông, ông nói nhanh đi, cháu có linh cảm hình như ông dấu cháu điều gì?

- Nhìn cậu tôi thêm nhớ đứa con trai của mình.

- Vì sao thưa ông?

Đưa chiếc áo mưa về phía tôi, lão ngẹn lời trong sự xúc động nói:

- Đây là vật duy nhất còn sót lại của con trai lão, sau khi bị bịt mắt dẫn đi biệt tích trong hồi biến cố tết Mậu Thân.

- Sau đó thì sao?

- Đã nhiều năm, lão mỏi mắt đi tìm đứa con trai, hể nghe tin nơi nào phát hiện hố chôn tập thể, lão đều tức tốc có mặt, với hy vọng tìm được xác hắn mang về chôn cất. Nhưng càng hy vọng bao nhiêu, lão càng thấy thất vọng bấy nhiêu, bởi sau mỗi lần tìm kiếm trong vô vọng, tinh thần lão càng thêm hụt hẩng, suy sụp, chứ chẳng hơn gì. Tội nghiệp, hắn là đứa con trai mới lớn, chưa biết yêu-ghét, thù-hận là gì, cũng như chưa lần nếm trải mùi đời, đã bị đẩy vào lò lửa chiến tranh, bắn giết anh em đồng loại của mình.

Trước tâm sự đau buồn của lão, khiến tôi vô cùng bối rối, chưa biết xử lý thế nào cho phải lẽ, bởi tuổi trẻ chúng tôi không biết một chút về gì chiến tranh. Chỉ biết, từ khi được sinh ra, chúng tôi đã nghe thấy tiếng bom đạn rền vang, làm giật mình khóc thét trong tay mẹ. Lớn lên một chút, chúng tôi chứng kiến sự mất mát của những người cha, người mẹ, người anh, người chị, những trai tráng ra đi mà không thấy trở về.

Đở lấy chiếc áo từ đôi tay rung rẩy của lão, tôi lên tiếng an ủi:

- Xin ông chớ buồn, con người ta sống chết có số, biết đâu.

Số mệnh! Lão không tin điều đó, giả sử lão có thật nhiều tiền, chưa chắc con trai lão đã phải chết vì chiến tranh; ngược lại, còn sống sung sướng, vui vẻ, an toàn, ở một nơi nào khác.

Nghĩ vậy lão nói:

- Ước gì lão được chết thay cho đứa con trai, bởi sống tới từng tuổi này, lão thây mình đâu còn có ích gì cho xã hội.

Tôi chia sẻ nổi buồn cùng lão:

- Xin ông chớ nghĩ vây, dù sao con trai ông cũng không còn nữa, việc gì đã qua hãy cho qua, giữ trong lòng càng buồn thêm.

Lão tỏ ra xúc động khi nghe tôi an ủi:

- Này cậu.

- Dạ.

- Lẻ ra lão không nên kể lại chuyện này.

- Sao vậy ông?

- Nhưng vì ngưỡng mộ tình bạn giữa cậu và hắn, tôi quyết định thuật lại những gì nghe được từ đám người hôm chạy loạn rằng: "Ngay sau khi Huế thất thủ, một nhóm binh sĩ đồn trú tại đồn Mang Cá, thề chết bằng cách mở kíp lựu đạn cho nổ để tuẩn tiết, chứ không chịu đầu hàng hay giao đồn cho phía bên kia.

Nghe qua câu chuyện, tôi không sao kềm được nước mắt trước hình ảnh tang thương do chiến tranh để lại trên từng khuôn mặt kinh hoàng, sợ hãi, của trẻ em, vợ con người lính, thường dân vô tội, chen lấn, xô đẩy, chạy trốn, dưới làn mưa đạn pháo.

Trong cùng của sự hổn loạn, tôi chợt bắt gặp hình ảnh Ngữ đang cùng đồng đội, chiến đấu ngoan cường bên nhau, nhằm chống lại kẻ thù. Thà hy sinh chứ không chịu giao đồn, cho dù sức yếu thế cô, lực tàn sức kiệt, những người lính quyết định mở chốt lựu đạn tự sát tập thể.

Ầm! Ầm! Những tiếng nổ chói tai vang lên, từng mảng da thịt, xương cốt, máu đỏ, bắn tung tóe khắp đồn Mang Cá, kết thúc trận đánh không cân sức.

Ngữ. Tôi tôi bàng hoàng gọi to tên hắn, trước khi chìm vào cơn mê sảng./.

MINH NGUYỄN

LÊ HỮU MINH TOÁN
TRẮNG MỘNG

Ta chở bóng ta

Lưng đời kẽo kẹt
Nặng gánh chiều tà
Ngày qua chưa hết

Nuôi lửa tịch mịch
Trong tim mạch ngầm
Đâu trời phiêu hốt
Mở hồn thênh thang

Lần trang kinh điển
Chất đầy ăn năn
Trải lòng chiêm nghiệm
Nguôi ngoai vết hằn

Quá giang khốn khó
Vượt cạn ưu phiền
Mượn lời kinh khổ
Gánh sầu nhẹ nghiêng

Chìm cõi tịnh yên
Đêm dày phận mỏng
Hun hút bóng mình
Hư không trắng mộng

Mộng không- mộng không
Tan chảy giữa dòng
Trong vượn khổ luỵ
Hương trầm trổ bông …

@ **LÊ HỮU MINH TOÁN**

SCOTT S NGUYỄN

SCHOLASTIQUE MUKASONGA- Rwanda

SCOTT S NGUYỄN dịch, The New Yorker Magazine.

Scholastique Mukasonga Là nhà văn Pháp- Rwandan sanh năm 1956 tại tỉnh Gikongoro, Rwanda. Năm 2012, bà nhận các giải thưởng Renaudot cùng giải Ahmadou-Kourouma bởi quyển tiểu thuyết 'Our Lady of the Nile'. Ngoài ra còn được vào chung kết cho giải the International Dublin Literary Award và the Los Angeles Times Book Prize, năm 2014 S. Mukasonga nhận giải Seligman Prize nhờ sự chống đối tính cố chấp và phân biệt chủng tộc và năm 2015 nhận giải Société des gens de lettres. Hiện bà sống tại khu Lower Normandy, Pháp.

Tiểu thuyết và giải thưởng

2012: Notre-Dame du Nil, Gallimard xuất bản, ISBN 978-2286096137

• 2012: Prix Ahmadou-Kourouma, Prix Renaudot

• 2014: English translation by Melanie Mauthier, Our Lady of the Nile (Archipelago Books), ISBN 9780914671039

• 2022: Shortlisted for Republic of Consciousness Prize

2016: Cœur tambour (novel)

2020: Kibogo est monté au ciel

Truyện ngắn

2014: Ce que murmurent les collines [fr] (stories)

Hồi ký

2006: Inyenzi ou les cafards (memoir), Gallimard xuất bản.

• 2016: English translation by Jordan Stump, Cockroaches (Archipelago Books), ISBN 978-0-914671-53-4

2008: La femme aux pieds nus (memoir) — Dedicated to Mukasonga's mother, Stefania, Gallimard

• 2018: English translation by Jordan Stump, The Barefoot Woman (Archipelago Books, December 2018); finalist for the 2019 National Book Award for Translated Literature.

2010: L'Iguifou (memoir), Gallimard

• 2020: English translation by Jordan Stump, Igifu (Archipelago Books, September 2020)

Ngoài ra Mukasonga còn điểm sách và phê bình.

KHÚC TÌNH CA TRẠI CHĂN NUÔI

SCHOLASTIQUE MUKASONGA, The New Yorker, Nov 12, 2018

KHI LÊN BẢY tôi vô cùng hãnh diện tự xem như mình đã trưởng thành; vì biết cai quản được một bầy gia súc nhỏ. Cứ mỗi buổi sáng, khi Cha rời nhà để lo chăm sóc đàn bò trong chuồng lớn thì tôi cũng thức giấc, không như các anh thức dậy trước cha là điều vô cùng khó đối với lứa tuổi của tôi. Hình như Cha không bao giờ yên giấc, thấy lúc nào ông cũng như đang cảnh giác. Lúc nào ông cũng ở trong tư thế sẵn sàng nắm bắt những kẻ ăn trộm gia cầm, vì bắt trộm bò ngựa xảy ra thường xuyên tại Rwanda nầy. Người ta rất sợ trộm cướp nhưng nhiều lúc lại dễ dãi, hơn nữa chúng rất xảo quyệt. Nhiều khi chúng dùng thuốc xông khói cho mọi người đều ngủ mê rồi chúng phá rào, mở cửa chuồng, hoặc đánh bùa mê. Như những nhà phù thủy chuyên nghiệp, kẻ trộm không bao giờ để lại một dấu vết nào. Chúng rành những đường tắt dẫn bò xuyên qua nhiều cánh đầm lầy để đến Burundi, nơi nầy chúng bán những bò ăn cắp để mua bò khác. Tại Rwanda việc nầy phát triển rất nhanh, mà bạn

đừng hỏi—rất nguy hiểm!

Cha tôi cũng biết cách trừ bùa mê của những tên trộm, ông hay rải bùa trên những bụi keo dùng làm hàng rào bao quanh. Nhưng điều làm tôi lo sợ nhứt là Cha hay để những cây gậy và giáo mác gần trong tầm tay khi ông nằm ngủ. Một ngày kia, chắc mọi người đều cầm khí giới bước ra. Lúc mới đến những người nầy hay xem thường pháp luật nhưng lâu sau họ làm chúng tôi thật sự bẽ mặt. Cha tôi với cung tên đeo trên vai và cây giáo cầm sẵn trên tay, vì tôi xem thường lũ trộm cướp nên trên tay chỉ thủ nhiều vật dụng dùng chăn bò hằng ngày, cũng vì mê ngủ nên tôi không thức canh hằng đêm như Cha.

Đàn bò gặm cỏ ngoài đồng không cần đếm chỉ liếc qua Cha cũng biết bao nhiêu con. Đám cỏ bò ăn thường được Mẹ và chị tôi khoanh vùng từ ngày hôm trước, các anh thì bận lo lùa chúng ăn chung cùng đàn, với cái vỗ nhẹ, với ngọn roi khèo chúng cũng gom lại thành bầy, vì Cha không muốn thấy chúng chen lấn hay dùng sừng để húc nhau, thong thả từng con bước đi từ những con dễ dạy đến loại bất kham hay hiếu động; vì vậy chúng tôi phải mài không để sừng nhọn. Là chuyên nghiệp nên ông không sợ ngay nhiều con bò điên, ông chỉ ngại những con biếng ăn mất ngủ làm ông mất nhiều thì giờ phải chăm lo, vỗ về, kiểm soát tai, mắt, lưỡi, miệng, xem phân đặc lõng nhiều ít đến màu sắc để cho uống thuốc, cho ra đồng hay giữ lại chuồng; nếu ở lại chuồng thì cho ăn cỏ khô trộn với cỏ tươi.

Cha kêu: "Karekezi, con phải trông nom con Intamati,"

Tôi liền đến nó là con bò màu hung hung và những sợi lông đen cha tôi thường dặn vì nó là con bò cái còn tơ mạnh khỏe lại là đầu đàn, vì ông nghĩ nó là con vật sẽ đem vận may đến cho tôi. Tôi liền vỗ nhẹ vào cổ mà thì thầm: "Intamati, Intamati!" cầm nắm cỏ ướt tôi đập bớt bùn bắn tung toé rồi nhẹ nhàng chải trên bộ lông mượt mà, trong sáng của nàng. Nàng tỏ vẻ biết ơn nên tuông ra nước tiểu, thứ mà cha đang cần vì không phải chờ con bò cái tiểu tiện quá lâu, và ông cầm cái đuôi đưa lên phía trước. Đó là chuyện bình thường trong trại chăn nuôi, không ai để ý. Ở đây nước đái bò còn ấm vào buổi sáng dùng cho con nít uống trị sáng lãi.

Người anh tôi dùng dây quấn hàng rào vào một thân cây để cản lối ra vào, người khác lùa và thúc dục những con chậm rãi đi qua giữa hai cột bằng tre. Tôi theo sát con Intamati của tôi không cho những con bò khác húc sừng vào nàng, tôi chăm sóc với tất cả niềm kiêu hãnh vì đó là niềm vui cùng trách nhiệm.

Cách vài ba feet chúng tôi dùng cỏ tươi để đốt khói hầu xua đuổi những con ruồi bọ tuy đôi khi cũng làm con vật khó chịu. Và đây cũng là lúc chúng tôi tìm bắt các con ve con bọ chét chung quanh mắt quanh mũi, kéo đuôi lên để bắt những ký sinh trùng sinh bệnh. Nếu có vết thương cha sẽ dùng ruột cây chuối giả nhuyễn đắp vào. Nhưng vui thú nhứt là lúc chải lông và thì thầm những lời thân ái bên tai nó.

Sau đó, chúng tôi dẫn đàn bò ra cánh đồng vắng để chúng nhai gặm cỏ mà thơ thẩn nhìn trời đất.

*KHI MẶT TRỜI l*ên và bình minh ló dạng là giờ vắt sữa. Việc nầy thì có Mẹ và các chị tôi giúp, họ mang ra nhiều thùng đựng sữa làm bằng thân cây bông đỏ có nhánh phủ bóng rất đẹp xuống chuồng bò. Đứa nhỏ nhứt với cái thùng nhỏ ngồi bên bếp lửa. Giờ vắt sữa đây là phút bắt đầu trang trọng và trình tự của gia đình gần giống như lễ tụ hợp- Mass, mà cha tôi là người chủ lễ ông giao bò cho từng người bằng cách gọi tên như: "Songa! Songa!" thì chị Songa từ từ bước đến ông dặn vài câu thân ái rồi dẫn con Rutamu, con bò cái đang cho con bú nên khá khó khăn dẫn con bê đi với một bình sữa chị dẫn qua một chuồng nhỏ và để thùng sữa dưới các đầu vú, cho đến khi vắt xong chúng tôi trả bê lại cho bò mẹ. Cha là người vắt sữa chuyên nghiệp ông dùng chân kẹp thùng đựng sữa hai tay thoăng thoắt một chốc thấy đầy thùng.

Chúng tôi thường lấy sữa từ những con bò đang cho con bú vì sữa đặc và có nhiều mật, sữa nầy dành cho trẻ sơ sinh chỉ lược sơ rồi cho uống ngay. Vắt sữa người ta thường ngồi bệt— không ngồi xổm, đưa hai chân ra phía trước thẳng lưng, với chúng tôi sữa là nguồn dinh dưỡng tốt nhứt, thường thấy đứa trẻ uống một hơi dài cũng giống những bò con ngậm vú mẹ.

Sữa mới vắt chúng tôi thận trọng để trong thùng đậy nắp

kỹ để ruồi nhặn nhứt là chuột con nhảy vào, sữa là thức ăn là nguồn dinh dưỡng nên chúng tôi rất quí trọng.

Nếu người đàn ông trông nom đàn bò thì đàn bà phải chu toàn nguồn sữa, nhưng với tôi vừa giúp anh chăn bò vừa giúp mẹ làm nhiều món ăn từ sữa, vì buổi sáng thường chúng tôi không uống nên mẹ đổ vào một thùng lớn đến vài ngày mẹ trộn thêm sữa dê và chất chua dùng muỗng gỗ khuấy nhẹ có lớp kem đông lại nổi lên thì vớt qua thùng đánh kem, với tất cả thận trọng mẹ cho vào các bọc vải thưa óng ánh rất đẹp, phải chăng đó là món quà của Thượng đế? Mẹ nói không phải tất cả những khi làm được thành công đôi khi cũng thất bại vì nó không đông đặc, thấy mặt bà tỏ thất vọng, bà ngồi thắng dựa lưng vào tường bịch sữa còn nằm trên đuổi bà lắc qua lắc lại như đứa con nít, làm chúng tôi cũng đu đưa theo, chỉ cầu mong cho bịch sữa chóng trở thành cục cheese như mong ước.

VẮT SỮA XONG chúng tôi lùa bò ra đồng, lúc nầy chưa đến mùa gặt hái nên bò tha hồ gặm cỏ, nếu không có việc gì phải lo thì cha cùng đi với chúng tôi, ông là người khôn ngoan và nhớ tất cả các nhà và những gốc ngọn của các cánh đồng trên dãy đồi và tôi hay thấy ông chuyện trò với nhiều người về lai lịch của những miếng đất và sự chăn nuôi trên cánh đồng nầy. Nhưng đều tối quan trọng là họ khoanh vùng cho mỗi trại chỉ được cho súc vật ăn cỏ trên đồng cỏ nào và cho uống nước ở đâu, để tránh nhiều xung đột nếu có xảy ra.

Thật không may cho những trại chăn nuôi mà người đàn ông không biết giao dịch chỉ ở nhà với vợ—sẽ bị chê cười, vì người trụ cột trong gia đình phải đóng vai như một Bộ trưởng ngoại giao và chỉ huy như Cha từ việc sắp xếp trong gia đình và mua bán trao đổi gia súc.

Những đồng cỏ trải dài trên những ngọn đồi rất dốc nên rất khó làm các chuồng giữ bò, còn dưới đồng bằng thì ít cỏ và đất đều có chủ họ cất nhà hoặc trồng hoa màu. Vào mùa mưa—tại Rwanda mùa mưa thường không hạn định—người ta chỉ cất những nhà nhỏ và lưu động mang theo như chiếc dù, hay cái lều trú ẩn tạm thời của lính, bằng vật liệu nhẹ như lá chuối, cặp

chung quanh hang đá để chứa giấu những vũ khí như cung tên giáo mác và vài con bò bệnh.

Ngọn đồi đối diện bên kia đầm lầy có một bầy bò khác thường nghe tiếng họ cãi nhau đôi khi còn dùng khí giới nhưng họ cũng canh chừng đàn bò rất kỹ để bò không đi lạc hay ăn nhiều lá cây độc. Bổn phận tôi luôn canh chừng Intamati, mẹ làm cho cái túi nhỏ bằng lá chuối khô mang theo để đựng phân, nếu xanh tươi thì bò còn khỏe.

Lúc mặt trời lên cao nắng gắt thì bò con phải lùa vào bóng mát, con không được bú nên sữa mẹ lại tràn xuống đất thấy mà tiếc. Mỗi lần cho uống nước phải lùa xuống theo từng bầy, nên ở những đồi cao và dốc đứng người ta lấy nước đựng trong thùng rồi trộn thêm muối và tro đốt từ cỏ mịn.

Vì nước khan hiếm nhứt là mua xuân và trong ngày hạng hán, cũng may là những nguồn nước nằm ngay dưới chân đồi nên mỗi khi có người đến lấy thì chúng tôi sẽ báo động để kịp thời xua đuổi, vì mỗi mùa xuân nguồn nước được xem như tài sản quí giá đến nỗi phải cấm không cho nấu chín sợ bốc hơi. Và nước còn chữa bệnh và rửa sạch bùa chú còn tốt hơn các chai nước thánh.

Sau khi giải khát đàn bò được nằm nghỉ mát dưới những tàn cây cùng những người chăn bò ngồi tréo cẳng mà tĩnh dưỡng?

Đêm về khi lùa tất cả bò vào chuồng thì chúng tôi mở hội cùng nhau ca hát nhảy múa cùng trò chuyện. Nhiều khi chúng tôi còn gom nhiều đàn bò đi như cuộc diễn hành rước nhà vua. Đàn bà và con nít thì múa hát, đàn ông lo kiểm soát đàn bò của mình, việc thường kéo dài khá lâu nhưng không ai thấy mệt.

Nhiều người cảm thấy đói nhưng phải tiếp tục vắt sữa theo đúng lễ nghi như buổi sáng, sau đó mới un khói đốt bằng cỏ tươi, bò cũng được cho ăn bằng cỏ tươi rồi nằm nghỉ, và chúng tôi đứng nhìn qua cảnh chuồng. Đêm nay tôi mong mẹ sẽ mang lại đĩa đậu trộn với bơ vừa trở mùi đây là món chúng tôi ưa thích nhưng mẹ lại không cho ăn mỗi ngày, với chúng tôi sữa đặc là chất dinh dưỡng chống mệt mõi lại bổ. Vì buồn ngủ nên tôi nằm trên chiếc chiếu ngay tại cửa ra vào đánh một giấc tới sáng gần bên con bò mới sinh nên tôi lại thành người chăm sóc nó trước

tiên.

NHỮNG NGÀY KHÔNG đến trường, buổi sáng khi cha tôi, Kalisa, đi nhà thờ về ông nói: "Karekazi, con đã biết giữ bò rồi, đến đây ta sẽ dạy cách nuôi bò." Vì tại nhà không có bò nên ông hướng dẫn chỉ bằng tưởng tượng.

"Hãy theo ta," ông vừa nói và bước qua cây chuối thật cao trồng ở phía sau chuồng: "Hãy nhìn mẹ mầy chăn sóc cây chuối như ta lo cho đàn bò, trời đất! Bả tưới bằng bã đậu làm héo hết cỏ chung quanh—giống nuôi bò nhưng bả lại nuôi cây chuối!"

Bây giờ ông để tay lên cuộn dây ông mang theo, đứng thẳng người ông ốm mà hai chân lại khẳng khiu nhưng mỗi khi ông trụ lại thì rất vững chắc trong những lúc nhổ gốc cây thì cứng rắn và chuyên nghiệp như một nhà nông.

Khi phải đổi chỗ chúng tôi chạy quanh làng thì cha như không nhận thấy gì ngoài những bờ rào quanh nhà cùng những luống café, nên tôi phải kèm sát bên ông, để ông kịp thời truyền lại những gì ông suy nghĩ, ngay những lúc tôi đá quả bóng bằng lá chuối cuộn tròn với chúng bạn cha cũng gọi. Ngay khi gặp những cô gái bên hồ Cyohoha cha nói: "Hãy nhìn chúng nó, con hãy nhìn cái nón chúng đội trên đầu nó giống như bình chứa sữa, có thể dùng chứa nước. Thật xấu hổ, và không có sữa nào tốt bằng sữa vắt từ những con bò của chúng ta."

Nhà thờ cho chúng tôi nước suối lấy từ Rwakibirizi, theo truyền thuyết nước phun lên từ ngọn giáo của vua Ruganzu Ndori, với niềm tin nước nầy cũng tốt như nguồn sữa cho nên chúng tôi cũng uống theo đúng nghi thức: ngồi thẳng hai chân duỗi ra phía trước và nín thở uống từng giọt một. Theo cha thật bất kính khi thầy tế rót ra ly uống như bia, vì cha không bao giờ uống rượu chát. Theo cha thì nó vô bổ, còn mẹ thì cho là bất kính? Sau cùng thì hỏi chúng tôi tin thứ nào? cha thì biết tri ân còn mẹ thì trang trọng cả hai tay. Nếu làm được những bịch sữa tròn và phúng phính sẽ nhận phần thưởng từ Rwanda. Mẹ không cho uống nước hồ hoặc nước thánh từ Rwakibirizi nhưng mỗi lần cho nước vào bình bà ngâm nga câu thần chú như làm lễ giải tội.

Con đường vắng xuyên qua làng ngang qua nhiều túp lều

đưa đến lều của Nico-dème—Nicodème là lớp người hạ đẳng! Cha cố tránh nhưng vẫn thấy hắn hoặc sáng hoặc chiều. Thay vì nuôi bò hắn lại chăm sóc hai con dê của người Bagesera, nuôi dê là hắn kết thân với người Mugesera, chính xác là Sekaganda; họ chăm sóc và giúp hắn như cùng chung nòi giống, hãnh diện cùng gia tộc với Sekaganda nên họ tặng cho hai con dê rất tốt, nên buổi sáng và chiều Nicodème vắt sữa dê. Không có gì tủi nhục tại xứ nầy hơn sữa dê? Việc nầy là hạ tư cách của hắn rất nhiều, từ đó chúng tôi gọi hắn với tục danh là 'dê chúa' và những bầu hắn đựng sữa dê trở thành vô cùng ghê tởm và chán ghét, chúng tôi gọi là cái bầu dơ dáy mà lẫn tránh, và cho rằng nó sẽ đem lại nhiều điều xui xẻo đến đàn bò; cho nên từ đó chúng tôi không dùng loại bầu đó nữa, chúng tôi tính ban đêm lại đó phá bỏ tất cả điều xui xẻo; nhưng đó là phạm pháp, nên để mặc hắn, tránh xa không đụng tới. Tuy vậy cũng có vài người nhẹ dạ bênh vực hắn? Hắn có đứa con nhưng bệnh quanh năm nên ngại không cho uống sữa. Tại trung tâm trị bệnh Nyamata người ta nói sữa dê uống tốt cho trẻ con làm nhiều người đàn ông lo ngại vì sợ vợ mình mua sữa dê cho con uống, sợ bị bịnh chăng? Từ đó họ để Nicodème mặc xác cùng vài con dê và cảnh cáo không muốn nghe tiếng dê kêu trên cánh đồng, và cũng từ đó không ai chuyện trò với hắn.

TẬN CUỐI LÀNG trên con đường dẫn ra hồ Cyohoha có đường mòn dẫn đến khu lều của Rukorera, không thấy bụi café trước căn lều đổ nát nhưng phía sau bức tường đan bằng nhiều nhánh cây xiêu vẹo là một chuồng bò lớn. Rukorera bị dân làng trục xuất nên về đây tiếp tục nuôi bò. Có thời hắn từng là 'hoạt náo' của làng, hắn là xóm giềng mà sữa bò lại rất ngon, bò thì vặm vỡ nên chúng tôi tìm đến để kết thân.

Không ai quên được buổi sáng sớm hôm đó khi Rukorera dọn đến chúng tôi thức giấc vì nghe tiếng động khác lạ nhưng ngại bước ra nhìn, nhưng lại có mãnh lực không cản nỗi? Thật lạ. Hồn ma của một đồ tể đến gọi chọc ghẹo chúng ta? Hay của giặc cướp đến đùa giỡn vì chúng ta nghèo, ít bò. Mẹ nói với Kalisa: "Đừng ra, có thể đó là tiếng chân bò hay đế giày của giặc tàn

phá."

Cuối cùng thì chúng tôi cũng thận trọng bước ra núp mình dưới nhiều bụi café bên đường mòn. Chúng tôi mới biết là tiếng chân bò bước chậm, nghe tiếng người giữ bò kêu thì chúng quay lại. Những người đàn ông, theo sau là đàn bà và trẻ con chậm bước theo đàn bò hướng về khu đất trống ở tận cuối làng. Nhà mục nát chỉ còn mái tole chơ vơ trên vài tấm phên cùng dăm ba cây cột nghiêng ngã. Nhưng bình minh hôm sau, khi những con bò thảnh thơi nhai lại cỏ, bốn cậu thanh niên đi nhặc thân cây khô, người đàn ông đang quì gối và sắp xếp những dụng cụ, người đàn bà tháo những chiếu cỏ họ mang theo, cạnh bà là đứa bé đang ngủ say trên chiếc chiếu cũ.

Dân làng ngạc nhiên và tụm lại bên đường mòn, có người đàn ông bước ra tự giới thiệu: "Tôi là Rukorera, dọn đến từ Kibirizi, giống các bạn. Vì đường quá xa nên bò khát nước. Xin quí vị cho xin ít nước cho bò." "Nước cho bò uống, lẽ tất nhiên ở Tutsi nầy bò thì ưu tiên." Họ nói với cả lòng tương trợ.

Chúng tôi đón chào bằng cách cho bò uống thỏa thích, nhiều đứa trẻ trong làng mang nhiều thùng nước mưa dự trữ cho gia đình ông.

Rukorera quyết định ở lại cùng bầy bò và nói: "Cuối cùng, thì chúng ta cũng hiểu nhau, chúng ta cùng yêu thương bò."

Ông giải thích; trong cuộc tàn sát năm 1962, không hiểu tại sao bầy bò của ông còn sót lại nhưng chúng rất mệt nên cần tẩm bổ. Và ông tự nghĩ vận may chỉ đến một lần nên phải đưa gia đình và bầy bỏ ra đi trước khi bị giết, họ phải lội xuyên qua cái đầm lầy lớn dọc theo biên giới Burundi- Rwanda, cả gia đình sống sót là nhờ uống sữa bò, đến mùa mưa nước ngập đồng lầy, và ông nghe nhiều người khuyên hãy về Tutsi ở đó họ sẽ cho gia đình ông cùng bầy bò tỵ nạn.

Cả dân làng đều đón nhận Rukorera và nhứt là bầy bò với tất cả tình thân ái, nên chúng tôi giúp ông sửa lại túp lều cho vợ chồng và cô con gái, còn bốn thanh niên thì ngủ ngoài để giữ bò, nên phải làm gấp hàng rào. Khi họ nhận ra ông không có tên thánh nên không thể nhận lễ xưng tội, việc nầy không ai can thiệp được. Ngược lại chúng tôi chọn tặng ông tên của một trong

ba vị anh hùng có nhiều công trạng hiển hách đã chinh phục nhiều nơi: Rwasabahizi.

CẢ LÀNG NHƯ sống lại vì có thêm giai điệu của một bầy bò, một buổi sáng chúng tôi tìm đến trại để xem Rukorera vắt sữa, cùng cách un khói để xua đuổi ruồi nhặng, nhiều bà hỏi ông về cách giữ nước tiểu ấm lâu hơn cùng cách tẩy giun sáng trước khi cho trẻ con uống trị bệnh. Chúng tôi đi theo bầy bỏ đi xuyên qua làng và bàn luận và coi cách ông gom những bãi phân tươi. Trẻ con thì đùa giỡn với nhau vui như lễ hội. Cũng có người đến trao đổi nào đậu, nào khoai hay chuối để lấy sữa, nhưng chỉ có mươi con nên không thoả mãn cho dân cả làng nên chỉ dành ưu tiên cho những người mang thai và trẻ nhỏ. Ngoài ra chúng tôi còn khoanh vùng cho bầy bò của Rukorera gặm cỏ trên đồng cỏ nào? Ai cũng muốn bầy bò nầy bước qua đồng cỏ của mình để nhận lấy sữa và được vui sướng, cùng mang lại sự may mắn cho gia đình.

Vắt sữa buổi chiều còn đông người hơn đa phần là đàn bà cùng với trẻ con, nhiều người được mời đến vắt sữa còn đa phần chỉ đứng nhìn. Rukorera và các con đều là những người vắt sữa chuyên nghiệp, sẵn dịp họ cũng biểu diễn tài nghệ, nghe những tiếng vo ve một chốc thì thùng sữa lại đầy nên bà vợ phải mang đổi thùng mới—vì đây cũng là loại gia tài nên họ giữ kỹ và mang theo bên mình—cứ mỗi thùng đầy bà lại đưa cho từng người phụ nữ, thùng cuối cùng đưa cho con gái Rukorera. Xong họ cùng ngồi thẳng người hai chân duỗi thẳng phía trước và những thao tác hằng ngày để làm cho sữa đặc. Cuối cùng thì những bịch sữa đặc mới được mang về nhà nên mùi sữa chua không còn quyến rũ ai nữa.

Câu chuyện gia đình của Rukorera được coi như một huyền thoại dù chiến tranh tàn sát nhưng bầy bò vẫn còn y nguyên. Nhưng một hôm, người ta tụ tập đến để vắt sữa thì gia đình Rukorera đã biến mất, gia đình ông và bầy bò đã âm thầm ra đi trong đêm tối đó là sự thiệt hại lớn với chúng tôi nhưng không có nhiều ngạc nhiên. Chúng tôi hiểu vì ông lo sợ, sợ một ngày nào đó quân giặc kéo đến sẽ giết hết những con bò giết luôn

cả gia đình ông. Về sau chúng tôi được tin ông dẫn gia đình cùng bầy bò vượt biên giới qua tỵ nạn tại Burundi. Ông luôn là người được may mắn và gia đình ông đang chăm sóc đàn bò.

BƯỚC QUA KHU Rukorera ở cũ thì đường mòn không còn nữa nên phải chen chân trong bụi rậm đầy gai. Tay Kalisa đang lần chuỗi tràng hạt miệng khấn vái thì thầm đến mẹ Ave Maria nhưng trên vai lại mang đủ dụng cụ đi tìm dược thảo, vì hắn đã học khá lâu về cách nhai lá hoặc rễ cây để trị bệnh và phàn nàn: "Thật là khó tìm được một lá cây tươi ở nơi nầy, không giống như quê nhà trên Rwanda, ta phải hỏi Bagesera vì Tutsi là cứ địa của họ, nhưng họ lại không hiểu gì về thảo dược để điều trị cho bò."

Cha tức giận về cách Bagesera chữa trị đàn súc vật, ông rền rỉ: "Thật tội nghiệp cho đàn bò, bây giờ chúng chỉ còn da bọc xương cùng với nhiều loại bệnh, cũng vì theo cách chữa trị của Bagesera, cho nên bây giờ ta mới hiểu nhà Vua ra tay trừng trị nhiều kẻ vô dụng: chỉ còn cách là loại trừ hắn, vì Bagesera không điều trị được bệnh của bò, hắn gom bò cùng dê và những con vật khác ngay đến dùng roi vọt. Đáng lý hắn phải gọi tên từng con bò rồi vỗ về rồi thì thầm bên tai, nói lời cầu nguyện, rồi nhẹ nhàng vuốt lông bằng những cánh hoa màu sắc rất đẹp, đến khi tiếp cận với bò thì đừng ngại mà mặc như những đứa trẻ da trắng quần tây ngắn, đi nón chóp và thắt bím dưới chân. Cho nên không lạ gì thấy bò của họ không cho nhiều sữa và họ cũng chẳng được hưởng những giai điệu của gia cầm.

Kalisa học được nhiều đặc điểm từ Bagesera, ở xứ hạng hán nầy ông biết đóng những cái máng nước và đặt đúng chỗ và nhứt là điều chỉnh không cho nước tràn, ông nhúng chuỗi tràng hạt và máng và miệng cậu nguyện đức mẹ đồng trinh trợ giúp đàn bò.

Vào thời điểm chúng tôi phải lùa đàn bò xuống dốc để chuyển qua một đầm lầy, mặt đất nơi nầy luôn ẩm ướt ngay trong những mùa khô nắng hạn. Vì có chuẩn bị nên Kalisa biết rất rõ địa thế nơi nào có vũng nước nên nó nói: "Địa thế nơi nầy rất tốt để chăm sóc bò, vừa có nước và bãi cỏ rậm rạp, nếu cần ta

sẽ đóng thêm nhiều máng nước. Đừng nói với ai, chỉ trừ mẹ cậu vì bà đã biết nơi nầy khi bả mang dĩa đậu và khoai đến. Dành nơi nầy chỉ cho chúng ta. Karekezi ạ, ta coi cậu như con, đây là điều bí mật chúng ta phải giữ kín. Khi đàn bò đủ sức đến từ Rwanda ta sẽ nuôi chúng nó ở đây vì đồng cỏ quá tốt. Dù phải di chuyển khó khăn trên quãng đường dài, khi đến đây chúng thuộc vào Tutsi, đàn bò thân yêu của chúng ta. Tôi tưởng như chúng ở đây mà còn thuộc tất cả các tên như Kirezi, Kagaru, như Ndori, như Rugina và vân vân... Khi đàn bò trở lại, sẽ là lúc hướng tới Rwanda."

Cha thì có chuẩn bị để đối phó với đàn bò tưởng tượng nầy đang gặm cỏ. Hằng ngày ông đi cắt nhiều nhánh cây để làm khí giới và ông khuyên: "Cần làm thêm dự trữ vì loại khí giới nầy rất dễ hư." Nên ông thường vót và mài đầu cho thật nhọn. Mẹ tôi thì liên tục là những cái nắp đậy bình bằng những lá chuối khô vàng óng ánh, đậy lên nhiều lớp mà không cho ai rờ đến.

Buổi trưa nắng nóng chúng tôi kéo về lều và mang theo những con bê mới sinh, và mẹ nó: "Hãy nhóm lửa vì đậu khô phải nấu rất lâu." Phần tôi thì ngồi dưới bụi cây học bài, không đến trường nên phải mượn bài của bạn. Lúc nầy thì cha thường vắng nhà ông thường đến Nyamata vì công việc hay trao đổi với bạn bè cùng chòm xóm về những kinh nghiệm nuôi giữ và vắt sữa bò.

Màn đêm buông xuống, những người đàn ông ngồi quanh dưới tàn cây ficus cao có lá thật lớn để trao đổi kinh nghiệm và chuẩn bị đối phó với những gì sắp xảy ra để tìm cách đối phó đến mệt và ngủ thảnh thức để canh chừng bò. Mọi người như lúc nào cũng có sẵn đề tài để nói, nói về những con bò họ đã bán hoặc đến con bò họ sẽ mua sở hữu vào một dịp nào đó, hồi tưởng lại con bò họ đã dâng hiến cho quan, cho vua.. về màu sắc, sừng dài hay vài nét đẹp nào đó. Trước khi ngủ họ còn hát vinh danh như loại kinh cầu mà tôi còn nhớ mãi đến hôm nay.

*GIỐNG NHƯ HẦU h*ết người sống tại Tutsi, Rwanda vì chiến tranh tàn phá nên tôi phải rời bỏ quê cha. Vì tình trạng

không còn tổ quốc nên tôi phải tận tâm lo học, vì sự giúp đỡ của Cao ủy tỵ nạn với hy vọng sẽ tìm được việc làm nên tôi càng cố gắng, cuối cùng với đủ bằng cấp nên tôi được dạy nghề tại Cộng hòa Djibouti, nơi có nhiều bãi đá lởm chởm nên họ chỉ nuôi lạc đà, thấy vài con bò khoang thai gặm cỏ chỉ ở trong tranh. Nhiều lúc tôi bật khóc vì cảnh tương tàn đổ nát mới hiểu được rằng việc rời bỏ quê cha là trên đường bước dần đến cửa địa ngục. Ngày tháng quay cuồn, nhận được số lương đầu tiên tôi liền gởi về tặng cha, hôm nhận thư trả lời tôi mới biết cha dùng tiền nầy để mua con bò.

Cha mẹ gia đình tôi cùng nhiều người Tutsi, Nyamata tránh được nạn diệt chủng. Và tôi cũng không biết Kalisa đặt tên cho những con bò của ông và tôi cũng không biết ông may mắn còn sống sót hay đã bị giết.

Tôi trở về Rwanda không mang theo bò, hy vọng không làm cha tôi giận vì ông hiểu rõ ở cái xứ có nhiều tàn sát nầy. Hiện tôi sống tại Kigali, gần bên Nyamirambo, tôi dạy tại một Đại học tư, có vợ là một quả phụ vì chồng bị giết trong nạn diệt chủng nhưng hai con vẫn sống. Khi con trai chúng tôi chào đời nó có ngay người chị và người anh. Thỉnh thoảng tôi uống bia với người hàng xóm và cũng là một bạn thân. Tôi hay nằm mơ thấy vua Gihanga huyền thoại ông luôn hỏi tôi chỉ một câu: "Ê, mầy ở Tutsi, thế ai coi đàn bò?" Nhưng tôi thường xoay mặt làm như không nghe.

SCHOLASTIQUE MUKASONGA

SCOTT S NGUYỄN,
dịch từ 'The New Yorker' (Trích 'Tuyển Tập Truyện Ngắn Quốc Tế')

NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM

DUYÊN (1)

Gởi:

- cô Chơn Huệ Bảo
- Cháu Luna

Trong cuộc sống này, ta gặp nhau, yêu thương, thành vợ thành chồng…
Bởi vì ta có một mối nhân duyên.”

…

“Chuyện xưa: ‘Cái cò lặn lội bờ sông.’
Chưa chắc bằng em - ngược dòng thác lũ.
Lấy chồng tàn binh, duyên tình may rủi.
Lời khen chê, an ủi…chẳng cần đâu.
Cuộc đổi thay như sấm nổ ngang đầu.
Em vẫn thế, nghĩa là em đã thắng.
Anh vào trại em cũng rời bục giảng,
Làm mụ nhà quê chân yếu tay mềm,
Nặng nhọc trăm bề trút xuống một thân em,
Như ngọn liễu xoay mình trong mưa bão.
Rời bục giảng! Em vẫn là cô giáo,
Dạy bài học kiên trinh, dầu núi lở non mòn…”

Lam Điền Nguyên Thử (2)

Thời gian đơn vị tiểu đoàn 132 ĐP, Nguyễn Hữu Thử phục vụ, đóng quân tại chi khu Tiên Phước, Thử thường ra nhà bà Thu dưới chân đồi Tư Thất, ăn cơm tháng cùng với một số sĩ quan nữa và một cô giáo trẻ tên Minh Nguyệt đang dạy trường

trung học gần đó. Thường ngày Minh Nguyệt chỉ ăn một bữa cơm trưa ở đây.

Không biết bằng cách nào, Thử làm quen được cô giáo. Có thể do giữa người với người luôn hiện hữu một mối nhân duyên từ kiếp trước mà hai người cảm tình nhau không chừng. Ban đầu mỗi khi gặp nhau, họ chỉ trao đổi ba điều bốn chuyện cho vui, chẳng có ý nào khác. Minh Nguyệt là giáo sư từng dạy môn văn của trường, còn Thử thì có năng khiếu văn thơ ngay từ khi rất trẻ, đã có thơ văn đăng báo trong lúc ngồi ở ghế học sinh trung học, và cũng là một trong số SVSQ khóa Nguyễn Trãi 2 quân trường chính trị Đà Lạt, có thơ trong "Lời Ru Tình", tuyển tập thi phẩm duy nhất của khoá. Thử lại biết đàn hát nghe cũng lọt tai. Thế nên có thể đôi tâm hồn đồng điệu là cái nhân để hai người có duyên gặp nhau là lẽ thường.

Cứ mỗi buổi trưa, Minh Nguyệt đến nhà bà Thu ăn cơm. Lúc nào bà cũng dọn cho Thử và cô giáo ngồi riêng một bàn, ăn chung một mâm. Có hôm Minh Nguyệt đến trể, Thử ngồi ở đó chờ, và ngược lại, hôm nào Thử đến muộn, bà Thu nói với Minh Nguyệt:

"Xin cô thông cảm, chờ một lát, khi ảnh đến tôi dọn hai người ăn một lần, thế là tiện cho tôi."

Vì vậy, hai người thường có dịp cận kề chuyện vãn, dần dà thấy hợp và mến nhau hơn.

Trong thời gian này, đơn vị Thử đang nghỉ dưỡng quân nên Thử có nhiều lúc rảnh rỗi. Trái lại, cô giáo ngoài việc dạy trường trung học công lập của quận còn dạy thêm các trường tư thục như Bồ Đề, Tin Lành nên khá bận bịu. Một hôm cô dạy suốt buổi sáng, sau khi cơm trưa xong, thay vì ngồi nán lại nói chuyện lâu dài như thường khi, cô vào phòng trong nghỉ trưa để buổi chiều lại tiếp tục các môn dạy. Ở ngoài, Thử ngồi đăm chiêu một đỗi. Sẵn cây đàn guitar bên cạnh, Thử cầm lên, ôm đàn, tay lướt phiếm, vừa đệm đàn vừa hát:

…
“Ta gặp nhau, yêu chẳng hạn kỳ
Mây ngàn gió núi đọng trên mi
Áo bay mở khép niềm tâm sự
Hò hẹn lâu rồi, em nói đi
…
Gió ơi gởi gió lời tâm niệm
Và nguyện muôn chiều ta có nhau
Và nguyện muôn chiều ta có nhau.”(3)

Giọng Thử hát chẳng hay là bao, nhưng trầm lắng như chứa chan một trời tâm sự, như một lời tỏ tình thắm thiết gởi về người mình hằng yêu dấu, nên xui khiến cô giáo mềm lòng, nghe tim mình đập loạn. “Lẽ nào ta đã yêu anh rồi chăng!” Minh Nguyệt thầm nhủ.

Năm 1972 cọng sản đánh chiếm quận Tiên Phước. Sau đó đơn vị Thử cùng các đơn vị của tiểu đoàn 77 BĐQ biên phòng, sư đoàn 2 BB…đánh chiếm lại quận. Khi an ninh được tái lập thì trường trung học mở cửa, nhưng không đủ giáo sư giảng dạy vì trong trận chiến vừa qua họ đã chạy lánh nạn tứ tán, nay một số chưa kịp về trường. Dịp này, Thử được đơn vị trưởng cấp sự vụ lệnh đi công tác dân sự vụ, đến trường dạy thế cho các giáo sư vắng mặt. Thử làm nghề thầy giáo tạm, không ngờ lại được học sinh nể phục. chúng thích nhất những giờ Thử dạy môn văn, cả lớp yên lặng lắng nghe “thầy quan một” giảng bài thật dễ hiểu và văn vẻ lưu loát. Đây là thời gian, cô giáo Minh Nguyệt và Thử càng thêm gần gũi, và là lúc tình yêu hai người càng thêm đằm thắm.

Nhưng rồi thời gian gần nhau cũng chẳng được bao lâu. Sau khi xong công tác dân sự vụ ở trường trung học, Thử lại lên đường cùng đơn vị hành quân nhiều nơi; khi lên tận những quận miền núi giáp Trường Sơn như Quế Sơn, Hiệp Đức, Hiên, Giằng; lúc về đồng bằng như Hương An, Thăng Bình… Mặc dầu xa cách nhớ thương nhưng chẳng thể nào gặp mặt, nên hai người chỉ còn biết ngóng chờ thư nhau. Thử trông trung đội hậu cứ

chở quân tiếp vụ, thực phẩm tới đơn vị cung cấp, thế nào Thử cũng nhận được ít nhất vài ba lá thư của Minh Nguyệt. Còn cô giáo thì ngóng đợi người phát thơ đến nhà là được đọc thơ người yêu. Chính nhờ những lá thư viết gởi cho nhau, hai người mới dễ dàng tỏ bày được mối chân tình.

Những khi Thử cùng đơn vị về chốt giữ ở các tiền đồn như Suối Đá, Dương Ươi, Cầu Vôi, v.v., Minh Nguyệt không ngại đường sá nguy nan lên thăm Thử. Còn những lúc Thử có mấy ngày phép ít ỏi thường niên, bạn liền lên quê Hội Lâm thăm Minh Nguyệt, rủ nhau đi hái thanh trà, đi ăn trái lòn bon, dâu đất, hay đi dạo chơi thắng cảnh Lò Thung. Nhớ nhất là những lần hẹn gặp nhau ở phố thị với những tối rong chơi, đi xem phim, đi ăn kem…Thế rồi thời gian nghỉ phép qua nhanh, hai người phải từ giã để Thử trở về đơn vị.

Chiến tranh càng ngày càng ác liệt, Thử đi hành quân liên miên. Thời buổi này, bộ đội cọng sản Bắc Việt được các cường quốc cọng sản như Liên xô, Trung Cọng,…giúp đỡ đến cùng, đã đổ quân nhiều nơi trên lãnh thổ miền Nam; thế nên có lắm trận đánh thư hùng, những cuộc tàn sát xảy ra thường xuyên… Trong lúc trận chiến đang dầu sôi lửa bỏng thì Mỹ cắt toàn bộ viện trợ cho VNCH, rút hết quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam, để mặc đồng minh VNCH của họ đơn phương chống trả lại sức mạnh của cả khối cọng sản thế giới.

"Ngày 11 tháng 4 năm 1975, tại điện Capitol Hill, quốc hội Hoa Kỳ tuyên bố chính thức bỏ rơi VNCH, và vội kết thúc một trang sử Hoa Kỳ." Vì thế miền Nam chúng ta dù có chiến đấu quyết liệt đến đâu cũng phải bó tay, đành thua cuộc.

Trong cuộc chiến ý thức hệ tư bản-cọng sản vừa qua, cọng sản miền Bắc thắng cuộc, dân miền Nam mất nước. Thử, người lính Cọng Hòa, phải chịu cảnh lao tù qua nhiều trại giam như Hòa Cầm, Kỳ Sơn, Tiên Lãnh. Trong lúc này, cha mẹ Thử đã già yếu lại gặp phải cảnh đơn chiếc, họ như ngọn đèn dầu

treo trước gió… Ông bà lại biết con trai mình và Minh Nguyệt thương yêu nhau từ lâu, nên bàn tính xin được tổ chức lễ thành hôn đơn giản để Minh Nguyệt và Thử thành vợ thành chồng, được như vậy hai người mới yên lònglúc tuổi về chiều.

Vào một ngày trong năm 1975, đám cưới được tổ chức hết sức đơn giản, đặc biệt Thử đang ở trong tù, nên vắng mặt chàng rễ. Đại diện nhà trai chỉ có mấy người đáp xe đò, đem lễ vật đến gia đình nhà gái xin làm lễ rước dâu. Minh Nguyệt chẳng được mặc áo cưới, đội khăn vành, chẳng lên xe hoa… mà chỉ mặc y phục đơn sơ theo họ nhà trai về làm dâu cha mẹ Thử. Sau ngày cưới không lâu, cô giáo Minh Nguyệt bị chính quyền cọng sản cho nghỉ dạy vì có chồng là "ngụy quân" của chế độ Sài Gòn. Từ đó cô thay Thử chăm sóc cha mẹ chồng. Mọi công việc trong nhà, ngoài đồng ruộng, đều do một mình cô gánh vác. Trước đây vốn là cô giáo trung học thư thái, bỗng nhiên trở thành kẻ lâm cảnh eo sèo khốn khó. Minh Nguyệt vừa lo toan cho cả cha mẹ chồng lẫn đỡ đần bên nhà mẹ ruột, rồi còn phải vất vả làm lụng để có tiền đi thăm nuôi chồng ở trại tù cọng sản, nên cô phải chạy đôn chạy đáo như thoi đưa. Hơn năm năm chịu cảnh tù đày, Thử mới được ra khỏi trại giam, về lại đoàn tụ với gia đình, cùng Minh Nguyệt san sẻ bao khó khăn nhọc nhằn mà trước đây chỉ một thân một mình cô đảm đang trong suốt thời gian dài chồng vắng nhà.

***

Ở đời, vạn sự tùy duyên mà có. Riêng bạn Thử đã từng có duyên với Phật.

Lúc Đơn vị của Thử đóng ở tiền đồn Cầu Vôi, một lần Thử dẫn một toán quân đi kích đêm ở khu vực thuộc địa danh Cây Cốc, quận Tiên Phước. Lúc băng qua một vùng thanh vắng có cây cối rậm rạp thì trên trời có mấy trái đèn dù cháy sáng. Thử chợt nhìn trong một bụi cây có vật gì phát sáng, nhưng khi quan sát kỹ, thấy chẳng hề động tĩnh. Khi xong đêm đi kích trở về đồn, tâm trí Thử cứ băn khoăn suy nghĩ mãi về vật sáng trong

bụi. Ngày sau, Thử cùng mấy người lính đến đó xem hư thực thế nào. Thì ra giữa bụi cây là một pho tượng Phật ngồi, hầu như còn nguyên vẹn, chỉ trừ ở đùi phải tượng có một vết sướt dài, giống như dấu của một viên đạn bắn chợt qua.

Vài hôm sau, Thử có hỏi thăm người dân địa phương. Họ cho biết, ở nơi ấy, trước kia có một ngôi chùa nhỏ, nhưng vì tọa lạc trong vùng chiến trận xảy ra thường trực nên bị hư rụi đã khá lâu. Nghe thấy vậy, Thử đem việc này nói chuyện với đại úy tiểu đoàn trưởng, rồi cho phát quang bụi cây và cho dựng một cái nhà rội nhỏ, mái lợp tranh để tạm che chắn cho pho tượng. Sau đó, Thử có dự tính họp bàn với đơn vị trưởng, anh em trong tiểu đoàn, xin phép chính quyền và nỗ lực vận động dân chúng địa phương đóng góp, hòng xây dựng lại ngôi chùa bị tàn phá. Nhưng thật đáng tiếc, dự tính chưa kịp thực hiện thì Thử có sự vụ lệnh thuyên chuyển về phục vụ tại một đơn vị khác. Tiếp đến tháng tư năm 75, cọng sản thôn tính Miền Nam, VNCH cáo chung, Thử đi tù dài hạn. Khi ra tù, Thử lại phải cùng gia đình đi vùng kinh tế mới, rồi đi định cư ở Mỹ. Và thế là ngôi chùa vẫn chưa thể xây cất được.

Trong suốt những năm đầu Thử sống ở Mỹ, nỗi ưu tư về ngôi chùa chưa được xây dựng lại cứ đeo đẳng mãi. Có một hôm, Thử nằm thao thức, tới già nửa đêm giấc ngủ mới đến chập chờn. Bạn thấy lung linh một ngôi chùa khang trang được xây trên một vùng đất cao, chung quanh có vườn cây xanh tươi, tĩnh lặng. Khi thức giấc, Thử mới biết mình chỉ nằm mơ, mộng mị. Ước muốn xây lại ngôi chùa rụi ở quê nhà lại trở về, làm tâm trí bạn thêm lo buồn. Như một phản xạ, Thử vội đứng dậy, đi lấy giấy bút ngồi viết nhanh một mạch câu chuyện "Ngôi Chùa Chưa Được Đặt Tên." Bài viết này sau đócó đăng trên đặc san của một ngôi chùa ở tiểu bang North Carolina; bà con phật tử đọc xong, ai nấy đều xúc động. Nhiều người tự nguyện quyên góp được một số tiền đô la khấm khá, gởi về quê giúp, đóng góp cùng với những người phật tử địa phương xây cất lại chùa. Cuối

cùng ngôi chùa rồi cũng hoàn tất và được đặt tên là Chùa Thọ Quang.

* * *

Ta gặp bất cứ người nào, dù thân hay sơ, dù một giây phút hay cả đời, cũng đều do duyên định cả. Tôi với Thử, bạn bè có những lần hội ngộ vui buồn lẫn lộn.

Nhớ lại, trong một chuyến tôi đáp xe bus xuyên bang xuống miền Đông Nam nước Mỹ, thăm gia đình bà mẹ nuôi ở tiểu bang Mississippi. Trong lúc trở về, tôi cắt đường để rẽ vào thăm vợ chồng Thử. Tôi gọi taxi chở đến nhà. Khi vừa bước xuống sân, đã thấy Minh Nguyệt đứng sẵn đó. Cô chấp hai tay, miệng cười vui vẻ:

"Mô Phật! Mời anh vào nhà, anh Thử có ở trỏng."

Nói xong, cô đi đến chỗ người tài xế taxi, cô lại chấp tay và nói:

"Xin cảm ơn anh."

Khi tôi vào nhà, Thử đang đứng nơi phòng khách. Gặp nhau, nhìn Thử vẫn như ngày nào, nhất là hai mắt bạn vẫn còn tinh anh với cái nhìn xa xăm; và mặc dù sống lâu ở Mỹ nhưng bạn vẫn gầy ốm như xưa. Thấy tôi, Thử hỏi:

"H. đó hả! Bạn đi xe đường dài có mệt, vào phòng nằm nghỉ một lát, khỏe rồi nói chuyện sau, chẳng muộn."

Tôi nói:

"Ngồi xe chạy highway êm ru, tha hồ ngắm cảnh, ngắm đã thì ngã người trên ghế, ngủ thẳng giấc, thức dậy, xe ghé vào khu nghỉ ngơi, ăn uống no nê rồi mới tiếp tục hành trình. Thế

nên tau chẳng mệt nhọc chi cả."

Hai đứa đang chuyện trò, thấy Minh Nguyệt bưng tới một tô mì, cô nói:

"Gia đình vừa ăn sáng xong, để tôi còn phải đi làm. Biết anh hôm nay sớm muộn gì cũng vào thăm anh Thử, nên để phần tô mì, anh ăn thử mì Quảng nhà tôi tự nấu lấy."

Nghe nói đến mì Quảng, tôi nói liền:

"Cảm ơn cô. Chi chứ mì Quảng thì đâu từ chối, mà lại mì Quảng do nhà đây nấu, tôi đã từng ăn, biết là ngon, đúng với hương vị mì xứ Quảng quê mình ngày xưa.

Sau khi bà xã Thử lái xe đi làm, tôi ngồi ăn hết tô mì, rồi hai đứa vừa ngồi nhâm nhi ly trà lipton nóng hổi vừa nói ba điều bốn chuyện, nào là những kỷ niệm xưa, ngày tốt nghiệp trường sĩ quan Đà Lạt, mấy ngày đi tham quan thủ đô Sài Gòn, khi gặp nhau ở Tiên Phước, bao năm thất bát xang bang sau khi ra khỏi trại tù cọng sản, những trôi nổi khi trong đơn vị quân đội VNCH… Cả hai chuyện trò bắt cầu bắt nẻo, nhớ gì nói nấy, thế mà rất tự nhiên bộc bạch thiệt thà hết sức – khi vui lúc buồn, khi bung ra những tiếng cười dòn tan, lúc lặng câm cuối đầu nghe mình rưng rứt nỗi ê chề. Chúng tôi như sống lại những cảnh cũ người xưa, những cảnh đời xuôi ngược, những bước chân phiêu bạt của những thằng con trai dấng thân trong thời tao loạn xào xáo. Chuyện cũ người xưa dù có kể đến bao lâu cũng không hết việc. Nếu chúng tôi bỗng nhiên may mắn được biến hóa người mình thành văn nghệ sĩ, có khả năng chắt chiu phơi bày nội tâm, tâm cảnh, cảnh đời từng trải qua, chắc hẳn mỗi chúng tôi sẽ viết nên những pho tiểu thuyết tầm cỡ, dựng thành những cuốn phim đời mình gây cảm hoài biết bao trái tim nhân loại…

Trong khi chuyện trò, tôi có đề cập về đời sống gia đình, Thử nói:

"Hiện giờ tau và bà xã đi làm hãng, các con đều học hành khá. Vào cuối tuần vợ chồng tau đi chùa thắp hương đọc kinh đều đặn, đầu tháng và giữa tháng thì giữ lệ ăn uống chay tịnh. Lúc này tau đang tìm hiểu thêm triết lý nhà Phật như đọc bộ "trí tuệ bát nhã"… Nói chung gia đình tau mọi việc đâu vào đấy, đã ổn định."

Khi tôi sắp sửa ra bến xe bus xuyên bang để đón xe về New York, Thử dẫn tôi đi xem cảnh quan nhà bạn. Lúc ra sân sau, đi đến một cây thân mảnh, một mình đứng vươn giữa thảm cỏ xanh, Thử nói:

"Đây là một loại dogwood tau rất yêu thích nên kiếm đem về trồng."

Tôi hỏi:

"Thứ cây nầy có đến mười mấy loại. Thế cây của mầy có tên gì?"

Thử tỏ ra sành điệu:

"Đây là loại dogwood Cornus Florida rất đặc biệt, nở hoa màu hồng vào cuối mùa Đông hay đầu mùa Xuân, mùa Hè thì tàn lá xanh tươi mát mắt, khi đến cuối Hè lá chuyển sang màu đỏ sẩm, và có trái mọng nước màu đỏ tươi, mời gọi các loại chim về chuyền cành ca hót…"

Nghe Thử ca ngợi cây kiểng của nó, tôi chặt lưỡi khen:

"Nghe mầy nói, đã thích thú rồi. Huống chi, khi thấy hoa nở nghe chim hót thì biết tuyệt vời đến mức nào!"

Thử vui vẻ:

"Tau hy vọng, sang năm mầy có dịp xuống đây, thưởng

ngoạn Cornus Florida của tau nở bông mùa đầu.”

Tôi nói:

“Đời người là vô thường, biết đâu mà lường…”

Hai đứa cùng im lặng.

…

Một năm sau, tôi điện thoại thăm Thử, có hỏi:

“Dogwood của mầy nở bông chưa?”

Thử nói:

“Tau trông hoài mà chưa thấy.”

Không lâu sau, tôi nghe tin Thử đau nặng, tôi lại điện thoại thăm hỏi bệnh tình mà chẳng dám hỏi han về bông hoa chi cả.

Gần ba năm sau ngày Thử mất, có lần tôi gọi điện thoại thăm cô Chơn Huệ Bảo tức cô giáo Minh Nguyệt ngày xưa, tôi lại hỏi:

“Cây dogwood trồng ở sân sau nhà cô, nay có lẽ lớn lắm và chắc đã nở được mấy mùa bông?”

Cô nói:

“Thời gian sau này, chúng tôi dọn đến ở luôn nhà con gái, còn ngôi nhà của vợ chồng tôi thì để cho người khác thuê. Tôi lại ít khi về thăm, nên không rõ cây đã ra hoa chưa.”

Nghe vậy, tôi không dám nói gì thêm về cây dogwood mà bạn tôi rất yêu thích, sợ cô Chơn Huệ Bảo buồn.

***

“Như mây trời đất bơ vơ

Như bâng khuâng giữa đôi bờ tử sinh
Như Em đau xót chuyện tình
Như tôi thầm lặng lời kinh đến gần…"(4)

Vợ chồng Thử và các con vốn là những Phật tử thuận thành, đã được thầy Thích Thanh Từ làm lễ quy y Tam Bảo, giữ năm giới nhà Phật. Thử có pháp danh Chánh Minh Nghiêm, còn Minh Nguyệt là Chơn Huệ Bảo…

Việc tu tập đang hạnh thông, đột nhiên Thử lâm phải bệnh nan y. Trong lúc đang chữa bệnh, bạn Thử xin thầy Thích Phước Tịnh là đệ tử của thầy Thích Thanh Từ, làm lễ phát tâm xuất gia gieo duyên, tức chỉ cắt một ít tóc để gieo nhân duyên xuất gia với Phật, ở thiền tự Huệ Đăng thuộc tiểu bang South Carolina. Sau đó, mặc dù chạy chữa bằng phương pháp tây y, đông y…nhưng bệnh bạn vẫn không thuyên giảm mà ngày càng nặng thêm. Thử lại muốn mời thầy Phước Tịnh làm lễ xuống tóc, xuất gia chính thức. Lúc đó nhằm vào cuối tháng mười năm 2013, thầy đang bận chủ trì một khóa tu tập ở tiểu bang Texas, và thầy hẹn vào thời gian tới thầy sẽ đến Virginia để chủ trì một khóa tu nữa, nên vào ngày một tháng mười một thầy mới có thể đến nhà làm lễ xuất gia cho Thử. Thế là cháu Luna, con gái của Thử, mua vé máy bay gởi đến thầy. Thử nằm trên giường bệnh vẫn luôntrông chờ ngày thầy đến làm lễ. Khi cháu Luna cho biết ngày hẹn của thầy. Thử nói: "Sao lâu thế." Nghe vậy, cô Minh Nguyệt khẩn khoản nói với chồng: "Chẳng còn bao lăm ngày nữa, thầy sẽ tới nhà làm lễ. Cố gắng chờ nghe anh!"

Bạn Thử đã cố gắng chờ, được vừa đến ngày hẹn thì bệnh Thử lại trở quá nặng. Cả nhà rất đau buồn, phần thì lo lắng, chẳng biết thầy có đến kịp không nên cô Minh Nguyệt lại năn nỉ chồng:

"Anh gắng chờ ít giờ nữa, thầy sẽ đến nhà vào chiều nay."

Hình như bạn lượng biết cả lúc mình sẽ qua đời, nên nói

với vợ:

"Không kịp rồi!"

Quả vậy, bạn ra đi vào buổi sáng lúc 9 giờ 37 phút. Đến 3 giờ chiều cùng ngày, thầy Phước Tịnh, có thầy Quãng Phú đi theo, mới tới nhà. Luna khóc nói: "thầy đến trể rồi".Thầy Phước Tịnh ôn tồn trả lời: "chưa trể đâu con, vì tâm thức của ba con vẫn còn ở đây. Mình vẫn có thể làm lễ cho Ba." Thế rồi hai thầy liền cử hành ngay lễ xuất gia cho Chánh Minh Nghiêm và đặt thêm pháp hiệu cho bạn là Ngộ Tánh. Thể Theo nghi thức làm lễ, thầy vẫn xuống tóc cho Thử, nhưng vì không muốn quá tác động tới tư thế nằm của bạn nên chỉ cạo nửa đầu phía trước mà không cạo phía sau. Lúc này Minh Nguyệt mới chợt nhớ ra một giấc mơ mà Thử đã từng kể cho cô nghe mấy năm trước đó, rằng "anh nằm chiêm bao thấy mình xuống tóc xuất gia, mà không hiểu sao chỉ cạo nửa cái đầu." Khi đó Minh Nguyệt cũng không hiểu ý nghĩa giấc mơ, nhưng đến hôm nay – khi Thử được xuống tóc nửa đầu thật sự – thì mọi người trong nhà mới hiểu rằng việc ra đi của Thử và việc xuất gia trong tình huống đặt biệt như bây giờ là một nhân duyên dường như đã được sắp đặt sẵn chứ chẳng phải chuyện ngẫu nhiên.

Thế là, cuối cùng giác linh của bạn tôi, tức là phật tử Chánh Minh Nghiêm, được thanh thỏa ước nguyện như trong lúc còn tại thế.

Sau khi làm lễ chay tịnh 49 ngày cho chồng, cô Minh Nguyệt xuống tóc xuất gia, nguyện nương náu chốn thiền môn nhà Phật. Minh Nguyệt xưa kia là cô giáo mẫu mực và là người vợ hiền thục, ngày nay là ni cô đức độ Chơn Huệ Bảo là thế.

Hiện giờ trong chùa Thọ Quang có thờ di ảnh của Chánh Minh Nghiêm như để nhớ đến người phật tử đã từng tâm nguyện và công đức trong việc xây dựng lại ngôi chùa thờ Phật nơi vùng dân cư Thọ Quang, Cây Cốc, Tiên Phước ngày nay.

***

Thử ơi! Trên đây mình viết những gì mình biết về bạn. Biết là nhờ chính những góp ý của cô Chơn Huệ Bảo và cháu Luna Nguyễn cũng nhưmấy lần gặp gỡ bạn, hay do bạn bè của bạn kể lại nên chi mình bày tỏ ra vậy.

Và đây là nén tâm nhang thắp cho bạn, người bạn quá cố.

Thử ơi! "Phiền não, khổ đau tức bồ đề."Xin cầu chúc giác linh Chánh Minh Nghiêm sớm vượt thoát dòng sông thế gian trầm luân sóng gió, qua đến bến bờ cứu cánh niết bàn, an lành tịnh độ.

NGUYỄN ĐÌNH TỪ LAM

(1): Đây là mấy đoạn viết rời về ít sự kiện riêng của bạn Nguyễn Hữu Thử.

(2): Lam Điền Nguyên Thử là bút hiệu của Nguyễn Hữu Thử

(3): Một số lời trong nhạc phẩm "Mộng Dưới Hoa" của nhạc sĩ Phạm Đình Chương, phổ từ thơ thi sĩ Đinh Hùng

(4): Một số lời trong một nhạc phẩm (Internet).

CHU GIANG PHONG
VIẾT CHO SINH NHẬT MÌNH.
(30 tháng 4 năm 1975 - 30 tháng 4 năm 2022)

Ngày tôi sinh ra
Đất nước còn vài giờ mới tạm ngưng tiếng súng
Mới vỡ òa niềm vui trọn vẹn
Nước mắt trào tuôn hạnh phúc những người về
Lặng lẽ nỗi đau với người nằm lại
Bốn bảy năm tôi đi cùng lịch sử đất nước mình.

Tôi đã đi qua nủa đời người và vắt mình qua hai thiên niên kỉ
Tìm lại tôi qua từng trang dân tộc
Với tuổi thơ đói nghèo cùng rơm rạ
Trầm trầm trên cánh đồng đẫm vui buồn tôm cá
Con ếch xanh đã nhảy xuống đáy chiều.

Biệt phố phường tôi đến với cao nguyên
Đón đợi tôi có cơn mưa ru cà phê vào đắng
Mang giấc mơ tuổi xuân rồ dại
Đuổi bắt nữ thần mặt trời và bỏ rơi em trên cánh đồng giấy trắng
May còn có nhành quê níu lại
Khỏi lạc bầy giữa trốn rừng hoang.
Đã từng làm thơ gửi vào mây trắng
Từng bắt trăng nhốt vào gác trọ
Từng đánh rơi chiếc chăn nhung thủa ấy
Từng cho chim yến ăn mồi giữa mùa đông
Từng làm phượng hồng thôi chảy máu
Từng bắt mai vàng nở giữa mùa thu
Và từng nhiều nỗi niềm không bao giờ kể hết

Cuối cùng an nhiên cạnh một gốc đào.

Bao nhiêu lần ngồi gỡ từng sợi đêm và đối diện với bao la sóng sóng
Nuốt tâm tư nhói đau lồng ngực nơi có bông hồng chưa kịp tặng cho
Tôi đã lớn lên nhờ mồ hôi và nước mắt
Và cơn lang thang thang đến ngất đi từng sợi
Với những thất bại tôi giấu trong hộp kín
Để rồi lại lén mở xem để cảm được niềm vui đang thị hiện
Bồi hồi tôi xé lịch tôi.

Đã đến điểm nút rồi
Ta cùng nhân loại bay lên cùng hi vọng mới
Sẽ có lộng lẫy pháo hoa
Sẽ có sắc màu bùa chú
Sẽ cùng nguyện cầu cho những hành trình tốt đẹp
Hành trình tiếp sẽ tốt đẹp người ơi.

Cảm ơn những tờ lịch cũ
Đốt cháy đời thành thơ.

NỢ.
Thượng tuần em đêm qua đã vắt anh kiệt sức
Cháy đến cùng tận đê mê
Để sáng nay anh ngồi bó gối vễnh sợi râu bạc nhìn trời xanh
Bên li cafe muộn của ngày.

Anh đã biệt đồng bằng đến với rừng xanh thẳm
Đến xứ ngàn hoa anh đã thức cùng hoa
Một con mắt thi nhân một con mắt lão nông tri điền
Anh ngắm vườn xanh mông lung suy nghĩ
Nên trồng thêm gì ngoài cà phê và cây trái
Trà my hay hoa hồng hay để cỏ xanh hồn anh năm tháng

Anh đã có bên mình ngào ngạt một rừng hương.

Anh đã có những năm tháng lạ
Có những lần thấy mình rơi vực thẳm
May có những nhành thơ níu lại với đời
Để không trôi.

Anh thấy mình nợ với bao la vũ trụ
Nợ cành cây nợ từng sợi cỏ
Nợ cả cang rượu và mùi thơm em ám khói
Nợ bữa ăn ở trốn rừng già
Và những cơn say bên gốc cafe đến ngất từng sợi tóc
Nợ em một câu thề.

Anh còn nợ cánh đồng lúa chín
Nợ rạ rơm và mùi bùn non và con cá rô quẫy xước kí ức quê nhà
Nợ bao thân yêu và cái lần em kéo nghiêng vành nón
Em còn thẹn thùng tránh ánh mắt thủa hai mươi.

Anh trả nợ hết được không khi giờ này đang đói cồn cào trong tâm tưởng
Đói tất cả cái không có
Anh đói thơ.

Cơn mưa kia đang về
Gột rửa anh tấm thân đá nặng
Gột rửa hồn anh bao mùa cháy nắng
Nước mắt hay mưa đang lăn trên nụ cười
Lăn trên những món nợ cuộc đời.
Cứu khỏi sân hận si mê chấp ngã
Một ngày bình yên bỗng dưng đổ vỡ
Ta luân hồi không siêu thoát lưới tình em.

CHU GIANG PHONG

HUỲNH VIẾ TƯ

Văn học thiếu nhi ngày nay

1. Khái quát:

Theo cách tính chung của thế giới (Công ước quốc tế về quyền trẻ em), thì trẻ em thuộc lứa tuổi dưới 18. Thực tế nhiều quy định về tuổi trẻ em lại khác nhau, gây khó khăn trong việc vận dụng, nên tùy theo mỗi quốc gia, mỗi lĩnh vực mà có cách tính độ tuổi trẻ em khác nhau. Ở Việt Nam, theo điều 1, luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi. Nhưng trong văn học thiếu nhi, phạm vi độ tuổi này lại càng bất cập, bởi từng độ tuổi hiện nay đã có những nhận thức khác nhau: Từ 6 tuổi - 12 tuổi, từ 12 tối - 16 tuổi,… thậm chí rất khác biệt giữa các em 6 tuổi và 16 tuổi.... Chỉ cần các em vượt qua ngưỡng một tuổi thì nhận thức đã khác xa rồi! Vì vậy, văn học-nghệ thuật đối với lứa tuổi thiếu nhi không phải chỉ nhắm vào cách phân định theo tuổi tác... Khái niệm "Văn học-nghệ thuật đối với lứa tuổi thiếu nhi" thực tế, đã bộc lộ ra nhiều bất cập. Khả dụng hơn theo nghĩa là có sự nhận thức chung về nó thì hợp lý hơn, để từ đó hình thành chiến lược đầu tư thích đáng hơn, hiệu quả hơn, bởi trẻ em là tương lai của một quốc gia, một dân tộc.

Ở đây, tôi chỉ trình bày trong phạm vi văn học thiếu nhi. Khi nói về các đặc điểm nổi bật của trẻ em là hồn nhiên và ngây thơ, nên cách diễn đạt không dài dòng, ngôn ngữ biểu đạt giàu hình tượng, nhạc điệu, nhẹ nhàng, sâu lắng dễ hiểu. Sự ngắn gọn, rõ ràng, dễ nhớ, dễ thuộc sẽ giúp trẻ em dễ đọc và dễ hiểu.... Các

yếu tố truyện trong thơ hay thơ trong truyện là đặc điểm không thể thiếu để làm nên sự thú vị và lôi cuốn các em khi đọc. Nhưng coi bộ "văn học người lớn" hiện nay lại cũng có phần giống thiếu nhi, khi mà truyện ngắn và truyện cực ngắn cũng là xu hướng cảm thụ của bạn đọc "người lớn"! Dế mèn phiêu lưu ký của Tô Hoài đâu chỉ là truyện về loài vật, với những bài học được rút ra từ đó người lớn cũng cần. Chiếc âu vàng của Hoffmann hoặc các truyện cổ tích của nhà văn Đan Mạch Andersen, từ hàng trăm năm nay, đó là những tác phẩm mà nhiều người lớn cũng thích đọc, đến giới nghiên cứu - phê bình văn học trên thế giới cũng đã và đang phải tìm hiểu, chứ chẳng riêng gì thiếu nhi!

Hiện nay, đứng trước hệ thống đề tài trên, một số tác giả, bằng tài năng đã tạo ra sự mới mẻ cho tác phẩm. Phong cách nghệ thuật của người sáng tác góp phần làm nên sự phong phú về sắc thái và sự biểu đạt giàu cảm xúc đã thu hút các em. Vì vậy, mỗi một tác phẩm các tác giả vẫn có sức hút, có khả năng "mời gọi" riêng. Những tác phẩm văn học thiếu nhi thành công trên thế giới: Trên sa mạc và trong rừng thẳm, Không gia đình, Những cuộc phiêu lưu của Huck Finn và Tom Sawyer, Hoàng tử bé, Những đứa trẻ phố Arabat, Koschya lùn, Carson trên mái nhà, v.v… hay ở Việt Nam: Dế mèn phiêu lưu ký (Tô Hoài), Chú bé có tài mở khóa (Nguyễn Quang Thân), Tuổi thơ dữ dội (Phùng Quán), Nội tôi (Bùi Tự Lực), Đất rừng phương Nam (Đoàn Giỏi), Đợi mặt trời (Phạm Ngọc Tiến), Cho xin một vé đi tuổi thơ (Nguyễn Nhật Ánh), v.v… viết về thiếu nhi nhưng liệu các tác giả trên đã chắc gì định viết chỉ "cho thiếu nhi"? Nếu viết cho thiếu nhi thì tác giả cũng đâu còn cái tuổi thiếu nhi, mà chỉ liên hệ một thời thơ ấu của chính mình!

2. Thực trạng:

Từ "bụng ta ra bụng người", tôi viết về tuổi thơ đã một thời dĩ vãng của mình với thể loại thơ và văn xuôi đã in trong các tập thơ và văn xuôi: Biển, Em & Dòng sông (thơ - NXB Đà Nẵng - 2005, Mật đời (thơ – NXB Hội nhà văn - 2009), Nơi ấy, tôi gửi lại một tình yêu (Tập truyện ngắn - NXB Đà Nẵng 2013), Sông

vẫn chảy trong tôi (Tập bút ký - NXB QĐND-2016), Không Như giọt sương (Tập truyện ngắn - NXB QĐND - 2018), Phù Sa Thu Bồn (Tập truyện ngắn và tùy bút- NXB Hội Nhà Văn- 2019). Và truyện ngắn, thơ, tùy bút… được in trên các tạp chí và các báo trong và ngoài nước: Giáo dục thời đại, báo Đà Nẵng, báo Quảng Nam, báo Văn Nghệ, tạp chí Làng Việt, tạp chí Ngôn Ngữ, tạp chí Văn học Mới phát hành ở Hoa Kỳ, tạp chí Ra Khơi, tuần báo văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh...). Tôi đã viết bằng những hoài niệm về thời thơ ấu của mình... Khi thống kê trên cơ sở bạn đọc mua sách, có thể nói, những tác phẩm văn học được mặc định là "cho thiếu nhi" ấy, lại là những tác phẩm mà xem ra, số lượng người lớn thích đọc hơn cả thiếu nhi.

Dù các nhà văn đã vận dụng phong phú, đa dạng với các bút pháp khác nhau nhưng văn học thiếu nhi Việt Nam cũng thống nhất về mục đích và tôn chỉ: chức năng giáo dục luôn được các tác giả đặt lên hàng đầu. Nhà văn Tô Hoài đã khẳng định: "Một tác phẩm chân chính có giá trị đối với tuổi thơ là một tác phẩm tham dự mạnh mẽ vào sự nghiệp nên người của bạn đọc ấy". Tất nhiên, các nhà văn không phải là người thuyết giáo, với những bài học giáo huấn khô khan, cứng nhắc. Nghệ thuật giáo dục trong các tác phẩm đã trở thành thế giới nghệ thuật tinh khôi, trẻ thơ, đầy ngộ nghĩnh và đáng yêu, đằng sau câu văn là nụ cười, là niềm tin, là hy vọng vào một thế giới trong trẻo, lung linh như những giọt sương...

Theo tôi, sự đa dạng trong phong cách viết của các tác giả đã làm nên sức hấp dẫn của văn học thiếu nhi, tạo nên một thể loại văn học gần gũi, bình dị như là người bạn tâm giao của thiếu nhi. Ngày nay, việc tiếp cận đời sống hiện đại đã đem đến những góc nhìn mới, những nhận định mới, ngay cả tình yêu cũng có cách cảm mới, cách tiếp cận mới mẽ, góp phần làm phong phú hơn các đề tài. Đặc biệt, như tình bạn, các mối quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội đã thay đổi và có nhiều khác biệt giữa truyền thống và hiện đại, giữa các thế hệ kế tiếp nhau, ngay cả trong cùng một gia đình... Vì vậy, văn học thiếu nhi ngày càng đi vào chiều sâu, tiếp cận gần gũi và thân thiết với đông đảo bạn đọc nhỏ tuổi, góp phần quan trọng vào việc giáo dục toàn diện

cả về nhân cách, đạo đức, phát triển trí tuệ, nâng cánh ước mơ và hoài bảo thế giới tuổi thơ, làm nền móng bền vững để hòa nhập vào dòng chảy văn minh, tiến bộ của loài người.

Thực tế, xã hội đã có nhiều thay đổi chóng mặt trong những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI này. Thời kỳ cách mạng công nghệ bùng nổ, nhiều hình thức giải trí, văn hóa đọc, văn học đang phải nhường chỗ cho nhiều loại hình nghệ thuật khác và mới. Bạn đọc văn học thiếu nhi hôm nay cũng khác rất nhiều cả về nhu cầu đọc lẫn tâm lý tiếp nhận tác phẩm. Điều này đòi hỏi phải có một cuộc thay đổi trong chính những người làm công tác văn học-nghệ thuật,. Từ sự chăm chút tài năng đến việc "đỡ đầu" các tác phẩm cho nhà văn, nhất là các nhà văn trẻ. Bên cạnh khuyến khích các nhà văn có thành tựu tiếp tục quan tâm đến mảng đề tài viết về trẻ em, chúng ta không thể bỏ quên người viết trẻ, bởi họ chính là những người sẽ viết hay nhất về chính thế hệ mình.

Ngoài ra, sự phát triển của công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông cũng mang đến không ít thách thức đối với nền văn học. Trong đó, sự xuất hiện của các thể loại sách điện tử, nhiều chương trình giải trí trên mạng xã hội, kể cả các trò chơi độc hại, khai thác những dục vọng bản năng con người mà thiếu nhi chưa cần phải biết và hiểu... Những vấn đề trên, đã phần nào làm giảm đi sự hứng thú của trẻ nhỏ đối với các sách viết về thiếu nhi truyền thống. Biết đó là khó khăn, song chúng ta cũng không thể phủ nhận hoàn toàn những nỗ lực của nhiều tác giả. Hơn nữa, văn học cho thiếu nhi là một đề tài khó viết và kén chọn bạn đọc, đối tượng phần lớn chỉ là thiếu nhi. Trong khi đó, nhà văn hoặc nhà thơ phải là những người có vốn sống, sự từng trải, phải huy động tối đa trí tưởng tượng và có sự quan sát tinh tế về tâm sinh lý của các em thiếu nhi,... thì mới sáng tác ra được một tác phẩm hay và có ý nghĩa.

Chính những cái khó đó đã là lực cản rất lớn cho các thế hệ nhà văn, đặc biệt là lớp nhà văn trẻ trong quá trình sáng tác mảng đề tài văn học này. Từ đó dẫn đến tình trạng không chỉ yếu, mỏng về lực lượng sáng tác mà các tác phẩm văn học thiếu nhi hiện nay còn chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu của các em,

nhưng nếu vượt qua lực cản đó thì tác phẩm sẽ được bạn đọc yêu thích và mong chờ. Giống như các dòng văn học khác, văn học thiếu cần được phát hiện, nuôi dưỡng thường xuyên, nếu không sẽ trở nên tản mát, rơi rớt và suy yếu. Và để có được nhiều các tác phẩm văn học thiếu nhi chất lượng, thiết nghĩ, trước mắt chúng ta cần có thêm nhiều chính sách thu hút và bồi dưỡng các nhà văn trẻ và các em có năng khiếu ngay từ nhỏ.

3. Các khuynh hướng sáng tác:

Khởi nguồn cho muôn nẻo sáng tạo, ngẫm cho cùng, là thực tại không ngừng biến chuyển. Tính thời đại rất cần thiết của văn học-nghệ thuật, trong đó có văn học-nghệ thuật cho thiếu nhi. Các hướng đi bị "cuốn theo chiều gió" này đều có những thành công nhất định. Với khuynh hướng, góc nhìn về hiện thực có nhiều thay đổi và luôn luôn thay đổi. Các tác giả đã quan tâm nhiều hơn đến những giông bão của lịch sử, để hun đúc, bồi dưỡng các thế hệ thiếu nhi sau này trở thành người hùng thời đại mình đang sống nhưng cũng đồng thời khuấy động sự bình yên và vô tư của nhịp đập trái tim non trẻ.

Những tác phẩm thuộc khuynh hướng thể hiện ý thức bảo tồn văn hóa dân gian cũng là một cách sáng tạo giúp các em có cái nhìn tích cực về truyền thống, những tinh hoa mà cha ông đã sáng tạo và để lại, cần phải gìn giữ và phát triển. Khuynh hướng tìm về dĩ vãng ấu thơ của những nhà văn lớn tuổi dưới hình thức tự truyện, tuy ít có khả năng dẫn dắt trẻ thơ vào những cuộc rong chơi mới mẻ nhưng nếu tác phẩm có chất lượng cũng làm cho các em có cái nhìn về quá khứ, để hiện tại có thể bắt chước những điều hay, việc làm tốt mà xây dựng cuộc sống riêng mình bắt đầu từ hôm nay. Khuynh hướng viết về tuổi teen thời hiện tại với những câu chuyện tình yêu, tình bạn vừa mới chớm nở. Đây là một đề tài không mới của các thế hệ nhà văn. Tìm trong nội dung của mỗi thời đại có khác nhau, cái gì là xuyên suốt, là vĩnh hằng... Những gì làm cho trái tim đầu đời rung động, với những tình cảm trong trẻo ở cái tuổi học trò.

Trước đây, trong văn học thiếu nhi miền Nam trước năm 1975, có tờ báo Thiếu Nhi do ông Nguyễn Hùng Trương, chủ

nhiệm vừa là chủ nhân Nhà sách Khai Trí và tủ sách Tuổi Hoa đã trở thành một cái tên rất thân yêu và quen thuộc với lứa tuổi thiếu nhi thời đó…. Tuổi Hoa được ra đời vào những năm đầu của thập niên 1960 của thế kỷ XX, nhưng những tác phẩm này đã có sức hút mãnh liệt với giới trẻ thời bấy giờ. Những câu chuyện, những nhân vật trong bộ sách Tuổi Hoa đã trở thành một phần kí ức của những người đã bước lên tuổi ông, tuổi bà. Tủ sách Tuổi Hoa quy tụ những cây bút chuyên viết cho các tạp chí như Thiếu Nhi, Thằng Bờm,… cộng tác. Tác phẩm trong tủ sách này từng một thời là "món ăn tinh thần" của thanh thiếu niên Việt Nam (ở miền Nam), vì nó không những giáo dục những đức tính tốt cho con người mà còn giúp thanh thiếu niên rèn luyện, trau chuốt lời văn để học văn tốt hơn. Các truyện dài được đăng trên báo này, đều được nhà xuất bản Tuổi Hoa in thành những cuốn truyện Hoa Đỏ, Hoa Xanh và Hoa Tím trong tủ sách Tuổi Hoa mà thanh thiếu niên ngày đó say mê tìm đọc. Sau ngày 30/4 năm 1975, tủ sách Tuổi Hoa tạm thời chưa được xuất bản và dần dần đi vào quên lãng...

Viết về thiếu niên lúc bấy giờ, có nhiều tên tuổi các nhà văn, như: Võ Hồng, Nguyễn Thái Hải, Kim Hài, Thùy An, Đinh Tiến Luyện, Đoàn Thạch Biền, Từ Kế Tường… Tiêu biểu là nhà văn Duyên Anh với nhiều tác phẩm: Đêm thánh vô cùng, Hoa thiên lý, Điệu ru nước mắt, Luật hè phố, Thằng Vũ, Dấu chân sỏi đá, Dzũng ĐaKao, Vết thù hằn trên lưng con ngựa hoang, Bồn Lừa, Ảo vọng tuổi trẻ, Gấu rừng, Cỏ non, Ngày xưa còn bé, Nặng nợ giang hồ… Tôi là người đương thời, nên có thể nói, trong khoảng thời gia đó, các tác phẩm của ông luôn hấp dẫn thiếu nhi miền Nam, mong chờ sách ông ra đời để được đọc, không có tiền mua cũng mượn mà đọc, bởi nhà văn có lối viết nhẹ nhàng, trong sáng, mơ mộng, đầy ắp tình người. Và một Duyên Anh nhà báo ngổ ngáo, tai tiếng, nhiều bạn, lắm thù với những bài viết sống sượng và cay độc. Ông được đánh giá là một nhà văn, nhà báo có chỗ đứng cao trong văn học nghệ thuật Việt Nam lúc bấy giờ, với sức sáng tạo dồi dào: Trong 34 năm cầm bút với 101 tác phẩm. Sau, Duyên Anh bị liệt tên là một trong 10 nghệ sĩ nêu danh là «Những tên biệt kích của chủ nghĩa thực dân mới trên

mặt trận văn hóa - tư tưởng» và tác phẩm bị cấm lưu hành.

Thật ra thì nền văn học thiếu nhi ở miền Nam không phải "phản động và đồi trụy" tất cả. Rất tiếc, nếu sau ngày đất nước thống nhất, 30 tháng 4 năm 1975, nếu biết "gạn đục, khơi trong", tiếp nhận những giá trị cốt lõi của dân tộc và thời đại để bổ sung vào nền văn học của một nước Việt Nam thống nhất, theo hướng nghiên cứu, tiếp cận văn học-nghệ thuật một cách toàn diện, không bỏ sót một thời kỳ lịch sử nào của đất nước, thì các nhà văn hiện tại đỡ lần tìm để khai thác, đôi khi cái các nhà văn đi trước đã viết từ lâu, các nhà văn hiện nay, đi sau, bắt chước mà cũng gọi là đổi mới, là sáng tạo!

Sau này có các nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, Mường Mán… có lối viết tỉa tựa như Duyên Anh, nặng tính giải trí nhưng được thiếu nhi hiện nay ưa thích và đặt biệt là người viết có thể sống bằng ngoài bút của chính mình trong thời đại "văn chương hạ giới rẻ như bèo"! Các chủ đề thường tập trung vào những sinh hoạt thường nhật của thiếu nhi thời nay, với quan hệ trường lớp, thầy cô, bè bạn, gia đình, láng giềng, thiên nhiên... là lối đi đã có từ lâu và con đường này rất thênh thang mà các thế hệ nhà văn kế tiếp nhau đã vun đắp và thường xuyên nhất khi viết về thiếu nhi trước cũng như sau 1975. Tuy tiếp cận trẻ em từ góc đời thường làm tầm vóc nhân vật chưa đủ lớn so với văn học kháng chiến nhưng hiện tại các em đang sinh sống trong một đất nước hòa bình nên sự so sánh này cũng khập khiễng. Các tác giả hiện nay đã xây dựng gương mặt nhân vật góc cạnh hơn, và quan trọng là rất đời hơn. Tuy nhiên, nếu vận dụng không khéo, kiểu nhân vật này là mẫu số chung của các thời đại, xuất hiện thường xuyên nên đôi lúc sáo mòn, chỉ phù hợp ở một nước nền kinh tế nông nhiệp còn nghèo khó.

Viết văn theo nhóm: Mô hình sáng tác nhóm đã có trên thế giới khá lâu, hiện nay Việt Nam mới có. Một nhóm sáng tác văn học có tên là Dự án Nhóm 4.0 ra đời với mục tiêu sáng tác các tác phẩm văn học mạng. Như vậy, sáng tác văn học không còn là việc đơn lẻ. Các tác giả sẽ sáng tác theo nhóm, thay vì làm việc đơn lẻ theo cảm hứng và bộc phát như tình trạng bấy lâu nay. Mỗi cây viết là một mắt xích trong chuỗi giá trị hình thành

nên tác phẩm, họ sẽ phải học cách cân bằng với nhau về văn phong, hợp tác với nhau về định hướng triển khai nội dung và bổ trợ cho nhau về tổng thể để mang lại sự hài hòa và hoàn chỉnh cho tác phẩm. Sự phối hợp nhịp nhàng của một "dây chuyền" sáng tác chuyên nghiệp như trong sản xuất công nghiệp, theo dây chuyền sản xuất đầu tiên do Frederick Winslow Taylor thực hiện và sau này được Henry Ford của Hãng Ford ứng dụng cho ra đời mẫu xe ôtô Ford Model T năm 1908. Đó là cơ sở để cho ra đời những tác phẩm mới hiện nay và trong tương lai. Nhóm 4.0 này nhắm vào thị trường văn học mạng, chuyên viết truyện dài kỳ và khai thác đa dạng các thể loại khác nhau. Đây là mảng tác phẩm có dung lượng thị trường lớn và thu hút được nhiều độc giả nhất.

Nhóm này đào tạo các tác giả trẻ trở thành những tay viết chuyên nghiệp, làm việc chuyên nghiệp theo kế hoạch và theo nhóm. Sự va chạm, yêu cầu phải phối hợp và thích nghi với đồng nghiệp cũng như đòi hỏi phải đa dạng hóa văn phong, chủ đề khai thác, sẽ giúp các tác giả trẻ mài dũa tài năng, tôi rèn ý chí và định hình rõ rệt niềm đam mê. Thước đo thành công của tác phẩm trên thị trường được phản chiếu bằng những con số, về số lượt đọc, số lượt bình luận, số người trả phí để đọc,… Nó vừa là thách thức, vừa là công cụ giúp định hướng sáng tác cho các tác giả tham gia dự án, phải có sức bền, hiểu biết rộng, tìm hiểu sâu những ngóc ngách của xã hội và khả năng biến tấu linh hoạt trong quá trình sáng tác.

Mặc dầu mới ra đời nhưng nhóm đã giới thiệu đến độc giả Việt Nam hơn 5 tác phẩm đầu tay, bao gồm: "Không thể chạm vào em", "Nơi giấc mơ em thuộc về", "Cái chết ảo", "Kết giới" và "Nàng Lọ Lem và chàng Hoàng Tử Béo"… Các tác phẩm đều thu về số lượt đọc lên đến hàng trăm nghìn và nhận được nhiều phản hồi tích cực của bạn đọc trẻ. Chúng ta tin tưởng, thời gian nữa loại hình này có thể sáng tác thêm nhiều tác phẩm và thực sự ghi dấu thành công trên văn đàn Việt Nam. Việc kinh doanh thu lợi nhuận từ dự án này sẽ phát triển trong tương lai. Với việc thành lập và vận hành Nhóm 4.0 là một bước đi chiến lược trên hành trình chinh phục thị trường sách điện tử tiềm năng nhưng

cũng đầy thách thức.

4. Văn học thiếu nhi với thời đại:

Văn học bước cùng với nhịp sống mới đã từ lâu và đã "bị" cuộc sống kéo đi như bị dòng nước cuốn theo. Văn học thiếu nhi cũng vậy, chưa cùng mạch đập với văn hóa và lịch sử, đã và đang chậm trễ trong mạch truyền tải hiện thực. Có những âm thanh vang lên từ tiếng kêu thống thiết, trong đó có trẻ em ngày nay mà mãi chưa thấy tiếng đồng vọng. Những vấn đề nóng, sôi lên, theo năm tháng của xã hội hiện nay, cho đến lúc đã nguội lạnh mới có mặt trên trang văn. Kiểu sáng tác chủ yếu mang màu sắc hồi ký về một thời vàng son và nghiêng về thành tích trong văn học-nghệ thuật đã lên ngôi một cách giả dối, không có trong thực tế và phản khoa học, dù ở thời quá vãng, đã làm cho thiếu nhi chán và ngán. Các em cứ thèm thuồng những tác phẩm của thời mình, về độ tuổi của mình. Nên không thể trách các em tiếp cận những tác phẩm văn học thiếu nhi nước ngoài khi chạm vào nỗi niềm gan ruột, thì các em sẽ hồ hởi đón nhận như những người bạn tâm giao. Lúc bấy giờ sự khác biệt về địa lý, văn hóa… dù ở bất kể nơi đâu trên thế giới này cũng bị hút bởi một "ma lực" và nhanh chóng được lấp đầy khoảng trống thiếu vắng mà văn học thiếu nhi trong nước chưa mang lại.

Các nhà văn của thiếu nhi hiện nay, có lẽ đã nhìn thấy những vấn đề của thiếu nhi từ nền văn minh công nghiệp với xu hướng toàn cầu hóa… Các em đã phát triển nhanh cả về thể xác lẫn tâm hồn, cả về tâm lí và sinh lý, nên rất nhạy cảm trước cái mới, sự phong phú và đa dạng về thị hiếu... Trong khi đó, hiện tại văn học thiếu nhi, những vấn đề đó không được mổ xẻ bằng kiến thức hiện đại, để các em hiểu và chấp nhận, biết được cái đúng, cái sai và không còn coi là điều cấm kỵ những điều thuộc về tự nhiên và con người. Tôi còn nhớ cách nay hơn nữa thế kỷ, tác giả nữ Nguyễn Thị Hoàng ở miền Nam đã viết truyện dài *Vòng tay học trò*, và một tác giả tôi chưa biết với truyện Cô giáo Thảo được bọn học trò trung học đệ nhất cấp chuyền tay nhau một cách mê mẫn, trong khi xã hội miền Nam lúc đó cũng cấm.

Trong khi mới đây, tôi viết truyện ngắn Lão bang và đám

yêu quái và chuyện tình cổ tích, trong tập truyện ngắn và tùy bút *Phù sa Thu Bồn* – nxb Hội Nhà văn – 2019 (dù đã phải thêm vào đoạn giải thích dài dòng để định hướng… giáo dục) nhưng vẫn còn có người phê phán và góp ý là sex quá, không nên viết như vậy, lỡ con cháu hoặc các em đọc thì sẽ nghĩ gì về tác giả đáng tuổi ông, tuổi cha của nó!) Trong khi thực tế thì các truyện và clip khiêu dâm nhan nhãn trên youtube, chỉ cần một chiếc điện thoại thông minh, một cái nhắp ngón tay, nhanh như chưa xong một nốt nhạc là các em tò mò xem và chia sẻ cho nhau…

Đó là thực tế không chối cãi được, đang tồn tại trong xã hội hiện tại. Vậy các nhà văn viết về thiếu nhi suy nghĩ gì? và viết gì? Giải pháp nào cũng được, trừ giải pháp chối cãi một thực tế hiển nhiên, mà phải đối diện với sự thật! Cần nói thêm, cả những căn bệnh rất thời sự như tính ích kỉ, lòng đố kỵ, sự vô cảm trong đời sống với những bất công xã hội, lối sống hưởng thụ lên ngôi, đua đòi, bắt chước, tâm lí "cả thèm chóng chán", mối quan hệ không có nền tảng văn hóa truyền thống, sự non kém về kĩ năng sống, học không đi đôi với hành, coi thường lao đông chân tay, chạy theo bằng cấp chứ không chạy theo thực học, thích làm quan hơn là chuyên tâm vào chuyên môn, trong trường lớp thì xảy ra bạo lực học đường, ngoài xã hội thì quan hệ người với người không ra thể thống gì cả...

Tất nhiên chúng ta không thừa nhận thực tế cuộc sống đương đại này là đều như vậy cả, xã hội vẫn có những gương mặt "người tốt, việc tốt", bắt buộc những tác giả xoắn tay áo, nhập cuộc để có ngay lời giải, hoặc chí ít là những gợi ý để góp phần xây dựng một đất nước Việt Nam hùng cường và tốt đẹp. Nếu hứng bắt được những điều đó thì tác phẩm sẽ được các em mong ngóng đón nhận ngay và luôn.

Thật ra, câu chuyện muôn thuở này không có gì bất ngờ vì đã được các nhà phê bình văn học cảnh báo từ lâu. Một khi chỉ chăm chăm vào những mục đích "giáo dục" hoặc dưới danh nghĩa "phục vụ nhiệm vụ chính trị" bao nhiêu, với những thứ văn chương vụ lợi và phá hoại đã đưa vào học đường (như bộ SGK lớp cấp I, NXB Cánh Diều), thì càng tách xa mục đích giáo dục hướng đến chân, thiện, mỹ bấy nhiêu. Văn học thiếu nhi là

khái niệm được xác định, thiếu nhi là đối tượng của sự nhận thức, khám phá, phân tích, suy ngẫm và mô tả của nhà văn chứ không phải là thứ đem "cho", mà thực ra các em cũng không cần "cho". Nếu thấy tác phẩm hay, phù hợp và hấp dẫn thì các em đọc còn không thì thôi, đừng có ép buộc và không thể ép buộc được! Về phương diện này, có thể hiểu nôm na các em là một "đề tài", là một đối tượng trung tâm của văn học thiếu nhi với các nhà văn. Điều này các nhà văn đừng lo xa một cách quá đáng, khi nghĩ rằng nhận thức và tâm hồn của thiếu nhi sẽ trở nên méo mó nếu phải đọc những tác phẩm văn học không phù hợp với ý định chủ quan của người viết.

Chúng ta biết Alain Rob Grillet - là ông trùm "Tiểu thuyết mới" có câu nói nổi tiếng: "Nhà văn sẽ là kẻ suy đồi nếu khi viết mà hắn còn để ý tới độc giả". Câu nói này trúng phóc tâm lý người cầm bút, cái cần phải thuộc về bản chất là sự sáng tạo của nhà văn, là sự đốt cháy hết mình của chủ thể trong ngọn lửa đam mê mà chính tay nhà văn nhóm lên thành ngọn lửa trong lòng. Khi ấy trên đời này, tất cả đều biến mất, chỉ còn lại người viết cô đơn đến tận cùng và độc hành và sự tự do tuyệt đối trong thế giới tưởng tượng. Chính từ đó, tự phát hiện ra những nguồn năng lương đầy sức mạnh mà chính tác giả chưa từng được biết đến, tái hiện những cảnh đời trẻ em đa dạng, trong nhiều bối cảnh xã hội, với nhiều hoàn cảnh khác nhau.

Sự khắc nghiệt, cay-đắng-ngọt-bùi của thực tế cuộc sống, với sự bay bổng ước mơ, làm bật lên những phẩm chất tốt đẹp trên nền trời, xua tan cả một màu xám xịt, có cả nỗi tuyệt vọng và niềm khát khao cháy bỏng của ý chí vươn lên vượt cạn, như vạn vật đã trải qua mùa đông lạnh cóng và tăm tối và u mê để có mùa xuân tươi đẹp và ấm áp. Nó đi từ sự mô tả số phận đầy bi kịch của nhân vật đến lời tố cáo đanh thép những bất công trong đời sống xã hội, với mong muốn sẽ làm một cái gì đó để xây dựng một tương lai tươi sáng và tốt đẹp trong cộng đồng và Tổ quốc. Các em cũng phải lớn lên cùng năm tháng, cùng với đời sống và những biến đổi, đôi khi gay gắt và phức tạp của xã hội, chứ đâu cứ không chịu lớn như một số tác phẩm nhàn nhạt vị đời. Các tác giả văn học thiếu nhi không thể xây dựng nhân

vật bỗng chốc lớn lên như câu truyện thần thoại hay cổ tích mà phải có quá trình!

Ngày nay không còn là sự độc quyền của các tác giả theo lối viết truyền thống và các nhà xuất bản trong nước cũng phải đổi mới, nếu còn muốn làm bà đỡ thay mặt cho cha mẹ các em làm người dướng dẫn, ngay cả sự xuất hiện phong phú của dòng truyện tranh trong và ngoài nước, cũng không thể lấp khoảng trống những tác phẩm văn viết, vì dòng sách này phần lớn mang giá trị giải trí tức thời, trong khi đó, những yếu tố cốt tủy như giá trị giáo dục, chất liệu nghệ thuật, tính thẩm mỹ và hiệu ứng lan tỏa còn rất hạn chế hơn văn viết. Khoảng trống vì sự thiếu hụt này có thể lý giải bởi nhiều nguyên do. Trong một thế giới phẳng với bối cảnh công nghệ số ngày càng phát triển nở rộ, các hình thức giải trí được mở rộng vô cùng phong phú, khiến văn hóa đọc bị thu hẹp đáng kể. Các cây bút trẻ đang ở độ tuổi vừa khao khát thể hiện, muốn nhanh bước qua cái tôi, nên cho văn học thiếu nhi là «sân bóng» quê nhà, đôi khi chỉ là một lúc nào đó "ta đi ta nhớ quê nhà" tạt qua, ghé lại thăm một chút rồi lại đi, vì họ cho không còn thích hợp để khẳng định tài năng.

5. Văn học thiếu nhi-Cầu nối giữa nhà văn và đối tượng sáng tác

Nhà văn cần thay đổi quan niệm viết "cho" thiếu nhi, từ đó, dành nhiều hơn sự chuyên tâm, chăm chút cho những trang viết. Người sáng tác phải thật sự am tường về tâm lý và sinh lý trẻ nhỏ, hòa nhập với vai diễn, dõi theo những chuyển động tinh tế của các em thời nay, trong sự tác động nhiều kích chiều, trong hệ quy chiếu mới của đời sống đương đại. Tác phẩm văn học viết cho thiếu nhi không chỉ mang những giá trị truyền thống mà còn cả hơi thở thời đại, phù hợp với nhịp sống và tâm thế hôm nay, tạo nền tảng bền vững để các em phát triển sau này. Với sự xuất hiện của mạng xã hội, nhiều feabooker là những nhà giáo, các bậc cha mẹ,… và đông đảo là chính các em đã kịp thời tham gia và định hình những chủ đề mới đang nóng lên từng giờ, giúp cho văn học thiếu nhi có một sân chơi thú vị và hiệu quả mà các nhà văn phải cần lưu ý, có thể xâu chuỗi lại, từ tư liệu sống đó mở

rộng và phát triển thành những tác phẩm văn học thiếu nhi gắn với đời sống đương đại.

Nói đến các nhà văn viết văn học thiếu nhi phải nói đến đông đảo các nhà văn đang ở trong và ngoài hội Nhà văn-một tổ chức do nhà nước quản lý. Chính tác giả viết về thiếu nhi phải trở thành người đồng hành đáng tin cậy và đầy trách nhiệm, tác phẩm phải là tiếng nói riêng biệt của một thế hệ, một thời đại. Tôi không thuộc dạng người: "Bụt nhà không thiêng", "văn mình, vợ người" nên thường xuyên đi dự những buổi "ra mắt tác phẩm mới", lắng nghe và siêng đọc các tác phẩm mới của các nhà văn. Tôi đã đọc và cảm nhận được những giá trị mà các anh/ chị đã gởi gắm với thời đại. Như nói về tác giả Quế Hương, người phụ nữ vượt qua tuổi tác và bệnh tật, gần như một đời loay hoay với con chữ, chị là nhà văn biết lắng nghe từng hơi thở, từng tiếng nói của đời sống thực tại. Nên những truyện ngắn của Quế Hương là tiếng nói chân thực phát ra cuộc sống hiện nay, vượt qua những rào cản để lan tỏa… Một số nhà văn, nhà thơ khác cũng đang chuyển động, nhất là những tác phẩm của họ dành cho tuổi thiếu niên đã có những câu, những truyện mang sắc thái rất riêng, đã để lại trong lòng bạn đọc thiếu niên.

Các tác giả đã viết lại chuyện cổ tích đời mình bằng một tâm thế mới, phong thái lạ và khác, với những sáng tác mang tiếng vọng sâu sắc về các vấn đề thiếu nhi của một thời để nhớ và dễ quên, nếu không sao chụp, ghi chép lại. Cho đến thời đã lên ông, lên bà đang sống hôm nay mà khi viết về đề tài tình yêu thiếu nhi ta cứ ngỡ tác giả là những chàng trai, cô gái đôi tám. Đó là những hướng đi tôi đã học tập được và là điều đáng để chúng ta tham khảo khi đọc các tác phẩm của họ. Trong lúc nhiều nhà văn còn chưa đủ sống trong thời buổi văn hóa đọc chưa được chú trọng thì sự hổ trợ của các nhà xuất bản để khai sinh một tác phẩm, nhất là tác phẩm viết về thiếu nhi là rất quan trọng.

Văn học thiếu nhi không còn là câu chuyện riêng của các em. Mặc dù các em là đối tượng trung tâm đang cần được quan tâm, các em luôn mong chờ những tác phẩm mang tinh thần nhân văn sâu sắc, giá trị thẩm mỹ cao, đa dạng và đậm hơi thở cuộc sống đương đại, không chỉ với các vấn đề gần gũi, thiết

thực với đời sống mà cả sự xung đột giữa cái tốt - xấu, đúng - sai, sự thật – thói giả dối,… Nhà văn sẵn sàng dấn thân, nhập cuộc, mạnh dạn tìm tòi, phát hiện ra những lối đi mới thì tác phẩm sẽ đến trong sự mong chờ của công chúng và bạn đọc thiếu nhi.

Khi mà tác phẩm của họ tạo nên dấu ấn không thể phai mờ trên hành trình hoàn thiện nhân cách của một đời người mà không có loại huân huy chương nào có thể đánh giá hết và đúng cho sự cống hiến. Những tác phẩm có tầm vóc, có tuổi thọ vượt không gian và thời gian thường phản ánh sâu sắc, tinh tế, giàu trải nghiệm, cân nhắc đến từng từ, từng câu… mang đến những điều không ngờ, những vấn đề lớn của xã hội được lý giải mang tính dự báo, mãi đến những giai đoạn tiếp theo của cuộc đời các em mới nhận thức hết được, còn người đọc lớn tuổi thì không khỏi giật mình và nhức nhối, khuyên bảo con em mình tìm đọc.

6. Kết luận:

Nhà văn viết về thiếu nhi hôm nay, không thể cứ ngây thơ tìm cách bóc tách trẻ em ra khỏi bối cảnh cuộc sống hiện tại, cho trẻ lửng lơ hay bay bỗng trên trời như cánh diều tuổi thơ trong không gian hay trên đôi cánh thiên thần trong cổ tích. Thầy cô, bè bạn, xóm giềng, ông bà, cha mẹ, anh chị, cho đến vạn vật... trong một thời đại quay cuồng, đang từng ngày, từng giờ bị cuốn vào guồng quay của cơ chế thị trường, nhiều cơ hội và cũng lắm thách thức. Cùng với khuynh hướng quốc tế hóa của đời sống con người, thế hệ thiếu nhi Việt Nam hôm nay còn phải sống trong một môi trường thiếu bền vững, tài nguyên thiên thiên bị khai thác cạn kiệt, bất chấp sự cảnh báo của các nhà khoa học, thiên tai, dịch bệnh lạ bùng phát đang là mối quan tâm chung.

Lúc đó, vấn đề căn bản, cội nguồn dân tộc là văn hóa và bản sắc dân tộc - một tài sản riêng, một nguồn tài nguyên hương hỏa mà mỗi cá nhân cần được chuẩn bị để đón nhận và phát triển bền vững. Văn học-nghệ thuật về thiếu nhi sẽ đóng góp tích cực vào quá trình chuẩn bị này bằng nỗ lực tiếp cận thời đại mới, trong đó người cầm bút có một vị thế, trách nhiệm và cả một tình yêu to lớn cho sự tiến bộ và văn minh của dân tộc mình và góp phần mình vào sự tiến hóa của loài người văn minh và

tiến bộ. Nhà văn hãy xem con đường sáng tạo luôn ở phía trước, phải mạnh dạn phát quang đi vào khu rừng, để tạo ra con đường riêng với một hành trang và hành trình mới. Khi từ ngữ xuất phát từ tâm can mình được giải bày, thì nhất định sẽ đến trái tim bạn đọc. Trong khu rừng đầy hoa thơm và cỏ lạ đó, có một khu vườn văn học thiếu nhi đầy sự hấp dẫn dịu kỳ, đang mong chờ các nhà văn tâm huyết viết về thiếu nhi.

HUỲNH VIẾT TƯ

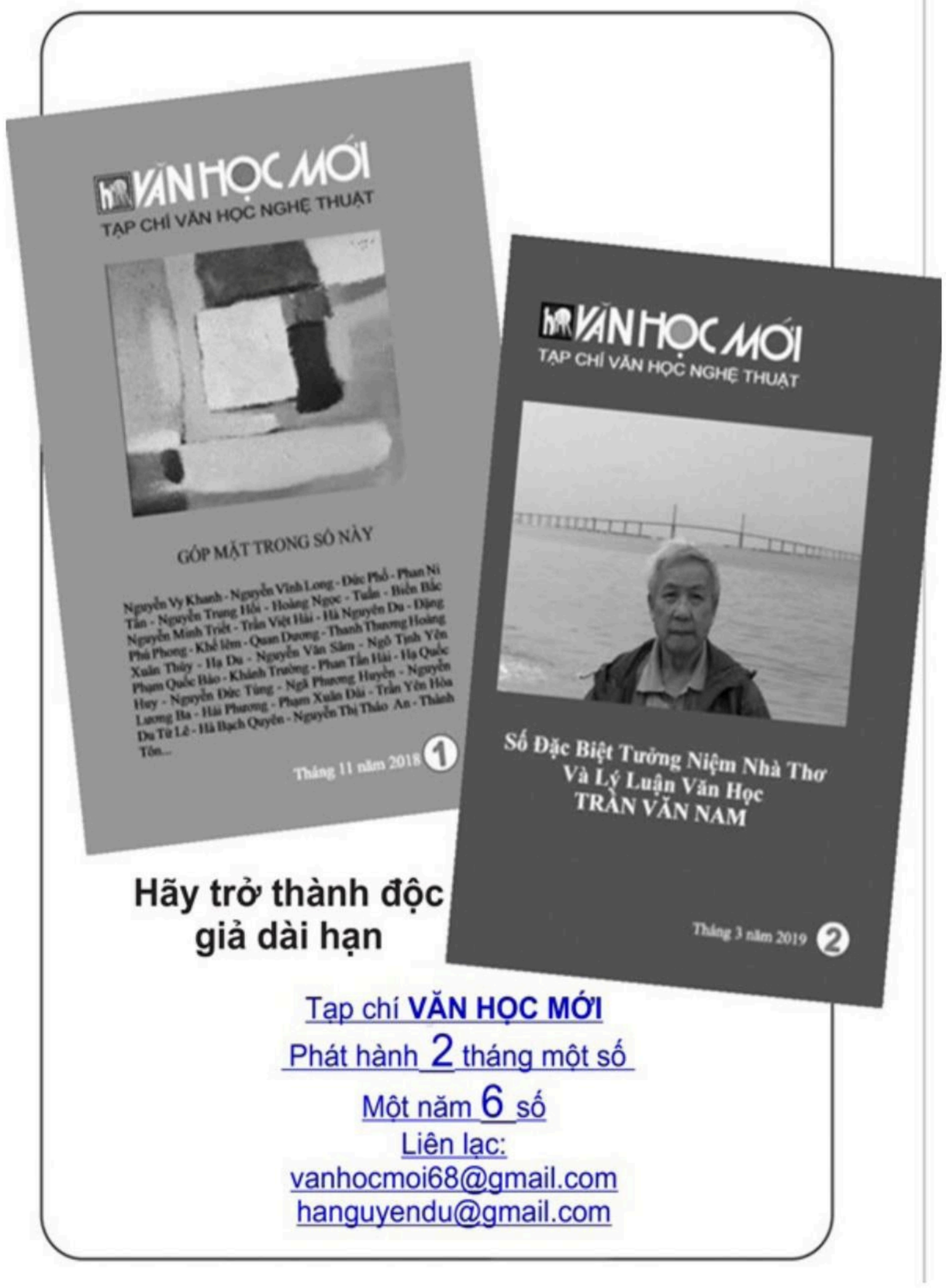

NGUYỄN TRÍ

Uy của dưới đáy

Bốc xếp khác với bốc vác. Bốc rồi xếp gọi là bốc xếp. Bốc bỏ lên vai vác lên xe xếp lại gọi là bốc vác. Đừng tưởng xếp như vác, vác như xếp là lầm. Hãy nhìn dân bốc xếp mía là ra ngay xếp hay vác. Mía chặt xong gom thành đống. Mỗi đống mía phải từ hàng tấn đi lên. Vận tải nặng như Bò ma, Kamaz, Isuzu, Ifa... cập hông ngang đống mía và vai u thịt bắp mồ hôi dầu, kẻ tung người bốc và xếp lại, sao cho mỗi chuyến của Bò-ma phải hai mươi tấn mía. Vận tải trung bình mỗi chiếc Kamaz hay Isuzu là mười tấn nhưng phu bốc phải ém làm sao, ít nhất mười ba tấn mỗi chuyến. Nhỏ như Ifa cũng bảy tấn em mới chịu. Chạy ăn tấn và bốc xếp cũng tấn nên càng nhiều càng tốt, càng nặng càng có tiền. Nhiều tấn nhưng không được chậm. Một ngày mỗi xe ít nhất phải phi được hai chuyến. Vì thế cho nên, dân bốc xếp mía phải vai u thịt bắp thiệt thọ. Thằng nào lơ mơ là – a lê hấp – cho mày đi gom mía.

Đội ngũ bốc mía tổng cộng mười tám anh tài, xếp mình dưới sự điều hành của tố trưởng Vũ Uy. Uy cao mét sáu lăm khỏe như Hạng Vũ, một bó mía trung bình mười hai ký lô Uy tung lên độ cao bốn mét của thùng xe Bò-ma như con nít tung bóng. Bốc mía mà tung không cao được bốn mét là ra rìa. Hai cánh tay Uy ngon lành như hai bàn tay của anh ta. Hai bàn tay múa bút để cọng trừ nhân chia tiền cho anh em mỗi cuối tuần là hết ý. Uy học xong lớp chín nên đại số con tinh nói chi ba cái cọng trừ của số học. Bọn bốc xếp, nói ra e mích lòng nhưng buộc phải nói, rằng không thằng nào được lớp ba. Trụm lùm lụm sinh ra và lớn lên trong gia đình chạy ăn thiếu điều tốc cả váy thì chữ nghĩa nhiều để tế à. Cuối tuần cả bọn kéo đến nhà Vũ Uy, trước ngắm nhan sắc ba cô em gái của Uy. Cô nào cô nấy tuy cả ngày chặt mía kiếm tiền phụ giúp gia đình nhưng xinh xắn hết biết luôn. Tay bốc xếp nào cũng gọi Uy bằng anh, dù có thằng hơn Uy cả dăm tuổi, chả thằng nào không có ý bắn sẻ em gái Uy nên gọi anh

trước cho quen miệng. Sau đó chờ Uy lôi sổ ra tính và nhận cái phần tiền của mình suốt một tuần phơi nắng. Nhận xong, cả bọn kéo ra quán để thực hành câu "thứ bẩy máu chảy về tim" cùng ba xi đế và khô đuối nước mắm me.

Thứ bảy hôm ấy Uy không ra quán vì sau khi nhận phần tiền của mình một gã bốc xếp có tên Minh Tàn nói:

Tính lại đi Uy. Lộn rồi.

Không đâu anh. Em tính kỹ lắm rồi.

Tao nói lộn là lộn.

Chờ cho anh em ra quán Minh Tàn mới cầm cây bút làm lại... rằng thứ hai Tàn bốc hai xe. Một Bò-ma hai mươi tấn và một Kamaz mười ba tấn. Ba mươi ba tấn nhân với một ngàn đồng công bốc một tấn, chia cho mười thằng vậy một thằng được ba nghìn ba trăm đồng. Thứ ba thứ tư thứ năm thứ sáu và thứ bảy. Ngày nào phần của Minh Tàn cũng trên ba nghìn nhưng sáu ngày tổng cộng chỉ mười tám ngàn là sai. Sai bét bèn bẹt:

Khà khà khà – Minh Tàn cười – trung bình mỗi ngày tao mất ba trăm nhân sáu là ngàn tám. Mười tám thằng khà khà khà mày nuốt một tuần trên hai chục ngàn. Ăn của ai mặc kệ mày nhưng của tao thì làm ơn nhả ra. Muốn yên tao để cho yên bằng không tao tạch bạch ra thì bọn bốc xếp cho mày ăn cù loi à.

Vũ Uy bèn nheo con mắt bên phải nhá con mắt bên trái, có ngu cũng hiểu rằng ta cùng chia đôi vụ nầy anh nhé... bọn bốc xếp không biết ba cái lẻ này đâu... nhưng Minh Tàn từ chối cái nheo ấy bằng cách rời khỏi tổ bốc xếp, xin một chân gom mía. Gom mía ít tiền hơn nhưng hợp với chiều cao mét sáu của Minh Tàn. Với lại anh em bốc xếp quá chán khi, sáu ký cho một bó mía Tàn tung không đến được thành xe lọ chi mười hai ký. Vụ ký kiếc cho một bó mía phải rõ, bằng không chả ai hiểu chi. Mía có nhiều loại. Giống "ba trăm mười" cây to chỉ bằng ngón tay cái. Giống "bảy mười lăm" và "mít" bằng cườm tay. Thợ chặt ăn tiền, một bó mía trung bình mười hai cây cho các loại. Ba trăm mười – đặc biệt – "ba trăm mươi tre" cây tuy nhỏ nhưng dai như tre. Một dao chưa chắc đã lìa gốc. Những giống khác tuy to nhưng thân mềm, thèm thèm, chặt một khúc, xiết một phát là trôi từ gốc đến ngọn. To nhỏ chi một bó cũng mười hai cây. Nặng nhẹ

từng loại mía là vậy.

Vũ Uy rất sợ khi Tàn ra khỏi đội bốc xếp. Hắn ta mà lô loa ra thì Uy có nước chết. Nhưng nỗi sợ hóa gió bay đi khi Tàn chả nói gì. Cứ như cái vụ tính lộn tiền chưa bao giờ xẩy ra vậy. Gặp nhau vẫn anh anh tôi tôi, mày mày tao tao và việc ai nấy làm. Đời cứ thế trôi. Ai có máu gian cứ gian. Ai lương thiện thì nghèo ráng chịu. Thẳng thẳn thật thà thì thua thiệt. Lọc lừa luồn lọt lại ăn nhậu xả láng thời nào cũng có lọ chi lúc bán sức mà ăn. Vậy đi cho nó lành.

Nhưng đời vốn không lành. Nó rách.

oOo

Rách làm sao?

Mùa thu hoạch mía nắng như đổ lửa. Có là lửa thiệt thọ cũng phải gom phải bốc. Lá mía khô như ngói chỉ cần một tàn thuốc lá là bình địa liền một khi. Mía mà cháy thì trời cứu. Vậy nên anh em bốc xếp phải tranh thủ giải quyết nhanh gọn đẹp cho chủ vườn. Đặc biệt khâu gom đống. Mía phải nằm hai bên để xe hoặc tới hoặc lùi, đầy xe là ra chứ không chạy lòng vòng. Minh Tàn và hai thằng cũng mét sáu xương xẩu như Lão Khúng trong Phiên Chợ Giát của Nguyễn Minh Châu chịu trách nhiệm. Ba thằng cật lực từ sáng tới trưa, chiều lấn sang tối luôn chứ không ít. Cũng có nghỉ trưa để ăn uống, làm mà không ăn chết mang theo mà được à. Sỡ dĩ nhắc Lão Khúng là bởi Minh Tàn là một con mọt sách. Đi đứng ăn uống chi hắn ta cũng chúi mủi vào chữ. Làm việc thì sách đút vô túi quần hộp. Ưng lên Minh Tàn kể cái đã đọc cho anh em nghe. Anh em bốc xếp biết danh xưng Lão Khúng là nhờ Minh Tàn. Và cũng chính anh em gọi tàn là khúng. Ê... Khúng... làm với anh em một lý coi.

Trưa hôm ấy. Anh em nghỉ ăn trưa thì Minh Tàn nhảy lên cabin một chiếc Kamaz mười lăm tấn. Sở dĩ Tàn không theo anh em ra quán cho mát mẻ là bởi hắn thấy trên cabin có một cuốn sách. Cái dòng mê chữ thì thấy một mẫu báo trên đường còn nhặt lên đọc nói chi sách. Tàn vừa ăn trưa vừa đọc. Cuốn sách có tên "Một ngày chờ đợi" của Ernest-Hemingway. Về sau Minh Tàn khai với công an vậy và trong tường thuật Tàn viết

rằng, đọc cuốn sách đến khi anh em vào, Tàn xuống xe tiếp tục công việc chứ không có tơ hào táy máy tay chân như tài xế đã vu khống.

Thật là rách rưới cho cuộc đời. Ba giờ chiều xe mía hoàn tất vụ bốc xếp. Tài xế không cho ra như thường lệ mà ngồi trước đầu xe yêu cầu anh em tập họp cho hắn ta nói chút chuyện. Rằng:

Trưa nay ai đã lên xe của tôi?

Thằng Khúng. – Một bốc xếp nói.

Khúng là ai? – tài xế hỏi.

Tao. – Minh Tàn nói – có gì không?

Có đọc sách nhưng Tàn du côn lắm. Nên thông cảm cho dân kiếm ăn bằng sức giữa nắng đổ lửa. Không mày mi tau tớ không văng tục chửi thề đâu phải bốc xếp. Đúng không? Tài xế tiếp tục:

Anh trả cặp mặt kiếng cho tôi.

Kiếng gì?

Kiếng mát.

Á... đú mà... cặp mắt kiếng mấy lăm đồng bạc mà mày nói tao thó? Nói lại đi đừng để mất lòng lớn à.

Tài xế rất điềm đạm. Dân lái xe mà đọc Hemingway đâu có du thủ:

Cặp mắt kiếng của tôi là hàng xách tay về từ California hiệu Rayband. Giá những ba trăm đô la mỹ chứ không phải ba cái ở vỉa hè ở Sài Gòn.

Thì sao? Lý do gì mày bảo tao thó mắt kính của mày?

Kính tôi để kế bên cuốn sách. Chỉ một mình anh lên xe anh không lấy thì ai vô. Trả đi. Nếu không tôi yêu cầu chính quyền làm việc với anh. Cabin xe là nhà riêng của tài xế. Anh lên xe kiểu nầy tương đương với xâm nhập gia cư bất hợp pháp. Hiểu không?

Vậy rồi mày lợi dụng thời cơ để vu vạ hòng kiếm ba trăm đô la từ một thằng khố rách như tao à? Không có đâu.

Tôi vu một bốc xếp như anh làm gì. Tôi chạy xe một ngày, anh làm mười ngày chưa chắc đã bằng. Tôi ăn của anh tổn đức lắm. Tôi chỉ yêu cầu anh trả lại cho tôi thôi. Tôi khuyên anh đừng lấy của người làm của mình.

Cả bọn bọc xếp đương nhiên trong đó có Vũ Uy đưa mắt nhìn Minh Tàn. Về sau Vũ Uy nói, sở dĩ anh ta lên tiếng bênh vực là vì nhìn vào mắt Minh Tàn, Uy nhận ra anh ta không bao giờ là thủ phạm. Uy nói bác tài:

Anh xem có bỏ quên đâu đó không chứ anh Minh xưa nay không có trò thò tay mặt bốc tay trái.

Chỉ có anh ta. Và mắt kính tôi luôn để trên xe.

Nhìn Minh Tàn anh ta tiếp:

Từ mười hai đến một giờ anh dư dủ thời gian để đem dấu rồi lên xe vờ đọc sách... trả lại đi. Anh không nuốt được đâu.

Tao nói không là không. Mày muốn làm chi đó thì làm.

Vậy là thể theo yêu cầu, Minh Tàn cùng tài xế lên ủy ban nhân dân trình báo vụ chôm chỉa có mệnh giá lớn. Ba trăm đô mỹ là quá lớn chứ còn chi nữa. Nầy nhé công bốc một tấn mía chỉ một ngàn. Một trăm đô mỹ thời điểm ấy là năm trăm ngàn tiền việt. Lấy năm trăm ngàn chia cho một ngàn là Minh Tàn hộc xì dầu với năm trăm tấn mía. Ở ủy ban mọi bất lợi thuộc về lão Khúng tội nghiệp. Tất cả từ tư pháp, công an, cả chủ tịch xã cũng:

Anh Minh à... anh là dân tạm trú. Tôi khuyên anh nên trả lại cho người ta bằng không mệt lắm... Anh phải nghĩ đến vợ con anh chứ.

Vậy rồi tất cả theo nhau về đám mía, nơi chiếc Kamaz đang chờ chủ. Sở dĩ tập trung ở đây là vì ai cũng tin – trừ Vũ Uy - Minh Tàn dấu đâu đó trong đám mía. Tất cả đổ ra truy lùng. Điên thiệt chớ. Kẻ dấu – nếu có – một vật bằng một phần ba bàn tay giữa một biển mía thì đúng là quá điên khi truy tìm.

Và tất cả dừng truy căn khi nhìn thấy Minh Tàn đứng trên đầu cabin xe. Tay cầm một chiếc can hai lít bằng nhựa. Chất lỏng trong can có màu đỏ. Mẹ cha ôi! Xăng... Tàn lớn tiếng chửi thề:

Tao đã nói không là không. Đá mú... bọn mày nói tao chôm thì hôm nay tao đốt sạch bách cho tụi mày biết lễ độ là đổ lệ. Tao thui tao với xe mía nầy thì khu vực này cũng tiêu tùng... danh dự tao không chỉ là ba trăm đô... đá mú...

oOo

Không biết làm sao diễn tả cho hết về sự náo động của

chiều hôm ấy.

Ba giờ chiều tài xế yêu cầu bốc xếp tụ lại. Ba rưỡi tài cùng Minh Tàn lên ủy ban. Bốn rưỡi tất cả trở lại bãi mía, cũng thời điểm này nhân vật vô tri vô giác có tên xăng xuất hiện. Tuy vô tri giác nhưng xăng nguy hiểm khôn lường, đã thế Minh tàn còn chẹt tắt, tắt chẹt cái hộp quẹt "gaz bic" trên tay mới là ớn lạnh... dân chặt mía cả trăm ngoe nghe ồn ào vội chạy lại coi chơi cho biết càng góp thêm cho náo động tưng bừng là tưng bừng... má ơi... chạy... chạy khỏi bãi gấp... cha nội Minh Tàn liều khét tiếng xứ này... nó mà đốt là đội chuối khô đi âm phủ cả đám... Sơn – chủ xe tải kiêm chủ nhân mắt kính Raybant – xách tay từ mỹ - mặt tái như chàm đổ. Cháy chiếc Kamaz thì Sơn chết thiệt. Bốc xếp:

Đừng chẹt hột quẹt Minh Tàn ơi... tia lửa bắt hơi xăng là thí mụ nội Khúng ơi là Khúng... tao lạy mày... có gì từ từ giải quyết...

Như đã nói. Cả chủ tịch, trưởng công an xã đều có mặt ở hiện trường để thấu đáo mà dứt điểm vụ mắt kính ba trăm đô. Nước nầy thì ông trời còn té tè nói chi phàm nhân tham sống sợ chết. Cái thằng Tàn này chủ tịch rành nó lắm. Lúc mới thành lập Tàn lên xã xin làm giấy cho hai đứa con hắn đi học. Sáu tuổi mới khai sinh khai siếc nên tư pháp yêu cầu nộp phạt theo quyết định chi chi đó... thằng khốn nầy không thông pháp luật nên lớn tiếng:

Sao lại phạt và phạt bao nhiêu?

Trễ sáu tháng là phạt rồi đằng nầy những sáu năm... Anh làm cha sinh con ra mà giờ nầy mơi khai sinh là sao? Vô trách nhiệm vừa thôi chứ.

Cũng nên thông cảm cho cán bộ xứ ta. Một số trong họ, quan liêu hách dịch lắm. Họ chả quan tâm vì sao anh hay chị đến lúc này mới khai sinh. Phạt được cứ phạt. Vậy là tư pháp xướng cái giá. Minh Tàn trả lời:

Bi nhiêu thì bi nhưng bây giờ không có một teng, anh cứ khai sinh chừng có tiền tôi nộp.

Trưởng ban tư pháp cười:

Anh khôn vặt vừa thôi. Để cho người khác khôn với chớ.

Về đi, chừng nào có tiền thì làm.

Tàn lớn tiếng:

Tôi khai sinh cho con tôi học. Xin khất anh không cho, vậy con tôi thất học là do anh. Tôi sẽ kiện cho anh xem.

Cứ tự nhiên kiện tôi sẵn sàng hầu. Anh đi hỏi thử xem trên thế giới nầy có ai nợ tiền phạt không?

Tàn hung hăng... tiết vịt đúng nghĩa đen của ba từ này:

Sao không? Trần gian nầy thằng nghèo thiếu nợ thằng giàu, thằng giàu nợ thằng giàu hơn, thằng giàu hơn nợ thằng giàu hơn nữa. Thằng giàu hơn nữa nợ ông ngân hàng, ông ngân hàng nợ ông nhà nước, ông nhà nước nợ thằng nước ngoài. Ông chỉ thử tôi một thằng không thiếu nợ trên đất nước này xem thử cái đi.

Nghe ồn ào chủ tịch mở cửa lắng tai. Nghe xong chỉ đạo cho tư pháp khai sinh cho con kẻ suốt đời ở rừng, vợ đẻ trong rừng luôn thì khai sinh trễ phải rồi. Làm cán bộ phải sâu phải sát, cứ theo chỉ thị tuy không sai nhưng... có sai tí chút vì quyền lợi của dân cũng là nên lắm.

Hôm nay cũng vì sâu vì sát nên mặt mày chủ tịch xanh xao vàng vọt luôn:

Minh Tàn – chủ tịch ra lịnh – mày bỏ can xăng xuống tao chịu trách nhiệm cái mắt kính. Mày sẽ không chịu bất kỳ một trách nhiệm gì. Tao hứa đó. Cháy một phát là đời mày...

Má – Tàn văng tục – bộ ông ăn cắp hay sao mà chịu? Tôi đẻo cần cái thương xót vì sợ của ông... thằng nầy không trộm cắp đẻo cần ai bảo vệ.

Bọn chặt mía ba chân bốn cẳng chạy ra khỏi đám mía. Lúc nầy tuy đã chiều nhưng mùa khô hạn, mía cháy đêm còn có thì chiều nó sợ chi khi có xăng. Chạy gấp, nó mà cháy là không kịp... ăn cơm chiều. Chết mà đói là thành con ma đói...

Lúc ấy tập đoàn trưởng Hai Lóng và tập đoàn phó Ba Bôi sánh vai đi vào. Ở xứ nầy không có cái gọi là hợp tác xã nông nghiệp mà tại vị cái tập đoàn sản xuất. Quý ông quý bà làm nông nghiệp vào tập đoàn sản xuất được hưởng rất nhiều quyền lợi. Mía là một ví dụ. Nông dân sẽ được đầu tư phân bón giá rẻ thì chớ, còn đến mùa thu mới trừ tiền. Ai vào tập đoàn đương

nhiên có phân bón. Thu hoạch, con nợ của nhà máy, mía sẽ được thu trước. Ai không là tập đoàn viên thì phân bón tự cung. Thu hoạch tự chạy xe cộ. Cái tự chạy xe nầy cũng mệt lắm. Không chung chi chút chút tài xế "ai hé vờ nô them, ai nô pờ ri"(Không có thời gian, không rảnh) liền một khi.

Hai Lóng và Ba Bôi chịu trách nhiệm phân bón cho dân và mía giao nộp cho nhà máy. Hai ông ngày nào cũng áp tải mía về nhà máy lấy chữ đường, biên lai cho chủ vườn. Thấy dân chặt ào ào như chạy giặc, Hai Lóng chận lại và nghe rằng chạy mau đi... thằng Minh Tàn đòi đốt xe. Hai ông cũng ào ào ba chân bốn cẳng chạy vào... ra là cái mắt kiếng..

Và... trời ạ! Cái mắt kiếng ấy đang năm trên sống mũi của Ba Bôi.

Trời ơi – Ba Bôi nói – quên rồi sao ông Sơn. Chuyến hồi sáng trên xe thấy cái mắt kiếng đẹp quá, tui đeo thử cho biết ba trăm đô la mỹ khi đeo nó ra sao... ông còn nói đeo đi chiều hay mai trả tui cũng được.. ông quên rồi sao...

Đúng lúc nầy bốc xếp Vũ Uy leo lên xe mía từ phía sau và tiếp cận sau lưng Minh Tàn. Từ mui xe Uy nhảy xuống ôm Minh Tàn, tay giật bình xăng... Mẹ cha ơi... thiệt là hú hồn.

Tất cả đều hoàn hồn.

Chả hiểu sao sau 1975 cao điểm những năm 76, 77, 78... rệp nhiều ơi là nhiều. Bắt con rệp dùng hai ngón tay miết một phát. Mùi của rệp hôi ơi là hôi, vậy mà giết xong người ta lại đưa lên mũi . Mười lần đúng một chục. Xăng cũng vậy. Tổ trưởng bốc xếp Vũ Uy đưa miệng bình lên mũi rồi phán:

Á... đù... nước lạnh.

Kể đến đây Năm Lựu Đạn nói:

Tao cũng bó tay với Minh Tàn. Nước lạnh thì ai làm được gì nó. Đúng là dưới đáy cuộc đời có lắm thằng ghê gớm. Tụi mày thấy nó uy không...

NGUYỄN TRÍ

TÔN NỮ MỸ HẠNH
QUÀ CỦA NẮNG

Đâu phải nắng mùa đông da em mịn trắng
Nắng mùa xuân hây hây má em hồng
Và mùa thu nắng ửng vàng lên mái tóc
Cái nắng hè vàng áo lụa em phơi

Tuổi thần tiên em xanh tháng ngày của nắng
Có cái nắng ngu ngơ
Những buổi tan trường
Em thấy nắng trổ hoa
Lao xao trong tiếng chim chuyền ngây ngây mùi cỏ
Bồng bềnh trôi trên môi người rất lạ
Em tự để hồn mình đi lạc
Cảm nhận một chút ngu ngơ
Trái cấm không phải là loài độc dược.

Em đợi bình minh lên
Căng lồng ngực nghe tim mình nín thở
Đón nhận món quà xuân đầu tiên của nắng
Xanh trong mắt người tình
Bay qua dãy ngân hà xa thẳm
Đậu trên vành môi màu vang đỏ
Ướp tóc em thơm lừng hương bồ kết
Đi qua một thời thiếu nữ.

Tôn Nữ Mỹ Hạnh

CHẬP CHỜN LAU TRẮNG

Tôi đi qua mùa lau trắng
Trắng bạt ngàn triền đồi đầy gió heo may
Ngày ngủ đông chưa bật mầm hạt cỏ
Sương chùng chình giấu sợi thương sợi nhớ
Ký ức tinh khôi trôi dạt tự phương nào
Thả rong giữa miền đại hoang đầy nắng bụi
Giữa miền bão giông của tháng tận năm cùng
Phất phơ ngọn một ngày đông lạnh giá.

Lặng lẽ bên triền sông
Vạt lau trắng dịu dàng trổ mùa hoa năm cũ
Đợi người về làm cuộc viễn du
Chuyến hành trình xa ngái
Xóa dấu lạc đà lạc trong cơn bão cát
Ký ức hoài niệm một ốc đảo xanh
Khát khao mùa tình trong đêm ly biệt.

Cũng chỉ là bóng mây tan
Người đâu thấy mùa lau trắng qua đời nhau như thế
Tiếng hát chìm sâu giữa trùng trùng dâu bể
Nơi ghềnh cao đá dựng
Làm sao trở về tìm giấc mơ cổ tích
Rong chơi trên vùng đồi ngày xưa
Cùng tôi chơi trò cút bắt
Chỉ còn lại một mình "Chập chờn lau trắng trong tay"*

TÔN NỮ MỸ HẠNH

**Ca từ trong ca khúc Chiếc lá thu phai của Trịnh Công Sơn.*

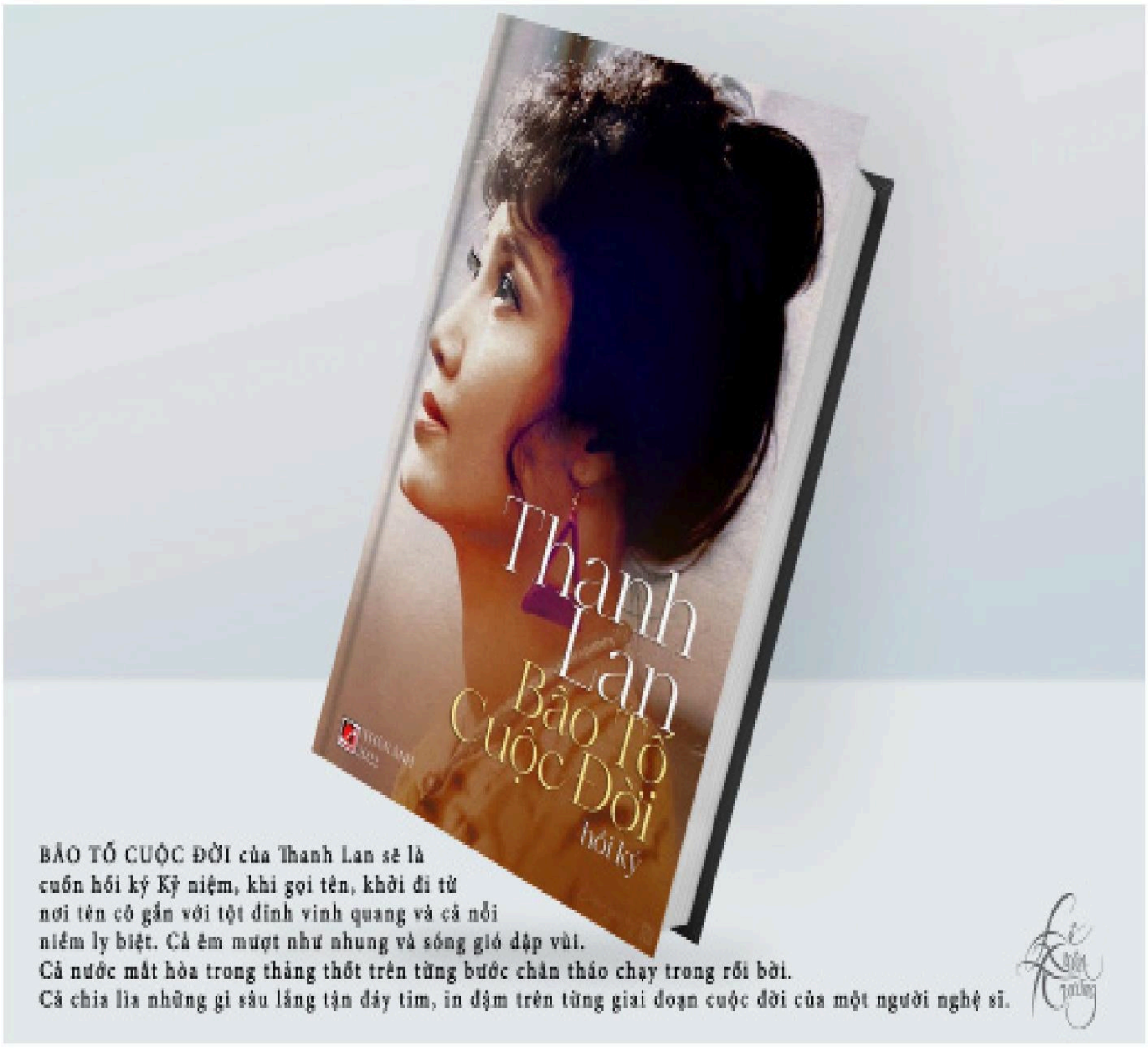
Thanh Lan
Bão Tố Cuộc Đời
hồi ký
BÃO TỐ CUỘC ĐỜI của Thanh Lan sẽ là
cuốn hồi ký Kỷ niệm, khi gọi tên, khởi đi từ
nơi tên cô gắn với tột đỉnh vinh quang và cả nỗi
niềm ly biệt. Cả êm mượt như nhung và sóng gió dập vùi.
Cả nước mắt hòa trong thảng thốt trên từng bước chân tháo chạy trong rối bời.
Cả chia lìa những gì sâu lắng tận đáy tim, in dậm trên từng giai đoạn cuộc đời của một người nghệ sĩ.

Trân trọng giới thiệu tập thơ của Nhà thơ **KHALY CHÀM**
(một tác giả ở Việt Nam, từng cộng tác với Văn Học Mới)
MÊ HOẶC CỦA LỬA, do NXB chi nhánh Hội Nhà Văn
TP/ Hồ Chí Minh. Hochiminh City Cuture-Literature
and arts publishing House 371/16. Hai Bà Trưng. P8.
Q 3. TP.HCM. Tập thơ dày 112 trang...
Liên lạc với tác giả:Email: **khalycham@yahoo.com**
Điện thoại: 0356.890.320

cầm tinh con ngựa (giáp ngọ)
nơi sinh và lớn lên: quận 3 Sài Gòn
nguyên quán: đồng bằng Cửu Long Giang
năm 1995 cầm bút viết lại cho đến ngày hôm nay
trên những website trong & ngoài nước
chỗ cư trú: ấp Thượng, xã Tân Thông Hội
huyện Củ Chi - tp HCM
hiện nay: sáng tác tự do
tác phẩm đã in: đi về phía mặt trời. nxb văn nghệ 2006
tình khúc tặng bạn bè. nxb văn nghệ 2008
phù sa của gió (in chung) nxb văn nghệ. 2009
nắng qua lăng kính. nxb văn hóa văn nghệ. 2010
giải mã khái niệm. tự in & xuất bản
đi ra từ gương chiếu. nxb văn hóa văn nghệ. 2018
email: khalycham@yahoo.com
điện thoại: 0356.890.320

sự mê hoặc của lửa thơ khaly chàm

khaly chàm

sự mê hoặc của lửa

thơ

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

Quà Tặng Giữa Mùa Dịch, tập truyện của **Lê Hữu**

Tuyển tập gồm nhiều truyện ngắn, là những câu chuyện thật ngoài đời được tác giả viết lại thành truyện, đặc biệt là những câu chuyện trong mùa đại dịch này với nhiều cảm xúc dễ lay động lòng người để thấy "đâu đó trong cuộc sống vẫn còn rải rác những tấm lòng".

Sách dày 300 trang.

Giờ Ra Chơi xuất bản
Liên lạc: **lehuu123@hotmail.com**

Toàn BBT và quí cộng tác viên tạp chí VĂN HỌC MỚI :
Vô cùng thương tiếc
Nhà thơ/ Nhà văn **HOÀI ZIANG DUY**
Sinh năm 1948 tại Châu Đốc, miền Nam Việt Nam.
Đã qua đời vào lúc 6 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 6 năm 2022 tại Virginia, Hoa Kỳ. **Hưởng thọ 75 tuổi**

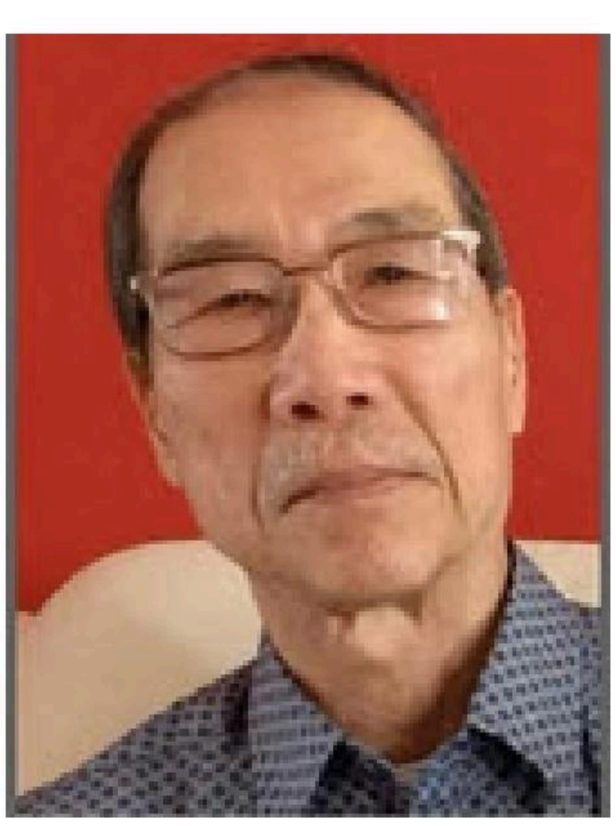

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng chị Phương Thảo Huyền và tang quyến.
Cầu hương linh người quá cố sớm siêu thoát!!

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Chàm, Hà Nguyên Du, Quyên Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Trịnh Bửu Hoài, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyên Lạc, Nguyên Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Lĩnh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Tràm Cà Mau, Nguyên Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyên Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Nguyễn Minh Nữu, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phượng, Phan Tưởng Niệm, Bạch Xuân Phẻ, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quyên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quyên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Kiến Thiết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tôn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyến, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vy, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phượng Uyển, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

Toàn BBT và quí cộng tác viên tạp chí VĂN HỌC MỚI :
Vô cùng thương tiếc
Họa sĩ RỪNG (Nhà văn KINH DƯƠNG VƯƠNG
Nhà thơ DUNG NHAM)
Sau một thời gian bạo bệnh, Hoạ sĩ Rừng vừa tạ thế tại Garden Grove Hospital , miền Nam California lúc 4 PM ngày 8/6/2022.
Hưởng thọ 81 tuổi .
Họa sĩ Rừng tên đầy đủ là Nguyễn Tuấn Khanh, quê gốc Phú Thọ, sinh tại Nam Vang (Phnôm Pênh, Campuchia) năm 1941, thành dành ở Sài Gòn trước 1975, từ thập niên 1990 định cư ở Hoa Kỳ. Với hơn 2.000 tác phẩm và hơn 30 triển lãm cá nhân.

Chúng tôi Cầu hương hồn người quá cố an lạc nơi cõi vĩnh hằng

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Chàm, Hà Nguyên Du, Quyên Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyên Lạc, Nguyên Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Lĩnh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Tràm Cà Mau, Nguyên Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyên Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phượng, Phan Tưởng Niệm, Bạch Xuân Phẻ, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quyên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quyên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Kiến Thiết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tôn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyến, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vy, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phượng Uyển, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

Toàn BBT và quí cộng tác viên tạp chí VĂN HỌC MỚI :
Vô cùng thương tiếc
Nhạc sĩ CUNG TIẾN
Qua đời ngày 10/5 tại Los Angeles, California. Tang lễ được tổ chức hôm 2/6 trong phạm vi gia đình và một số thân hữu. Sau khi hỏa táng, tro cốt được đặt tại Nhà tang lễ, Công viên tưởng niệm núi Conejo (California).

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến.
Cầu hương linh người quá cố sớm siêu thoát!!

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Chàm, Hà Nguyên Du, Quyên Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Trịnh Bửu Hoài, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyên Lạc, Nguyên Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Lĩnh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Tràm Cà Mau, Nguyên Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyên Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Nguyễn Minh Nữu, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phượng, Phan Tưởng Niệm, Bạch Xuân Phẻ, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quyên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quyên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Kiến Thiết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tôn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyến, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vy, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phượng Uyển, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

Toàn BBT và quí cộng tác viên tạp chí VĂN HỌC MỚI :
Vô cùng thương tiếc
Giáo Sư NGUYỄN XUÂN VINH,
một khoa học gia, một nhà giáo dục, một nhà văn có tác phẩm đoạt giải văn chương toàn quốc, một cựu tư lệnh Không Quân VNCH, vừa qua đời lúc 2 giờ 39 phút chiều Thứ Bảy, ngày 23 /7 /2022, tại tư gia ở Costa Mesa, California, hưởng đại thọ 92 tuổi.
Ngày Thứ Sáu, 29 Tháng Bảy, sẽ tổ chức Thánh Lễ An Táng tại nhà thờ thờ Chính Tòa Chúa Kitô, Garden Grove. Sau đó, linh cữu giáo sư sẽ được đưa đi hoả táng và tro cốt sẽ được an vị ở nhà thờ này."

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến.
Cầu hương linh người quá cố sớm về hưởng nhan Thánh Chúa.

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Chàm, Hà Nguyên Du, Quyên Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Trịnh Bửu Hoài, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vy Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyên Lạc, Nguyên Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Lĩnh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Tràm Cà Mau, Nguyên Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyên Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngạn, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Nguyễn Minh Nữu, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phượng, Phan Tưởng Niệm, Bạch Xuân Phẻ, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quyên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quyên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Kiến Thiết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tôn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyến, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vy, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phượng Uyển, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

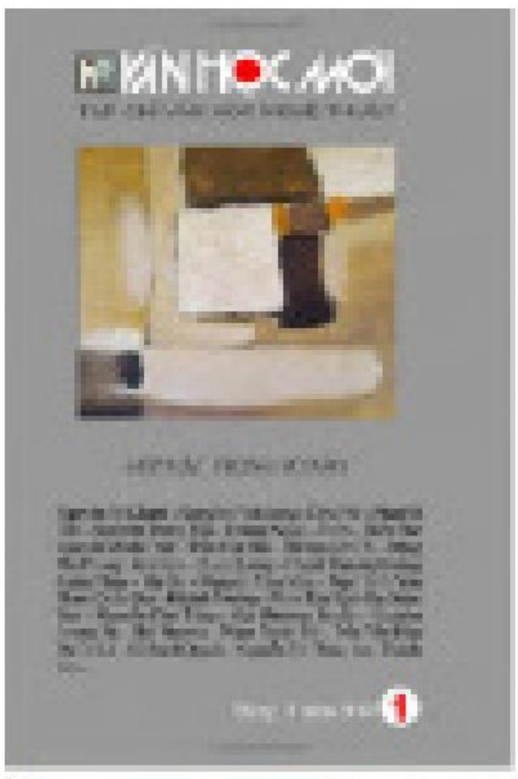
VĂN HỌC MỚI

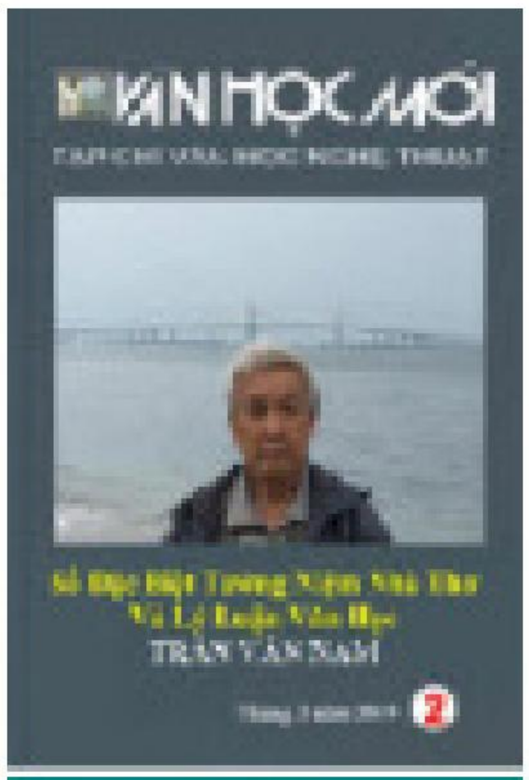
VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
TRẦN VĂN NAM

VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

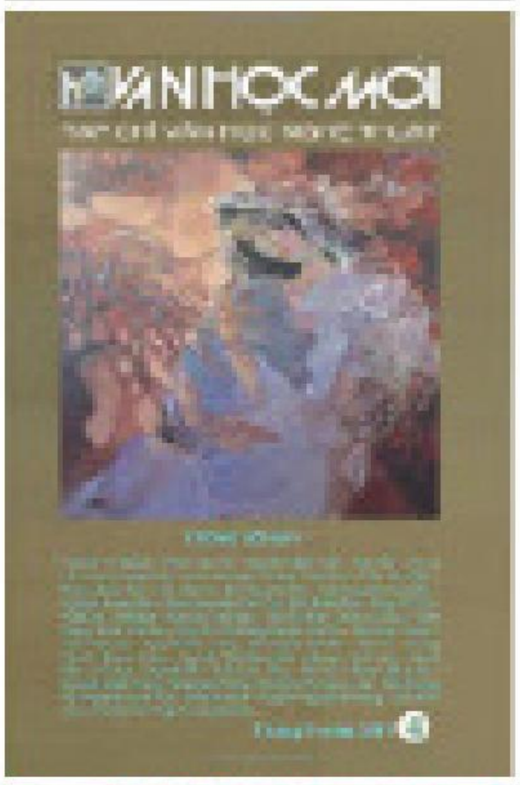
VĂN HỌC MỚI

VĂN HỌC MỚI

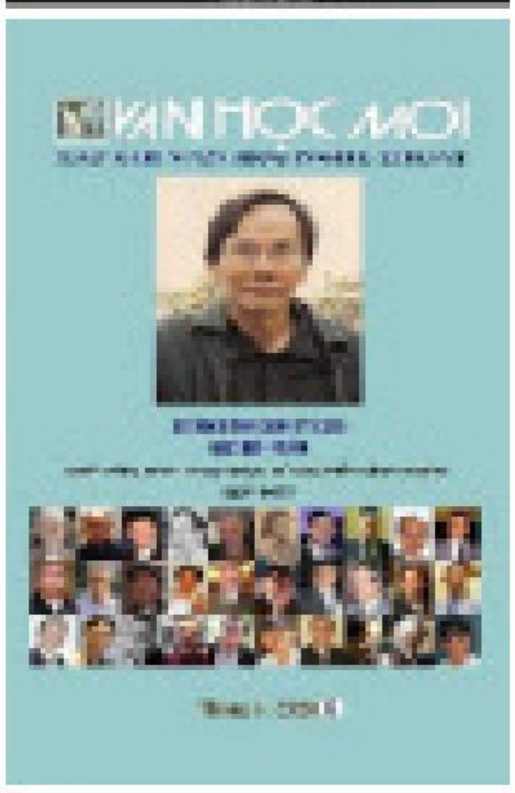
VĂN HỌC MỚI

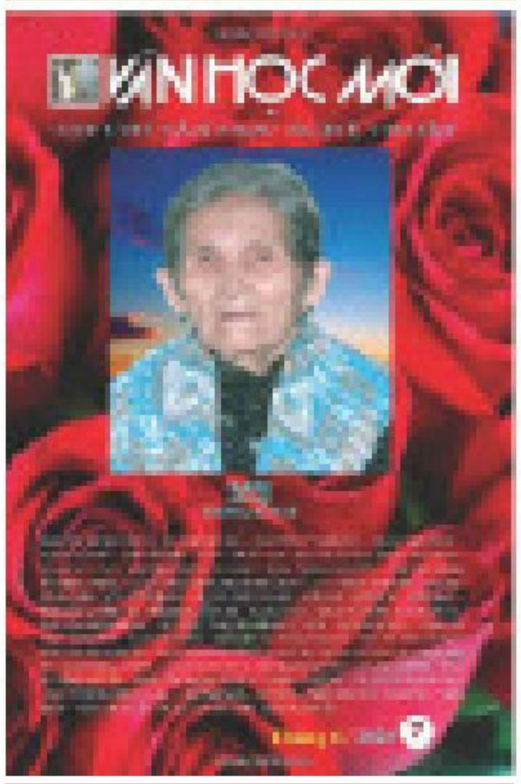
VĂN HỌC MỚI

VĂN HỌC MỚI

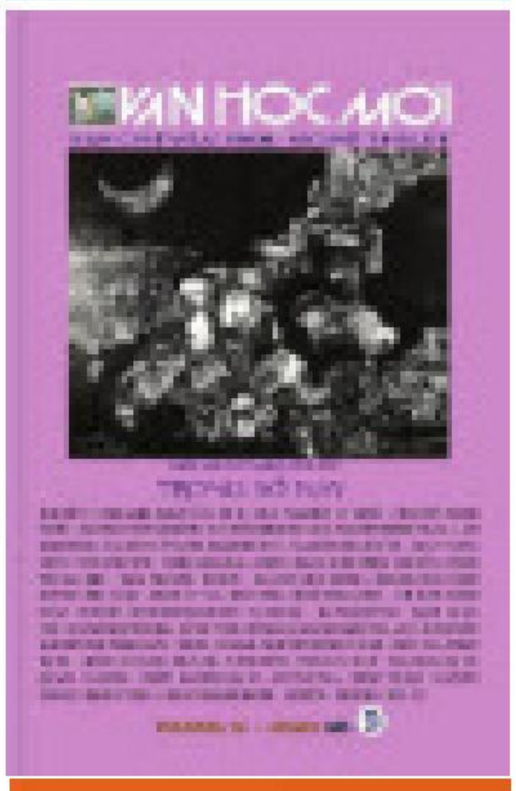
VĂN HỌC MỚI

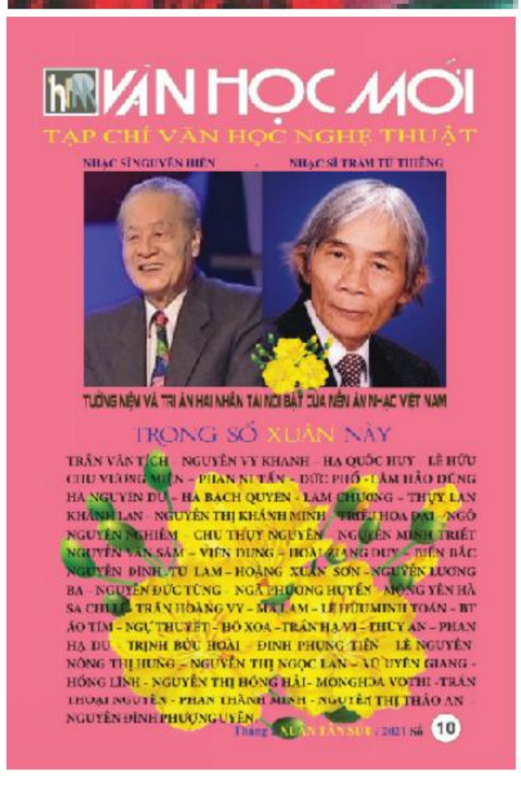
VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
NHẠC SĨ NGUYỄN HIỀN
NHẠC SĨ TRẦM TỬ THIÊNG
TRONG SỐ XUÂN NÀY
Tháng 1 XUÂN TÂN SỬU - 2021 Số 10

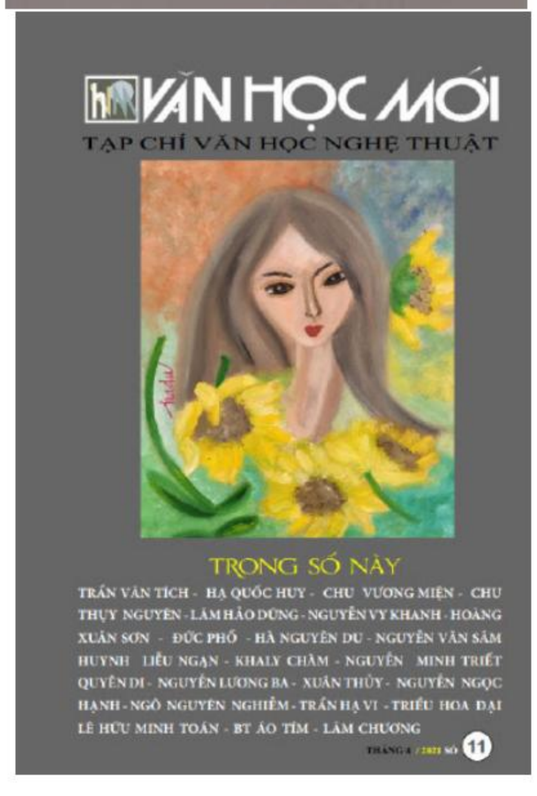
VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
TRONG SỐ NÀY
THÁNG 2 / 2021 SỐ 11

VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
TRONG SỐ NÀY
THÁNG 4 / 2021 SỐ 12

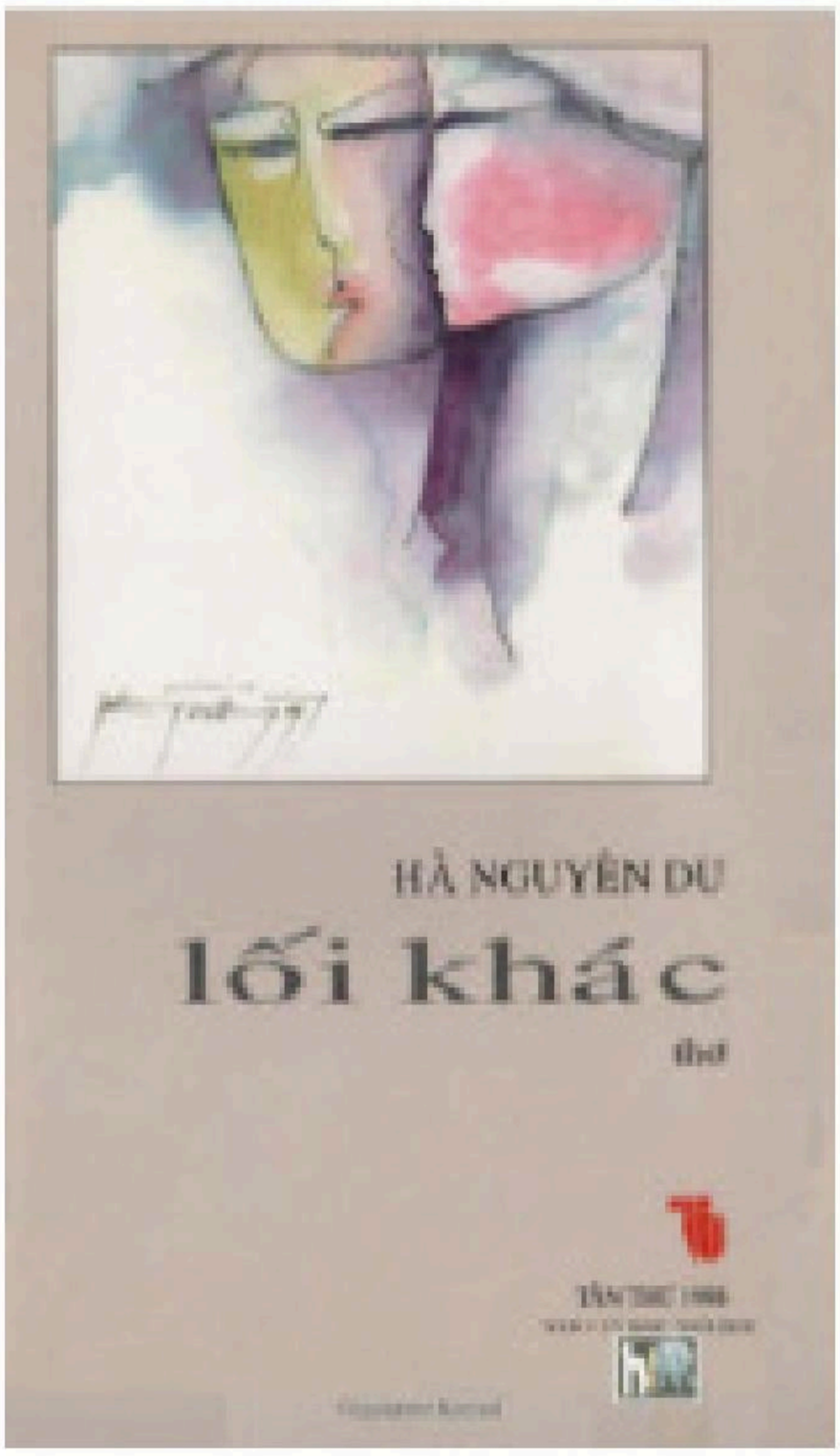
HÀ NGUYÊN DU
lối khác
thơ
TÂN THỨC 1998

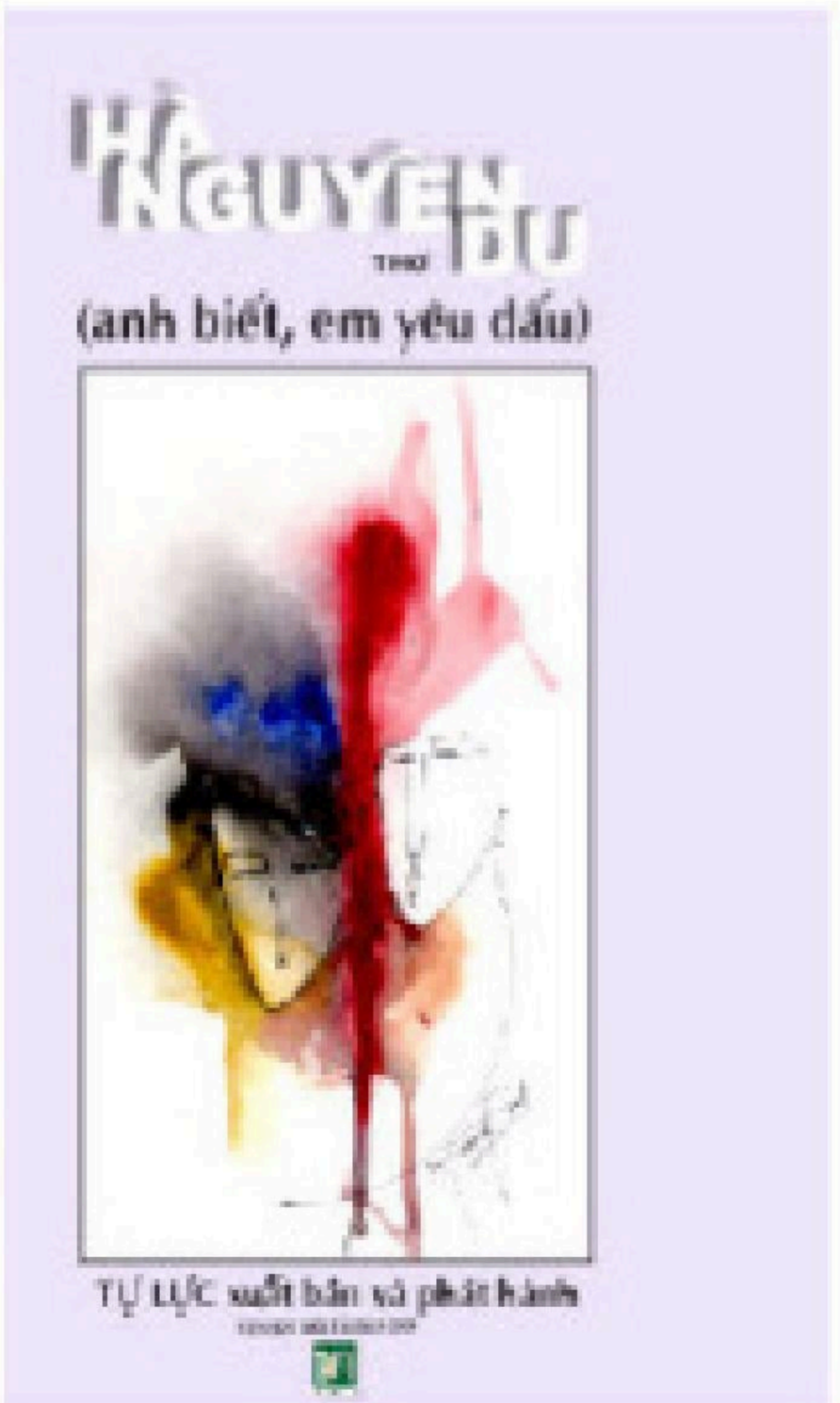
(anh biết, em yêu dấu)
TỰ LỰC xuất bản và phát hành

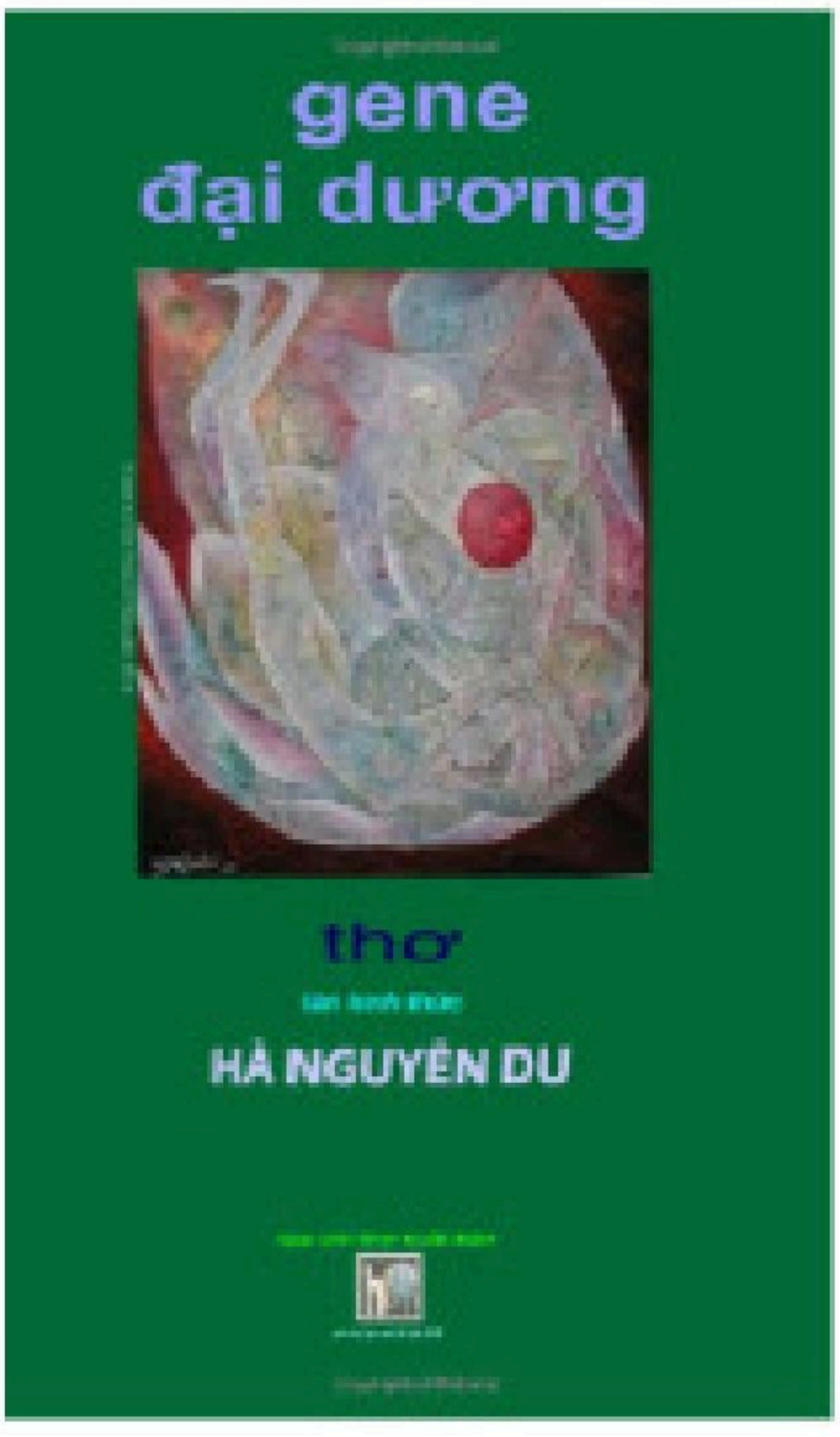
gene
đại dương
thơ
HÀ NGUYÊN DU

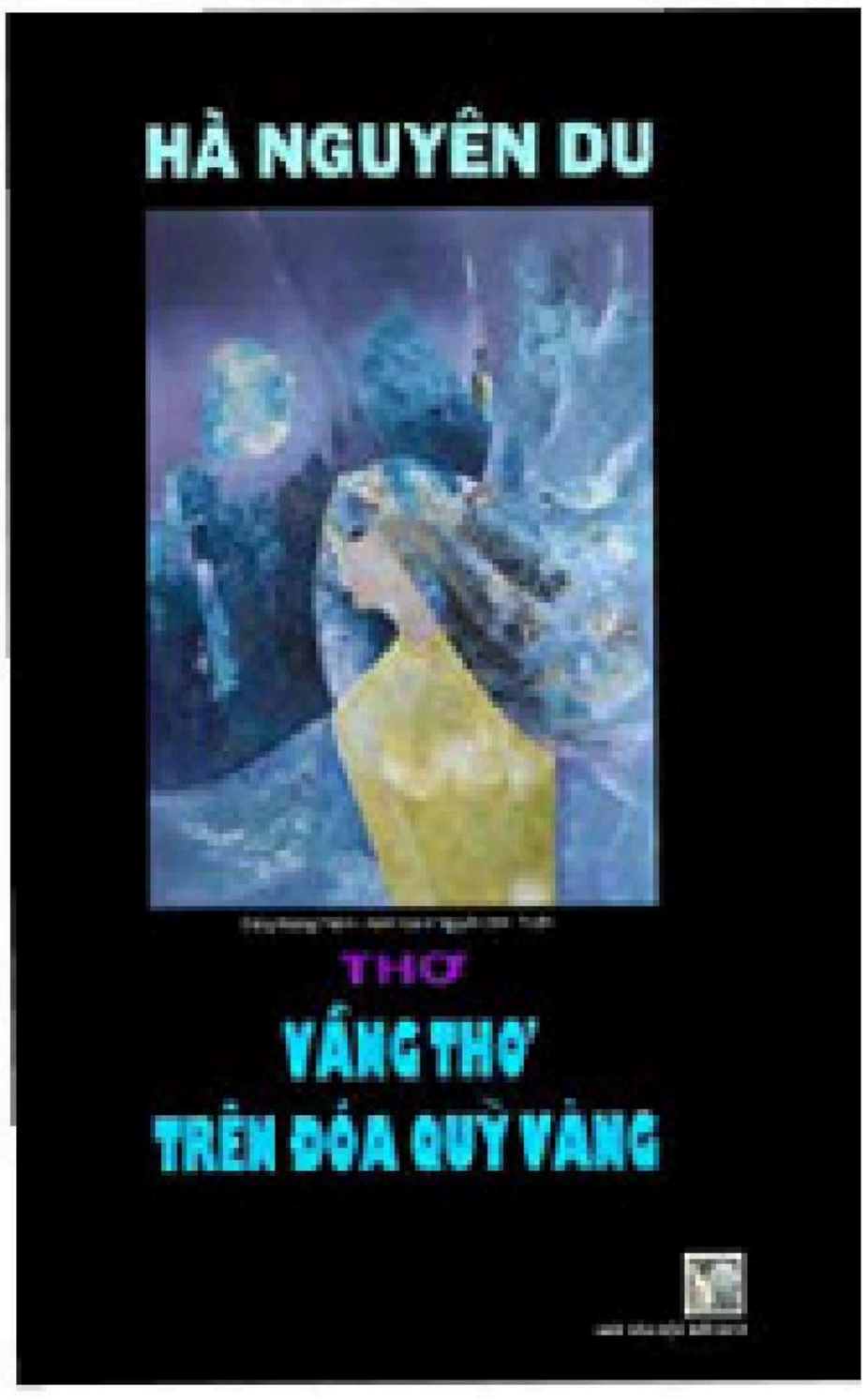
HÀ NGUYÊN DU
THƠ
VẮNG THƠ
TRÊN ĐÓA QUỲ VÀNG

Nhà Thuốc Tây

PROFESSIONAL PHARMACY WESTMINTER

7631 Westminster Blvd., Suite D, Westminster, CA 92683

P: (714) 893-2464 | F: (714) 893-4255

T2-T6: 9am - 6pm | T7: 9am - 2pm

*Dược sĩ **Denise Lê** và toàn thể nhân viên chân thành cảm ơn quý vị đã cho chúng tôi cơ hội được phục vụ trong nhiều năm qua, và mong tiếp tục được sự ủng hộ của quý vị trong nhiều năm tới.*

Đến với nhà thuốc, quí khách sẽ được giúp đỡ tận tình.

Chúng tôi:
- Nhận mọi bảo hiểm
- Chích ngừa các loại
- Giao thuốc miễn phí đến tận nhà.

*Dược sĩ **Denise Lê***
trân trọng kính mời!

PROFESSIONAL PHARMACY
FAIRVIEW ST.

1002 N. Fairview St., Santa Ana, CA 92703
P: (714) 881-0012 | F: (714) 881-4321
T2-T6: 9am - 6pm | T7: 9am - 1pm

PROFESSIONAL PHARMACY
FIRST ST.

2339 W. First St., Santa Ana, CA 92703
P: (714) 278-4800 | F: (714) 278-4769
T2-T6: 9am - 6pm | T7: Đóng Cửa

DOCTOR OFFICE
KELVIN MAI
INTERNAL
MEDICINE
(714) 332-1069
Uy tín - Tận tâm
CHUYÊN TRỊ:
- Bệnh Nội Khoa như bệnh tim mạch, cao áp huyết, cao mỡ, tiểu đường, gan, thận, phổi.
- Các bệnh thần kinh, đau nhức, phong thấp.
- Bệnh đường ruột, đường tiểu.
- Yếu sinh lý cùng bệnh nhòai da, nám da...
- Trị thẹo lồi, đốt mụn cóc, thịt dư...
- Có chích ngừa các lọai...
- Có máy đo tim, theo dõi tim suốt 24 giờ.
- Máy thử thính lực và máy đo chức năng phổi.
- Có chích thuốc bổ, thuốc trụ sinh, truyền nước biển.
- Chữa trị đau nhức hiệu qủa bằng bấm huyệt, nắn xương, chỉnh gân và bắp thịt.
- Chích thuốc đau nhức, chích thuốc nhờn cho đầu gối.
- Có siêu âm gan, thận, mạch máu và các lọai siêu âm khác tại phòng mạch.
Chúc Mừng Xuân Kỷ Hợi
An Khang Thịnh Vượng
Địa Chỉ 1:
1002 N. Fairview Street,
Santa Ana, CA 92703
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205
Giờ làm việc:
Thứ Hai, Tư, Sáu:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 1:00PM
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM
Địa Chỉ 2:
12666 Brookhurst Street, #130
Garden Grove, CA 92840
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714)709-4205
Giờ làm việc :
Thứ Ba & Thứ Năm:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 12:00PM
chỉ làm hẹn với Bác Sĩ
Kelvin Mai
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

FINANCIAL DOCTOR

www.BachKhoaInsurance.com

GINA TANG

Financial Strategist

12912 Brookhurst Street, Suite 310

Garden Grove CA 92840

714-209-5571

info@BachKhoaInsurance.com

FREE CONSULTATION

Retirement Plans: IRAs, SEP IRA, Defined Benefit Plan

Future Planning: Set Up College Fund

Life Insurance with Living Benifits/Tax Free Retirement Strategy

Business and Personal Tax Reduction Planning

www.BachKhoaInsurance.com

California Insurance Lic. 0K36635 FINANCIAL DOCTOR

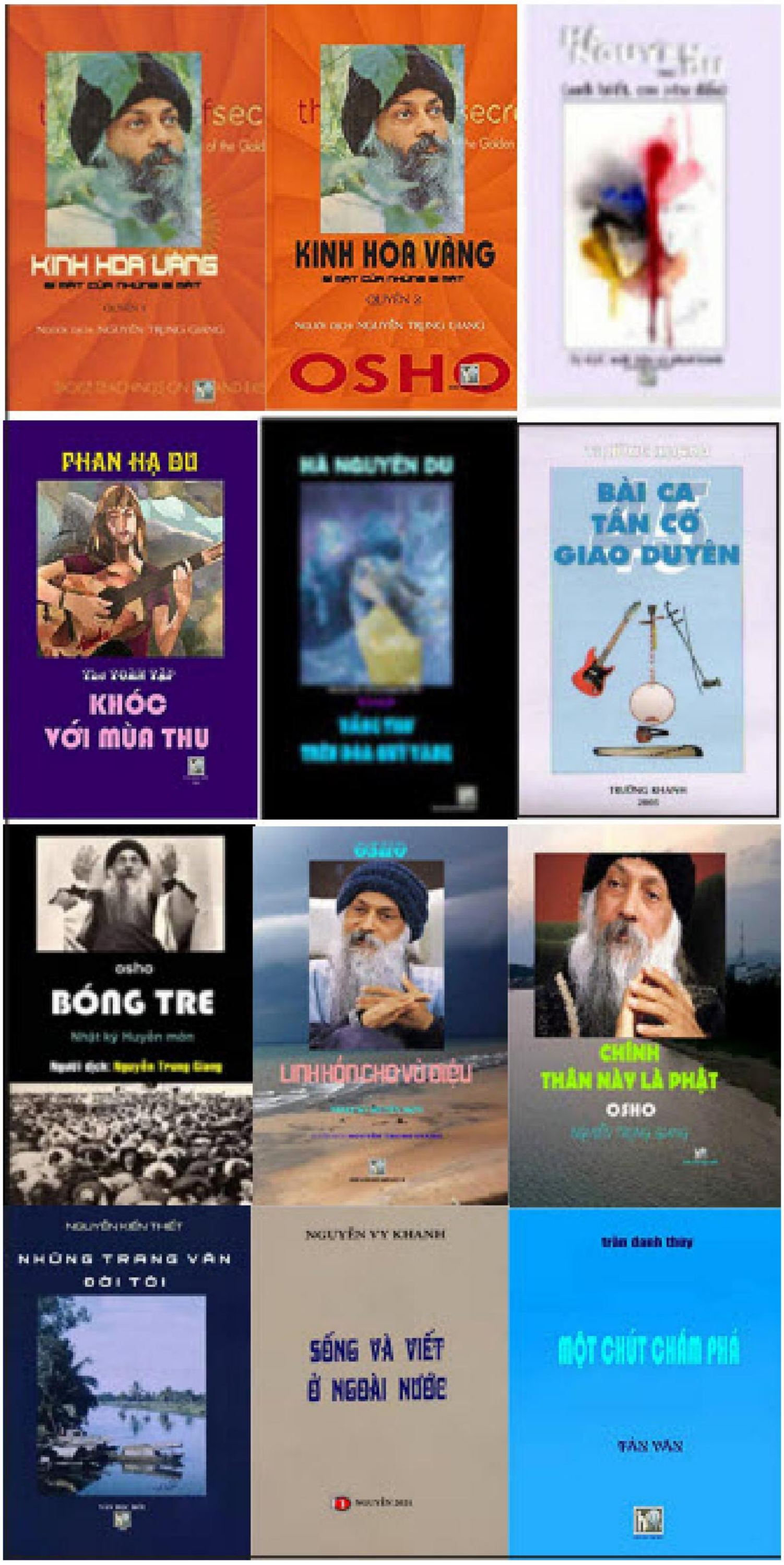
KINH HOA VÀNG
KINH HOA VÀNG
OSHO
PHAN HẠ BU
KHÓC VỚI MÙA THU
BÀI CA TÂN CỐ GIAO DUYÊN
osho
BÓNG TRE
Nhật ký Huyền môn
Người dịch: Nguyễn Trung Giang
CHÍNH THÂN NÀY LÀ PHẬT
OSHO
NGUYỄN KIẾN THIẾT
NHỮNG TRANG VĂN ĐỜI TÔI
NGUYỄN VY KHANH
SỐNG VÀ VIẾT Ở NGOÀI NƯỚC
trần danh thùy
MỘT CHÚT CHẤM PHÁ
TẢN VĂN

Với những người ưa chuộng thi ca, thì thơ Tân Hình Thức, hầu như ai cũng biết, cũng nghe qua, đọc qua. Nhưng "nhạc Tân Hình Thức" thì đây là lần đầu tiên tôi mới được Nhà thơ Hà Nguyên Du cho nghe.

Hà Nguyên Du là một trong những người tham gia sớm và cùng đẩy manh phong trào thơ Tân Hình Thức, sau khi Nhà thơ Khế Iêm là người khởi xướng. Nhưng phổ nhạc từ thể thơ này thì được biết, hẳn anh là người tiên phong. Thơ Tân Hình Thức vốn không dễ làm, nên nhạc Tân Hình Thức càng không dễ phổ thành ca khúc.

Vì thơ Tân Hình Thức như là một loại văn xuôi được cấu trúc dưới hình thức vắt dòng, phá cách, không vần điệu, theo ngũ ngôn, thất ngôn hay luc bát... mà thành. Cho nên khởi xướng thành nhạc từ thể loại này rất dễ bị ảnh hưởng vào cung cách của văn xuôi.

Tuy nhiên, thơ Tân Hình Thức cũng có nhạc tính nên khi phổ nhạc Hà Nguyên Du đã cố gắng thoát ra khuôn sáo trường quy mà tạo được một hình thức tương đối mới lạ trong âm nhạc và lời ca. Đặc biệt, khi phổ nhạc, Hà Nguyên Du chấp nhận để y nguyên gốc, đã không sửa đổi hay thêm thắt chữ nào, ý nào từ bài thơ của các nhà thơ Tân Hình Thức.

Âm nhạc khởi lên từ thơ hình thức, ngôn ngữ và hình ảnh nghe như của văn xuôi, nên lời ca được Hà Nguyên Du khéo léo tháp cánh nâng lên, bay bổng bằng nhạc thuật. dù giản dị nhưng đi thẳng vào tâm tưởng người nghe… **Nhạc sĩ Phan Ni Tấn**

Hà Nguyên Du là một trong những người làm thơ nổi tiếng ngay từ trước 1975 và khi ra hải ngoại, với nhiều thi tập đã được xuất bản và được giới yêu thơ dành cho nhiều hảo cảm đạc biệt…

Thi sĩ còn ở trong cương vị của một người làm thơTân Hình Thức, với cung cách tích cực đẩy mạnh phong trào, ngay từ khởi đầu tham gia.

Thơ THT vốn là một thể loại thơ mới lạ, khó đọc, khó làm vì phá khổ phá luật, vì thế không phải ai cũng có thể tác tạo được một bài thơ – giống như một ma thuật huyễn hoặc nhưng tượng hình trong ngôn ngữ - nếu người làm thơ không phải là người có kỷ năng sáng tạo cao độ cả về thi ngôn lẫn bề dày kinh nghiệm sống sâu sắc trong cuộc đời.

Hà Nguyên Du, gần như là người viết nhạc duy nhất đã thổi hồn nhạc thêu dệt nên những bài thơ nhạc qua thể loại Tân Hình Thức, mà không cần sửa chữa hay thêm bớt một chữ. Đó là biệt tài ngoại hạng mà không phải ai cũng có thể hòan tất được.

Để chứng minh điểm son này, tôi nghĩ, những người yêu thơ, nhất là đối với thể loại thơ Tân Hình Thức do Hà Nguyên Du phổ nhạc, rất nên tìm nghe CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức do ông miệt mài thực hiện suốt hơn 3 năm qua với nhiều thử thách cả về vật chất, kỹ thuật, lẫn tinh thần.

Nguyên Hà- Nhạc sĩ / Ký giả /TB Sống & Saigon Mới Magazine.

Viết về CD "Nhạc Thơ Tân Hình Thức" của **Hà Nguyên Du**

Như mới đây tôi đã viết như sau về tập thơ anh sắp xuất bản: Xin trích:

Và cứ như thế, tôi lại kinh ngạc, khi khám phá ra thêm một phương diện nào khác về Hà Nguyên Du. Thí dụ, khi biết rằng anh sáng tác nhạc, và các ca khúc lại rất mực xuất sắc…Và, xin trích:

Có một điều tôi biết chắc rằng, đối với Hà Nguyên Du, thơ là cơm hàng ngày để ăn, là nước hàng buổi để uống, và là khí trời trong từng khoảng khắc anh hít thở.

Thì nay, việc sáng tác nhạc của anh hòa nhập vào đời thơ làm thăng hoa cuộc sống khốn khó. Đây cũng là " khí trời trong từng khoảng khắc anh hít thở " .

Tôi chỉ là người nghe nhạc lâu năm, nên thẩm âm trở thành thói quen… Vì thế tôi dễ nhận ra hay dở của một ca khúc...

Về thơ Tân Hình Thức là loại thơ không vần điệu, với ngôn ngữ đời thường. Dù chỉ để đọc, nhưng Hà Nguyên Du khám phá ra tính nhạc của nó không kém, so với thơ truyền thống. Từ đó, cách đây 3 năm cho tới nay, anh vẫn là người đầu tiên phóng mình với nổ lực để hoàn thành sứ mệnh "phổ nhạc thơ Tân Hình Thức" Với tâm niệm: Một khi đã được sự ủng hộ nhiệt liệt chưa từng có, của quí anh em là những Nhà thơ trẻ ở hải ngoại cũng như trong nước… Thì dù khó khăn nào, anh cũng đi đến hoàn thành tốt đẹp, như hôm nay tôi có trong tay và đã nghe đi nghe lại nhiều lần. Tôi không ngại để nói lời khen như trích dẫn ở trên là "các ca khúc rất mực xuất sắc". Tôi nghĩ, khi quí vị nghe thì sẽ có đồng nhận định như tôi.

Bởi, thơ THT là loại thơ khó làm khó hay, mà phổ nhạc lại càng khó hơn gấp bội.

Tuy nhiên, Hà Nguyên Du vẫn không ngại, mà vẫn nổ lực như ngay từ đầu cùng mục đích với người khởi xướng phong trào là Nhà thơ Khế Iêm. Quyết cùng nhau đẩy mạnh một trào lưu lịch sử, thật mới mẻ, chưa từng có của thơ Việt là thơ Tân Hình Thức.

Và kỳ diệu thay, anh đã thành công, nổi bật nhất là anh " không sửa một chữ nào" Anh vẫn giữ nguyên bản gốc của các Nhà thơ, mà nhạc anh phổ, khi nghe qua vẫn hay như những ca khúc hiện hành… **Nguyên Giác Phan Tấn Hải**

NXB VĂN HỌC MỚI
TRÂN TRỌNG
GIỚI THIỆU SÁCH ĐÃ ẤN HÀNH VÀ
GIÁ SÁCH BÁN TRÊN CỬA HÀNG AMAZON

oOo

1. Lối Khác - Thơ Hà Nguyên Du
Giá $ 18.00
2. Anh Biết Em Yêu Dấu - Thơ Hà guyên Du
Giá $ 20.00
3. Gene Đại Dương - Thơ Hà Nguyên Du
Giá $12.00
4. Vầng Thơ Trên Đóa Quỳ Vàng - Thơ Hà Nguyên Du
Giá $20.00
5.,Văn Học Mới số 1
Giá $ 15.00
6. Văn Học Mới số 2
Giá $ 18.00
7. Văn Học Mới số 3
Bìa mềm giá $ 18.00 - Bìa cứng giá $ 35.00
8. Văn Học Mới số 4
Giá $ 18.00
9. Văn Học Mới số
Giá $ 20.00
10. Văn Học Mới số 6
Giá $ 20.00
11. Văn Học Mới số 7
Giá $ 20.00
12. Văn Học Mới số 8
Giá $ 20.00
13. Truyện thơ Thạch Sanh Lý Thông
- Nguyễn Văn Sâm
Giá $ 15.00
14. Thơ Quỳnh- Hoàng Xuân Sơn
Giá $ 18.00
15. Văn Chương Nobel - Scott Nguyen
Giá $ 18.00

16. Con Đường Tâm Linh - Tập 1
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá $ 23.00
17. Con Đường Tâm Linh - Tập 2
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá $ 23.00
18. Bóng Tre
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá $ 23.00
19. Chính Thân Này Là Phật
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá $ 17.00
20. Linh Hồn Cho Vũ Điệu
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá $ 28.00
21. Nhịp Đập Trong Nhau -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá $ 12.00_Bìa cứng $20. 32
22. Thổn Thức Nhau Từ Ấy -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá $ 12.00_Bìa cứng $22.00
23. Thương Nhớ Người Dưng-Thơ Phan Hạ Du
Giá $ 12.00
24. Dấu Mốc - Nguyễn Lương Ba
Bìa mềm giá $ 12. 00- Bìa cứng $ 25.00

25. Có Một Thời Ở Quê Hương Tôi - Phan Ni Tấn
Giá $ 18.00
26. Ngòi Viết Lang Thang- Phan Ni Tấn
Giá $ 30.00
27. Người Tôi Yêu- Phan Ni Tấn
Giá $ 20.00
28. Tuyển Tập Thơ Đức Phổ
Bìa mềm giá $ 20.00 - bìa cứng $ 40.00

29 . CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức Giá $10.00
30. KInh Hoa Vàng tập 2 - bìa mềm - giá $ 23.00
31. Khóc Với Mùa Thu - thơ toàn tập - bìa mềm giá $25.00
32. Thơ Toàn Tập 1 Hà Nguyên Du - bìa mềm $ 40.00 - cứng $65.00

VĂN HỌC MỚI
tạp chí

TRẢ LỜI THƯ TÍN

1/ Tòa soạn Văn Học Mới, xin chân thành cảm ơn quí thân hữu là Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Phê Bình, Biên khảo đã hết lòng ủng hộ..

Rất cảm ơn quí vị đã vì yêu mến VHNT nên không chút lo ngại khi nhiệt tình mua báo dài hạn.

Một niềm hạnh phúc nồng nàn đầy chất khích lệ là gia hạn sự ủng hộ cũng như tiếp tục đóng góp bài vở thường xuyên ... của quí tác giả, quí mạnh thường quân...

Tòa soạn VHM cũng không quên cảm ơn quí vị mua tạp chí của chúng tôi trên Amazon, kể cả mua trong những nhà sách ...

1/Niềm vui lớn nhất kỳ báo này (niềm vui suốt đời) là bản dịch ra Anh ngữ của Giáo sư Tiến sĩ Bạch Xuân Phẻ (bản dịch dược thân hữu của Gs, chuyên edited để người Mỹ hiểu văn bản) Bản dịch từ bài viết về thơ Hà Nguyên Du của nhà biên khảo Nguyễn Vy Khanh viết cho tập thơ "Anh Biết, Em Yêu Dấu - Ấn bản cách nay trên 21 năm)

2/Bìa phía sau kỳ này, Văn Học Mới rất vui khi nhận được một quảng cáo của cô Gina Tang , người chủ cơ sở Financial Doctor. Như vậy, sự bù lỗ cho tờ báo có phần khá hơn cho sự yên tâm trên con đường đi "chân cứng đá mềm" của VHNT...

3/ Cứ mỗi hai tháng trôi qua là tờ VHM phát hành. Đôi khi có cảm tưởng thời gian như dài đăng đẳng ... Cái cảm giác vui buồn khi chờ đợi bài vở. Cũng có lúc bất chợt niềm vui ngờ lại đến, làm cho cảm tưởng thời gian như nhanh hơn...Dù thế nào vẫn còn điểm tựa kiên cố nhất là thơ với nhạc ... khiến cho con tàu số phận có đảo diên với sóng gió bão bùng ... cuối cùng cũng vượt qua.!!

4/Một sự kiện cũng không ngờ xảy ra, mang đến bổn báo một niềm vui bất tận, một lạc quan rất thực vì mang đến lọi ích thật đúng "gu" (goût) là tôi may mắn được mở ra một "kênh" trên Youtube để đưa lên hết phần nhạc sáng tác của mình bị tồn động (như một khép kín, vì hoàn cảnh sinh kế...) Công dụng của kênh không chỉ đưa lên nhạc, mà còn mở ra nhiều sân chơi sang trọng, quí phái trong phạm trù văn hóa nghệ thuật ...Đó là thực hiên những phần như ngâm thơ, đọc truyện, cả việc phỏng vấn VNS nữa. Phần đầu tiên thực hiện cho số tới là tiếp nối phần đọc truyện (kế tiếp truyện đọc của NĐT Lam)

Thể lệ gởi bài về

VĂN HỌC MỚI
TẠP CHÍ

Gởi sáng tác, xin kèm theo địa chỉ, tên thật (có thể), số phone và email. Gởi đến Văn Học Mới, xin vui lòng đừng gởi báo khác. Nếu tác phẩm đã từng dùng hay phổ biến dưới dạng thức nào, quí vị nên cho bổn báo hay biết. Nhất là **không nhận đăng bài đã đăng trên Facebook hay bất cứ đâu và không nhận bài vở viết tay...**

Xin lưu ý: Tạp chí Văn Học Mới : "không có qui định trả tiền nhuận bút cho bất cứ tác giả nào cộng tác", vì không phải là báo kinh doanh. Vì vậy, những tác giả trong nước khi gởi bài cho VHM, xin nhớ để "không cần nhuận bút ...

Bài vở, đánh máy một mặt giấy. Xin dùng Microsoft Word với công cụ Uni Code hay Unikey là tốt nhất. Cần theo font chữ Arial hay Time New Roman. Bài không đăng không trả lại. Thời gian không đăng khoảng 2 số liên tiếp, quí vị có quyền gởi báo khác..

TẠP CHÍ VĂN HỌC MỚI:

PHÁT HÀNH 6 SỐ / NĂM

(Tức 2 tháng ra 1 sô)

Chấm dứt không nhận bài vào ngày 30 của tháng thứ nhất

Gởi bài vở cho Văn Học Mới, theo 2 Email :

1/ hanguyendu@gmail.com
2/ vanhocmoi68@gmail.com

Ngân phiếu / chi phiếu xin đề:

HA NGUYEN
10291 Arundel Ave

Westminster, CA 92683 - 5821- USA

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

MUA_____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / $120.00
HAI NĂM $220.00

MUA_____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US **$20.00** / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

MUA_____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / $120.00
HAI NĂM $220.00

MUA_____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US **$20.00** / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

MUA_____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / $120.00
HAI NĂM $220.00

MUA_____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US **$20.00** / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

MUA_____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / $120.00. HAI NĂM $ 220.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / $120.00
HAI NĂM $220.00

MUA_____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US **$20.00** / Cuốn

Chúng tôi NHẬN in ấn tác phẩm thuộc VHNT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI

Phát hành toàn cầu qua hệ thống Amazon.
Sẽ giao đến tận nhà quí vị. Trên
tinh thần ủng hộ quí Văn Nghệ Sĩ
và thân hữu trong giới sáng tác
Liên lạc Hà Nguyên Du

vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com

Hình bìa Tranh "Lotus #2" của Họa sĩ/Nhạc sĩ
HOÀNG KIM CHI
Trình bày Bìa & Nội dung: HÀ NGUYÊN DU

*

Copyright © 2021 by vanhocmoi magazine.
All rights reserved